

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 7157 /BTC-DNTN

Hà Nội, ngày 26 tháng 5 năm 2025

V/v thẩm định hồ sơ dự thảo
Nghị định về đăng ký doanh nghiệp

Kính gửi: Bộ Tư pháp.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) có Tờ trình số 8485/TTr-BKHĐT ngày 15/10/2024 trình Chính phủ dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp. Theo đó, tại văn bản số 224/TB-VPCP ngày 13/5/2025 của Văn phòng Chính phủ về thông báo kết luận cuộc họp về tiếp thu, giải trình ý kiến Thành viên Chính phủ đối với dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp, Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Chí Dũng đã chỉ đạo Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan chỉnh sửa, lấy ý kiến các bộ, cơ quan liên quan và thẩm định của Bộ Tư pháp; tổng hợp, hoàn thiện lại dự thảo Nghị định theo trình tự, thủ tục rút gọn, trình Chính phủ trước ngày 31/5/2025 để bảo đảm kịp thời ban hành và có hiệu lực cùng thời điểm với Luật Doanh nghiệp (sửa đổi) khi được Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa XV.

Thực hiện nhiệm vụ được giao nêu trên, Bộ Tài chính đã phối hợp với các cơ quan có liên quan hoàn thiện dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp. Để có cơ sở tổng hợp, báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định, căn cứ quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Bộ Tài chính gửi Quý Bộ hồ sơ dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp để Quý Bộ thực hiện thẩm định theo quy định. Hồ sơ bao gồm:

1. Tờ trình dự thảo Nghị định;
2. Dự thảo Nghị định;
3. Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo Nghị định.

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý Bộ. *ae*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ (*để phối hợp*);
- Lưu: VT, DNTN (ĐKKD) *viAb*

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG


Nguyễn Đức Tâm

DANH MỤC TÀI LIỆU

STT	Tên tài liệu	Ghi chú
1	Văn bản đề nghị thẩm định	
2	Dự thảo Tờ trình	
3	Dự thảo Nghị định (kèm Phụ lục)	
4	Bản so sánh, thuyết minh	

Số: 234 /TTr-BTC

Hà Nội, ngày 26 tháng 5 năm 2025

TỜ TRÌNH**Hoàn thiện Dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp***(xin ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp)*

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và chỉ đạo của Phó Thủ tướng Nguyễn Chí Dũng tại Thông báo số 224/TB-VPCP ngày 13/5/2025 của Văn phòng Chính phủ, tiếp theo Tờ trình số 8485/TTr-BKHĐT ngày 15/10/2024, Bộ Tài chính kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp (dự thảo Nghị định) được hoàn thiện lại như sau:

I. CƠ SỞ CHÍNH TRỊ VÀ PHÁP LÝ

Từ khi Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) trình Chính phủ dự thảo Nghị định, Đảng, Chính phủ đã có chủ trương, chính sách mới liên quan tới một số nội dung của dự thảo Nghị định, cụ thể là:

1. Cơ sở chính trị

Ngày 04/5/2025, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân. Tại Nghị quyết này, về đổi mới tư duy xây dựng pháp luật, Bộ Chính trị yêu cầu: giảm thiểu sự can thiệp và xoá bỏ các rào cản hành chính, cơ chế “xin-cho”, tư duy “không quản được thì cấm”¹. Đồng thời, Bộ Chính trị cũng chỉ đạo thực hiện: Minh bạch hoá, số hoá, thông minh hoá, tự động hoá, áp dụng triệt để trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn trong thực hiện các quy trình, thủ tục hành chính, nhất là về gia nhập, rút lui khỏi thị trường².

Tại Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã chỉ đạo: “Kết thúc hoạt động của đơn vị hành chính cấp huyện hiện nay kể từ ngày 01/7/2025 sau khi Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi) và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 (sửa đổi) có hiệu lực thi hành”.

2. Cơ sở pháp lý

Ngày ... Quốc hội đã thông qua Luật Doanh nghiệp (sửa đổi), có hiệu lực từ ngày 01/7/2025. Luật Doanh nghiệp (sửa đổi) bổ sung quy định doanh nghiệp phải

¹ Mục III 2.1 dòng 17 trang 4² Mục III 2.1 dòng 25 trang 4

kê khai thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi khi thành lập và phải thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh khi có sự thay đổi.

Ngày ... Quốc hội đã thông qua Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi). Theo đó, chính quyền địa phương được tổ chức gồm 2 cấp hành chính, cấp tỉnh và cấp xã.

Ngày 26/3/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 66/NQ-CP về chương trình cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026. Tại Nghị quyết này, Chính phủ đã đặt mục tiêu thực hiện trong năm 2025: cắt giảm ít nhất 30% chi phí tuân thủ thủ tục hành chính³; và: 100% thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh⁴.

Ngày 16/5/2025, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 138/NQ-CP ban hành kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân. Tại Nghị quyết này, Chính phủ đã đề ra nhiệm vụ: Hoàn thiện khung khổ pháp lý về kinh doanh cá thể⁵.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Do có các cơ sở chính trị và pháp lý mới, mục đích ban hành và quan điểm xây dựng dự thảo Nghị định được cập nhật như sau:

1. Mục đích ban hành Nghị định

Thứ nhất, thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Chính phủ và pháp luật về phát triển kinh tế tư nhân, tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp

Thứ hai, hướng dẫn, quy định chi tiết, đầy đủ các nội dung về đăng ký doanh nghiệp tại Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác;

Thứ ba, thực hiện nhiệm vụ tại Quyết định số 06 và Nghị quyết số 136/NQ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Thứ tư, tiếp tục cải cách thêm một bước thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết

³ Điểm a Mục II.1

⁴ Điểm c Mục II.1

⁵ Mục 11 Danh mục các nhiệm vụ triển khai kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân

số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025, giải quyết vướng mắc phát sinh trong quá trình thi hành Nghị định số 01/2021/NĐ-CP;

Thứ năm, nâng cao hiệu quả công tác hậu kiểm và đánh giá tình hình hoạt động của doanh nghiệp sau đăng ký thành lập thông qua việc kết nối, chia sẻ thông tin dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương;

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị định

Thứ nhất, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và thống nhất của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự và thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; bảo đảm tính khả thi, dễ thực hiện của văn bản quy phạm pháp luật;

Thứ hai, bám sát nội dung của Luật Doanh nghiệp, kế thừa những quy định của Nghị định số 01/2021/NĐ-CP đang thực hiện ổn định, không có vướng mắc và phù hợp với Luật;

Thứ ba, tiếp tục cải cách thủ tục hành chính bằng việc ứng dụng công nghệ thông tin hơn nữa, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan quản lý nhà nước đồng thời chú trọng, nâng cao công tác hậu kiểm; tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho doanh nghiệp khi gia nhập thị trường, hoạt động và rút khỏi thị trường, song song với đảm bảo công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực đăng ký doanh nghiệp;

Thứ tư, tôn trọng quyền tự chủ của doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh và quản lý doanh nghiệp; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông, thành viên.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị định không thay đổi so với bản trình kèm theo Tờ trình số 8485/TTr-BKHĐT, cụ thể là:

1. Phạm vi điều chỉnh

Phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định là hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp; việc liên thông thủ tục đăng ký doanh nghiệp; cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp, chia sẻ thông tin doanh nghiệp; cơ quan đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp và quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp.

2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị định bao gồm: (i) Tổ chức, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật Việt Nam; (ii) Cơ quan đăng ký kinh doanh; (iii) Cơ quan quản

lý nhà nước về đăng ký kinh doanh; (iv) Cơ quan được giao thẩm quyền quản lý nhà nước về lao động theo quy định tại Bộ luật Lao động; (v) Cơ quan bảo hiểm xã hội theo quy định tại Luật Bảo hiểm xã hội; (vi) Cơ quan quản lý thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế; (vii) Tổ chức, cá nhân khác liên quan đến việc đăng ký doanh nghiệp.

IV. QUÁ TRÌNH HOÀN THIỆN DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Tại Thông báo số 224/TB-VPCP ngày 13/5/2025, Phó Thủ tướng Nguyễn Chí Dũng đã cho phép hoàn thiện dự thảo Nghị định theo quy trình rút gọn. Bộ Tài Chính đã thực hiện hoàn thiện dự thảo Nghị định theo quy định về xây dựng nghị định của Chính phủ theo trình tự rút gọn quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, cụ thể là:

- Hoàn thiện dự thảo Nghị định theo chỉ đạo của Phó Thủ tướng.
- Lấy ý kiến các Bộ, cơ quan liên quan.
- Gửi hồ sơ đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định.
- Tiếp thu ý kiến thẩm định để hoàn thiện dự thảo Nghị định.
- Xây dựng Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định.

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG MỚI CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Bố cục

Dự thảo Nghị định bao gồm 09 chương với 124 điều và 03 Phụ lục, cụ thể như sau:

- Chương I. Quy định chung (18 điều);
- Chương II. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan đăng ký kinh doanh và trách nhiệm các cơ quan quản lý nhà nước trong đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh (04 điều);
- Chương III. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (12 điều);
- Chương IV. Đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử (03 điều);
- Chương V. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký thay đổi, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (20 điều);
- Chương VI. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thông báo tạm ngừng kinh doanh, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giải thể doanh nghiệp, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (13 điều);

- Chương VII. Công bố, cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp, liên thông, kết nối và chia sẻ thông tin (10 điều);
- Chương VIII. Hộ kinh doanh và đăng ký hộ kinh doanh (37 điều);
- Chương IX. Điều khoản thi hành (7 điều);
- Phụ lục I. Biểu mẫu sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp (79 mẫu);
- Phụ lục II. Biểu mẫu sử dụng trong đăng ký hộ kinh doanh (31 mẫu);
- Phụ lục III. Danh mục chữ cái và ký hiệu sử dụng trong đặt tên doanh nghiệp/hộ kinh doanh/đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp/hộ kinh doanh.

2. Một số nội dung bổ sung mới so với dự thảo Nghị định kèm theo Tờ trình 8485/TTr-BKHĐT

2.1. Bổ sung Chương VIII quy định về hộ kinh doanh và đăng ký hộ kinh doanh

Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) đã có Tờ trình số 11111/TTr-BKHĐT ngày 29/12/2023 trình Chính phủ dự thảo Nghị định về hộ kinh doanh. Tuy nhiên, thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, Chính phủ dự kiến sẽ xây dựng Luật kinh doanh cá thể trình Quốc hội tại kỳ họp thứ 10 trong đó có đối tượng là hộ kinh doanh. Do đó, ngày ... Bộ Tài chính đã có văn bản báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép dừng việc xây dựng Nghị định về hộ kinh doanh để xây dựng nghị định hướng dẫn Luật kinh doanh cá thể. Để đảm bảo duy trì cơ sở pháp lý về hộ kinh doanh và đăng ký hộ kinh doanh, cần thiết phải giữ lại các quy định tại Chương VIII Nghị định số 01/2021/NĐ-CP và dự thảo Nghị định về hộ kinh doanh đã trình Chính phủ (đã thực hiện đến bước tiếp thu ý kiến thành viên Chính phủ).

2.2. Bổ sung quy định về chủ sở hữu hưởng lợi

Thực hiện quy định của Luật Doanh nghiệp (sửa đổi), dự thảo Nghị định đã bổ sung việc kê khai thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi ở các mẫu liên quan đến thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp, đồng thời bổ sung thêm 01 Điều về thông báo thay đổi chủ sở hữu hưởng lợi.

2.3. Sửa đổi quy định về tổ chức cơ quan đăng ký kinh doanh giải quyết thủ tục đăng ký hộ kinh doanh

Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi) dự kiến có hiệu lực từ 01/7/2025 sẽ quy định chính quyền địa phương có 2 cấp hành chính là cấp tỉnh và cấp xã, không còn cấp huyện. Do đó, dự thảo Nghị định đã sửa đổi tổ chức cơ quan đăng ký kinh doanh đối với hộ kinh doanh từ “Phòng Tài chính-Kế hoạch thuộc UBND cấp huyện” thành “cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính thuộc UBND cấp xã”. Công tác đăng ký kinh doanh có tính nghiệp vụ chuyên môn, phù

hợp với nhiệm vụ của cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính. Đồng thời, việc giao UBND cấp xã quyết định cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính trực thuộc là cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã cũng tăng quyền chủ động cho UBND cấp xã trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

2.4. Sửa đổi nhiệm vụ của các bộ, cơ quan ngang bộ trong quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã

Ngày 18/02/2025, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 176/2025/QH15 về cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khoá XV. Theo đó, cơ cấu tổ chức của Chính phủ gồm 14 bộ và 03 cơ quan ngang bộ, không còn Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Ngày 24/02/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 29/2025/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính. Theo đó, các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về đăng ký kinh doanh được chuyển sang cho Bộ Tài chính thực hiện. Do đó, dự thảo Nghị sửa các nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong quản lý đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã sang Bộ Tài chính thực hiện.

2.5. Sửa đổi nhiệm vụ quản lý nhà nước của cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh

Theo quy định hiện hành, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Kế hoạch và Đầu tư trước đây được chuyển giao cho Sở Tài chính thực hiện, trong đó có nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh. Do đó, dự thảo Nghị định sửa đổi, quy định Sở Tài chính thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn trước đây giao cho Sở Kế hoạch và Đầu tư.

2.5. Sửa đổi nhiệm vụ tiếp nhận, số hoá và trả kết quả thủ tục đăng ký hộ kinh doanh

Theo chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 về thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh, dự thảo Nghị định sửa nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ, số hoá hồ sơ và trả kết quả thủ tục đăng ký hộ kinh doanh do các cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã trên địa bàn tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện.

2.6. Đăng ký hộ kinh doanh qua mạng thông tin điện tử

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 và chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025, dự thảo Nghị định bổ sung quy định về đăng ký hộ kinh doanh qua mạng thông tin điện tử.

3. Một số nội dung đã lược bỏ so với dự thảo Nghị định kèm theo Tờ trình 8485/TTr-BKHĐT

Qua quá trình nghiên cứu, tiếp thu thêm ý kiến của tổ chức, cá nhân, Bộ Tài chính đề xuất sửa đổi một số nội dung đã được quy định tại dự thảo Nghị định kèm theo Tờ trình 8495/TTr-BKHĐT bao gồm:

3.1 Bổ quy định tại khoản 5 Điều 26 dự thảo Nghị định:

Khoản 5 Điều 26 dự thảo Nghị định quy định về việc công ty chứng khoán đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trước thời điểm Luật Chứng khoán năm 2006 có hiệu lực thi hành vẫn tiếp tục được sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này và phải thực hiện cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp. Việc bổ sung quy định nêu trên tại Nghị định về đăng ký doanh nghiệp là chưa phù hợp vì Luật Chứng khoán năm 2006 đã quy định Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và công ty đầu tư chứng khoán. Giấy phép này đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Luật Chứng khoán không có quy định chuyển tiếp đối với các công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trước thời điểm Luật Chứng khoán năm 2006 có hiệu lực thi hành nên việc bổ sung quy định áp dụng cho đối tượng này cần phải được xem xét trong quá trình sửa đổi, bổ sung Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành. Về nội dung này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) đã có Văn bản gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đề nghị nghiên cứu, đề xuất trong quá trình hoàn thiện khung khổ pháp luật về chứng khoán.

Tại Phiếu ghi ý kiến Thành viên Chính phủ ngày 19/12/2024, Bộ trưởng Bộ Tài chính Nguyễn Văn Thắng có đề nghị bổ sung quy định về việc xử lý đối với các công ty chứng khoán chưa thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp sau thời hạn 02 năm kể từ ngày Luật Chứng khoán có hiệu lực thi hành. Liên quan đến vấn đề này, khoản 2 Điều 135 Luật Chứng khoán năm 2020 quy định như sau: “Trong thời hạn 02 năm kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam đã được cấp giấy phép trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành mà đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều này thì thực hiện đăng ký doanh nghiệp, đăng ký kinh doanh theo quy định tại Điều 71 của Luật này; không phải thực hiện thủ tục cấp đổi Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán, trừ trường hợp có yêu cầu. Sau 02 năm kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt

Nam đã được cấp giấy phép trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều này, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thực hiện đình chỉ hoạt động, thu hồi giấy phép theo quy định của Luật này”.

Khoản 3 Điều 30 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP đã có quy định cụ thể về trình tự, thủ tục Cơ quan đăng ký kinh doanh thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh sau khi nhận được thông báo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán nước ngoài và chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam. Do vậy, việc bổ sung quy định về việc xử lý đối với các công ty chứng khoán chưa thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp sau thời hạn 02 năm kể từ ngày Luật Chứng khoán có hiệu lực thi hành vào Nghị định này là không cần thiết.

3.2. Bổ quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục liên quan đến địa điểm kinh doanh của hộ kinh doanh, trừ thông báo lập địa điểm kinh doanh

Trên cơ sở đề xuất của Tổng cục Thuế - Bộ Tài chính (nay là Cục Thuế), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) đã bổ sung một số quy định liên quan đến việc đăng ký/thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh, tạm ngừng hoạt động, thu hồi, chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh của hộ kinh doanh với lý do đây là đối tượng cũng cần được quản lý và có thông tin đầy đủ để phục vụ nhu cầu quản lý nhà nước. Tuy nhiên, việc bổ sung các quy định nêu trên làm tăng chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho hộ kinh doanh, chưa phù hợp với chủ trương cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho người dân và hộ kinh doanh. Do vậy, Bộ Tài chính đề xuất loại bỏ các quy định về thủ tục hành chính đối với địa điểm kinh doanh của hộ kinh doanh như đã nêu trên, trừ thông báo lập địa điểm kinh doanh của hộ kinh doanh (giữ nguyên quy định hiện hành).

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Điều kiện về cơ sở pháp lý

Một trong những mục đích ban hành dự thảo Nghị định là hướng dẫn thi hành Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi) liên quan đến việc sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 và Luật Doanh nghiệp (sửa đổi). Tại thời điểm xây dựng dự thảo Nghị định, 2 Luật trên đang trong quá trình xây dựng, chưa được Quốc hội thông qua. Do vậy, việc thi hành Nghị định chỉ được đảm bảo thực hiện khi một trong những căn cứ quan trọng để xây dựng dự thảo Nghị định này là Luật Tổ chức chính quyền địa phương

(sửa đổi) và Luật Doanh nghiệp sửa đổi được Quốc hội thông qua và có hiệu lực thi hành.

2. Về các điều kiện triển khai thực hiện công tác đăng ký kinh doanh

2.1. Về tài khoản và con dấu của Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã

Theo quy định pháp luật hiện hành về đăng ký kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh có tài khoản và con dấu riêng. Do vậy, cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính thuộc UBND cấp xã (*Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã*) theo quy định tại dự thảo Nghị định này cũng cần phải đáp ứng điều kiện về tài khoản và con dấu để đảm bảo việc thực hiện nhiệm vụ giải quyết thủ tục hành chính về đăng ký kinh doanh cho hộ kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Do vậy, dự thảo Nghị định đã bổ sung quy định: “Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã được sử dụng con dấu và tài khoản của Ủy ban nhân dân cấp xã để thực hiện nhiệm vụ đăng ký hộ kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã”.

2.2. Về nguồn nhân lực thực hiện công tác đăng ký kinh doanh

Dự thảo Nghị định đã quy định về việc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm bố trí đủ nhân lực, kinh phí các điều kiện cần thiết khác bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Nghị định này. Quy định này giúp đảm bảo nguồn nhân lực để triển khai thi hành Nghị định, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành về tổ chức bộ máy và biên chế và chủ trương của Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về việc tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

2.3. Về hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin và việc tuyên truyền, đào tạo, hướng dẫn áp dụng công nghệ thông tin trong đăng ký kinh doanh

Hiện nay, việc thực hiện đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh được thực hiện thông qua Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh. Nhằm đáp ứng duy trì thực hiện thủ tục đăng ký kinh doanh trên Hệ thống theo các quy định pháp lý hiện hành và các quy định điều chỉnh tại dự thảo Nghị định này, Bộ Tài chính sẽ thực hiện sửa đổi, nâng cấp Hệ thống theo kịp tiến độ có hiệu lực thi hành của dự thảo Nghị định này và các văn bản quy phạm pháp lý có liên quan.

Song song với việc thực hiện sửa đổi, nâng cấp Hệ thống, Bộ Tài chính sẽ tăng cường thực hiện việc tuyên truyền, tổ chức đào tạo, hướng dẫn sử dụng Hệ thống cho cán bộ đăng ký kinh doanh mới và các đối tượng liên quan khác.

VII. VỀ VIỆC TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN BỘ, NGÀNH VÀ Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP

Ngày ..., Bộ Tài chính đã có Công văn số ... gửi các bộ, cơ quan liên quan. Đến nay, Bộ Tài chính đã nhận được ý kiến của... Tổng số ý kiến của các bộ, cơ quan là ... **ý kiến**. Bộ Tài chính tiếp thu ... **ý kiến** để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Nghị định và Tờ trình, giải trình ... **ý kiến** (trình kèm *Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các bộ, cơ quan liên quan*).

Ngày ..., Bộ Tài chính nhận được Báo cáo thẩm định số .../BCTĐ-BTP ngày của Bộ Tư pháp về việc thẩm định dự thảo Nghị định của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp. Tại Báo cáo thẩm định số .../BCTĐ-BTP, Bộ Tư pháp có ... **ý kiến**. Bộ Tài chính tiếp thu ... **ý kiến** để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Nghị định và Tờ trình, giải trình ... **ý kiến** (trình kèm *Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp*).

VIII. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN XIN Ý KIẾN

...

Trên đây là Tờ trình về việc hoàn thiện dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp, tiếp theo Tờ trình số 8485/TTr-BKHĐT. Bộ Tài chính xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./

(Xin gửi kèm theo: (1) Tờ trình dự thảo Nghị định; (2) Dự thảo Nghị định; (3) Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp; (4) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp; (5) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan, tổ chức; (6) Bản chụp văn bản tham gia ý kiến của các cơ quan, tổ chức).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó Thủ tướng Nguyễn Chí Dũng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, DNTN (6b)

KT. BỘ TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG



Nguyễn Đức Tâm

Số: /2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ ĐỊNH
Về đăng ký doanh nghiệp

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi) ngày ... tháng ... năm 2025;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp ngày... tháng ... năm 2025;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm ngày 16 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Luật Căn cước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 22 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Bộ luật Lao động ngày 20 tháng 11 năm 2019;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định về đăng ký doanh nghiệp.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp; quy định về đăng ký và hoạt động của hộ kinh doanh; quy định việc liên thông thủ tục đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh; cung cấp, khai thác và

chia sẻ thông tin đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh; quy định về cơ quan đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh và quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Doanh nghiệp.
2. Hộ kinh doanh.
3. Cơ quan đăng ký kinh doanh.
4. Cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh.
5. Cơ quan được giao thẩm quyền quản lý nhà nước về lao động theo quy định của Bộ luật Lao động.
6. Cơ quan bảo hiểm xã hội theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội.
7. Cơ quan quản lý thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế.
8. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác liên quan đến việc đăng ký doanh nghiệp, đăng ký và hoạt động của hộ kinh doanh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Đăng ký doanh nghiệp là việc đăng ký nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế của doanh nghiệp dự kiến thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hoạt động và đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp, các nghĩa vụ đăng ký, thông báo khác và các nghiệp vụ có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Nghị định này.
2. Đăng ký hộ kinh doanh là việc người thành lập hộ kinh doanh đăng ký nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế của hộ kinh doanh dự kiến thành lập, thông báo thành lập địa điểm kinh doanh, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh và các nghĩa vụ đăng ký khác theo quy định của Nghị định này.
3. Chủ hộ kinh doanh là cá nhân đăng ký thành lập hộ kinh doanh, người được các thành viên hộ gia đình ủy quyền làm người đại diện hộ kinh doanh.
4. Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp quy định tại khoản 19 Điều 4 Luật Doanh nghiệp là hệ thống thông tin nghiệp vụ chuyên môn về đăng ký doanh nghiệp do Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng và vận hành để gửi, nhận, lưu trữ, hiển thị hoặc thực hiện các nghiệp vụ khác đối với dữ liệu để phục vụ công tác đăng ký doanh nghiệp.

5. Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh là một cấu phần của Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp do Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng, vận hành để gửi, nhận, lưu trữ, hiển thị hoặc thực hiện các nghiệp vụ khác đối với dữ liệu hộ kinh doanh nhằm phục vụ công tác đăng ký hộ kinh doanh.

6. Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp là tập hợp dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp trên phạm vi toàn quốc. Thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và tình trạng pháp lý của doanh nghiệp lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp có giá trị pháp lý là thông tin gốc về đăng ký doanh nghiệp.

7. Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh là một thành phần của Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, bao gồm tập hợp dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh trên phạm vi toàn quốc. Thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh và tình trạng pháp lý của hộ kinh doanh lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh có giá trị pháp lý là thông tin gốc về đăng ký hộ kinh doanh.

8. Hồ sơ hợp lệ là hồ sơ có đầy đủ giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ và thống nhất theo quy định của Nghị định này.

9. Bản sao là giấy tờ được sao từ sổ gốc hoặc được chứng thực từ bản chính bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc đã được Cơ quan đăng ký kinh doanh đối chiếu với bản chính.

10. Văn bản điện tử là văn bản dưới dạng thông điệp dữ liệu được tạo lập hoặc được số hóa từ văn bản giấy và thể hiện chính xác, toàn vẹn nội dung, thể thức của văn bản giấy. Văn bản điện tử định dạng Portable Document Format “.pdf”. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ theo quy định. Cá nhân ký tên trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh có thể sử dụng chữ ký số để ký trực tiếp trên văn bản điện tử hoặc ký trực tiếp trên văn bản giấy và quét (scan) văn bản giấy theo chế độ ảnh màu.

11. Người nộp hồ sơ là người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp hoặc người được người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp quy định tại Điều 12 Nghị định này.

12. Giấy tờ chứng minh việc hoàn tất chuyển nhượng bao gồm một trong các giấy tờ sau:

- a) Bản sao hoặc bản sao trích lục sổ đăng ký thành viên hoặc sổ đăng ký cổ đông;
- b) Bản sao hoặc bản chính biên bản thanh lý hợp đồng chuyển nhượng;

- c) Giấy xác nhận của ngân hàng về việc đã hoàn tất việc thanh toán;
- d) Giấy tờ khác có giá trị chứng minh đã hoàn tất việc chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp theo quy định của pháp luật.

13. Giấy tờ chứng minh việc góp vốn bao gồm một trong các giấy tờ sau:

- a) Bản sao hoặc bản sao trích lục sổ đăng ký thành viên hoặc sổ đăng ký cổ đông;
- b) Bản sao giấy chứng nhận phần vốn góp;
- c) Giấy xác nhận của ngân hàng về việc chuyển tiền vào tài khoản của doanh nghiệp;
- d) Giấy tờ khác có giá trị chứng minh đã hoàn tất việc góp vốn theo quy định của pháp luật.

14. Giấy tờ chứng minh năng lực tài chính bao gồm một trong các giấy tờ sau:

- a) Báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của bên nhận chuyển nhượng;
- b) Cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ;
- c) Cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính;
- d) Bảo lãnh về năng lực tài chính của bên nhận chuyển nhượng;
- đ) Giấy tờ khác chứng minh năng lực tài chính của bên nhận chuyển nhượng.

15. Thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh là việc hộ kinh doanh có thể được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục đăng ký hộ kinh doanh không phụ thuộc vào đơn vị hành chính cấp xã nơi hộ kinh doanh đặt trụ sở.

16. Xác thực điện tử là hoạt động xác thực danh tính đối với người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh được thực hiện thông qua hệ thống định danh và xác thực điện tử, nền tảng định danh và xác thực điện tử bằng một trong các phương tiện sau: mật khẩu sử dụng một lần, phương tiện sinh trắc học, số điện thoại chính chủ hoặc phương tiện khác được sử dụng cho mục đích xác thực điện tử.

Điều 4. Nguyên tắc áp dụng giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp

1. Người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp tự kê khai hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp,

trung thực và chính xác của các thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và các báo cáo.

2. Trường hợp công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần có nhiều hơn một người đại diện theo pháp luật thì người đại diện theo pháp luật thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp phải bảo đảm và chịu trách nhiệm về việc thực hiện đúng quyền hạn, nghĩa vụ của mình theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Luật Doanh nghiệp.

3. Cơ quan đăng ký kinh doanh chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, không chịu trách nhiệm về những vi phạm pháp luật của doanh nghiệp và người thành lập doanh nghiệp.

4. Cơ quan đăng ký kinh doanh không giải quyết tranh chấp giữa các thành viên, cổ đông của công ty với nhau hoặc với tổ chức, cá nhân khác hoặc giữa doanh nghiệp với tổ chức, cá nhân khác.

5. Doanh nghiệp không bắt buộc phải đóng dấu trong văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp, biên bản họp, nghị quyết hoặc quyết định trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Việc đóng dấu đối với các tài liệu khác trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

6. Doanh nghiệp có thể đồng thời thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, thông báo cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp, hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp trong một bộ hồ sơ.

Điều 5. Quyền thành lập doanh nghiệp và nghĩa vụ đăng ký doanh nghiệp

1. Thành lập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật là quyền của cá nhân, tổ chức và được Nhà nước bảo hộ.

2. Người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp có nghĩa vụ thực hiện đầy đủ, kịp thời nghĩa vụ về đăng ký doanh nghiệp, công khai thông tin về thành lập và hoạt động của doanh nghiệp theo quy định của Nghị định này và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

3. Nghiêm cấm Cơ quan đăng ký kinh doanh và các cơ quan khác gây phiền hà đối với tổ chức, cá nhân trong khi tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp.

Điều 6. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh được cấp cho doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh được ghi trên cơ sở thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký thuế của doanh nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện là Giấy chứng nhận đăng ký thuế của chi nhánh, văn phòng đại diện. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện không phải là giấy phép kinh doanh.

Điều 7. Ghi ngành, nghề kinh doanh

1. Khi đăng ký thành lập doanh nghiệp, khi thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh hoặc khi đề nghị cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp lựa chọn ngành kinh tế cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam để ghi ngành, nghề kinh doanh trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Cơ quan đăng ký kinh doanh hướng dẫn, đối chiếu và ghi nhận ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

2. Nội dung cụ thể của ngành kinh tế cấp bốn quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

3. Đối với những ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì ngành, nghề kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó.

4. Đối với những ngành, nghề kinh doanh không có trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam nhưng được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì ngành, nghề kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó.

5. Đối với những ngành, nghề kinh doanh không có trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam và chưa được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật

khác thì Cơ quan đăng ký kinh doanh xem xét ghi nhận bổ sung ngành, nghề kinh doanh này cho doanh nghiệp nếu không thuộc ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh, đồng thời thông báo cho Bộ Tài chính để bổ sung ngành, nghề kinh doanh mới.

6. Trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu ghi ngành, nghề kinh doanh chi tiết hơn ngành kinh tế cấp bốn thì doanh nghiệp lựa chọn một ngành kinh tế cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam, sau đó ghi chi tiết ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp dưới ngành cấp bốn nhưng phải đảm bảo ngành, nghề kinh doanh chi tiết của doanh nghiệp phù hợp với ngành cấp bốn đã chọn. Trong trường hợp này, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp là ngành, nghề kinh doanh chi tiết doanh nghiệp đã ghi.

7. Việc ghi ngành, nghề kinh doanh quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều này, trong đó, ngành, nghề kinh doanh chi tiết được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành.

8. Việc quản lý nhà nước đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài thuộc thẩm quyền của cơ quan chuyên ngành theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 8. Mã số doanh nghiệp, mã số đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, mã số địa điểm kinh doanh

1. Mỗi doanh nghiệp được cấp một mã số duy nhất gọi là mã số doanh nghiệp. Mã số này đồng thời là mã số thuế của doanh nghiệp.

2. Mã số doanh nghiệp tồn tại trong suốt quá trình hoạt động của doanh nghiệp và không được cấp lại cho tổ chức, cá nhân khác. Khi doanh nghiệp chấm dứt hoạt động thì mã số doanh nghiệp chấm dứt hiệu lực.

3. Mã số doanh nghiệp được tạo, gửi, nhận tự động bởi Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế và được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

4. Cơ quan quản lý nhà nước thống nhất sử dụng mã số doanh nghiệp để thực hiện công tác quản lý nhà nước và trao đổi thông tin về doanh nghiệp.

5. Mã số đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp được cấp cho chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp. Mã số này đồng thời là mã số thuế của chi nhánh, văn phòng đại diện.

6. Mã số địa điểm kinh doanh là mã số gồm 5 chữ số được cấp theo số thứ tự từ 00001 đến 99999. Mã số này không phải là mã số thuế của địa điểm kinh doanh.

7. Trường hợp doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện bị chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế thì doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện không được sử dụng mã số thuế trong các giao dịch kinh tế kể từ ngày Cơ quan thuế thông báo công khai về việc chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

8. Đối với chi nhánh, văn phòng đại diện đã thành lập trước ngày 01 tháng 11 năm 2015 nhưng chưa được cấp mã số đơn vị phụ thuộc, doanh nghiệp liên hệ trực tiếp với Cơ quan thuế để được cấp mã số, sau đó thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện tại Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh theo quy định.

9. Đối với doanh nghiệp đã được thành lập và hoạt động theo Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, mã số doanh nghiệp là mã số thuế do Cơ quan thuế đã cấp cho doanh nghiệp.

10. Mã số doanh nghiệp, mã số đơn vị phụ thuộc được sử dụng làm mã số đơn vị tham gia bảo hiểm xã hội.

Điều 9. Số lượng hồ sơ đăng ký doanh nghiệp

1. Người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp.

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh không được yêu cầu người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp nộp nhiều hơn 01 bộ hồ sơ hoặc giấy tờ khác ngoài các giấy tờ trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Nghị định này.

Điều 10. Ngôn ngữ sử dụng trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp

1. Các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp được lập bằng tiếng Việt.

2. Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp có tài liệu bằng tiếng nước ngoài thì hồ sơ phải có bản dịch tiếng Việt công chứng kèm theo tài liệu bằng tiếng nước ngoài.

3. Trường hợp giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung tiếng Việt được sử dụng để thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp.

Điều 11. kê khai thông tin cá nhân trong thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp

1. Trường hợp đã có số định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, số định danh cá nhân, giới tính của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và đồng ý chia sẻ thông tin cá nhân được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cho Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh để phục vụ công tác quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp theo quy định. Các thông tin kê khai được đối chiếu với các thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai không thống nhất so với thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm cập nhật, điều chỉnh thông tin để đảm bảo chính xác, thống nhất.

2. Trường hợp nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy, người nộp hồ sơ xuất trình thẻ căn cước hoặc căn cước công dân hoặc sử dụng căn cước điện tử theo quy định pháp luật để thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp người nộp hồ sơ không có số định danh cá nhân thì kèm theo hồ sơ phải có bản sao hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của cá nhân đó theo quy định.

3. Trường hợp không có số định danh cá nhân thì hồ sơ đăng ký doanh nghiệp có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân của chủ sở hữu, thành viên, cổ đông, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, người đại diện theo ủy quyền của thành viên, cổ đông là tổ chức, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh phải kèm theo bản sao hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của cá nhân đó theo quy định.

4. Trường hợp việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải kèm theo bản sao thẻ căn cước hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của người nộp hồ sơ, chủ sở hữu, thành viên, cổ đông, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, người đại diện theo ủy quyền của thành viên, cổ đông là tổ chức, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh theo quy định.

5. Các thông tin cá nhân được Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

a) Họ, chữ đệm và tên;

b) Ngày, tháng, năm sinh;

c) Số định danh cá nhân;

d) Giới tính;

đ) Dân tộc;

e) Quốc tịch;

g) Nơi thường trú;

h) Nơi ở hiện tại;

i) Các thông tin khác để phục vụ công tác quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp.

6. Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh có quyền khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp, lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu theo quy định của pháp luật, bảo đảm an toàn, bảo mật và được sao lưu dự phòng bảo đảm tính đầy đủ, toàn vẹn của hồ sơ cho phép truy cập, sử dụng khi cần thiết hoặc để phục vụ công tác kiểm tra, đối chiếu, tra soát, giải quyết khiếu nại và cung cấp thông tin khi có yêu cầu từ cơ quan, tổ chức theo quy định.

Điều 12. Ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp

Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định sau đây:

1. Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.

2. Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có bản sao hợp đồng ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu hoặc văn bản phân công nhiệm vụ của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp.

3. Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp.

4. Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.

5. Người ủy quyền và người được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác của việc ủy quyền.

Điều 13. Cấp đăng ký doanh nghiệp theo quy trình dự phòng

1. Cấp đăng ký doanh nghiệp theo quy trình dự phòng là việc cấp đăng ký doanh nghiệp không thực hiện thông qua Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Việc cấp đăng ký doanh nghiệp theo quy trình dự phòng được áp dụng khi xảy ra một hoặc một số trường hợp sau đây:

- a) Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp đang trong quá trình xây dựng, nâng cấp;
- b) Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp gặp sự cố kỹ thuật;
- c) Các trường hợp bất khả kháng khác.

2. Căn cứ vào kế hoạch xây dựng, nâng cấp Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, thời gian dự kiến khắc phục sự cố quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này, Bộ Tài chính thông báo trước cho Cơ quan đăng ký kinh doanh để thực hiện việc cấp đăng ký doanh nghiệp theo quy trình dự phòng.

3. Việc phối hợp giải quyết thủ tục cấp đăng ký doanh nghiệp theo quy trình dự phòng giữa Cơ quan đăng ký kinh doanh và Cơ quan thuế thực hiện theo quy trình luân chuyển hồ sơ bằng bản giấy hoặc hình thức khác.

4. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc việc cấp đăng ký doanh nghiệp theo quy trình dự phòng, Cơ quan đăng ký kinh doanh phải cập nhật dữ liệu, thông tin mới đã cấp cho doanh nghiệp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Điều 14. Đăng ký tên doanh nghiệp

1. Người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp không được đăng ký tên doanh nghiệp trùng hoặc gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp khác đã đăng ký trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trên phạm vi toàn quốc, trừ những doanh nghiệp đã giải thể hoặc đã có quyết định có hiệu lực của Tòa án tuyên bố doanh nghiệp bị phá sản.

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh có quyền chấp thuận hoặc từ chối tên dự kiến đăng ký của doanh nghiệp theo quy định pháp luật. Để tránh tên doanh nghiệp bị trùng, gây nhầm lẫn và vi phạm quy định về đặt tên doanh nghiệp, ý kiến Cơ quan đăng ký kinh doanh là quyết định cuối cùng. Trường hợp không đồng ý với quyết định của Cơ quan đăng ký kinh doanh, người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp có thể khởi kiện theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

3. Doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương được cấp trước ngày 01 tháng 7 năm 2015 được tiếp tục sử dụng tên doanh nghiệp đã đăng ký và không bắt buộc phải đăng ký đổi tên doanh nghiệp trong trường hợp có tên trùng, tên gây nhầm lẫn với tên doanh nghiệp đã đăng ký trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp có tên trùng và tên gây nhầm lẫn tự thương lượng với nhau để đăng ký đổi tên doanh nghiệp.

4. Doanh nghiệp không được đặt tên vi phạm quy định tại Điều ... Luật Doanh nghiệp, khoản 4 Điều 82 Luật Chứng khoán, khoản 4, 5 Điều 152 Luật Kinh doanh bảo hiểm và các quy định về đặt tên doanh nghiệp tại các luật khác.

Điều 15. Trách nhiệm, phối hợp xử lý trường hợp tên doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp

1. Doanh nghiệp không được sử dụng tên thương mại, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý của tổ chức, cá nhân đã được bảo hộ để cấu thành tên riêng của doanh nghiệp, trừ trường hợp được sự chấp thuận bằng văn bản của chủ sở hữu tên thương mại, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý đó và không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng. Trước khi đăng ký đặt tên, người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp tham khảo các nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý đã được bảo hộ và được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về sở hữu công nghiệp của cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp. Doanh nghiệp phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu đặt tên xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp.

2. Việc xử lý tên doanh nghiệp xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Căn cứ để xác định tên doanh nghiệp xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

3. Chủ thể quyền sở hữu công nghiệp có quyền gửi văn bản đề nghị đến Cơ quan đăng ký kinh doanh để yêu cầu doanh nghiệp có tên xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp phải thay đổi tên doanh nghiệp. Trường hợp này, chủ thể

quyền sở hữu công nghiệp có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các giấy tờ quy định tại khoản này và phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền trong quá trình xử lý tên doanh nghiệp xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp.

Kèm theo văn bản đề nghị của chủ thể quyền sở hữu công nghiệp phải có bản sao các giấy tờ sau đây:

a) Văn bản kết luận của cơ quan có thẩm quyền về việc tên doanh nghiệp được sử dụng trong hoạt động kinh doanh là yếu tố xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp;

b) Hợp đồng sử dụng đối tượng quyền sở hữu công nghiệp trong trường hợp người yêu cầu là người được chuyển quyền sử dụng đối tượng quyền sở hữu công nghiệp đó.

4. Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý yêu cầu thay đổi tên doanh nghiệp theo đề nghị của chủ thể quyền sở hữu công nghiệp hoặc cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm yêu cầu. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ giấy tờ quy định tại khoản 3 Điều này, Cơ quan đăng ký kinh doanh ra thông báo yêu cầu doanh nghiệp có tên xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp phải đăng ký thay đổi tên. Kèm theo thông báo phải có các giấy tờ quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Trường hợp tên doanh nghiệp xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp thì doanh nghiệp có tên vi phạm phải đăng ký thay đổi tên. Doanh nghiệp có tên vi phạm phải đăng ký thay đổi tên doanh nghiệp, tên chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh theo quy định tại Điều 40 và Điều 54 Nghị định này trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày Cơ quan đăng ký kinh doanh ra thông báo yêu cầu thay đổi tên. Trường hợp doanh nghiệp không đăng ký thay đổi tên xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp theo yêu cầu, Cơ quan đăng ký kinh doanh yêu cầu doanh nghiệp báo cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 20 Nghị định này, đồng thời, thông báo cho cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm để phối hợp xử lý theo quy định.

Cơ quan đăng ký kinh doanh thông báo kết quả xử lý đối với trường hợp tên doanh nghiệp xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp cho chủ thể quyền sở hữu công nghiệp quy định tại khoản 3 Điều này.

6. Việc xử lý đối với trường hợp tên chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này.

Điều 16. Đăng ký tên chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh

1. Tên chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh thực hiện theo quy định tại Điều 40 Luật Doanh nghiệp.

2. Ngoài tên bằng tiếng Việt, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp có thể đăng ký tên bằng tiếng nước ngoài và tên viết tắt. Tên bằng tiếng nước ngoài là tên được dịch từ tên tiếng Việt sang một trong những tiếng nước ngoài hệ chữ La-tinh. Tên viết tắt được viết tắt từ tên tiếng Việt hoặc tên bằng tiếng nước ngoài.

3. Phần tên riêng trong tên chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp không được sử dụng cụm từ “công ty”, “doanh nghiệp”.

4. Đối với những doanh nghiệp 100% vốn nhà nước khi chuyển thành đơn vị hạch toán phụ thuộc do yêu cầu tổ chức lại thì được phép giữ nguyên tên doanh nghiệp nhà nước trước khi tổ chức lại.

Điều 17. Chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp

1. Tiêu chí xác định chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp

Doanh nghiệp có tư cách pháp nhân xác định chủ sở hữu hưởng lợi là cá nhân theo một trong các tiêu chí sau (trừ trường hợp cá nhân thực hiện quyền, trách nhiệm của người đại diện sở hữu nhà nước theo pháp luật về quản lý, đầu tư vốn tại doanh nghiệp):

a) Cá nhân thực tế sở hữu trực tiếp hoặc sở hữu gián tiếp từ 25% vốn điều lệ, hoặc tổng số cổ phần trở lên tương ứng với mỗi loại cổ phần của doanh nghiệp; hoặc

b) Cá nhân có quyền chi phối có tính quyết định việc thông qua một trong các vấn đề sau: bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên hội đồng quản trị; người đại diện theo pháp luật, giám đốc hoặc tổng giám đốc của doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung điều lệ của doanh nghiệp; các vấn đề quan trọng trong hoạt động kinh doanh được quy định tại Điều lệ công ty.

2. Sở hữu gián tiếp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này là cá nhân sở hữu từ 25% trở lên vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần trở lên tương ứng với mỗi loại cổ phần của doanh nghiệp thông qua doanh nghiệp khác.

Điều 18. kê khai thông tin để xác định chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp

1. Doanh nghiệp, người thành lập doanh nghiệp có nghĩa vụ thông báo, kê khai với Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thông tin về cổ đông, thành viên góp vốn đối với công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên, công ty

cổ phần, công ty hợp danh là cá nhân sở hữu từ 25% trở lên vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần trở lên tương ứng với mỗi loại cổ phần của doanh nghiệp;

2. Doanh nghiệp thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh cá nhân có quyền chi phối (nếu có) theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 17 Nghị định này.

3. Doanh nghiệp, người thành lập doanh nghiệp có nghĩa vụ thông báo, kê khai với Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thông tin là cổ đông, thành viên góp vốn và người đại diện theo ủy quyền đối với là tổ chức đối với công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên, công ty cổ phần, công ty hợp danh sở hữu từ 25% trở lên vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần trở lên tương ứng với mỗi loại cổ phần của doanh nghiệp.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH VÀ TRÁCH NHIỆM CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP, ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH

Điều 19. Cơ quan đăng ký kinh doanh

1. Cơ quan đăng ký kinh doanh được tổ chức ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) và ở xã, phường, đặc khu (sau đây gọi chung là cấp xã), bao gồm:

a) Ở cấp tỉnh:

- Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính cấp đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có địa chỉ tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi địa phương quản lý trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này. Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể tổ chức các điểm để tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc Cơ quan đăng ký kinh doanh tại các địa điểm khác nhau trên địa bàn cấp tỉnh.

- Ban quản lý khu công nghệ cao.

Ban quản lý khu công nghệ cao cấp đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có địa chỉ đặt trong khu công nghệ cao.

b) Ở cấp xã: Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính có chức năng, nhiệm vụ cấp đăng ký kinh doanh thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh quy định tại điểm a khoản 1 Điều này sau đây gọi là Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh có tài khoản và con dấu riêng.

3. Cơ quan đăng ký kinh doanh quy định tại điểm b khoản 1 Điều này sau đây gọi là Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã được phép sử dụng tài khoản và con dấu của Ủy ban nhân dân cấp xã để thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh.

Điều 20. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh

1. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh trực tiếp nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp; chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký doanh nghiệp; cấp hoặc từ chối cấp đăng ký doanh nghiệp.

2. Hướng dẫn doanh nghiệp và người thành lập doanh nghiệp về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp.

3. Phối hợp xây dựng, quản lý, vận hành Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; thực hiện việc chuyển đổi dữ liệu, chuẩn hóa dữ liệu, cập nhật dữ liệu đăng ký doanh nghiệp tại địa phương vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

4. Cung cấp thông tin về đăng ký doanh nghiệp lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trong phạm vi địa phương quản lý cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Cơ quan quản lý thuế tại địa phương và theo yêu cầu của cơ quan phòng, chống rửa tiền thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các cơ quan có liên quan và các tổ chức, cá nhân theo quy định pháp luật.

5. Yêu cầu doanh nghiệp báo cáo về việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 216 Luật Doanh nghiệp.

6. Trực tiếp hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, giám sát doanh nghiệp theo nội dung trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.

7. Yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng hoặc chấm dứt kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc doanh nghiệp không đáp ứng điều kiện theo quy định pháp luật.

8. Thu hồi, khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện theo quy định pháp luật.

9. Ngoài các nhiệm vụ, quyền hạn nêu tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 Điều này, Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Hướng dẫn Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký hộ kinh doanh;

b) Kiểm tra, giám sát Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn về đăng ký hộ kinh doanh;

c) Định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ Tài chính, các cơ quan liên quan về tình hình đăng ký hộ kinh doanh trên địa bàn theo quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước.

Điều 21. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã

1. Giải quyết việc đăng ký hộ kinh doanh; trực tiếp nhận hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh; xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và cấp hoặc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật.

2. Hướng dẫn hộ kinh doanh và người thành lập hộ kinh doanh về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký hộ kinh doanh; xem xét ghi nhận ngành, nghề kinh doanh vào Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh và thông báo cho Bộ Tài chính theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 89 Nghị định này.

3. Phối hợp xây dựng, quản lý, vận hành Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh hoạt động trên phạm vi địa bàn; định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã, Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính và các cơ quan liên quan về tình hình đăng ký hộ kinh doanh trên địa bàn theo quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước.

4. Cung cấp thông tin về đăng ký hộ kinh doanh trên phạm vi địa bàn cho các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan có liên quan khác theo quy định của pháp luật.

5. Trực tiếp kiểm tra, giám sát hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, giám sát hộ kinh doanh theo nội dung trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh.

6. Yêu cầu hộ kinh doanh báo cáo về việc tuân thủ các quy định về hộ kinh doanh tại Nghị định này để thực hiện công tác quản lý nhà nước.

7. Yêu cầu hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc hộ kinh doanh kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện nhưng không đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật.

8. Thu hồi, khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định tại Nghị định này.

9. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan thực hiện việc số hóa, chuẩn hóa, chuyển đổi dữ liệu, cập nhật, bổ sung thông tin có liên quan đến đăng ký hộ kinh doanh theo quy định pháp luật tại địa phương vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh.

Điều 22. Trách nhiệm các cơ quan quản lý nhà nước trong đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh

1. Bộ Tài chính:

a) Ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về công tác đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh, chế độ báo cáo phục vụ công tác đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh;

b) Phối hợp bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho Cơ quan đăng ký kinh doanh; hướng dẫn Cơ quan đăng ký kinh doanh thực hiện việc số hóa hồ sơ, chuẩn hóa, chuyển đổi dữ liệu, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh tại địa phương vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh;

c) Kiểm tra, giám sát Cơ quan đăng ký kinh doanh thực hiện nghiệp vụ đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh;

d) Cung cấp thông tin về nội dung đăng ký doanh nghiệp; tình trạng pháp lý, báo cáo tài chính và các thông tin khác của doanh nghiệp lưu trữ tại Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; thông tin về nội dung đăng ký hộ kinh doanh, tình trạng pháp lý và các thông tin khác của hộ kinh doanh lưu trữ tại Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh cho các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan có liên quan khác, các tổ chức, cá nhân có yêu cầu theo quy định của pháp luật;

đ) Xây dựng, quản lý và phát triển Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh; hỗ trợ kỹ thuật cho Cơ quan đăng ký kinh doanh, người thành lập doanh nghiệp, doanh nghiệp, người thành lập hộ kinh doanh, hộ kinh doanh và cá nhân, tổ chức khác trong việc sử dụng Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh;

e) Liên thông thủ tục đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp và hộ kinh doanh;

g) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng quy chế phối hợp, trao đổi, chia sẻ, kết nối thông tin về doanh nghiệp giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, thông tin về hộ kinh doanh giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh với cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

h) Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh.

i) Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ chia sẻ thông tin về tên thương mại, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý của tổ chức, cá nhân từ Hệ thống quản trị đơn sở hữu công nghiệp, Cơ sở dữ liệu quốc gia về sở hữu công nghiệp.

3. Bộ Nội vụ có trách nhiệm kết nối, chia sẻ dữ liệu số theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 79 Nghị định này.

4. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được phân công trong quản lý nhà nước có trách nhiệm:

a) Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc chấp hành các điều kiện đầu tư kinh doanh, điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước;

b) Rà soát và công bố trên trang thông tin điện tử của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ danh mục các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước và gửi cho Bộ Tài chính để đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp;

c) Công khai các thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp, hộ kinh doanh; công khai thông tin về hành vi vi phạm hành chính và xử phạt vi phạm hành chính của doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

5. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

a) Đôn đốc, chỉ đạo thanh tra, kiểm tra, giám sát doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật; tổng hợp tình hình quản lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trong phạm vi địa phương;

b) Ban hành quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập, bao gồm các nội dung chủ yếu: mục tiêu, nguyên tắc, nội dung và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn trong việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh; thanh tra, kiểm tra, giám sát doanh

ng nghiệp, hộ kinh doanh; thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh; xử lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài; báo cáo tình hình thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập.

Quy chế phối hợp phải đảm bảo nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập, phù hợp với quy định pháp luật và không chồng chéo, gây phiền hà cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh;

c) Ban hành và công khai quy trình kiểm tra, giám sát đăng ký kinh doanh, bao gồm các nội dung chủ yếu: phạm vi, đối tượng, nguyên tắc, hình thức, thời hạn kiểm tra, giám sát; việc lập, phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch kiểm tra, giám sát; nội dung, trình tự kiểm tra, giám sát; tổ chức thực hiện kết luận kiểm tra, kết quả giám sát; công tác phối hợp và trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan có liên quan trong hoạt động kiểm tra, giám sát; các nội dung khác (nếu có);

d) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác đăng ký kinh doanh; công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập; công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh;

đ) Phân bổ đủ nhân lực, kinh phí và nguồn lực khác cho cơ quan đăng ký kinh doanh các cấp theo số lượng doanh nghiệp, hộ kinh doanh và điều kiện vị trí địa lý trên địa bàn để bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định;

e) Xây dựng, triển khai kế hoạch phổ biến, tuyên truyền, nâng cao nhận thức pháp luật về doanh nghiệp, hộ kinh doanh cho người dân, doanh nghiệp, hộ kinh doanh; định kỳ tổ chức đối thoại giữa cơ quan quản lý nhà nước với doanh nghiệp, hộ kinh doanh;

f) Quy định mức thu nhập thấp áp dụng trên phạm vi địa phương theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Nghị định này;

h) Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm kết nối, chia sẻ thông tin về doanh nghiệp, hộ kinh doanh với Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh.

6. Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu:

a) Thực hiện quản lý nhà nước về đăng ký hộ kinh doanh theo thẩm quyền, thực hiện các giải pháp về phát triển hộ kinh doanh trong chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

b) Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm kết nối, liên thông và chia sẻ thông tin với Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh;

c) Chỉ đạo Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện chức năng, nhiệm vụ quy định tại Điều 21 Nghị định này;

d) Có trách nhiệm bố trí đủ nhân lực, kinh phí và các điều kiện cần thiết khác bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Nghị định này.

7. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp không được ban hành các quy định, văn bản về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh áp dụng riêng cho ngành hoặc địa phương mình. Những quy định về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh do các bộ, cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp ban hành trái với quy định tại Nghị định này không có hiệu lực thi hành.

Chương III

HỒ SƠ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP, ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH

Điều 23. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp tư nhân, công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần

1. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp tư nhân quy định tại Điều 19 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp chủ doanh nghiệp tư nhân kê khai số định danh cá nhân theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định này thì hồ sơ đăng ký doanh nghiệp không bao gồm bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ doanh nghiệp tư nhân.

2. Hồ sơ đăng ký công ty hợp danh quy định tại Điều 20 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp thành viên là cá nhân, người đại diện theo ủy quyền của thành viên là tổ chức kê khai số định danh cá nhân theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định này thì hồ sơ đăng ký doanh nghiệp không bao gồm bản sao giấy tờ pháp lý của các cá nhân này.

3. Hồ sơ đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn quy định tại Điều 21 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thì hồ sơ không bao gồm danh sách thành viên quy định tại khoản 3 Điều 21 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp chủ sở hữu, thành viên là cá nhân, người đại diện theo pháp luật, người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu, thành viên là

tổ chức kê khai số định danh cá nhân theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định này thì hồ sơ đăng ký doanh nghiệp không bao gồm bản sao giấy tờ pháp lý của các cá nhân này.

4. Hồ sơ đăng ký công ty cổ phần quy định tại Điều 22 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp cổ đông sáng lập và cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân, người đại diện theo pháp luật, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập và cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức kê khai số định danh cá nhân theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định này thì hồ sơ đăng ký doanh nghiệp không bao gồm bản sao giấy tờ pháp lý của các cá nhân này.

5. Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài thành lập tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư trước khi đăng ký đầu tư để thực hiện thủ tục đầu tư đặc biệt theo quy định của pháp luật về đầu tư thì hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp thực hiện dự án không bao gồm bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài quy định tại khoản 5 Điều 20, điểm c khoản 4 Điều 21 và điểm c khoản 4 Điều 22 Luật Doanh nghiệp.

Điều 24. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở chia, tách, hợp nhất công ty

1. Trường hợp chia công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần theo quy định tại Điều 198 Luật Doanh nghiệp, hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đối với công ty mới được thành lập trên cơ sở chia công ty bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Các giấy tờ quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị định này trong trường hợp đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn; Các giấy tờ quy định tại khoản 4 Điều 23 Nghị định này trong trường hợp đăng ký công ty cổ phần, trong đó không bao gồm danh sách cổ đông sáng lập nếu công ty mới được thành lập trên cơ sở chia công ty không có cổ đông sáng lập;

b) Bản sao hoặc bản chính nghị quyết hoặc quyết định về việc chia công ty theo quy định tại Điều 198 Luật Doanh nghiệp;

c) Bản sao hoặc bản chính biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc chia công ty.

2. Trường hợp tách công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần theo quy định tại Điều 199 Luật Doanh nghiệp, hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đối với công ty được tách bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Các giấy tờ quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị định này trong trường hợp đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn; Các giấy tờ quy định tại khoản 4 Điều 23 Nghị định này trong trường hợp đăng ký công ty cổ phần, trong đó

không bao gồm danh sách cổ đông sáng lập nếu công ty được tách không có cổ đông sáng lập;

b) Bản sao hoặc bản chính nghị quyết hoặc quyết định về việc tách công ty theo quy định tại Điều 199 Luật Doanh nghiệp;

c) Bản sao hoặc bản chính biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc tách công ty.

3. Trường hợp hợp nhất một số công ty thành một công ty mới, hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đối với công ty hợp nhất bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Các giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định này trong trường hợp đăng ký công ty hợp danh; Các giấy tờ quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị định này trong trường hợp đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn; Các giấy tờ quy định tại khoản 4 Điều 23 Nghị định này trong trường hợp đăng ký công ty cổ phần, trong đó không bao gồm danh sách cổ đông sáng lập nếu công ty hợp nhất không có cổ đông sáng lập;

b) Hợp đồng hợp nhất theo quy định tại Điều 200 Luật Doanh nghiệp;

c) Bản sao hoặc bản chính nghị quyết hoặc quyết định về việc thông qua hợp đồng hợp nhất công ty của các công ty bị hợp nhất;

d) Bản sao hoặc bản chính biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh; của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thông qua hợp đồng hợp nhất để thành lập công ty mới.

Điều 25. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đối với các trường hợp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp

1. Trường hợp chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, hồ sơ đăng ký chuyển đổi bao gồm các giấy tờ quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 23 Nghị định này tương ứng với loại hình doanh nghiệp sau chuyển đổi. Trường hợp công ty cổ phần được chuyển đổi không có cổ đông sáng lập thì hồ sơ không bao gồm danh sách cổ đông sáng lập. Kèm theo hồ sơ phải có các giấy tờ sau đây:

a) Cam kết bằng văn bản của chủ doanh nghiệp tư nhân về việc chịu trách nhiệm cá nhân bằng toàn bộ tài sản của mình đối với tất cả khoản nợ chưa thanh toán và cam kết thanh toán đủ số nợ khi đến hạn;

b) Thỏa thuận bằng văn bản của chủ doanh nghiệp tư nhân với các bên của hợp đồng chưa thanh lý về việc công ty được chuyển đổi tiếp nhận và tiếp tục thực hiện các hợp đồng đó;

c) Cam kết bằng văn bản hoặc thỏa thuận bằng văn bản của chủ doanh nghiệp tư nhân với các thành viên góp vốn khác về việc tiếp nhận và sử dụng lao động hiện có của doanh nghiệp tư nhân;

d) Hợp đồng chuyển nhượng hoặc giấy tờ chứng minh việc hoàn tất chuyển nhượng; giấy tờ chứng minh năng lực tài chính của bên nhận chuyển nhượng trong trường hợp chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp tư nhân;

Hợp đồng tặng cho trong trường hợp tặng cho vốn của doanh nghiệp tư nhân;

Bản sao văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của người thừa kế trong trường hợp thừa kế theo quy định của pháp luật;

đ) Bản sao văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.

2. Trường hợp chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, hồ sơ đăng ký chuyển đổi bao gồm các giấy tờ quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị định này, trong đó không bao gồm bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Kèm theo hồ sơ phải có các giấy tờ sau đây:

a) Hợp đồng chuyển nhượng hoặc giấy tờ chứng minh việc hoàn tất chuyển nhượng; giấy tờ chứng minh năng lực tài chính của bên nhận chuyển nhượng trong trường hợp chuyển nhượng phần vốn góp;

Hợp đồng tặng cho trong trường hợp tặng cho phần vốn góp;

Bản sao văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của người thừa kế trong trường hợp thừa kế theo quy định của pháp luật;

Hợp đồng sáp nhập trong trường hợp sáp nhập công ty;

Bản sao hoặc bản chính nghị quyết hoặc quyết định của chủ sở hữu công ty về việc huy động thêm vốn góp của tổ chức, cá nhân khác và giấy tờ chứng minh việc góp vốn của thành viên mới trong trường hợp huy động vốn góp của thành viên mới;

b) Bản sao văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.

3. Trường hợp chuyển đổi công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chỉ có một cổ đông, thành viên góp vốn theo cam kết hoặc chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên do chỉ có 02 cổ đông góp vốn theo cam kết thì hồ sơ chuyển đổi bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Các giấy tờ quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị định này, trong đó không bao gồm bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;

b) Bản sao văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, hồ sơ đăng ký chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên bao gồm các giấy tờ quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị định này, trong đó không bao gồm bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Kèm theo hồ sơ phải có các giấy tờ sau đây:

a) Hợp đồng chuyển nhượng hoặc giấy tờ chứng minh việc hoàn tất chuyển nhượng; giấy tờ chứng minh năng lực tài chính của bên nhận chuyển nhượng trong trường hợp chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp;

Hợp đồng tặng cho trong trường hợp tặng cho cổ phần, phần vốn góp;

Bản sao văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của người thừa kế trong trường hợp thừa kế theo quy định của pháp luật;

Hợp đồng sáp nhập, hợp đồng hợp nhất trong trường hợp sáp nhập, hợp nhất công ty;

Hợp đồng mua lại trong trường hợp công ty mua lại cổ phần, phần vốn góp;

b) Bản sao văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.

5. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này, hồ sơ đăng ký chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Các giấy tờ quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị định này, trong đó không bao gồm bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong trường hợp chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn; Các giấy tờ quy định tại khoản 4

Điều 23 Nghị định này, trong đó không bao gồm bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, danh sách cổ đông sáng lập trong trường hợp công ty được chuyển đổi là công ty cổ phần không có cổ đông sáng lập;

b) Bản sao hoặc bản chính các giấy tờ sau đây: Biên bản họp và nghị quyết hoặc quyết định của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; Biên bản họp và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc chuyển đổi công ty trong trường hợp chuyển đổi công ty mà không có thêm thành viên, cổ đông mới;

c) Hợp đồng chuyển nhượng hoặc giấy tờ chứng minh việc hoàn tất chuyển nhượng; giấy tờ chứng minh năng lực tài chính của bên nhận chuyển nhượng trong trường hợp chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp;

Hợp đồng tặng cho trong trường hợp tặng cho cổ phần, phần vốn góp;

Bản sao văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của người thừa kế trong trường hợp thừa kế theo quy định của pháp luật;

Nghị quyết hoặc quyết định chia, tách công ty trong trường hợp chia, tách công ty;

Hợp đồng sáp nhập trong trường hợp sáp nhập công ty;

Hợp đồng mua lại trong trường hợp công ty mua lại cổ phần;

Giấy tờ chứng minh việc góp vốn của thành viên, cổ đông mới trong trường hợp tiếp nhận vốn góp của thành viên, cổ đông mới;

d) Bản sao văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.

6. Doanh nghiệp có thể đăng ký chuyển đổi loại hình doanh nghiệp đồng thời đăng ký thay đổi, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp. Trong trường hợp này, hồ sơ đăng ký doanh nghiệp thực hiện tương ứng theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này.

Trường hợp doanh nghiệp đăng ký chuyển đổi loại hình doanh nghiệp đồng thời đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật thì người có thẩm quyền ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp và ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp là Chủ tịch Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh; Chủ tịch công ty hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; Chủ tịch Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần của công ty sau chuyển đổi.

Điều 26. Đăng ký thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh

1. Việc đăng ký thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh thực hiện tại Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp dự định đặt trụ sở chính.

2. Hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh bao gồm bản sao giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và các giấy tờ quy định tại Điều 23 Nghị định này tương ứng với từng loại hình doanh nghiệp, trong đó không bao gồm bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Trường hợp doanh nghiệp được chuyển đổi từ hộ kinh doanh có nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tham gia góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư thì hồ sơ phải có bản sao văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

3. Việc chấm dứt tồn tại của hộ kinh doanh thực hiện theo quy trình sau đây:

a) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày cấp Giấy chứng đăng ký doanh nghiệp, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh gửi thông tin về việc thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi hộ kinh doanh đặt trụ sở;

b) Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã gửi thông tin về việc chấm dứt tồn tại của hộ kinh doanh cho Cơ quan thuế và ra thông báo về việc hộ kinh doanh đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động. Cơ quan thuế có trách nhiệm gửi thông tin cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã về việc hộ kinh doanh đã hoàn thành nghĩa vụ thuế. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin của Cơ quan thuế về việc hộ kinh doanh hoàn thành nghĩa vụ thuế, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện việc chấm dứt tồn tại của hộ kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh.

4. Hộ kinh doanh không được hoạt động kể từ thời điểm doanh nghiệp chuyển đổi từ hộ kinh doanh được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Điều 27. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp xã hội

1. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp xã hội, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp xã hội thực hiện theo quy định tại Nghị định này tương ứng với từng loại hình doanh

nghiệp. Kèm theo hồ sơ phải có Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường do những người sau đây ký:

- a) Đối với doanh nghiệp tư nhân: chủ doanh nghiệp tư nhân;
- b) Đối với công ty hợp danh: các thành viên hợp danh;
- c) Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn: các thành viên là cá nhân; người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền đối với thành viên là tổ chức;
- d) Đối với công ty cổ phần: cổ đông sáng lập là cá nhân, cổ đông khác là cá nhân, nếu cổ đông này đồng ý với nội dung cam kết trên và mong muốn ký vào bản cam kết này cùng với cổ đông sáng lập; người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền đối với cổ đông sáng lập là tổ chức, người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền đối với cổ đông khác là tổ chức, nếu cổ đông này đồng ý với nội dung cam kết trên và mong muốn ký vào bản cam kết này cùng với cổ đông sáng lập.

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh đăng tải Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp khi cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp.

2. Trường hợp doanh nghiệp chuyển đổi thành doanh nghiệp xã hội, doanh nghiệp nộp hồ sơ đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

- a) Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường quy định tại khoản 1 Điều này;
- b) Bản sao hoặc bản chính nghị quyết hoặc quyết định của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần, của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc thông qua nội dung cam kết;
- c) Bản sao hoặc bản chính biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh; của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thông qua nội dung cam kết.

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thực hiện cập nhật thông tin của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và đăng tải Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.

3. Trường hợp nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường có sự thay đổi, doanh nghiệp xã hội phải gửi thông báo đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày quyết định thay đổi. Kèm theo thông báo phải có các giấy tờ sau đây:

a) Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường đã được sửa đổi, bổ sung;

b) Bản sao hoặc bản chính nghị quyết hoặc quyết định của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần; của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc thông qua nội dung thay đổi của Cam kết;

c) Bản sao hoặc bản chính biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thông qua nội dung thay đổi của Cam kết.

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thực hiện cập nhật thông tin của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và đăng tải Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường đã được sửa đổi, bổ sung trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo.

4. Trường hợp chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường, doanh nghiệp xã hội phải gửi thông báo đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày quyết định chấm dứt. Kèm theo thông báo phải có các giấy tờ sau đây:

a) Bản sao hoặc bản chính nghị quyết hoặc quyết định của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần, của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có) về việc chấm dứt Cam kết, trong đó nêu rõ lý do chấm dứt;

b) Bản sao hoặc bản chính biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc chấm dứt Cam kết.

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thực hiện cập nhật thông tin của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và đăng tải

các giấy tờ quy định tại khoản này trên Công thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo.

5. Hồ sơ, trình tự, thủ tục chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp xã hội thực hiện theo quy định tại Nghị định này. Trường hợp thành lập doanh nghiệp xã hội mới trên cơ sở chia, tách, hợp nhất doanh nghiệp, hồ sơ phải có thêm Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp xã hội dẫn đến chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường thì hồ sơ phải có thêm các giấy tờ quy định tại khoản 4 Điều này.

6. Hồ sơ, trình tự, thủ tục giải thể doanh nghiệp xã hội được thực hiện theo quy định tại Nghị định này. Trường hợp doanh nghiệp xã hội còn số dư tài sản hoặc tài chính đối với nguồn viện trợ, tài trợ đã nhận thì hồ sơ giải thể phải có thêm bản sao tài liệu về việc xử lý số dư tài sản hoặc tài chính đối với nguồn viện trợ, tài trợ mà doanh nghiệp xã hội đã nhận.

7. Việc đăng ký thành lập doanh nghiệp xã hội trên cơ sở chuyển đổi từ cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện thực hiện tại Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp xã hội dự định đặt trụ sở chính. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bao gồm các giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều này, trong đó không bao gồm Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Kèm theo hồ sơ phải có các giấy tờ sau đây:

a) Quyết định cho phép chuyển đổi thành doanh nghiệp xã hội bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy phép thành lập cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện;

b) Giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở bảo trợ xã hội, giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện;

c) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế;

d) Bản sao văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh gửi bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và bản chính Giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở bảo trợ xã hội, giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện cho cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy phép thành lập cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện để chấm dứt hoạt động của cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện.

Điều 28. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán nước ngoài và chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam

1. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán thực hiện theo quy định tại Nghị định này tương ứng với từng loại hình doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ phải có bản sao giấy phép thành lập và hoạt động hoặc bản sao văn bản chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

2. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký đối với chi nhánh công ty chứng khoán nước ngoài và chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam thực hiện tương ứng theo quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký đối với chi nhánh của doanh nghiệp tại Nghị định này, kèm theo hồ sơ phải có bản sao giấy phép thành lập và hoạt động hoặc bản sao văn bản chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

3. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký phòng giao dịch của công ty chứng khoán thực hiện theo quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp tại Nghị định này, kèm theo hồ sơ phải có bản sao văn bản chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

4. Trường hợp công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán nước ngoài và chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước gửi thông báo đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán nước ngoài và chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài đặt trụ sở để thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh theo quy định tại khoản 4 Điều 95 Luật Chứng khoán. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh.

Điều 29. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo lập địa điểm kinh doanh

1. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày quyết định thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước, doanh nghiệp gửi hồ sơ đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi đặt chi nhánh, văn phòng đại diện. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 45 Luật Doanh nghiệp, trong đó, bản sao quyết định thành lập và bản sao biên bản họp về việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 45 Luật Doanh nghiệp bao gồm:

a) Bản sao quyết định và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh;

b) Bản sao quyết định và bản sao biên bản họp của Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần;

c) Bản sao quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

Trường hợp kê khai số định danh cá nhân của người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định này thì hồ sơ đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện không bao gồm bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện.

2. Thông báo lập địa điểm kinh doanh

a) Doanh nghiệp có thể lập địa điểm kinh doanh tại địa chỉ khác nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính hoặc đặt chi nhánh;

b) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày quyết định lập địa điểm kinh doanh, doanh nghiệp gửi hồ sơ thông báo lập địa điểm kinh doanh đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi đặt địa điểm kinh doanh. Hồ sơ thông báo lập địa điểm kinh doanh bao gồm thông báo lập địa điểm kinh doanh.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, cập nhật thông tin về địa điểm kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh cho doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung cho doanh nghiệp.

4. Việc lập chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp ở nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật nước đó. Trong thời hạn 30 ngày kể từ

ngày chính thức lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài, doanh nghiệp phải thông báo bằng văn bản đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Kèm theo thông báo phải có bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc giấy tờ tương đương. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh cập nhật thông tin về chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo.

Điều 30. Tiếp nhận, xử lý hồ sơ đăng ký doanh nghiệp trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo phương thức nộp hồ sơ trực tiếp tại Cơ quan đăng ký kinh doanh và đăng ký qua dịch vụ bưu chính

1. Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định này nộp hồ sơ tại Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải được tiếp nhận và giải quyết trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

2. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp được tiếp nhận để nhập thông tin vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau đây:

- a) Có đủ giấy tờ theo quy định tại Nghị định này;
- b) Tên doanh nghiệp đã được điền vào giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp;
- c) Có số điện thoại của người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Điều 12 Nghị định này thì người ủy quyền phải thực hiện xác thực điện tử để nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp; Trường hợp việc xác thực điện tử bị gián đoạn thì hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải kèm theo bản sao thẻ căn cước hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của người ủy quyền;
- d) Đã nộp đủ phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định.

3. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh trao giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.

4. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nhập đầy đủ, chính xác thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, số hóa, đặt tên văn bản điện tử tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ đăng ký bằng bản giấy và đính kèm lên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

5. Các thông tin đăng ký doanh nghiệp trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp được truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để phối hợp, trao đổi thông tin giữa Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh và Cơ quan thuế.

6. Người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp có thể dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp khi hồ sơ đăng ký doanh nghiệp chưa được chấp thuận trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Trong trường hợp này, người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp gửi văn bản đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi đã nộp hồ sơ. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh xem xét, ra thông báo về việc dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp và hủy hồ sơ đăng ký doanh nghiệp theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị. Trường hợp từ chối dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do từ chối.

Điều 31. Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp

1. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc tên doanh nghiệp yêu cầu đăng ký không đúng theo quy định hoặc thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp không thống nhất, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung cho người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ghi toàn bộ yêu cầu sửa đổi, bổ sung đối với mỗi một bộ hồ sơ do doanh nghiệp nộp trong một thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.

2. Nếu quá thời hạn trên mà không được cấp đăng ký doanh nghiệp hoặc không nhận được thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp thì người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp có quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

3. Thời hạn để doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là 60 ngày kể từ ngày Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu doanh nghiệp không nộp hồ sơ sửa đổi, bổ sung thì hồ sơ đăng ký doanh nghiệp không còn giá trị. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh sẽ hủy hồ sơ đăng ký theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Điều 32. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

1. Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Doanh nghiệp.

2. Doanh nghiệp có quyền hoạt động kinh doanh kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Trường hợp doanh nghiệp đăng ký ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh sau ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì doanh nghiệp được quyền hoạt động kinh doanh kể từ ngày doanh nghiệp đăng ký, trừ trường hợp kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

3. Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới thì Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được cấp trước đó không còn hiệu lực.

Điều 33. Thanh toán phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp

1. Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp không được hoàn trả cho doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp.

2. Tiền dịch vụ thanh toán trực tuyến thực hiện theo quy định của các ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác và không được tính trong lệ phí đăng ký doanh nghiệp, phí cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp.

3. Trách nhiệm của ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán được thực hiện theo Luật giao dịch điện tử và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

4. Bộ Tài chính chủ trì hướng dẫn về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và việc sử dụng phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp, phí cung cấp thông tin và công bố nội dung về đăng ký doanh nghiệp đảm bảo việc nâng cấp, duy trì, vận hành Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Điều 34. Tình trạng pháp lý của doanh nghiệp

Các tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

1. “Đang hoạt động” là tình trạng pháp lý của doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà không thuộc tình trạng pháp lý quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều này.

2. “Tạm ngừng kinh doanh” là tình trạng pháp lý của doanh nghiệp đang trong thời gian tạm ngừng kinh doanh theo quy định tại Nghị định này.

3. “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký” là tình trạng pháp lý của doanh nghiệp được Cơ quan thuế lập biên bản xác minh về việc không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký. Thông tin về doanh nghiệp không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký do Cơ quan thuế cung cấp cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh. Việc chuyển tình trạng pháp lý và kết thúc tình trạng pháp lý này do Cơ quan thuế quyết định, trừ trường hợp doanh nghiệp đang thuộc tình trạng pháp lý quy định tại các khoản 2, 4, 5, 6 và 7 Điều này. Cơ quan thuế có trách nhiệm gửi thông tin về tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký” của doanh nghiệp cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ghi nhận, cập nhật tình trạng pháp lý do Cơ quan thuế cung cấp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

4. “Bị thu hồi do cưỡng chế về quản lý thuế” là tình trạng pháp lý của doanh nghiệp đã bị Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo đề nghị của Cơ quan quản lý thuế về thực hiện biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế.

5. “Đang làm thủ tục giải thể, bị chia, bị hợp nhất, bị sáp nhập” là tình trạng pháp lý của doanh nghiệp đã được Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra thông báo đang làm thủ tục giải thể; doanh nghiệp đã bị chia, bị hợp nhất, bị sáp nhập và đang làm thủ tục quyết toán và chuyển giao nghĩa vụ thuế với Cơ quan thuế do bị chia, bị hợp nhất, bị sáp nhập.

6. “Đang làm thủ tục phá sản” là tình trạng pháp lý của doanh nghiệp đã có quyết định mở thủ tục phá sản của Tòa án theo quy định của pháp luật về phá sản.

7. “Đã giải thể, phá sản, chấm dứt tồn tại” là tình trạng pháp lý của doanh nghiệp đã được Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra thông báo về việc giải thể; doanh nghiệp có quyết định tuyên bố phá sản của Tòa án theo quy định của pháp luật về phá sản; doanh nghiệp chấm dứt tồn tại do bị chia, bị hợp nhất, bị sáp nhập theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Điều 35. Tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh

Các tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp gồm:

1. “Đang hoạt động” là tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh mà không thuộc tình trạng pháp lý quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này.

2. “Tạm ngừng kinh doanh, hoạt động” là tình trạng pháp lý của chi nhánh, địa điểm kinh doanh đang trong thời gian tạm ngừng kinh doanh, văn phòng đại diện đang trong thời gian tạm ngừng hoạt động hoặc chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp đang trong thời gian tạm ngừng kinh doanh theo quy định tại Nghị định này.

3. “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký” là tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh được Cơ quan thuế lập biên bản xác minh về việc không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký. Thông tin về chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký do Cơ quan thuế cung cấp cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh. Việc chuyển tình trạng pháp lý và kết thúc tình trạng pháp lý này do Cơ quan thuế quyết định, trừ trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đang thuộc tình trạng pháp lý quy định tại các khoản 2, 4, 5 và 6 Điều này. Cơ quan thuế có trách nhiệm gửi thông tin về tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký” của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ghi nhận, cập nhật tình trạng pháp lý do Cơ quan thuế cung cấp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

4. “Bị thu hồi do cưỡng chế về quản lý thuế” là tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện đã bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo đề nghị của Cơ quan quản lý thuế về thực hiện biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế.

5. “Đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động” là tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đã được Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra thông báo đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động hoặc chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp đang làm thủ tục phá sản.

6. “Đã chấm dứt hoạt động” là tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đã được Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh hoặc chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp đã phá sản.

Chương IV**ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP QUA MẠNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ****Điều 36. Đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử**

1. Đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử là việc người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp sử dụng tài khoản định danh điện tử để thực hiện việc đăng ký doanh nghiệp thông qua Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tìm hiểu thông tin, thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử.

Điều 37. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử

1. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử bao gồm các giấy tờ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Nghị định này được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử có giá trị pháp lý tương đương hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy.

2. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

a) Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử;

b) Các thông tin đăng ký doanh nghiệp được kê khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp phải đầy đủ và chính xác theo các thông tin trong hồ sơ;

c) Có thông tin về số điện thoại, thư điện tử của người nộp hồ sơ được kê khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp;

d) Phải được xác thực bằng chữ ký số của người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp hoặc người được người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải kèm theo giấy tờ quy định tại Điều 12 Nghị định này được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử quy định tại khoản 10 Điều 3 Nghị định này.

3. Trường hợp hồ sơ được tiếp nhận trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sau giờ hành chính hoặc vào ngày nghỉ lễ, Tết theo quy định thì thời hạn trả kết quả giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp quy định

tại Nghị định này được tính từ ngày làm việc kế tiếp của ngày hồ sơ được tiếp nhận.

Điều 38. Trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử sử dụng chữ ký số

1. Ngurdụng chữ ký sốục đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử đăng ng tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký số và thanh toán phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử, người uỷ quyền phải thực hiện xác thực điện tử để nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử. Trường hợp việc xác thực điện tử bị gián đoạn thì hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải kèm theo bản sao thẻ căn cước hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của người uỷ quyền.

2. Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ sẽ nhận được giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả điện tử qua tài khoản của người nộp hồ sơ.

3. Các thông tin đăng ký doanh nghiệp trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp được truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để phối hợp, trao đổi thông tin giữa Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh và Cơ quan thuế.

4. Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp đăng ký doanh nghiệp, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thực hiện cấp đăng ký doanh nghiệp và thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện cấp đăng ký doanh nghiệp, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh gửi thông báo qua mạng thông tin điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Người nộp hồ sơ đăng nhập vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp để nhận thông tin phản hồi về kết quả xử lý hồ sơ.

5. Người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp thực hiện thủ tục đăng ký qua mạng thông tin điện tử có thể dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại khoản 6 Điều 30 Nghị định này.

Chương V

HỒ SƠ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI, THÔNG BÁO THAY ĐỔI NỘI DUNG ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

Điều 39. Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp

1. Trường hợp doanh nghiệp thay đổi địa chỉ trụ sở chính hoặc doanh nghiệp trong khu công nghệ cao chuyển địa chỉ trụ sở chính ra ngoài khu công nghệ cao và ngược lại dẫn đến thay đổi Cơ quan quản lý thuế, doanh nghiệp phải thực hiện các thủ tục với Cơ quan thuế liên quan đến việc chuyển địa điểm theo quy định của pháp luật về thuế trước khi đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính với cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh.

2. Trường hợp thay đổi địa chỉ trụ sở chính, doanh nghiệp gửi hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở mới. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;

b) Bản sao hoặc bản chính nghị quyết hoặc quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh; của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp;

c) Bản sao hoặc bản chính biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh; của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp.

3. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh trao giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và gửi thông tin về việc chuyển địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp cho Cơ quan thuế. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin, Cơ quan thuế gửi ý kiến về việc doanh nghiệp hoàn thành thủ tục với Cơ quan thuế liên quan đến việc chuyển địa điểm theo quy định của pháp luật về thuế cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp theo quy định.

4. Khi thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp không thay đổi.

Điều 40. Đăng ký thay đổi tên doanh nghiệp

1. Trường hợp thay đổi tên doanh nghiệp, doanh nghiệp gửi hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;

b) Bản sao hoặc bản chính nghị quyết hoặc quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh; của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thay đổi tên doanh nghiệp;

c) Bản sao hoặc bản chính biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh; của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thay đổi tên doanh nghiệp.

2. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh trao giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

3. Việc thay đổi tên doanh nghiệp không làm thay đổi quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp. Doanh nghiệp chịu trách nhiệm đăng ký thay đổi tên chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp.

Điều 41. Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh

1. Trường hợp chấm dứt tư cách thành viên hợp danh, tiếp nhận thành viên hợp danh mới theo quy định tại Điều 185 và Điều 186 Luật Doanh nghiệp, công ty hợp danh gửi hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi công ty đặt trụ sở chính. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;

b) Danh sách thành viên công ty hợp danh quy định tại Điều 25 Luật Doanh nghiệp, trong đó không bao gồm nội dung kê khai về thành viên góp vốn.

2. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh trao giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

Điều 42. Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần

1. Trường hợp thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty, công ty gửi hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi công ty đặt trụ sở chính. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Giấy đề nghị đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật;

b) Bản sao hoặc bản chính nghị quyết hoặc quyết định về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần trong trường hợp việc thay đổi người đại diện theo pháp luật làm thay đổi nội dung Điều lệ công ty hoặc của Hội đồng quản trị trong trường hợp việc thay đổi người đại diện theo pháp luật không làm thay đổi nội dung Điều lệ công ty ngoài nội dung thông tin cá nhân và chữ ký của người đại diện theo pháp luật quy định tại Điều 24 Luật Doanh nghiệp;

c) Bản sao hoặc bản chính biên bản họp về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần trong trường hợp việc thay đổi người đại diện theo pháp luật làm thay đổi nội dung Điều lệ công ty hoặc của Hội đồng quản trị trong trường hợp việc thay đổi người đại diện theo pháp luật không làm thay đổi nội dung Điều lệ công ty ngoài nội dung thông tin cá nhân và chữ ký của người đại diện theo pháp luật quy định tại Điều 24 Luật Doanh nghiệp.

2. Người ký giấy đề nghị đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật là một trong các cá nhân sau đây:

a) Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty là người đại diện theo pháp luật thì người ký giấy đề nghị là Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty mới được bổ nhiệm hoặc được bầu;

b) Chủ tịch Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật thì người ký giấy đề nghị là Chủ tịch Hội đồng quản trị mới được bầu;

c) Trường hợp Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình thì người ký giấy đề nghị đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật là người được Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền. Trường hợp

không có thành viên được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì người ký giấy đề nghị đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật là người được bầu tạm thời làm Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 4 Điều 56, khoản 3 Điều 80 và khoản 4 Điều 156 Luật Doanh nghiệp;

d) Trường hợp chủ sở hữu công ty là cá nhân bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi thì người được ủy quyền hoặc người đại diện quy định tại khoản 2 và khoản 5 Điều 78 Luật Doanh nghiệp là người ký giấy đề nghị đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật.

3. Trường hợp thay đổi người đại diện theo pháp luật theo quy định tại khoản 6 Điều 12 Luật Doanh nghiệp, hồ sơ đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật bao gồm các giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều này, trong đó, bản sao hoặc bản chính nghị quyết hoặc quyết định, biên bản họp của Hội đồng thành viên được thay thế bằng bản sao văn bản xác nhận việc người đại diện theo pháp luật của công ty chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định. Trong trường hợp này, người có thẩm quyền ký giấy đề nghị đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật là thành viên còn lại của công ty.

4. Trường hợp doanh nghiệp đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật đồng thời với đăng ký thay đổi, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp, hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thì người có thẩm quyền ký văn bản ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp và giấy đề nghị, thông báo trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là người có thẩm quyền ký giấy đề nghị đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

5. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh trao giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả, kiểm tra tính hợp lệ

của hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

Điều 43. Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp

1. Trường hợp công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh đăng ký thay đổi vốn điều lệ, công ty gửi hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi công ty đặt trụ sở chính. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;

b) Bản sao hoặc bản chính nghị quyết hoặc quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh; của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thay đổi vốn điều lệ;

c) Bản sao hoặc bản chính biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh; của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thay đổi vốn điều lệ;

d) Bản chính hoặc bản sao giấy tờ chứng minh việc góp vốn, mua cổ phần đã được thanh toán tương ứng với phần vốn điều lệ đăng ký tăng trong trường hợp công ty đăng ký tăng vốn điều lệ;

đ) Bản sao văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.

2. Trường hợp công ty đăng ký thay đổi phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp của thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, của thành viên hợp danh công ty hợp danh mà không thay đổi thành viên công ty, công ty gửi hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi công ty đặt trụ sở chính. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;

b) Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; danh sách thành viên công ty hợp danh, trong đó không bao gồm nội dung kê khai về thành viên góp vốn. Các danh sách phải bao gồm chữ ký của các thành viên có phần vốn góp thay đổi, không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên có phần vốn góp không thay đổi;

c) Hợp đồng chuyển nhượng hoặc giấy tờ chứng minh việc hoàn tất chuyển nhượng; giấy tờ chứng minh năng lực tài chính của bên nhận chuyển nhượng trong trường hợp chuyển nhượng phần vốn góp;

Hợp đồng tặng cho trong trường hợp tặng cho phần vốn góp;

d) Bản sao văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.

3. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc chào bán cổ phần thành nhiều đợt để tăng vốn điều lệ, đồng thời giao Hội đồng quản trị thực hiện thủ tục đăng ký tăng vốn điều lệ sau khi kết thúc mỗi đợt bán cổ phần, hồ sơ đăng ký tăng vốn điều lệ phải có các giấy tờ sau đây:

a) Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;

b) Bản sao hoặc bản chính nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông về việc chào bán cổ phần để tăng vốn điều lệ, trong đó nêu rõ số lượng cổ phần chào bán và giao Hội đồng quản trị thực hiện thủ tục đăng ký tăng vốn điều lệ sau khi kết thúc mỗi đợt bán cổ phần;

c) Bản sao hoặc bản chính nghị quyết hoặc quyết định, biên bản họp Hội đồng quản trị công ty cổ phần về việc đăng ký tăng vốn điều lệ công ty sau khi kết thúc mỗi đợt bán cổ phần;

d) Bản sao văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.

4. Trường hợp giảm vốn điều lệ, doanh nghiệp phải cam kết bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác sau khi giảm vốn. Trường hợp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên giảm vốn điều lệ theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 68 Luật Doanh nghiệp, hồ sơ đăng ký giảm vốn điều lệ phải kèm theo báo cáo tài chính gần nhất với thời điểm quyết định giảm vốn điều lệ.

5. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh trao giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

Điều 44. Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

1. Trường hợp thay đổi thành viên do tiếp nhận thành viên mới dẫn đến tăng vốn điều lệ công ty hoặc tiếp nhận thành viên mới do Hội đồng thành viên bán phần vốn góp chưa góp theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 47 Luật Doanh nghiệp, công ty nộp hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi công ty đặt trụ sở chính. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

- a) Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;
- b) Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Danh sách thành viên phải bao gồm chữ ký của thành viên mới và thành viên có phần vốn góp thay đổi, không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên có phần vốn góp không thay đổi;
- c) Bản sao hoặc bản chính nghị quyết hoặc quyết định của Hội đồng thành viên về việc thay đổi thành viên;
- d) Bản sao hoặc bản chính biên bản họp Hội đồng thành viên về việc thay đổi thành viên;
- đ) Giấy tờ chứng minh việc góp vốn của thành viên mới của công ty;
- e) Bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp thành viên mới là tổ chức.

Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;

g) Bản sao văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.

2. Trường hợp thay đổi thành viên do chuyển nhượng phần vốn góp, hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

- a) Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;
- b) Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Danh sách thành viên phải bao gồm chữ ký của thành viên mới và thành viên có phần vốn góp thay đổi, không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên có phần vốn góp không thay đổi;

c) Hợp đồng chuyển nhượng hoặc giấy tờ chứng minh việc hoàn tất chuyển nhượng; giấy tờ chứng minh năng lực tài chính của bên nhận chuyển nhượng;

d) Bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp thành viên mới là tổ chức.

Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;

đ) Bản sao văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.

3. Trường hợp thay đổi thành viên do thừa kế, hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;

b) Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Danh sách thành viên phải bao gồm chữ ký của thành viên mới và thành viên có phần vốn góp thay đổi, không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên có phần vốn góp không thay đổi;

c) Bản sao văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của người thừa kế;

d) Bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp người thừa kế là tổ chức.

Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;

đ) Bản sao văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.

4. Trường hợp thay đổi thành viên do có thành viên chưa góp vốn theo cam kết theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 47 Luật Doanh nghiệp, hồ sơ đăng ký bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;

b) Danh sách thành viên còn lại của công ty. Danh sách thành viên phải bao gồm chữ ký của thành viên có phần vốn góp thay đổi, không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên có phần vốn góp không thay đổi;

c) Bản sao hoặc bản chính nghị quyết hoặc quyết định của Hội đồng thành viên về việc thay đổi thành viên;

d) Bản sao hoặc bản chính biên bản họp Hội đồng thành viên về việc thay đổi thành viên;

đ) Bản sao văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.

5. Trường hợp thay đổi thành viên do tặng cho phần vốn góp

a) Trường hợp người được tặng cho phần vốn góp thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 6 Điều 53 Luật Doanh nghiệp, hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bao gồm các giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều này, trong đó, hợp đồng chuyển nhượng hoặc giấy tờ chứng minh việc hoàn tất chuyển nhượng được thay bằng hợp đồng tặng cho phần vốn góp;

b) Trường hợp người được tặng cho phần vốn góp thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản 6 Điều 53 Luật Doanh nghiệp, hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bao gồm các giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều này, trong đó, giấy tờ chứng minh việc góp vốn của thành viên mới của công ty được thay bằng hợp đồng tặng cho phần vốn góp.

6. Trường hợp thay đổi thành viên trong trường hợp thành viên sử dụng phần vốn góp để trả nợ

a) Trường hợp công ty đăng ký thay đổi thành viên do thành viên sử dụng phần vốn góp để trả nợ và người nhận thanh toán được Hội đồng thành viên chấp thuận trở thành thành viên công ty theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 53 Luật Doanh nghiệp, hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bao gồm các giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều này, trong đó, giấy tờ chứng minh việc góp vốn của thành viên mới của công ty được thay bằng bản sao hoặc bản chính văn bản thỏa thuận giữa thành viên và người nhận thanh toán về việc sử dụng phần vốn góp để trả nợ;

b) Trường hợp công ty đăng ký thay đổi thành viên do thành viên sử dụng phần vốn góp để trả nợ và người nhận thanh toán sử dụng phần vốn góp đó để chào bán và chuyển nhượng cho người khác theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 53 Luật Doanh nghiệp, hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bao gồm các giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều này kèm theo bản sao hoặc bản chính văn bản thỏa thuận giữa thành viên và người nhận thanh toán về việc sử dụng phần vốn góp để trả nợ.

7. Trường hợp thay đổi thành viên do công ty mua lại phần vốn góp của thành viên theo quy định tại Điều 51 Luật Doanh nghiệp, hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bao gồm các giấy tờ sau đây:

- a) Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;
- b) Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Danh sách thành viên phải bao gồm chữ ký của thành viên có phần vốn góp thay đổi, không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên cổ phần vốn góp không thay đổi;
- c) Bản sao hoặc bản chính hợp đồng mua lại phần vốn góp;
- d) Bản sao văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.

8. Trường hợp thay đổi thành viên do công ty có thành viên là tổ chức chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bao gồm các giấy tờ sau:

- a) Các giấy tờ quy định tại các điểm a, b, c, d, e và g khoản 1 Điều này;
- b) Các giấy tờ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 24 Nghị định này trong trường hợp chia công ty;
- c) Các giấy tờ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 24 Nghị định này trong trường hợp tách công ty;
- d) Các giấy tờ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 53 Nghị định này trong trường hợp sáp nhập công ty;
- đ) Các giấy tờ quy định tại điểm b khoản 3 Điều 24 Nghị định này trong trường hợp hợp nhất công ty. Nghị quyết hoặc quyết định chia, tách, hợp đồng hợp nhất, hợp đồng sáp nhập công ty phải thể hiện nội dung chuyển giao phần vốn góp trong công ty sang thành viên mới.

9. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh trao giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

Điều 45. Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

1. Trường hợp chủ sở hữu công ty chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ cho một cá nhân hoặc một tổ chức thì bên nhận chuyển nhượng phải nộp hồ sơ đăng

ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi công ty đặt trụ sở chính. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Giấy đề nghị đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chủ sở hữu cũ là cá nhân hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu là tổ chức và chủ sở hữu mới là cá nhân hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu là tổ chức ký;

b) Bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp người nhận chuyển nhượng là tổ chức.

Đối với chủ sở hữu là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;

c) Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp hoặc giấy tờ chứng minh việc hoàn tất chuyển nhượng; giấy tờ chứng minh năng lực tài chính của bên nhận chuyển nhượng;

d) Bản sao văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.

2. Trường hợp thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước, hồ sơ đăng ký thay đổi thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này, trong đó, hợp đồng chuyển nhượng hoặc giấy tờ chứng minh việc hoàn tất chuyển nhượng được thay bằng quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc thay đổi chủ sở hữu công ty.

3. Trường hợp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thay đổi chủ sở hữu do thừa kế thì người thừa kế nộp hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi công ty đặt trụ sở chính. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Giấy đề nghị đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chủ sở hữu là cá nhân mới hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu là tổ chức mới ký;

b) Bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp người thừa kế là tổ chức.

Đối với chủ sở hữu là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;

c) Bản sao văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của người thừa kế;

d) Bản sao văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.

4. Trường hợp thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thông qua hợp đồng tặng cho, hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bao gồm các giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều này, trong đó hợp đồng chuyển nhượng hoặc giấy tờ chứng minh việc hoàn tất chuyển nhượng được thay bằng hợp đồng tặng cho phần vốn góp.

5. Trường hợp thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chủ sở hữu công ty là tổ chức chia, tách, sáp nhập, hợp nhất công ty, hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bao gồm các giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều này, trong đó, hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp hoặc giấy tờ chứng minh việc hoàn tất chuyển nhượng phần vốn góp được thay bằng các giấy tờ sau:

a) Các giấy tờ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 24 Nghị định này trong trường hợp chia công ty;

b) Các giấy tờ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 24 Nghị định này trong trường hợp tách công ty;

c) Các giấy tờ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 53 Nghị định này trong trường hợp sáp nhập công ty;

d) Các giấy tờ quy định tại điểm b khoản 3 Điều 24 Nghị định này trong trường hợp hợp nhất công ty.

6. Trường hợp đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đồng thời đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật hoặc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp, hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp thì người có thẩm quyền ký giấy đề nghị, thông báo trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

a) Người có thẩm quyền ký giấy đề nghị đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Người có thẩm quyền ký văn bản ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp và giấy đề nghị đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật, giấy đề nghị, thông báo thay đổi nội dung khác trong hồ sơ đăng ký doanh

nghiệp là chủ sở hữu mới là cá nhân hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu mới là tổ chức.

7. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh trao giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

Điều 46. Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết

1. Trường hợp chủ doanh nghiệp tư nhân bán, tặng cho doanh nghiệp hoặc chủ doanh nghiệp tư nhân chết thì người mua, người được tặng cho, người thừa kế phải nộp hồ sơ đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

- a) Giấy đề nghị đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân;
- b) Hợp đồng mua bán hoặc biên bản thanh lý hợp đồng mua bán trong trường hợp bán doanh nghiệp tư nhân; hợp đồng tặng cho trong trường hợp tặng cho doanh nghiệp tư nhân; bản sao văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của người thừa kế trong trường hợp thừa kế.

2. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh trao giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

Điều 47. Đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân

Trường hợp tăng, giảm vốn đầu tư đã đăng ký, chủ doanh nghiệp tư nhân phải gửi giấy đề nghị đăng ký thay đổi vốn đầu tư đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh trao giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

Điều 48. Thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh

1. Trường hợp thay đổi ngành, nghề kinh doanh, doanh nghiệp gửi hồ sơ thông báo đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bao gồm các giấy tờ sau đây:

- a) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;

b) Bản sao hoặc bản chính nghị quyết hoặc quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh; của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thay đổi ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp;

c) Bản sao hoặc bản chính biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh; của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thay đổi ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh trao giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, cập nhật thông tin về ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ. Trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh cấp Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp đăng ký ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật Đầu tư, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh gửi văn bản cho cơ quan đăng ký đầu tư. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản, Cơ quan đăng ký đầu tư có trách nhiệm gửi ý kiến bằng văn bản về việc đáp ứng điều kiện tiếp cận thị trường của nhà đầu tư nước ngoài đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh.

Điều 49. Thông báo thay đổi thông tin cổ đông sáng lập của công ty cổ phần không phải là công ty niêm yết và công ty đăng ký giao dịch chứng khoán

1. Cổ đông sáng lập quy định tại khoản 4 Điều 4 Luật Doanh nghiệp là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong Danh sách cổ đông sáng lập nộp cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh tại thời điểm đăng ký thành lập doanh nghiệp.

2. Việc thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập với Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh chỉ thực hiện trong trường hợp cổ đông sáng lập chưa thanh toán hoặc chỉ thanh toán một phần số cổ phần đã đăng ký mua theo quy định tại Điều 113 Luật Doanh nghiệp. Doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn phải thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua.

3. Trường hợp thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập quy định tại khoản 2 Điều này, công ty gửi hồ sơ thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh

nghiệp đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi công ty đặt trụ sở chính. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;

b) Danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần, trong đó không bao gồm thông tin về cổ đông sáng lập chưa thanh toán số cổ phần đã đăng ký mua.

4. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh trao giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, cập nhật thông tin của cổ đông sáng lập trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. Trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh cấp Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp.

Điều 50. Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài của công ty cổ phần không phải là công ty niêm yết và công ty đăng ký giao dịch chứng khoán

1. Trường hợp công ty cổ phần không phải là công ty niêm yết và công ty đăng ký giao dịch chứng khoán thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Luật Doanh nghiệp, doanh nghiệp nộp hồ sơ thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;

b) Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài sau khi đã thay đổi. Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài phải bao gồm chữ ký của cổ đông có giá trị cổ phần thay đổi, không bắt buộc phải có chữ ký của cổ đông có giá trị cổ phần không thay đổi;

c) Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần hoặc giấy tờ chứng minh việc hoàn tất chuyển nhượng; giấy tờ chứng minh năng lực tài chính của bên nhận chuyển nhượng trong trường hợp chuyển nhượng cổ phần;

Bản sao trích lục sổ đăng ký cổ đông công ty hoặc giấy tờ chứng minh hoàn tất việc thanh toán cổ phần trong trường hợp cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần chào bán riêng lẻ;

d) Bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp cổ đông mới là tổ chức.

Đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;

đ) Bản sao văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.

2. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh trao giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, cập nhật thông tin về cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. Trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh cấp Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp.

Điều 51. Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế

1. Trường hợp doanh nghiệp thay đổi nội dung đăng ký thuế mà không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh, trừ thay đổi phương pháp tính thuế, doanh nghiệp gửi thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.

2. Sau khi tiếp nhận thông báo, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh trao giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, nhập dữ liệu vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và truyền thông tin sang Hệ thống thông tin đăng ký thuế trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. Trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh cấp Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp.

Điều 52. Thông báo thay đổi thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân, thông báo thay đổi người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu, thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn là tổ chức, cổ đông là tổ chức nước ngoài

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi có thông tin hoặc có thay đổi các thông tin về họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ liên lạc, số cổ phần và loại cổ phần của cổ đông là cá nhân nước ngoài; tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, số cổ phần và loại cổ phần của cổ đông là tổ chức nước ngoài, công ty cổ phần không phải là công ty niêm yết và công ty đăng ký giao dịch chứng khoán gửi thông báo bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính theo quy định tại khoản ... Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày hợp đồng cho thuê toàn bộ doanh nghiệp tư nhân có hiệu lực, chủ doanh nghiệp tư nhân phải gửi thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân kèm theo bản sao hợp đồng cho thuê có công chứng đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính theo quy định tại Điều 191 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có thay đổi về người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu, thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn là tổ chức, cổ đông là tổ chức nước ngoài, công ty gửi thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp và danh sách người đại diện theo ủy quyền đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.

4. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh trao giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, cập nhật thông tin của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. Trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh cấp Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp.

Điều 53. Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty bị tách, công ty nhận sáp nhập

1. Trường hợp tách công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần mà công ty bị tách thay đổi vốn điều lệ, số lượng thành viên, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài tương ứng với phần vốn góp, cổ phần và số lượng thành viên, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài giảm xuống, hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp của công ty bị tách phải có các giấy tờ tương ứng quy định tại Chương này và các giấy tờ quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 24 Nghị định này.

2. Trường hợp sáp nhập một hoặc một số công ty vào một công ty khác, hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp của công ty nhận sáp nhập phải có các giấy tờ tương ứng quy định tại Chương này và các giấy tờ sau đây:

a) Hợp đồng sáp nhập theo quy định tại Điều 201 Luật Doanh nghiệp;

b) Bản sao hoặc bản chính các giấy tờ sau đây: nghị quyết hoặc quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; biên bản họp và nghị quyết hoặc quyết định của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh; của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thông qua hợp đồng sáp nhập của công ty nhận sáp nhập;

c) Bản sao hoặc bản chính các giấy tờ sau đây: nghị quyết hoặc quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; biên bản họp và nghị quyết hoặc quyết định của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh; của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thông qua hợp đồng sáp nhập của công ty bị sáp nhập.

3. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh trao giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

Điều 54. Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh

1. Trường hợp thay đổi các nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, doanh nghiệp thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi đặt chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có thay đổi.

2. Trước khi đăng ký thay đổi địa chỉ đặt chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc chi nhánh, văn phòng đại diện trong khu công nghệ cao chuyên địa chỉ ra ngoài khu công nghệ cao và ngược lại dẫn đến thay đổi Cơ quan thuế quản lý, doanh nghiệp phải thực hiện các thủ tục về thuế với Cơ quan thuế liên quan đến việc chuyển địa điểm theo quy định của pháp luật về thuế.

3. Trường hợp thay đổi địa chỉ đặt chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, doanh nghiệp gửi hồ sơ đăng ký thay đổi đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh dự định chuyển đến.

4. Hồ sơ đăng ký thay đổi bao gồm giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

5. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký của doanh nghiệp, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh trao giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của hồ sơ, cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh hoặc Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh nếu doanh nghiệp có nhu cầu trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

6. Sau khi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty cổ phần thì các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh thực hiện đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động theo quy định tại Điều này.

7. Sau khi công ty trách nhiệm hữu hạn được chuyển đổi thành công ty cổ phần và ngược lại, doanh nghiệp tư nhân được chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh thì các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của những doanh nghiệp nêu trên thực hiện đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động theo quy định tại Điều này.

Điều 55. Thông báo cập nhật, bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp

1. Trường hợp doanh nghiệp cập nhật, bổ sung thông tin về chức danh, thông tin cá nhân của người đại diện theo pháp luật và các thông tin khác trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp mà không thuộc các trường hợp đăng ký thay đổi, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp quy định từ Điều 39 đến Điều 54 của Nghị định này thì doanh nghiệp gửi thông báo cập nhật, bổ sung thông tin đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh tiếp nhận thông báo, xem xét cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp cập nhật, bổ sung các thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh cấp Giấy trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

2. Trường hợp thay đổi địa giới hành chính làm thay đổi địa chỉ trụ sở chính, địa chỉ chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp thì doanh nghiệp không bắt buộc phải thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi địa chỉ với Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh. Doanh nghiệp gửi thông báo đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh để được xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh đã được cập nhật thông tin về địa chỉ khi có nhu cầu hoặc khi đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

3. Doanh nghiệp không phải trả lệ phí đăng ký doanh nghiệp và phí công bố trong trường hợp doanh nghiệp cập nhật, bổ sung thông tin sau:

a) Số điện thoại, số fax, thư điện tử, website của doanh nghiệp;

b) Địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp và địa chỉ chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh do thay đổi về địa giới hành chính;

c) Trường hợp doanh nghiệp cập nhật, bổ sung các thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp mà không làm thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh và không thuộc các trường hợp thông báo thay đổi quy định từ Điều 48 đến Điều 54 Nghị định này.

Điều 56. Thông báo thay đổi chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp

1. Trường hợp thay đổi thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp, doanh nghiệp gửi thông báo đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh.

2. Sau khi tiếp nhận hồ sơ của doanh nghiệp, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh trao giấy tiếp nhận và trả kết quả, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, cập nhật thông tin của chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh cấp Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp.

Điều 57. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp thông qua quyết định theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Trường hợp Hội đồng thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị công ty cổ phần thông qua các nghị quyết hoặc quyết định theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định của Luật Doanh nghiệp, bản sao hoặc bản chính biên bản họp trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp quy định tại Nghị định này được thay thế bằng bản sao hoặc bản chính báo cáo kết quả kiểm phiếu của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc biên bản kiểm phiếu của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần.

Điều 58. Các trường hợp Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh từ chối cấp đăng ký doanh nghiệp

1. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh từ chối cấp đăng ký doanh nghiệp nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Doanh nghiệp đã bị Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra thông báo về việc vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc đã bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

b) Doanh nghiệp đang trong quá trình giải thể theo quyết định của doanh nghiệp;

c) Doanh nghiệp đang trong tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”.

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh tiếp tục giải quyết thủ tục đăng ký với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này khi:

a) Doanh nghiệp đã có biện pháp khắc phục vi phạm theo yêu cầu trong thông báo về việc vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và được Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh chấp thuận hoặc đã được khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau khi bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

b) Doanh nghiệp phải đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp để phục vụ việc giải thể của doanh nghiệp theo quy định. Trong trường hợp này, hồ sơ đăng ký thay đổi phải kèm theo văn bản giải trình của doanh nghiệp về lý do đăng ký thay đổi và được Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh chấp thuận;

c) Doanh nghiệp không còn trong tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”.

3. Trường hợp Tòa án; Cơ quan thi hành án; Cơ quan điều tra, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự yêu cầu bằng văn bản về việc doanh nghiệp không được thực hiện một hoặc một số thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh từ chối cấp đăng ký doanh nghiệp khi doanh nghiệp thực hiện thủ tục đó cho đến khi có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của các tổ chức, cá nhân nêu trên về việc cho phép tiếp tục thực hiện thủ tục đăng ký.

Chương VI

HỒ SƠ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THÔNG BÁO TẠM NGỪNG KINH DOANH, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP, GIẢI THỂ DOANH NGHIỆP, THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

Điều 59. Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo đối với doanh nghiệp, chi nhánh, địa điểm kinh doanh, thông báo tạm ngừng hoạt động, tiếp tục hoạt động trước thời hạn đã thông báo đối với văn phòng đại diện

1. Trường hợp doanh nghiệp, chi nhánh, địa điểm kinh doanh tạm ngừng kinh doanh hoặc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, văn phòng đại diện tạm ngừng hoạt động hoặc tiếp tục hoạt động trước thời hạn đã thông báo, doanh nghiệp gửi hồ sơ thông báo đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đặt trụ sở chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày tạm ngừng kinh doanh, tạm ngừng hoạt

động hoặc tiếp tục kinh doanh, tiếp tục hoạt động trước thời hạn đã thông báo. Trường hợp doanh nghiệp, chi nhánh, địa điểm kinh doanh có nhu cầu tiếp tục tạm ngừng kinh doanh, văn phòng đại diện có nhu cầu tiếp tục tạm ngừng hoạt động sau khi hết thời hạn đã thông báo thì phải gửi hồ sơ thông báo tạm ngừng đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày tiếp tục tạm ngừng. Thời hạn tạm ngừng của mỗi lần thông báo không được quá 12 tháng.

2. Hồ sơ thông báo tạm ngừng kinh doanh của doanh nghiệp, chi nhánh, địa điểm kinh doanh, tạm ngừng hoạt động của văn phòng đại diện bao gồm các giấy tờ sau:

a) Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tạm ngừng hoạt động;

b) Bản sao hoặc bản chính nghị quyết hoặc quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh; của Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần về việc tạm ngừng kinh doanh trong trường hợp thông báo tạm ngừng kinh doanh của doanh nghiệp;

c) Bản sao hoặc bản chính biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh; của Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần về việc tạm ngừng kinh doanh trong trường hợp thông báo tạm ngừng kinh doanh của doanh nghiệp.

3. Hồ sơ thông báo tiếp tục kinh doanh, tiếp tục hoạt động trước thời hạn đã thông báo của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh bao gồm thông báo tiếp tục kinh doanh, tiếp tục hoạt động trước thời hạn đã thông báo.

4. Sau khi tiếp nhận hồ sơ thông báo, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh trao giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và cấp giấy xác nhận về việc doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh thông báo tạm ngừng kinh doanh, tạm ngừng hoạt động, giấy xác nhận về việc doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh thông báo tiếp tục kinh doanh, tiếp tục hoạt động trước thời hạn đã thông báo trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

5. Trường hợp doanh nghiệp thông báo tạm ngừng kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh cập nhật tình trạng pháp lý của doanh nghiệp và của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp đang ở tình trạng “Đang hoạt động” sang tình trạng “Tạm ngừng kinh doanh, hoạt động”.

6. Doanh nghiệp có thể thông báo tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo đồng thời với thông báo tiếp tục kinh doanh, tiếp tục hoạt động trước thời hạn đã thông báo đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh cập nhật tình trạng pháp lý của doanh nghiệp đồng thời với tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Điều 60. Tạm ngừng kinh doanh, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc doanh nghiệp kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài nhưng không đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra thông báo yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng hoặc chấm dứt kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài. Trường hợp doanh nghiệp không tạm ngừng, không chấm dứt kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài theo yêu cầu, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh yêu cầu doanh nghiệp báo cáo theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 216 Luật Doanh nghiệp.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc doanh nghiệp bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu tạm ngừng kinh doanh, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh hoặc chấp hành xong hình phạt, chấp hành xong biện pháp tư pháp theo quy định của pháp luật chuyên ngành, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và công bố trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Điều 61. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Trường hợp doanh nghiệp đã được cấp bản giấy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh, giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có nhu cầu được cấp lại các Giấy trên do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác, doanh nghiệp gửi văn bản đề nghị cấp lại đến Cơ quan đăng ký

kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đặt trụ sở. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh xem xét cấp lại trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.

Điều 62. Xử lý các trường hợp thực hiện không đúng quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục hoặc nội dung kê khai trong hồ sơ không trung thực, không chính xác

1. Trường hợp Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp không đúng quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thông báo cho doanh nghiệp, đồng thời thực hiện lại thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo đúng quy định. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện và thực hiện lại thủ tục đăng ký doanh nghiệp không đúng quy định.

2. Việc xử lý nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp không trung thực, không chính xác được thực hiện như sau:

a) Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp, hồ sơ đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo lập địa điểm kinh doanh là không trung thực, không chính xác, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra thông báo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh được cấp trên cơ sở hồ sơ đăng ký có nội dung kê khai không trung thực, không chính xác không có hiệu lực, đồng thời đăng tải thông báo trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thông báo cho Cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc doanh nghiệp kê khai hồ sơ không trung thực, không chính xác để phối hợp quản lý và xử lý theo quy định của pháp luật.

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh yêu cầu doanh nghiệp nộp hồ sơ mới thay hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp, hồ sơ đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo lập địa điểm kinh doanh kê khai không trung thực, không chính xác trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ra thông báo để được xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh. Doanh nghiệp có thể gộp các nội dung thay đổi hợp pháp của các lần đăng ký thay đổi trong một bộ hồ sơ để được cấp một lần đăng ký thay đổi mới. Trường hợp doanh nghiệp không nộp hồ sơ, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh yêu cầu doanh nghiệp báo cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 20 Nghị định này;

b) Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh hoặc thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp là không trung thực, không chính xác, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thông báo cho Cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phối hợp quản lý và xử lý theo quy định của pháp luật. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra thông báo về việc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh được cấp trên cơ sở hồ sơ đăng ký thay đổi, thông báo thay đổi có nội dung kê khai không trung thực, không chính xác là không có hiệu lực, đồng thời đăng tải thông báo trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trên cơ sở hồ sơ hợp lệ liền kề trước hồ sơ kê khai không trung thực, không chính xác.

Doanh nghiệp có thể gộp các nội dung thay đổi của hồ sơ đăng ký thay đổi có nội dung kê khai không trung thực, không chính xác và các lần đăng ký thay đổi, thông báo thay đổi sau đó trong một bộ hồ sơ để được cấp một lần đăng ký thay đổi, xác nhận thay đổi mới.

Trường hợp việc xử lý nội dung kê khai không trung thực, không chính xác có liên quan đến nhiều Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh trong phạm vi địa bàn quản lý thực hiện xử lý theo thẩm quyền đối với những hồ sơ đăng ký thay đổi hoặc thông báo thay đổi đã chấp thuận, đồng thời, thông báo kết quả đến cơ quan thuế và các Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh khác có liên quan để tiếp tục phối hợp xử lý, quản lý doanh nghiệp theo quy định.

Điều 63. Đăng ký giải thể doanh nghiệp đối với trường hợp quy định tại ... Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp

Việc đăng ký giải thể doanh nghiệp quy định tại ... Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp được thực hiện theo trình tự, thủ tục sau đây:

1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày thông qua nghị quyết hoặc quyết định giải thể quy định tại khoản 1 Điều 208 Luật Doanh nghiệp, doanh nghiệp gửi đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính các giấy tờ sau đây:

a) Nghị quyết hoặc quyết định giải thể của chủ doanh nghiệp tư nhân đối với doanh nghiệp tư nhân; của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh; nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc giải thể doanh nghiệp;

b) Biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh; của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc giải thể doanh nghiệp;

c) Phương án giải quyết nợ (nếu có).

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc quyết định giải thể, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thực hiện như sau:

a) Đăng tải nghị quyết hoặc quyết định giải thể đồng thời thông báo tình trạng doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể, tình trạng chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp;

b) Chuyển tình trạng pháp lý của doanh nghiệp sang tình trạng đang làm thủ tục giải thể, chuyển tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh sang tình trạng đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp;

c) Gửi thông tin về việc giải thể của doanh nghiệp, thông tin về việc đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cho Cơ quan thuế, cơ quan thi hành án dân sự.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của doanh nghiệp, doanh nghiệp gửi hồ sơ đăng ký giải thể doanh nghiệp đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Hồ sơ đăng ký giải thể doanh nghiệp bao gồm các giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 210 Luật Doanh nghiệp.

4. Trước khi nộp hồ sơ đăng ký giải thể doanh nghiệp, doanh nghiệp phải thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp tại Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi đặt chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

5. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký giải thể doanh nghiệp, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh gửi thông tin về việc doanh nghiệp đăng ký giải thể cho Cơ quan thuế. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin, Cơ quan thuế gửi ý kiến về việc hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế của doanh nghiệp đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể

từ ngày nhận hồ sơ đăng ký giải thể doanh nghiệp, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh chuyển tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sang tình trạng đã giải thể nếu không nhận được ý kiến của Cơ quan thuế hoặc nhận được ý kiến của Cơ quan thuế xác nhận doanh nghiệp đã hoàn thành nghĩa vụ thuế, đồng thời đăng tải thông báo về việc giải thể của doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp Cơ quan thuế có ý kiến từ chối do doanh nghiệp chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế theo quy định thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra thông báo cho doanh nghiệp biết.

6. Sau thời hạn 180 ngày kể từ ngày Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nhận được nghị quyết hoặc quyết định giải thể của doanh nghiệp mà Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh không nhận được hồ sơ đăng ký giải thể của doanh nghiệp, hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và ý kiến phản đối bằng văn bản của Cơ quan quản lý thuế hoặc tổ chức, cá nhân có liên quan khác, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh chuyển tình trạng pháp lý của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sang tình trạng đã giải thể, đã chấm dứt hoạt động, đồng thời ra thông báo doanh nghiệp đã giải thể, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đã chấm dứt hoạt động trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nêu trên.

7. Trong thời hạn 180 ngày kể từ ngày Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nhận được nghị quyết hoặc quyết định giải thể quy định tại Điều 208 Luật Doanh nghiệp và tình trạng pháp lý của doanh nghiệp chưa bị chuyển sang tình trạng đã giải thể trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, nếu doanh nghiệp không tiếp tục thực hiện giải thể, doanh nghiệp gửi thông báo về việc hủy bỏ nghị quyết hoặc quyết định giải thể đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Kèm theo thông báo phải có nghị quyết hoặc quyết định của chủ doanh nghiệp tư nhân đối với doanh nghiệp tư nhân, của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh; nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc hủy bỏ nghị quyết hoặc quyết định giải thể. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo về việc hủy bỏ nghị quyết hoặc quyết định giải thể doanh nghiệp, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh phải đăng tải thông báo và nghị quyết hoặc quyết định về việc hủy bỏ nghị quyết hoặc quyết định giải thể doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, đồng thời khôi phục tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại

diện, địa điểm kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và gửi thông tin cho Cơ quan thuế.

8. Đối với doanh nghiệp sử dụng con dấu do cơ quan công an cấp, doanh nghiệp có trách nhiệm trả con dấu, Giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu con dấu cho cơ quan công an theo quy định.

Điều 64. Đăng ký giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc nhận được quyết định giải thể của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thực hiện như sau:

a) Đăng tải quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định giải thể của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; thông báo tình trạng doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể, tình trạng chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo đề nghị của Cơ quan quản lý thuế;

b) Chuyển tình trạng pháp lý của doanh nghiệp sang tình trạng đang làm thủ tục giải thể; chuyển tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh sang tình trạng đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo đề nghị của Cơ quan quản lý thuế;

c) Gửi thông tin về việc giải thể của doanh nghiệp, chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cho Cơ quan thuế, cơ quan thi hành án dân sự.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp gửi hồ sơ đăng ký giải thể doanh nghiệp cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký giải thể doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều 63 Nghị định này.

3. Sau thời hạn 180 ngày kể từ ngày Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thông báo tình trạng doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp mà không nhận được hồ sơ đăng ký giải thể của doanh nghiệp, hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và ý kiến phản đối bằng văn bản của Cơ quan

quản lý thuế hoặc tổ chức, cá nhân và bên có liên quan khác, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh chuyển tình trạng pháp lý của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sang tình trạng đã giải thể, đã chấm dứt hoạt động đồng thời ra thông báo doanh nghiệp giải thể, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh chấm dứt hoạt động trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nêu trên.

Điều 65. Đăng ký chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh

1. Trước khi đăng ký chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện thì doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện phải thực hiện thủ tục với Cơ quan thuế để hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế.

2. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày quyết định chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, doanh nghiệp gửi hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi đặt chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

Hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh;

b) Bản sao hoặc bản chính nghị quyết hoặc quyết định về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của chủ sở hữu đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh; của Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần trong trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện;

c) Bản sao hoặc bản chính biên bản họp về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh; của Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần trong trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện.

3. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh gửi thông tin về việc chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động cho Cơ quan thuế. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin, Cơ quan thuế gửi ý kiến về việc hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế của chi nhánh, văn phòng đại diện đến Cơ

quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh chuyển tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sang tình trạng đã chấm dứt hoạt động nếu không nhận được ý kiến của Cơ quan thuế hoặc nhận được ý kiến của Cơ quan thuế về việc chi nhánh, văn phòng đại diện đã hoàn thành nghĩa vụ thuế, đồng thời ra thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện. Trường hợp Cơ quan thuế có ý kiến từ chối do chi nhánh, văn phòng đại diện chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế theo quy định thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra thông báo cho doanh nghiệp biết.

4. Trường hợp chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và chuyển tình trạng pháp lý của địa điểm kinh doanh sang tình trạng đã chấm dứt hoạt động trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký. Thông tin về việc chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh được Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để cập nhật.

5. Trước khi chấm dứt hoạt động chi nhánh, doanh nghiệp phải thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động của tất cả địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh tại Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi đặt địa điểm kinh doanh.

6. Việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp ở nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật nước đó. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày chính thức chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài, doanh nghiệp gửi thông báo bằng văn bản về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp ở nước ngoài đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh cập nhật thông tin của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo.

7. Trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đã bị Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra thông báo tình trạng đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động theo quy định của Nghị định này thì khi kết thúc thời hạn 180 ngày kể từ ngày Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thông báo tình trạng chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp mà không nhận được hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và ý kiến phản đối bằng văn bản của Cơ quan quản lý thuế hoặc tổ chức, cá nhân và bên có liên quan khác, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thực hiện chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm

kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, đồng thời ra thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh. Thông tin về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh được Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để cập nhật.

Điều 66. Chấm dứt tồn tại của công ty bị chia, công ty bị hợp nhất, công ty bị sáp nhập

1. Sau khi công ty mới được thành lập trên cơ sở chia công ty, công ty hợp nhất, công ty nhận sáp nhập được cấp đăng ký doanh nghiệp, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh chuyển tình trạng pháp lý của doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất, bị sáp nhập sang tình trạng “Đang làm thủ tục giải thể, bị chia, bị hợp nhất, bị sáp nhập” và chuyển tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh sang tình trạng đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh gửi thông tin cho Cơ quan thuế. Cơ quan thuế có trách nhiệm gửi thông tin cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh về việc doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đã hoàn thành việc quyết toán và chuyển giao nghĩa vụ thuế.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin của Cơ quan thuế về việc doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất, bị sáp nhập, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất, bị sáp nhập hoàn thành việc quyết toán và chuyển giao nghĩa vụ thuế, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thực hiện việc chấm dứt tồn tại của doanh nghiệp và chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

3. Trước khi chấm dứt tồn tại của doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất, bị sáp nhập thì tất cả các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất, bị sáp nhập phải được chấm dứt hoạt động.

4. Trường hợp sau khi sáp nhập doanh nghiệp mà nội dung đăng ký doanh nghiệp của công ty nhận sáp nhập không thay đổi, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc sáp nhập doanh nghiệp, công ty nhận sáp nhập gửi thông báo bằng văn bản đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi công ty nhận sáp nhập đặt trụ sở chính để thực hiện chấm dứt tồn tại của công ty bị sáp nhập. Kèm theo thông báo phải có các giấy tờ quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều 53 Nghị định này.

Điều 67. Xác định nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là giả mạo

1. Trường hợp có căn cứ xác định nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là giả mạo thì tổ chức, cá nhân liên quan gửi văn bản đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh đề nghị thu hồi theo quy định.

Tổ chức, cá nhân đề nghị thu hồi có trách nhiệm cung cấp cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh một trong các giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều này. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị quy định tại khoản này, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 68 và khoản 2 Điều 70 Nghị định này.

2. Giấy tờ xác định nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là giả mạo bao gồm:

a) Bản sao hoặc bản chính văn bản trả lời của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc văn bản do cơ quan có thẩm quyền đó cấp bị giả mạo;

b) Bản sao hoặc bản chính văn bản trả lời của cơ quan công an về việc nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là giả mạo.

3. Trường hợp cần xác định nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là giả mạo, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh gửi văn bản kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến cơ quan quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều này và thanh toán kịp thời, đầy đủ chi phí giám định theo quy định của pháp luật. Cơ quan quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều này có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về kết quả xác định theo đề nghị của Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.

Điều 68. Trình tự, thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung nội dung đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận thông báo tạm ngừng kinh doanh, Giấy xác nhận thông báo tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, Thông báo doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể, Thông báo về việc giải thể của doanh nghiệp

1. Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là giả mạo

a) Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp là giả mạo, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra thông báo về việc vi phạm của doanh nghiệp và quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh

nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 67 Nghị định này;

b) Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp là giả mạo, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra thông báo về việc vi phạm của doanh nghiệp và quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của lần đăng ký thay đổi hoặc Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp được cấp trên cơ sở nội dung kê khai là giả mạo trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 67 Nghị định này. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trên cơ sở hồ sơ hợp lệ liền kề trước hồ sơ đăng ký có nội dung kê khai là giả mạo.

Doanh nghiệp có thể gộp các nội dung thay đổi của hồ sơ đăng ký thay đổi, thông báo thay đổi có nội dung kê khai là giả mạo và các lần đăng ký thay đổi, thông báo thay đổi sau đó trong một bộ hồ sơ để được cấp một lần đăng ký thay đổi, xác nhận thay đổi mới.

Trường hợp việc xử lý nội dung kê khai giả mạo có liên quan đến nhiều Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh trong phạm vi địa bàn quản lý thực hiện xử lý theo thẩm quyền đối với những hồ sơ đăng ký thay đổi hoặc thông báo thay đổi đã chấp thuận, đồng thời, thông báo kết quả đến cơ quan thuế và các Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh khác có liên quan để tiếp tục phối hợp xử lý, quản lý doanh nghiệp theo quy định;

c) Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ thông báo tạm ngừng kinh doanh, nghị quyết hoặc quyết định giải thể, biên bản họp về việc giải thể doanh nghiệp, hồ sơ đăng ký giải thể doanh nghiệp là giả mạo, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra thông báo về việc vi phạm của doanh nghiệp và quyết định thu hồi Giấy xác nhận thông báo tạm ngừng kinh doanh, Giấy xác nhận thông báo tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, Thông báo doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể, Thông báo về việc giải thể của doanh nghiệp được cấp trên cơ sở nội dung kê khai là giả mạo trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 67 Nghị định này. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh khôi phục tình trạng pháp lý của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

2. Trường hợp doanh nghiệp do những người bị cấm thành lập doanh nghiệp theo quy định tại Điều ... Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp thành lập

a) Đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên:

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính ra thông báo về việc vi phạm đồng thời ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

b) Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần và công ty hợp danh:

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính ra thông báo yêu cầu doanh nghiệp đăng ký thay đổi thành viên hoặc thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng không được quyền thành lập doanh nghiệp trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo. Đối với cổ đông không phải là nhà đầu tư nước ngoài, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh yêu cầu doanh nghiệp báo cáo về việc thay đổi cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 20 Nghị định này. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nói trên mà doanh nghiệp không đăng ký thay đổi thành viên hoặc không báo cáo về việc thay đổi cổ đông thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra thông báo về việc vi phạm đồng thời ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

3. Trường hợp doanh nghiệp ngừng hoạt động kinh doanh 01 năm mà không thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh và Cơ quan thuế, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thông báo bằng văn bản về hành vi vi phạm và yêu cầu người đại diện theo pháp luật đến trụ sở của Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh để giải trình. Kết thúc thời hạn giải trình ghi trong thông báo mà người được yêu cầu không đến hoặc nội dung giải trình không được chấp thuận thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn giải trình. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trong việc xem xét nội dung giải trình về hành vi vi phạm của doanh nghiệp.

Trường hợp cần xác định rõ hành vi vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp thu hồi tại khoản này, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 6 Điều 20 Nghị định này.

4. Trường hợp doanh nghiệp không gửi báo cáo theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 216 Luật Doanh nghiệp thì trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn quy định tại điểm d khoản 1 Điều 212 Luật Doanh nghiệp, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thông báo bằng văn bản về hành vi vi phạm và yêu cầu người đại diện theo pháp luật đến trụ sở của Cơ quan

đăng ký kinh doanh cấp tỉnh để giải trình. Kết thúc thời hạn giải trình ghi trong thông báo mà người được yêu cầu không đến hoặc nội dung giải trình không được chấp thuận thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn giải trình. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trong việc xem xét nội dung giải trình về hành vi vi phạm của doanh nghiệp.

5. Trường hợp nhận được quyết định của Tòa án về thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định.

6. Trường hợp nhận được đề nghị của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của luật về thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra thông báo về việc vi phạm của doanh nghiệp và quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thu hồi của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của luật. Doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo đề nghị của Cơ quan quản lý thuế không thực hiện thủ tục giải thể, thủ tục chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh. Trong trường hợp này, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh chuyển tình trạng pháp lý của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh sang tình trạng “Bị thu hồi do cưỡng chế về quản lý thuế” trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

7. Trừ trường hợp doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp để thực hiện biện pháp cưỡng chế nợ thuế theo đề nghị của Cơ quan quản lý thuế, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thông báo tình trạng doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp đồng thời với việc ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sau khi nhận được quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp phải thực hiện thủ tục giải thể theo quy định tại Điều 209 Luật Doanh nghiệp và chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh theo quy định tại Điều 64 Nghị định này.

8. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thông báo cho Cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc vi phạm của doanh nghiệp để xem xét và xử lý theo quy định của pháp luật. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thực hiện đăng tải thông báo về việc vi phạm, quyết định thu hồi Giấy

chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung nội dung đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận thông báo tạm ngừng kinh doanh, Giấy xác nhận thông báo tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, Thông báo doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể, Thông báo về việc giải thể của doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ban hành, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh gửi thông báo về việc vi phạm, quyết định thu hồi các Giấy trên đến trụ sở chính của doanh nghiệp.

9. Doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương bị thu hồi nội dung đăng ký kinh doanh trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 212 Luật Doanh nghiệp. Trình tự, thủ tục thu hồi thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều này.

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra quyết định thu hồi nội dung đăng ký kinh doanh mà không thu hồi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương. Việc xử lý nội dung dự án đầu tư trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định thu hồi, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh gửi quyết định thu hồi đến Cơ quan đăng ký đầu tư.

Điều 69. Trình tự, thủ tục hủy bỏ quyết định thu hồi và khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

1. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra quyết định hủy bỏ quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đồng thời khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trong các trường hợp sau đây:

a) Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh xác định doanh nghiệp không thuộc trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

b) Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nhận được văn bản của cơ quan quản lý thuế đề nghị khôi phục tình trạng pháp lý của doanh nghiệp sau khi doanh nghiệp đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo đề nghị thu hồi của cơ quan quản lý thuế.

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra quyết định hủy bỏ quyết định thu hồi và khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đồng thời cập nhật tình trạng pháp lý của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm

kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày xác định doanh nghiệp không thuộc trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc nhận được văn bản đề nghị của cơ quan quản lý thuế. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc quyết định hủy bỏ quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và việc khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định hủy bỏ quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh gửi quyết định đến trụ sở chính của doanh nghiệp, đồng thời gửi thông báo về việc khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho cơ quan quản lý thuế, đăng tải thông báo, quyết định trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Điều 70. Trình tự, thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy xác nhận thông báo tạm ngừng kinh doanh, tạm ngừng hoạt động, thông báo tiếp tục kinh doanh, tiếp tục hoạt động, Thông báo chi nhánh, văn phòng đại diện đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động, Thông báo về việc chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động, hủy bỏ quyết định thu hồi và khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện

1. Chi nhánh, văn phòng đại diện bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong các trường hợp sau đây:

a) Nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký hoạt động hoặc hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện là giả mạo;

b) Ngừng hoạt động trên 12 tháng mà không thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh và Cơ quan thuế;

c) Theo quyết định của Tòa án;

d) Theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật.

2. Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký hoạt động hoặc hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện là giả mạo

a) Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện là giả mạo, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra thông báo về việc vi phạm của doanh nghiệp và quyết định thu hồi Giấy chứng nhận

đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 67 Nghị định này;

b) Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện là giả mạo, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra thông báo về việc vi phạm của doanh nghiệp và quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của lần đăng ký thay đổi, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện được cấp trên cơ sở nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi là giả mạo trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 67 Nghị định này. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trên cơ sở hồ sơ hợp lệ gần nhất liền kề trước hồ sơ đăng ký thay đổi có nội dung kê khai là giả mạo.

Doanh nghiệp có thể gộp các nội dung thay đổi của hồ sơ đăng ký thay đổi có nội dung kê khai là giả mạo và các lần đăng ký thay đổi, thông báo thay đổi sau đó trong một bộ hồ sơ để được cấp một lần đăng ký thay đổi, xác nhận thay đổi mới.

Trường hợp việc xử lý nội dung kê khai giả mạo có liên quan đến nhiều Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh trong phạm vi địa bàn quản lý thực hiện xử lý theo thẩm quyền đối với những hồ sơ đăng ký thay đổi đã chấp thuận, đồng thời, thông báo kết quả đến cơ quan thuế và các Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh khác có liên quan để tiếp tục phối hợp xử lý, quản lý chi nhánh, văn phòng đại diện theo quy định;

c) Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ thông báo tạm ngừng kinh doanh, thông báo tạm ngừng hoạt động, hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện là giả mạo, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra thông báo về việc vi phạm của doanh nghiệp và quyết định thu hồi Giấy xác nhận thông báo tạm ngừng kinh doanh, tạm ngừng hoạt động, thông báo tiếp tục kinh doanh, tiếp tục hoạt động, Thông báo chi nhánh, văn phòng đại diện đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động, Thông báo về việc chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động được cấp trên cơ sở nội dung kê khai là giả mạo trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 67 Nghị định này. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh khôi phục tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

3. Trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện ngừng hoạt động trên 12 tháng mà không báo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh và Cơ quan thuế

thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thông báo bằng văn bản về hành vi vi phạm và yêu cầu người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh để giải trình. Kết thúc thời hạn giải trình ghi trong thông báo mà người được yêu cầu không đến hoặc nội dung giải trình không được chấp thuận thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn giải trình. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trong việc xem xét nội dung giải trình của người đại diện theo pháp luật.

Trường hợp cần xác định rõ hành vi vi phạm đối với chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp thuộc trường hợp thu hồi tại khoản này, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 6 Điều 20 Nghị định này.

4. Trường hợp nhận được quyết định của Tòa án về thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định.

5. Trường hợp nhận được đề nghị của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của luật về thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra thông báo về việc vi phạm của doanh nghiệp và quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thu hồi của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của luật.

6. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thông báo cho Cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc vi phạm của doanh nghiệp để phối hợp quản lý và xử lý theo quy định của pháp luật. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh đăng tải thông báo về việc vi phạm, quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy xác nhận thông báo tạm ngừng kinh doanh, tạm ngừng hoạt động, thông báo tiếp tục kinh doanh, đăng ký tiếp tục hoạt động, Thông báo chi nhánh, văn phòng đại diện đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động, Thông báo về việc chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ban hành, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh gửi thông báo về việc vi phạm, quyết định thu hồi các Giấy trên đến trụ sở chính của doanh nghiệp.

7. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện đồng thời ra thông báo về việc chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh thuộc chi nhánh đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động, cập nhật tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh thuộc chi nhánh sang tình trạng đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động, trừ trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện để thực hiện biện pháp cưỡng chế nợ thuế theo đề nghị của cơ quan quản lý thuế.

8. Sau khi Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, doanh nghiệp phải thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh thuộc chi nhánh theo quy định tại Điều 65 Nghị định này, trừ trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện để thực hiện biện pháp cưỡng chế nợ thuế theo đề nghị của cơ quan quản lý thuế.

9. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp bị thu hồi nội dung đăng ký hoạt động trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

Trình tự, thủ tục thu hồi thực hiện theo quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều này. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra quyết định thu hồi nội dung đăng ký kinh doanh mà không thu hồi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp. Việc xử lý nội dung dự án đầu tư trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định thu hồi, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh gửi quyết định thu hồi đến Cơ quan đăng ký đầu tư để phối hợp quản lý nhà nước.

10. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra quyết định hủy bỏ quyết định thu hồi và khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 70 Nghị định này.

Điều 71. Đăng tải quyết định mở thủ tục phá sản, danh sách chủ nợ, quyết định tuyên bố doanh nghiệp phá sản của Tòa án

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định mở thủ tục phá sản của Tòa án, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh đăng tải quyết định trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, chuyển tình trạng pháp lý của doanh nghiệp sang tình trạng đang làm thủ tục phá sản, tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh sang tình trạng đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được danh sách chủ nợ, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh đăng tải danh sách chủ nợ trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định tuyên bố doanh nghiệp phá sản của Tòa án, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh đăng tải quyết định trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và chuyển tình trạng pháp lý của doanh nghiệp sang tình trạng đã phá sản, tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh sang tình trạng đã chấm dứt hoạt động trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

4. Thông tin về việc doanh nghiệp đang làm thủ tục phá sản hoặc đã phá sản và chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động hoặc đã chấm dứt hoạt động được truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để cập nhật.

Chương VII

CÔNG BỐ, CUNG CẤP THÔNG TIN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP, LIÊN THÔNG, KẾT NỐI VÀ CHIA SẼ THÔNG TIN

Điều 72. Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp

1. Các nội dung công bố quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 32 Luật Doanh nghiệp.

2. Thông tin công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp được đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

3. Việc đề nghị công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp và nộp phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp được thực hiện tại thời điểm doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp sẽ được hoàn trả phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp.

Điều 73. Cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp

1. Thông tin được cung cấp công khai, miễn phí trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp tại địa chỉ <https://dangkykinhdoanh.gov.vn>, bao gồm:

a) Tên doanh nghiệp; mã số doanh nghiệp; địa chỉ trụ sở chính; ngành, nghề kinh doanh; họ và tên người đại diện theo pháp luật; tình trạng pháp lý của doanh nghiệp;

b) Tên, mã số, địa chỉ, họ và tên người đứng đầu, tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; ngành, nghề kinh doanh của chi nhánh, địa điểm kinh doanh.

2. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Điều ... Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp gửi đề nghị cung cấp thông tin đến Cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh hoặc Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh để được cung cấp thông tin.

Cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh hoặc Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh có trách nhiệm cung cấp thông tin lưu trữ trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu theo quy định tại Điều ... Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp và thu phí, chi phí theo quy định.

Cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh cung cấp thông tin về doanh nghiệp lưu trữ trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh cung cấp thông tin về doanh nghiệp lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trong phạm vi địa phương quản lý.

Điều 74. Chuyển đổi dữ liệu đăng ký doanh nghiệp

1. Thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế lưu trữ tại tất cả Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh và thông tin về nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương đều phải được chuyển đổi vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Các thông tin đăng ký tại Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh, Cơ quan đăng ký đầu tư là thông tin gốc về doanh nghiệp khi thực hiện chuyển đổi dữ liệu.

2. Việc triển khai công tác chuyển đổi, bổ sung dữ liệu đăng ký doanh nghiệp được thực hiện theo kế hoạch của Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh.

Điều 75. Chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp

1. Chuẩn hóa dữ liệu là việc thực hiện các bước rà soát, kiểm tra, đối chiếu và bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp, tình trạng pháp lý của doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp đã được lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

2. Trên cơ sở thông tin đăng ký doanh nghiệp lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trong phạm vi địa phương quản lý, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh gửi thông báo về việc rà soát thông tin đăng ký doanh nghiệp, tình trạng pháp lý của doanh nghiệp đến doanh nghiệp, yêu cầu doanh nghiệp đối chiếu, bổ sung, cập nhật thông tin.

Trường hợp thông tin đăng ký doanh nghiệp và tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp bị thiếu hoặc chưa chính xác so với Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy, doanh nghiệp gửi thông báo bổ sung, cập nhật thông tin tới Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 55 Nghị định này trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh gửi thông báo. Doanh nghiệp chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của thông tin thông báo tới Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh.

3. Đối với dữ liệu của doanh nghiệp được chuyển đổi vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp mà hồ sơ đăng ký doanh nghiệp chưa được số hóa, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh chịu trách nhiệm số hóa, đặt tên văn bản điện tử tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và lưu trữ đầy đủ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

4. Việc triển khai công tác số hóa hồ sơ, chuẩn hóa dữ liệu, cập nhật và bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp được thực hiện theo kế hoạch của Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh.

Điều 76. Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp

1. Trường hợp doanh nghiệp phát hiện nội dung trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp chưa chính xác so với nội dung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp gửi văn bản đề nghị hiệu đính thông tin đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của doanh nghiệp nếu thông tin nêu tại văn bản đề nghị của doanh nghiệp là chính xác.

2. Trường hợp doanh nghiệp phát hiện nội dung thông tin đăng ký doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp bị thiếu hoặc chưa chính xác so với hồ sơ bản giấy của doanh nghiệp do quá trình chuyển đổi dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp gửi văn bản đề nghị hiệu đính đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi đặt trụ sở chính. Kèm theo văn bản đề nghị hiệu đính phải có bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh), Giấy phép đầu tư hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận văn bản đề nghị hiệu đính của doanh nghiệp, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh có trách nhiệm bổ sung, hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

3. Trường hợp Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh phát hiện nội dung trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp chưa chính xác so với nội dung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh gửi thông báo về việc hiệu đính nội dung trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đến doanh nghiệp và thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày gửi thông báo.

4. Trường hợp Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh phát hiện nội dung thông tin đăng ký doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp không có hoặc không chính xác so với hồ sơ bản giấy của doanh nghiệp do quá trình chuyển đổi dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi phát hiện, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh bổ sung, hiệu đính nội dung thông tin đăng ký doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

5. Đối với các trường hợp hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nêu tại khoản 1 và khoản 3 Điều này, thông tin sau khi được hiệu đính sẽ được đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

6. Việc hiệu đính thông tin trên Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh và các thông tin về đăng ký doanh nghiệp lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thực hiện tương tự quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này.

Điều 77. Cập nhật thông tin của doanh nghiệp thành lập theo luật chuyên ngành

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, sửa đổi, bổ sung hoặc thu hồi đăng ký của các doanh nghiệp hoạt động theo pháp luật chuyên ngành (sau đây gọi chung là cơ quan cấp phép chuyên ngành) có trách nhiệm cập nhật thông tin vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày cấp đăng ký thành lập, thay đổi nội dung hoặc thu hồi, giải thể. Các tổ chức này bao gồm tổ chức tín dụng, doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm và các tổ chức khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành (sau đây gọi chung là doanh nghiệp thành lập theo luật chuyên ngành).

2. Việc cập nhật thông tin doanh nghiệp thành lập theo luật chuyên ngành thực hiện thông qua kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu tự động giữa hệ thống thông tin của cơ quan cấp đăng ký chuyên ngành với Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp chưa thể thực hiện phương thức kết nối tự động hoặc phát sinh yêu cầu đặc thù, cơ quan cấp đăng ký chuyên ngành gửi thông tin cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh để cập nhật thông tin vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin về việc đăng ký thành lập, thay đổi nội dung hoặc thu hồi, giải thể của doanh nghiệp thành lập theo luật chuyên ngành, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh cập nhật thông tin vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Điều 78. Nguyên tắc thực hiện kết nối, chia sẻ thông tin

1. Thông tin của cơ quan nhà nước chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp. Thông tin chia sẻ phải bảo đảm tính cập nhật, chính xác theo quy định của pháp luật.

2. Việc kết nối, chia sẻ thông tin không làm ảnh hưởng tới quyền lợi và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan; phải sử dụng đúng mục đích, tuân thủ quy định về bảo mật, an ninh, an toàn thông tin mạng.

3. Cơ quan chủ quản Cơ sở dữ liệu quốc gia và Cơ sở dữ liệu chuyên ngành có trách nhiệm thực hiện các hoạt động quản lý thông tin, quản trị dữ liệu và đảm bảo khả năng sẵn sàng kết nối, chia sẻ thông tin với Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định này, quy định của pháp luật về quản lý, kết nối, chia sẻ thông tin, quy định của pháp luật liên quan.

4. Quy chế phối hợp quản lý, chia sẻ, kết nối thông tin về doanh nghiệp giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với Cơ sở dữ liệu quốc gia và Cơ sở dữ liệu của Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bao gồm:

- a) Danh mục các trường thông tin chia sẻ;
- b) Định dạng dữ liệu, định nghĩa và mô tả các thuộc tính có liên quan của trường thông tin;
- c) Phương thức, tần suất và thời gian cung cấp thông tin, cập nhật thông tin;
- d) Các điều kiện đảm bảo cho việc cung cấp, tiếp nhận dữ liệu, bao gồm: đặc điểm và tiêu chuẩn kỹ thuật của hạ tầng công nghệ thông tin ở nguồn cung cấp dữ liệu, nguồn nhân lực và tài chính;
- đ) Quy định về sử dụng và bảo mật dữ liệu, thông tin được cung cấp.

Điều 79. Phạm vi, các loại thông tin được cung cấp, chia sẻ

1. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được phân công, chịu trách nhiệm thiết lập, xây dựng quy chế kết nối, liên thông, chia sẻ thông tin thường xuyên, liên tục với Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp để kiểm tra, theo dõi, giám sát, tổng hợp tình hình của doanh nghiệp sau đăng ký thành lập. Các thông tin bao gồm:

Thông tin về cấp mới, thay đổi, thu hồi, chấm dứt hoạt động của giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, chứng chỉ hành nghề, giấy chứng nhận hoặc văn bản chấp thuận về điều kiện kinh doanh đã cấp cho doanh nghiệp và quyết định xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính của doanh nghiệp kể từ ngày ghi nhận trên hệ thống của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

2. Cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm phối hợp, chia sẻ thông tin về tình hình hoạt động doanh nghiệp thường xuyên, liên tục để nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước như sau:

a) Bộ Tài chính chia sẻ thông tin về tình hình hoạt động và nộp thuế của doanh nghiệp từ báo cáo thuế; báo cáo tài chính; thông tin về số lượng lao động đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của doanh nghiệp tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm; chậm đóng, trốn đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp của doanh nghiệp;

b) Bộ Nội vụ chia sẻ thông tin về tình hình thay đổi lao động trong các doanh nghiệp tại các địa phương tại cơ sở dữ liệu của cơ quan quản lý nhà nước về lao động;

c) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chia sẻ, cung cấp một số thông tin về tình hình dư nợ, nhóm nợ của doanh nghiệp.

Điều 80. Chia sẻ thông tin đăng ký doanh nghiệp cho cơ quan bảo hiểm xã hội và cơ quan được giao thẩm quyền quản lý nhà nước về lao động

1. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh là cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, khai trình việc sử dụng lao động. Sau khi thành lập, trường hợp thay đổi các thông tin có liên quan, doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện thực hiện đăng ký hoặc thông báo thay đổi với Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh, cơ quan bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật.

2. Việc chia sẻ thông tin giữa Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh và cơ quan bảo hiểm xã hội thực hiện như sau:

a) Sau khi cấp đăng ký thành lập doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh chia sẻ thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện và thông tin về tổng số lao động dự kiến, ngành, nghề kinh doanh, phương thức đóng bảo hiểm xã hội của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện cho cơ quan bảo hiểm xã hội;

b) Khi có sự thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh chia sẻ thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện cho cơ quan bảo hiểm xã hội.

3. Việc chia sẻ thông tin giữa Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh và cơ quan được giao thẩm quyền quản lý nhà nước về lao động thực hiện như sau:

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh chia sẻ thông tin về tên, mã số, địa chỉ, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, ngành, nghề kinh doanh chính và tổng số lao động dự kiến của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện được thành lập trên địa bàn cho Sở Nội vụ và Bộ Nội vụ để phục vụ quản lý nhà nước về lao động.

4. Cơ quan quản lý nhà nước về lao động, cơ quan bảo hiểm xã hội không yêu cầu doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện cung cấp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, các thông tin về đăng ký doanh nghiệp đã được chia sẻ từ Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh trừ tên, mã số doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện khi thực hiện các thủ tục hành chính có liên quan.

Điều 81. Khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp

1. Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức cung cấp dịch vụ công được yêu cầu khai thác và sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với mục tiêu phục vụ quản lý nhà nước, thực hiện thủ tục hành chính thông qua việc kết nối, chia sẻ thông tin với Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

2. Tổ chức, cá nhân không thuộc khoản 1 Điều này được yêu cầu khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và trả phí khai thác và sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

3. Bộ Tài chính quy định về mức phí khai thác và sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp đối với các trường hợp thuộc khoản 2 Điều này.

Chương VIII

HỘ KINH DOANH VÀ ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH

Điều 82. Quyền thành lập hộ kinh doanh

1. Hộ kinh doanh do một cá nhân hoặc các thành viên hộ gia đình đăng ký thành lập và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với hoạt động kinh doanh của hộ. Trường hợp hộ kinh doanh do các thành viên hộ gia đình đăng ký thành lập thì các thành viên ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên làm người đại diện hộ kinh doanh trong quá trình hoạt động kinh doanh. Văn bản ủy quyền của các thành viên hộ gia đình cho một thành viên làm người đại diện hộ kinh doanh phải được công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật.

2. Cá nhân, thành viên hộ gia đình là công dân Việt Nam có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của Bộ luật Dân sự có quyền thành lập hộ kinh doanh theo quy định tại Nghị định này, trừ các trường hợp sau đây:

a) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định;

b) Người không được thành lập hộ kinh doanh theo quy định của luật.

3. Hộ gia đình sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, làm muối và những người bán hàng rong, quà vặt, buôn chuyến, kinh doanh lưu động, kinh doanh thời vụ, làm dịch vụ có thu nhập thấp không phải đăng ký hộ kinh doanh, trừ trường hợp

kinh doanh các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định mức thu nhập thấp áp dụng trên phạm vi địa phương.

4. Trường hợp có nhu cầu thành lập hộ kinh doanh, các đối tượng tại khoản 3 Điều này đăng ký hộ kinh doanh theo quy định tại Nghị định này.

Điều 83. Nghĩa vụ đăng ký hộ kinh doanh

1. Cá nhân, thành viên hộ gia đình quy định tại khoản 2 Điều 82 Nghị định này chỉ được đăng ký một hộ kinh doanh trong phạm vi toàn quốc.

2. Người thành lập hộ kinh doanh, hộ kinh doanh có nghĩa vụ đăng ký hộ kinh doanh, báo cáo và các nghĩa vụ khác theo quy định tại Nghị định này, không được hoạt động dưới danh nghĩa hộ kinh doanh mà không đăng ký.

3. Trường hợp hộ kinh doanh do các thành viên hộ gia đình đăng ký thành lập thì chủ hộ kinh doanh thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh khi được tất cả thành viên thông qua nội dung đăng ký.

Điều 84. Quyền và nghĩa vụ của chủ hộ kinh doanh và thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh

1. Chủ hộ kinh doanh, các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh thực hiện các hoạt động kinh doanh của hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm liên đới đối với các hoạt động kinh doanh của hộ kinh doanh.

2. Chủ hộ kinh doanh có thể trực tiếp hoặc thuê người khác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của hộ kinh doanh. Trong trường hợp này, chủ hộ kinh doanh, các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh vẫn phải chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác phát sinh từ hoạt động kinh doanh của hộ kinh doanh.

3. Chủ hộ kinh doanh thực hiện các nghĩa vụ về thuế, nghĩa vụ tài chính, đại diện cho hộ kinh doanh với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án, thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

4. Chủ hộ kinh doanh, các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh được quyền góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp trong doanh nghiệp với tư cách cá nhân.

5. Chủ hộ kinh doanh, thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh không được đồng thời là chủ doanh nghiệp tư nhân.

6. Chủ hộ kinh doanh, thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh có quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

7. Quyền của chủ hộ kinh doanh và thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh trong một số trường hợp đặc biệt:

a) Trường hợp chủ hộ kinh doanh bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc thì chủ hộ kinh doanh ủy quyền cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đối với trường hợp hộ kinh doanh do một cá nhân thành lập hoặc các thành viên còn lại ủy quyền cho thành viên khác làm chủ hộ kinh doanh đối với trường hợp hộ kinh doanh do các thành viên hộ gia đình thành lập. Người được chủ hộ kinh doanh ủy quyền thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ hộ kinh doanh trong phạm vi được ủy quyền theo quy định của pháp luật về dân sự;

b) Trường hợp chủ hộ kinh doanh là cá nhân bị Tòa án tuyên bố bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi thì quyền, nghĩa vụ của chủ hộ kinh doanh được thực hiện thông qua người đại diện đối với trường hợp hộ kinh doanh do một cá nhân thành lập; các thành viên còn lại ủy quyền cho thành viên khác làm chủ hộ kinh doanh đối với trường hợp hộ kinh doanh do các thành viên hộ gia đình thành lập; trường hợp hộ kinh doanh có hai thành viên thì thành viên còn lại là chủ hộ kinh doanh. Người đại diện của chủ hộ kinh doanh thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ hộ kinh doanh trong phạm vi được đại diện theo quy định của pháp luật về dân sự.

Điều 85. Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh

1. Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh là văn bản bằng bản giấy hoặc bản điện tử mà Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã cấp cho hộ kinh doanh, ghi lại thông tin đăng ký hộ kinh doanh do người thành lập hộ kinh doanh, hộ kinh doanh đăng ký. Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh.

2. Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh được cấp cho hộ kinh doanh của hộ kinh doanh. Hộ kinh doanh được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh khi có đủ các điều kiện sau đây:

- a) Ngành, nghề kinh doanh không bị cấm đầu tư kinh doanh;
- b) Tên hộ kinh doanh được đặt theo đúng quy định tại Điều 86 Nghị định này;
- c) Có hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh hợp lệ;
- d) Nộp đủ lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

3. Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh được cấp trên cơ sở thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh do người thành lập hộ kinh doanh hoặc hộ kinh doanh tự kê khai và tự chịu trách nhiệm.

4. Hộ kinh doanh có quyền hoạt động kinh doanh kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, trừ trường hợp kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Trường hợp hộ kinh doanh đăng ký ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh của hộ kinh doanh sau ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh thì hộ kinh doanh được quyền hoạt động kinh doanh kể từ ngày đăng ký, trừ trường hợp kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh không phải là giấy phép kinh doanh.

5. Trường hợp hộ kinh doanh được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh mới thì Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh của các lần trước đó không còn hiệu lực.

6. Hộ kinh doanh có quyền yêu cầu Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã cấp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và nộp phí theo quy định.

7. Trường hợp sau 03 ngày làm việc kể từ ngày Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã tiếp nhận hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh mà Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã không cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc không ra thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ thì người thành lập hộ kinh doanh hoặc hộ kinh doanh có quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Điều 86. Tên hộ kinh doanh

1. Hộ kinh doanh có tên gọi riêng. Tên hộ kinh doanh bao gồm hai thành tố theo thứ tự sau đây:

- a) Cụm từ “Hộ kinh doanh”;
- b) Tên riêng của hộ kinh doanh.

Tên riêng được viết bằng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt, các chữ F, J, Z, W, có thể kèm theo chữ số, ký hiệu.

2. Không được sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc để đặt tên riêng cho hộ kinh doanh.

3. Không được sử dụng các cụm từ “công ty”, “tổng công ty”, “tập đoàn”, “doanh nghiệp” để đặt tên hộ kinh doanh.

4. Không được sử dụng tên thương mại, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý của tổ chức, cá nhân, hộ kinh doanh khác đã được bảo hộ để cấu thành tên riêng của hộ kinh doanh, trừ trường hợp được sự chấp thuận của chủ sở hữu tên thương mại, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý đó. Hộ kinh doanh tự chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu đặt tên hộ kinh doanh xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp. Việc xử lý tên hộ kinh doanh xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Hộ kinh doanh có tên vi phạm phải đăng ký thay đổi tên hộ kinh doanh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm yêu cầu. Trường hợp hộ kinh doanh không đăng ký thay đổi tên xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp theo yêu cầu, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu hộ kinh doanh báo cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 21 Nghị định này.

5. Ngoài tên tiếng Việt, hộ kinh doanh có thể đăng ký tên bằng tiếng nước ngoài hoặc tên viết tắt. Tên hộ kinh doanh bằng tiếng nước ngoài là tên được dịch từ tên tiếng Việt sang một trong những tiếng nước ngoài hệ chữ La-tinh. Khi dịch sang tiếng nước ngoài, tên riêng của hộ kinh doanh có thể giữ nguyên hoặc dịch theo nghĩa tương ứng sang tiếng nước ngoài. Tên viết tắt của hộ kinh doanh được viết tắt từ tên tiếng Việt hoặc tên bằng tiếng nước ngoài.

6. Tên tiếng Việt của hộ kinh doanh không được trùng với tên tiếng Việt của hộ kinh doanh đã đăng ký trong phạm vi xã, phường, đặc khu, trừ những hộ kinh doanh đã chấm dứt hoạt động. Tên trùng là tên tiếng Việt được viết hoàn toàn giống nhau, không kể chữ hoa hay chữ thường.

7. Việc thay đổi tên hộ kinh doanh không làm thay đổi quyền và nghĩa vụ của hộ kinh doanh.

8. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã có quyền chấp thuận hoặc từ chối tên dự kiến đăng ký của hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật. Ý kiến của Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã là quyết định cuối cùng về tên của hộ kinh doanh. Trường hợp không đồng ý với quyết định của Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã, người thành lập hộ kinh doanh, hộ kinh doanh có thể khởi kiện theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 87. Trụ sở và địa điểm kinh doanh của hộ kinh doanh

1. Trụ sở của hộ kinh doanh là nơi hộ kinh doanh thực hiện hoạt động kinh doanh và là địa chỉ liên lạc do hộ kinh doanh đăng ký để cơ quan quản lý nhà nước liên hệ, được xác định theo địa giới đơn vị hành chính trên lãnh thổ Việt Nam. Hộ kinh doanh có thể hoạt động kinh doanh ngoài trụ sở.

2. Địa điểm kinh doanh của hộ kinh doanh là nơi hộ kinh doanh tiến hành hoạt động kinh doanh cụ thể ngoài trụ sở. Một hộ kinh doanh có thể có nhiều địa điểm kinh doanh trong phạm vi cả nước.

3. Đối với hộ kinh doanh không có địa điểm kinh doanh cố định thì chọn một địa chỉ để đăng ký trụ sở và đăng ký không hoạt động kinh doanh tại trụ sở. Sau khi thành lập, trường hợp hộ kinh doanh phát sinh hoạt động kinh doanh tại một địa điểm cố định thì hộ kinh doanh phải đăng ký trụ sở tại nơi thực hiện hoạt động kinh doanh cố định.

Điều 88. Nguyên tắc áp dụng trong đăng ký hộ kinh doanh

1. Người thành lập hộ kinh doanh hoặc hộ kinh doanh tự kê khai hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác của các thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh và các báo cáo.

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, không chịu trách nhiệm về những vi phạm pháp luật của người thành lập hộ kinh doanh, hộ kinh doanh xảy ra trước và sau khi đăng ký hộ kinh doanh.

3. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã không giải quyết tranh chấp giữa các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh với nhau hoặc với tổ chức, cá nhân khác hoặc giữa hộ kinh doanh với tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghiêm cấm Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã và các cơ quan khác gây phiền hà đối với tổ chức, cá nhân trong khi tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục đăng ký hộ kinh doanh.

Điều 89. Ngành, nghề kinh doanh của hộ kinh doanh

1. Hộ kinh doanh được quyền tự do kinh doanh ngành, nghề mà luật không cấm. Đối với những ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, hộ kinh doanh chỉ được kinh doanh khi đáp ứng đủ các điều kiện đầu tư kinh doanh và phải đảm bảo duy trì đủ điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh.

2. Khi đăng ký thành lập hộ kinh doanh, khi đăng ký thay đổi ngành, nghề kinh doanh hoặc khi đề nghị cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, người thành lập hộ kinh doanh hoặc hộ kinh doanh ghi ngành, nghề trên giấy đề nghị đăng ký hộ kinh doanh và lựa chọn một ngành kinh tế cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam để ghi ngành, nghề kinh doanh chính. Đối với ngành, nghề kinh doanh khác ngành, nghề kinh doanh chính, người thành lập hộ kinh doanh hoặc hộ kinh doanh không phải ghi theo ngành kinh tế cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam. Đối với ngành, nghề đầu tư

kinh doanh có điều kiện được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì ngành, nghề kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã hướng dẫn, đối chiếu và ghi nhận ngành, nghề kinh doanh của hộ kinh doanh vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh.

3. Việc ghi ngành, nghề kinh doanh chính của hộ kinh doanh thực hiện theo quy định sau đây:

a) Nội dung cụ thể của ngành kinh tế cấp bốn thực hiện theo Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam theo quy định hiện hành;

b) Đối với những ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì ngành, nghề kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó;

c) Đối với những ngành, nghề kinh doanh chưa được quy định cụ thể trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam nhưng được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì ngành, nghề kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó;

d) Đối với những ngành, nghề kinh doanh chưa có trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam và chưa được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã xem xét ghi nhận ngành, nghề kinh doanh này vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh nếu không thuộc ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh, đồng thời thông báo cho Bộ Tài chính để nghiên cứu, bổ sung khi sửa đổi Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam;

đ) Trường hợp hộ kinh doanh có nhu cầu ghi ngành, nghề kinh doanh chi tiết hơn ngành kinh tế cấp bốn thì hộ kinh doanh lựa chọn một ngành kinh tế cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam, sau đó ghi chi tiết ngành, nghề kinh doanh của hộ kinh doanh dưới ngành cấp bốn nhưng phải đảm bảo ngành, nghề kinh doanh chi tiết của hộ kinh doanh thuộc ngành cấp bốn đã chọn. Trong trường hợp này, ngành, nghề kinh doanh của hộ kinh doanh là ngành, nghề kinh doanh chi tiết hộ kinh doanh đã ghi;

e) Việc ghi ngành, nghề kinh doanh quy định tại điểm b và điểm c khoản này thực hiện theo quy định tại điểm đ khoản này, trong đó, ngành, nghề kinh doanh chi tiết được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành.

4. Việc quản lý nhà nước đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và kiểm tra việc chấp hành điều kiện đầu tư kinh doanh của hộ kinh doanh thuộc thẩm quyền của cơ quan chuyên ngành theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 90. Số lượng hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh

1. Người thành lập hộ kinh doanh hoặc hộ kinh doanh nộp một bộ hồ sơ khi thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh.

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã không được yêu cầu người thành lập hộ kinh doanh hoặc hộ kinh doanh nộp thêm hồ sơ hoặc giấy tờ khác ngoài các giấy tờ trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh theo quy định tại Nghị định này.

Điều 91. Mã số hộ kinh doanh

1. Mã số hộ kinh doanh là dãy số được xác định là mã số thuế do Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế truyền sang Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh để cấp cho hộ kinh doanh khi đăng ký hộ kinh doanh. Mã số hộ kinh doanh được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

2. Việc truyền nhận thông tin về mã số hộ kinh doanh được thực hiện theo quy trình sau:

a) Khi hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh truyền thông tin đăng ký hộ kinh doanh sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế;

b) Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế nhận thông tin đăng ký hộ kinh doanh từ Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh truyền sang và tự động kiểm tra sự phù hợp của thông tin theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế.

Trường hợp thông tin phù hợp theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế, Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế truyền thông tin về mã số hộ kinh doanh và Cơ quan thuế quản lý trực tiếp hộ kinh doanh sang Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh đối với trường hợp thành lập hộ kinh doanh.

Trường hợp thông tin không phù hợp theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế, Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế tự động phản hồi về việc thông tin không phù hợp và truyền sang Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh để Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo cho hộ kinh doanh;

c) Trên cơ sở thông tin do Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế cung cấp, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; thông báo về Cơ quan thuế quản lý trực tiếp đối với trường hợp thành lập hộ kinh doanh.

3. Cơ quan quản lý nhà nước thống nhất sử dụng mã số hộ kinh doanh để thực hiện công tác quản lý nhà nước và trao đổi thông tin về hộ kinh doanh.

Điều 92. Sử dụng thông tin cá nhân được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trong thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh

1. Chủ hộ kinh doanh có nghĩa vụ kê khai các thông tin về họ và tên, ngày, tháng, năm sinh, số định danh cá nhân, giới tính của mình và thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh chính xác so với các thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và đồng ý chia sẻ thông tin cá nhân được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã, Cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh để phục vụ công tác quản lý nhà nước về đăng ký hộ kinh doanh theo quy định. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai có sai khác so với thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, chủ hộ kinh doanh hoặc các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để hiệu chỉnh thông tin trước khi thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh.

2. Trường hợp nộp hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh bằng bản giấy, chủ hộ kinh doanh, người được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh quy định tại Điều 93 Nghị định này xuất trình thẻ Căn cước công dân, thẻ căn cước hoặc sử dụng căn cước điện tử để thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh.

3. Trường hợp việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân của chủ hộ kinh doanh, thành viên hộ gia đình phải kèm theo bản sao thẻ Căn cước công dân, thẻ căn cước còn hiệu lực của cá nhân đó.

4. Các thông tin cá nhân được Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư chia sẻ với Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh bao gồm:

- a) Họ và tên;
- b) Ngày, tháng, năm sinh;
- c) Số định danh cá nhân;
- d) Giới tính;
- đ) Dân tộc;
- e) Quốc tịch;
- g) Nơi thường trú;
- h) Nơi ở hiện tại;

i) Các thông tin khác để phục vụ công tác quản lý nhà nước về đăng ký hộ kinh doanh.

5. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã, Cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh có quyền khai thác thông tin cá nhân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để giải quyết thủ tục đăng ký hộ kinh doanh và phải lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu theo quy định của pháp luật, đảm bảo an toàn, bảo mật và được sao lưu dự phòng đảm bảo tính đầy đủ, toàn vẹn của hồ sơ cho phép truy cập, sử dụng khi cần thiết hoặc để phục vụ công tác kiểm tra, đối chiếu, giải quyết tra soát, khiếu nại và cung cấp thông tin khi có yêu cầu từ cơ quan, tổ chức theo quy định.

Điều 93. Ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh

Chủ hộ kinh doanh có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh theo quy định sau đây:

1. Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh, kèm theo hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hộ kinh doanh. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.

2. Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh, kèm theo hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hộ kinh doanh, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hộ kinh doanh.

3. Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh thì khi thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và chủ hộ kinh doanh.

4. Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh thì việc ủy quyền thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 94. Phương thức đăng ký hộ kinh doanh

Chủ hộ kinh doanh hoặc người được ủy quyền đăng ký hộ kinh doanh với Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã theo một trong các phương thức sau đây:

1. Đăng ký trực tiếp tại Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã.
2. Đăng ký qua dịch vụ bưu chính.
3. Đăng ký trên môi trường điện tử.

Điều 95. Tiếp nhận, xử lý hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh trên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh theo phương thức đăng ký trực tiếp và đăng ký qua dịch vụ bưu chính

1. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã tiếp nhận hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh vào Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh. Hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh được tiếp nhận vào Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

- a) Có đủ giấy tờ theo quy định tại Nghị định này;
- b) Thông tin của hộ kinh doanh đã được kê khai đầy đủ vào các giấy tờ trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh;
- c) Có số điện thoại của người nộp hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh; Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh theo quy định tại Điều 93 Nghị định này thì người ủy quyền phải thực hiện xác thực điện tử để nộp hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh; Trường hợp việc xác thực điện tử bị gián đoạn thì hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh phải kèm theo bản sao thẻ căn cước hoặc căn cước công dân của người ủy quyền.

d) Đã nộp đủ lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nhập đầy đủ, chính xác thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, số hóa, đặt tên văn bản điện tử tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh bằng bản giấy và đính kèm lên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh.

3. Các thông tin đăng ký hộ kinh doanh trên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh được truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để phối hợp, trao đổi thông tin giữa Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã và Cơ quan thuế.

4. Thời hạn để hộ kinh doanh sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh là 60 ngày kể từ ngày Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu hộ kinh doanh không nộp hồ sơ sửa đổi, bổ sung thì hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh không còn giá trị. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh.

5. Hộ kinh doanh có thể dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh khi hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh chưa được chấp thuận trên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh. Trong trường hợp này, chủ hộ kinh doanh gửi văn bản đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi đã nộp hồ sơ. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã xem

xét, ra thông báo về việc dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh và hủy hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị. Trường hợp từ chối dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do từ chối.

Điều 96. Cấp đăng ký hộ kinh doanh theo quy trình dự phòng

1. Cấp đăng ký hộ kinh doanh theo quy trình dự phòng là việc cấp đăng ký hộ kinh doanh không thực hiện thông qua Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh. Việc cấp đăng ký hộ kinh doanh theo quy trình dự phòng được áp dụng trong các trường hợp sau:

- a) Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh đang trong quá trình xây dựng, nâng cấp;
- b) Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh gặp sự cố kỹ thuật;
- c) Các trường hợp bất khả kháng khác.

2. Căn cứ vào thời gian dự kiến khắc phục sự cố hoặc xây dựng, nâng cấp Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh, Bộ Tài chính thông báo trước về thời gian dự kiến để Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện việc cấp đăng ký hộ kinh doanh theo quy trình dự phòng, trừ trường hợp bất khả kháng.

3. Việc phối hợp giải quyết thủ tục cấp đăng ký hộ kinh doanh theo quy trình dự phòng giữa Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã và Cơ quan thuế thực hiện theo quy trình luân chuyển hồ sơ bằng bản giấy.

4. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bộ Tài chính về việc Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh hoàn thành việc xây dựng, nâng cấp hoặc khắc phục sự cố, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã phải cập nhật, bổ sung dữ liệu, thông tin đã cấp cho hộ kinh doanh theo quy trình dự phòng vào Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh.

Điều 97. Thanh toán lệ phí đăng ký hộ kinh doanh

1. Người nộp hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh nộp lệ phí tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh. Lệ phí được nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh hoặc chuyển vào tài khoản của Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã hoặc sử dụng dịch vụ thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Lệ phí không được hoàn trả cho hộ kinh doanh trong trường hợp hộ kinh doanh không được cấp đăng ký hộ kinh doanh.

2. Lệ phí đăng ký hộ kinh doanh không bao gồm tiền sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử.

3. Việc giải quyết các lỗi giao dịch phát sinh trong quá trình sử dụng dịch vụ thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia được thực hiện theo quy định của pháp luật về giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và quy chế quản lý, vận hành, khai thác Cổng dịch vụ công quốc gia.

4. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã có trách nhiệm phối hợp với tổ chức trung gian thanh toán hoặc ngân hàng thương mại thực hiện việc đối soát dữ liệu thanh toán qua hệ thống thanh toán trực tuyến của Cổng dịch vụ công quốc gia.

Điều 98. Tình trạng pháp lý của hộ kinh doanh

Các tình trạng pháp lý của hộ kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh bao gồm:

1. “Đang hoạt động” là tình trạng pháp lý của hộ kinh doanh đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh mà không thuộc tình trạng pháp lý quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này.

2. “Tạm ngừng kinh doanh” là tình trạng pháp lý của hộ kinh doanh đang trong thời gian tạm ngừng kinh doanh theo quy định tại Nghị định này.

3. “Bị thu hồi do cưỡng chế về quản lý thuế” là tình trạng pháp lý của hộ kinh doanh đã bị Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo đề nghị của Cơ quan quản lý thuế về thực hiện biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế.

4. “Đã chấm dứt hoạt động” là tình trạng pháp lý của hộ kinh doanh đã được Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo về việc chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh.

5. “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký” là tình trạng pháp lý của hộ kinh doanh được Cơ quan thuế lập biên bản xác minh về việc không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký. Thông tin về hộ kinh doanh không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký do Cơ quan thuế cung cấp cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Việc chuyển tình trạng pháp lý và kết thúc tình trạng pháp lý này do Cơ quan thuế quyết định, trừ trường hợp hộ kinh doanh đang thuộc tình trạng pháp lý quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 6 Điều này. Cơ quan thuế có trách nhiệm gửi thông tin về tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký” của hộ kinh doanh, địa điểm kinh doanh cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ghi nhận, cập nhật tình trạng pháp lý do Cơ quan thuế cung cấp vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh.

6. “Đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động” là tình trạng pháp lý của hộ kinh doanh đã được Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động.

Điều 99. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký thành lập hộ kinh doanh

1. Chủ hộ kinh doanh hoặc người được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh gửi hồ sơ đăng ký thành lập hộ kinh doanh đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi hộ kinh doanh đăng ký trụ sở.

2. Hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh bao gồm:

a) Giấy đề nghị đăng ký hộ kinh doanh;

b) Bản sao văn bản ủy quyền của thành viên hộ gia đình cho một thành viên làm chủ hộ kinh doanh đối với trường hợp hộ kinh doanh do các thành viên hộ gia đình đăng ký thành lập. Văn bản ủy quyền này phải được công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật.

3. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã trao Giấy biên nhận, kiểm tra điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định tại khoản 2 Điều 85 Nghị định này. Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và gửi thông báo về Cơ quan thuế quản lý trực tiếp hộ kinh doanh cho hộ kinh doanh trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện cấp, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo bằng văn bản cho người nộp hồ sơ trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. Thông báo phải nêu rõ lý do và các yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

Điều 100. Thông báo địa điểm kinh doanh của hộ kinh doanh

1. Trường hợp hộ kinh doanh có hoạt động kinh doanh tại địa điểm kinh doanh khác ngoài trụ sở, hộ kinh doanh thông báo địa điểm kinh doanh đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã tiếp nhận thông báo địa điểm kinh doanh, cập nhật thông tin địa điểm kinh doanh của hộ kinh doanh trên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh và truyền thông tin về địa điểm kinh doanh cho Cơ quan thuế.

2. Hộ kinh doanh thực hiện các nghĩa vụ thông báo khác của địa điểm kinh doanh theo pháp luật về thuế tại Cơ quan thuế.

Điều 101. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh

1. Chủ hộ kinh doanh có trách nhiệm đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh với Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có thay đổi một trong các nội dung sau đây:

- a) Tên hộ kinh doanh;
- b) Địa chỉ trụ sở;
- c) Chủ hộ kinh doanh;
- d) Thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh;
- đ) Vốn kinh doanh;
- e) Ngành, nghề kinh doanh;
- g) Nội dung đăng ký thuế của hộ kinh doanh, trừ phương pháp tính thuế.

2. Khi thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh quy định tại các điểm a, đ, e và g khoản 1 Điều này, hộ kinh doanh gửi hồ sơ đăng ký thay đổi đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Hồ sơ gồm giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh do chủ hộ kinh doanh ký.

3. Khi hộ kinh doanh thay đổi địa chỉ trụ sở, hộ kinh doanh gửi hồ sơ đăng ký thay đổi đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Hồ sơ gồm giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh do chủ hộ kinh doanh ký.

Trường hợp việc chuyển trụ sở dẫn đến thay đổi Cơ quan thuế quản lý trực tiếp hộ kinh doanh, hộ kinh doanh phải thực hiện thủ tục với Cơ quan thuế liên quan đến việc chuyển trụ sở theo quy định của pháp luật về thuế trước khi đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở với Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã.

4. Trường hợp thay đổi chủ hộ kinh doanh do các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh ủy quyền cho một trong các thành viên còn lại làm chủ hộ kinh doanh thì hộ kinh doanh gửi hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

- a) Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh;
- b) Bản sao văn bản ủy quyền của các thành viên hộ gia đình cho một thành viên làm chủ hộ kinh doanh. Văn bản ủy quyền này phải được công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp hộ kinh doanh do thành viên hộ gia đình đăng ký thành lập thay đổi chủ hộ do chủ hộ chết hoặc bị Tòa án tuyên bố đã chết, mất tích, bị hạn

chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi thì hồ sơ đăng ký thay đổi chủ hộ kinh doanh bao gồm các giấy tờ quy định tại khoản 4 Điều này, kèm theo bản sao giấy chứng tử hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố đã chết, mất tích, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

6. Trường hợp hộ kinh doanh có hai thành viên mà thành viên là chủ hộ kinh doanh chết hoặc bị Tòa án tuyên bố đã chết, mất tích, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi thì thành viên còn lại là chủ hộ kinh doanh. Hồ sơ đăng ký thay đổi chủ hộ kinh doanh trong trường hợp này gồm giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh và bản sao giấy chứng tử hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố đã chết, mất tích, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

7. Trường hợp thay đổi thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh, hộ kinh doanh gửi hồ sơ đăng ký thay đổi đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh;

b) Bản sao văn bản ủy quyền của thành viên mới cho chủ hộ kinh doanh trong trường hợp tiếp nhận thành viên mới. Văn bản ủy quyền này phải được công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật.

8. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký thay đổi, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã trao Giấy biên nhận và cập nhật thông tin thay đổi của hộ kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh. Trường hợp thay đổi các nội dung quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e khoản 1 Điều này, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh cho hộ kinh doanh trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung bằng văn bản cho hộ kinh doanh trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.

Điều 102. Đăng ký cập nhật, bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh

1. Khi đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh, hộ kinh doanh phải bổ sung thông tin còn thiếu về số điện thoại liên hệ trong hồ sơ đăng ký. Trường hợp hộ kinh doanh không bổ sung thông tin về số điện thoại liên hệ thì hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh được coi là không hợp lệ.

2. Trường hợp hộ kinh doanh cập nhật, bổ sung các thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh mà không thuộc các trường hợp quy định tại Điều 101 Nghị định này thì hộ kinh doanh gửi giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã tiếp nhận hồ sơ, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh. Trường hợp hộ kinh doanh cập nhật, bổ sung các thông tin trong hồ sơ có trên Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

3. Trường hợp thay đổi địa giới hành chính làm thay đổi địa chỉ trụ sở của hộ kinh doanh thì hộ kinh doanh được tiếp tục hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đã được cấp mà không bắt buộc phải thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở. Khi có nhu cầu hoặc khi đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh, hộ kinh doanh gửi giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã để được cập nhật thông tin về địa chỉ trụ sở và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

Điều 103. Các trường hợp không được thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh

1. Hộ kinh doanh không được thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Đã bị Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo về hành vi vi phạm của hộ kinh doanh thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc đã bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh;

b) Hộ kinh doanh đang trong tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”.

2. Hộ kinh doanh được tiếp tục thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh khi:

a) Đã có biện pháp khắc phục những vi phạm theo yêu cầu trong thông báo về hành vi vi phạm của hộ kinh doanh thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và được Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chấp nhận hoặc đã được khôi phục tình trạng pháp lý sau khi bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh;

b) Phải đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh để phục vụ việc chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh theo quy định. Trong trường hợp này, hồ sơ

đăng ký thay đổi phải kèm theo văn bản giải trình của hộ kinh doanh về lý do đăng ký thay đổi và được Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chấp nhận;

c) Hộ kinh doanh không còn trong tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”.

3. Trường hợp Tòa án; Cơ quan thi hành án; Cơ quan điều tra, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự yêu cầu bằng văn bản về việc hộ kinh doanh không được thực hiện một hoặc một số thủ tục đăng ký hộ kinh doanh thì hộ kinh doanh không được thực hiện thủ tục đó cho đến khi có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của các tổ chức, cá nhân nêu trên về việc cho phép tiếp tục thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh.

Điều 104. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã đăng ký của hộ kinh doanh

1. Trường hợp hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh từ 15 ngày trở lên hoặc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã đăng ký, hộ kinh doanh gửi hồ sơ đăng ký đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ít nhất 03 ngày làm việc trước ngày tạm ngừng kinh doanh hoặc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã đăng ký. Hồ sơ đăng ký bao gồm giấy đề nghị đăng ký tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã đăng ký. Trường hợp hộ kinh doanh có nhu cầu tiếp tục tạm ngừng kinh doanh sau khi hết thời hạn đã đăng ký thì phải gửi giấy đề nghị đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày tiếp tục tạm ngừng kinh doanh. Thời hạn tạm ngừng kinh doanh của mỗi lần đăng ký không được quá một năm.

2. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã trao Giấy biên nhận hồ sơ cho hộ kinh doanh. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã cấp giấy xác nhận về việc hộ kinh doanh đăng ký tạm ngừng kinh doanh, giấy xác nhận về việc hộ kinh doanh đăng ký tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã đăng ký cho hộ kinh doanh.

3. Trường hợp hộ kinh doanh đăng ký tạm ngừng kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã cập nhật tình trạng pháp lý của hộ kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh sang tình trạng tạm ngừng kinh doanh.

4. Trường hợp Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc hộ kinh doanh kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện nhưng không đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo yêu cầu hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

Trường hợp hộ kinh doanh không tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo yêu cầu, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu hộ kinh doanh báo cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 21 Nghị định này.

Điều 105. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh

1. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh

a) Trường hợp chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh, hộ kinh doanh gửi thông báo về việc chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo về việc chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã phải đăng tải thông báo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và thông báo tình trạng hộ kinh doanh đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, chuyển tình trạng pháp lý của hộ kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh sang tình trạng đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động và gửi thông tin về việc chấm dứt hoạt động của hộ kinh doanh cho Cơ quan thuế;

c) Hộ kinh doanh gửi hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh bao gồm thông báo chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh và thông báo của Cơ quan thuế về việc hộ kinh doanh hoàn thành thủ tục với Cơ quan thuế;

d) Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và chuyển tình trạng pháp lý của hộ kinh doanh sang tình trạng đã chấm dứt hoạt động trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, đồng thời ra thông báo về việc chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh cho hộ kinh doanh. Thông tin về việc chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh được Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để cập nhật;

đ) Hộ kinh doanh có trách nhiệm thanh toán đầy đủ các khoản nợ, gồm cả nợ thuế và nghĩa vụ tài chính khác trước khi nộp hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh trừ trường hợp hộ kinh doanh và chủ nợ có thỏa thuận khác;

e) Trong thời hạn 180 ngày kể từ ngày nhận được thông báo chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh và Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chưa chuyển tình trạng pháp lý của hộ kinh doanh sang tình trạng đã chấm dứt hoạt động trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh, nếu hộ kinh doanh không tiếp tục thực hiện chấm dứt hoạt động, hộ kinh doanh gửi thông báo hủy bỏ việc chấm

dứt hoạt động đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo hủy bỏ việc chấm dứt hoạt động, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã phải đăng tải thông báo hủy bỏ việc chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, khôi phục tình trạng pháp lý của hộ kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh và gửi thông tin hủy bỏ việc chấm dứt hoạt động cho Cơ quan thuế để cập nhật.

2. Sau 180 ngày kể từ ngày Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo tình trạng hộ kinh doanh đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp mà không nhận được hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh và ý kiến phản đối bằng văn bản của Cơ quan quản lý thuế hoặc tổ chức, cá nhân và bên có liên quan khác thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh, đồng thời ra thông báo về việc chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh. Thông tin về việc chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh được Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để cập nhật.

3. Chủ hộ kinh doanh chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh và những hệ quả phát sinh do hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh không trung thực, không chính xác gây ra.

4. Trường hợp hộ kinh doanh do một cá nhân thành lập mà cá nhân đó chết hoặc bị Tòa án tuyên bố đã chết thì hộ kinh doanh chấm dứt hoạt động. Người thừa kế hoặc người quản lý tài sản của chủ hộ kinh doanh theo quy định pháp luật nộp hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Hồ sơ bao gồm thông báo chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh kèm theo bản sao giấy chứng tử hoặc bản sao quyết định của Tòa án tuyên bố chủ hộ kinh doanh đã chết. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và thực hiện chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thông tin về việc chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh được Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để cập nhật. Việc xử lý các khoản nợ, gồm cả nợ thuế và nghĩa vụ tài chính khác của hộ kinh doanh thực hiện theo quy định của Nghị định này, pháp luật về dân sự và pháp luật có liên quan.

Điều 106. Các trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trong các trường hợp sau:

1. Nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập hộ kinh doanh là giả mạo;
2. Hộ kinh doanh do những người không được quyền thành lập hộ kinh doanh thành lập;
3. Hộ kinh doanh không gửi báo cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 21 Nghị định này đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn gửi báo cáo;
4. Ngừng hoạt động kinh doanh tại địa chỉ đăng ký quá 06 tháng mà không thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã, Cơ quan thuế quản lý trực tiếp;
5. Theo yêu cầu của Tòa án;
6. Theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của luật.

Điều 107. Xác định nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh là giả mạo

1. Trường hợp có căn cứ xác định nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh là giả mạo, tổ chức, cá nhân, hộ kinh doanh, thành viên hộ gia đình có quyền đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập hộ kinh doanh là giả mạo hoặc hủy bỏ Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh được cấp trên cơ sở các thông tin thay đổi giả mạo, đồng thời có trách nhiệm cung cấp cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã một trong các văn bản quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Văn bản xác định nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh là giả mạo bao gồm:

- a) Bản sao văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp văn bản trả lời văn bản do cơ quan đó cấp bị giả mạo;
- b) Bản sao văn bản trả lời của cơ quan công an về việc nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh là giả mạo.

3. Trường hợp cần xác định nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh là giả mạo, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã gửi văn bản kèm theo hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh đến cơ quan quy định tại khoản 2 Điều này và thanh toán kịp thời, đầy đủ chi phí giám định theo quy định của pháp luật. Các cơ quan có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về kết quả xác định theo đề nghị của Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.

Điều 108. Trình tự, thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh

1. Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh là giả mạo

a) Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập hộ kinh doanh là giả mạo, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo về hành vi vi phạm và ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 107 Nghị định này.

b) Trường hợp hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh là giả mạo, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo về hành vi vi phạm của hộ kinh doanh và quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh của các lần đăng ký thay đổi được cấp trên cơ sở nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi là giả mạo trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 107 Nghị định này. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã đăng tải thông báo vi phạm của hộ kinh doanh trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, thông báo cho Cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hành vi vi phạm của hộ kinh doanh để phối hợp quản lý và xử lý theo quy định của pháp luật, đồng thời cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trên cơ sở hồ sơ hợp lệ gần nhất trước đó.

Hộ kinh doanh có thể nộp lại hồ sơ để được xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh. Hộ kinh doanh có thể gộp các nội dung thay đổi hợp pháp của các lần đăng ký sau đó trong một bộ hồ sơ để được cấp một lần đăng ký thay đổi mới.

Trường hợp việc xử lý nội dung kê khai giả mạo có liên quan đến nhiều Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã trong phạm vi địa bàn quản lý thực hiện xử lý theo thẩm quyền đối với những hồ sơ đăng ký thay đổi đã chấp thuận, đồng thời, thông báo kết quả đến cơ quan thuế và các Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã khác có liên quan để tiếp tục phối hợp xử lý, quản lý hộ kinh doanh theo quy định.

2. Trường hợp hộ kinh doanh được thành lập bởi những người không được quyền thành lập hộ kinh doanh:

a) Nếu hộ kinh doanh do một cá nhân thành lập và cá nhân đó không được quyền thành lập hộ kinh doanh theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Nghị định này thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo về hành vi vi phạm và ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh;

b) Nếu hộ kinh doanh do các thành viên hộ gia đình thành lập và có thành viên không được quyền thành lập hộ kinh doanh theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Nghị định này thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo yêu cầu hộ kinh doanh đăng ký thay đổi cá nhân đó trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ra thông báo. Nếu quá thời hạn trên mà hộ kinh doanh không đăng ký thay đổi thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo về hành vi vi phạm và ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

3. Trường hợp hộ kinh doanh không gửi báo cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 21 Nghị định này thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn quy định tại khoản 3 Điều 106 Nghị định này, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo bằng văn bản về hành vi vi phạm và yêu cầu chủ hộ kinh doanh đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã để giải trình. Kết thúc thời hạn giải trình ghi trong thông báo mà người được yêu cầu không đến hoặc nội dung giải trình không được chấp thuận thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn giải trình.

4. Trường hợp hộ kinh doanh ngừng hoạt động kinh doanh tại địa chỉ đăng ký quá 06 tháng mà không thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã, Cơ quan thuế quản lý trực tiếp thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo bằng văn bản về hành vi vi phạm và yêu cầu chủ hộ kinh doanh đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã để giải trình. Kết thúc thời hạn giải trình ghi trong thông báo mà người được yêu cầu không đến hoặc nội dung giải trình không được chấp thuận thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn giải trình. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trong việc xem xét nội dung giải trình hành vi vi phạm của hộ kinh doanh.

Trường hợp cần xác định rõ hành vi vi phạm của hộ kinh doanh thuộc trường hợp thu hồi tại khoản này, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 21 Nghị định này.

5. Trường hợp Tòa án yêu cầu Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trên cơ sở yêu cầu của Tòa án trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu.

6. Trường hợp Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nhận được văn bản đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Cơ quan đăng

ký kinh doanh cấp xã thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 1 Điều này.

7. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo vi phạm, quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã gửi thông báo vi phạm, quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đến trụ sở của hộ kinh doanh, đồng thời gửi sang Cơ quan thuế để cập nhật và phối hợp quản lý.

8. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đồng thời ra thông báo về việc hộ kinh doanh đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động, cập nhật tình trạng pháp lý của hộ kinh doanh sang tình trạng đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động, trừ trường hợp hộ kinh doanh bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh để thực hiện biện pháp cưỡng chế nợ thuế theo đề nghị của Cơ quan quản lý thuế. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã đăng tải thông báo vi phạm, quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và thông báo về việc hộ kinh doanh đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

9. Sau khi Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh thì hộ kinh doanh không được tiếp tục hoạt động kinh doanh. Hộ kinh doanh phải thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh theo quy định tại Điều 105 Nghị định này.

Điều 109. Khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh sau khi hộ kinh doanh bị ra quyết định thu hồi

1. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra quyết định hủy bỏ quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đồng thời khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh của hộ kinh doanh trên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh trong các trường hợp sau đây:

a) Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã xác định hộ kinh doanh không thuộc trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh;

b) Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nhận được văn bản của Cơ quan quản lý thuế đề nghị khôi phục lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh sau khi hộ kinh doanh bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh do cưỡng chế nợ thuế trong trường hợp hộ kinh doanh chưa chuyển sang tình trạng pháp lý đã chấm dứt hoạt động trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh.

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra quyết định hủy bỏ quyết định thu hồi và khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh cho hộ kinh doanh trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày xác định hộ kinh doanh không

thuộc trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc nhận được văn bản đề nghị của Cơ quan quản lý thuế.

3. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định hủy bỏ quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã gửi quyết định nêu trên đến trụ sở của hộ kinh doanh, đồng thời gửi thông báo về việc hủy bỏ quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và khôi phục tình trạng pháp lý của hộ kinh doanh cho Cơ quan quản lý thuế, đăng tải thông báo, quyết định trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Điều 110. Xử lý các trường hợp thực hiện không đúng quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục hoặc thông tin trong hồ sơ là không trung thực, không chính xác

1. Trường hợp Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã xử lý hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh hoặc ra thông báo, quyết định không đúng quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục tại Nghị định này, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo tới hộ kinh doanh để biết, đồng thời thực hiện lại theo đúng quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục tại Nghị định này.

2. Việc xử lý trường hợp hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh kê khai không trung thực, không chính xác được thực hiện như sau:

a) Trường hợp thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập hộ kinh doanh là không trung thực, không chính xác, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo cho Cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phối hợp quản lý và xử lý theo quy định của pháp luật, đồng thời thông báo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh được cấp trên cơ sở hồ sơ đăng ký có thông tin kê khai không trung thực, không chính xác là không có hiệu lực. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã đăng tải thông báo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh không có hiệu lực trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu hộ kinh doanh nộp hồ sơ mới thay cho hồ sơ đăng ký thành lập kê khai không trung thực, không chính xác theo quy định trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ra thông báo để được xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh. Hộ kinh doanh có thể gộp các nội dung thay đổi hợp pháp của các lần đăng ký thay đổi trong một bộ hồ sơ để được cấp một lần đăng ký thay đổi mới. Trường hợp hộ kinh doanh không nộp hồ sơ, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu hộ kinh doanh báo cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 21 Nghị định này;

b) Trường hợp thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh là không trung thực, không chính xác, Cơ quan đăng ký

kinh doanh cấp xã thông báo cho Cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phối hợp quản lý và xử lý theo quy định của pháp luật, đồng thời thông báo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh được cấp trên cơ sở hồ sơ đăng ký có thông tin kê khai không trung thực, không chính xác là không có hiệu lực và cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trên cơ sở hồ sơ hợp lệ liền kề trước hồ sơ kê khai không trung thực, không chính xác. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã đăng tải thông báo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh không có hiệu lực trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Hộ kinh doanh có thể nộp hồ sơ mới để được xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh. Hộ kinh doanh có thể gộp các nội dung thay đổi hợp pháp của các lần đăng ký thay đổi liền kề sau hồ sơ kê khai không trung thực, không chính xác trong một bộ hồ sơ để được cấp một lần đăng ký thay đổi mới.

Trường hợp việc xử lý nội dung kê khai không trung thực, không chính xác có liên quan đến nhiều Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã trong phạm vi địa bàn quản lý thực hiện xử lý theo thẩm quyền đối với những hồ sơ đăng ký thay đổi đã chấp thuận, đồng thời, thông báo kết quả đến cơ quan thuế và các Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã khác có liên quan để tiếp tục phối hợp xử lý, quản lý hộ kinh doanh theo quy định.

Điều 111. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh

Trường hợp hộ kinh doanh có nhu cầu được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác, hộ kinh doanh gửi văn bản đề nghị cấp lại đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị. Khi được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, hộ kinh doanh phải nộp lệ phí theo quy định của pháp luật.

Điều 112. Đăng ký hộ kinh doanh trên môi trường điện tử

1. Đăng ký hộ kinh doanh trên môi trường điện tử là việc chủ hộ kinh doanh, người được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh trên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh.

2. Chủ hộ kinh doanh sử dụng tài khoản định danh điện tử theo quy định để đăng ký hộ kinh doanh trên môi trường điện tử.

Điều 113. Hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh trên môi trường điện tử

1. Hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh trên môi trường điện tử bao gồm các giấy tờ theo quy định tại Nghị định này và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử.

Hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh trên môi trường điện tử có giá trị pháp lý tương đương hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh bằng bản giấy.

2. Hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh trên môi trường điện tử phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ, thống nhất theo quy định và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh bằng bản giấy. Chủ hộ kinh doanh, thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh có thể sử dụng chữ ký số để ký trực tiếp trên văn bản điện tử hoặc ký trực tiếp trên văn bản giấy và quét (scan) văn bản giấy theo các định dạng quy định tại khoản 11 Điều 3 Nghị định này;

b) Các thông tin đăng ký hộ kinh doanh được kê khai trên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh phải được nhập đầy đủ và chính xác theo các thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh; trong đó có thông tin về số điện thoại, thư điện tử của người nộp hồ sơ;

c) Phải được ký xác thực bằng chữ ký số của chủ hộ kinh doanh hoặc người được chủ hộ kinh doanh ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh. Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh, hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh trên môi trường điện tử phải kèm theo các giấy tờ, tài liệu quy định tại Điều 93 Nghị định này.

3. Thời hạn để hộ kinh doanh sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh trên môi trường điện tử là 60 ngày kể từ ngày Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu hộ kinh doanh không nộp hồ sơ sửa đổi, bổ sung thì hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh không còn giá trị. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh.

Điều 114. Trình tự, thủ tục đăng ký hộ kinh doanh trên môi trường điện tử sử dụng chữ ký số

1. Người nộp hồ sơ sử dụng tài khoản định danh điện tử để truy cập vào Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh.

Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh qua mạng thông tin điện tử, người uỷ quyền phải thực hiện xác thực điện tử để nộp hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh qua mạng thông tin điện tử. Trường hợp việc xác thực điện tử bị gián đoạn thì hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh phải kèm theo bản sao thẻ căn cước hoặc căn cước công dân còn hiệu lực của người uỷ quyền.

2. Người nộp hồ sơ kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký xác thực hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh trên môi trường điện tử và thanh toán lệ phí theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh.

3. Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh trên môi trường điện tử.

4. Các thông tin đăng ký hộ kinh doanh trên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh được truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để phối hợp, trao đổi thông tin giữa Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã và Cơ quan thuế.

5. Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp đăng ký hộ kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện cấp đăng ký hộ kinh doanh và thông báo cho hộ kinh doanh về việc cấp đăng ký hộ kinh doanh. Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện cấp đăng ký hộ kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã gửi thông báo trên môi trường điện tử cho hộ kinh doanh để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

6. Hộ kinh doanh thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh trên môi trường điện tử có thể dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh theo quy định tại khoản 5 Điều 95 Nghị định này.

Điều 115. Chuẩn hóa dữ liệu đăng ký hộ kinh doanh

1. Chuẩn hóa dữ liệu là việc thực hiện các bước rà soát, kiểm tra đối chiếu và bổ sung, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh.

2. Căn cứ dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh đã được chuyển đổi và lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã gửi thông báo về việc rà soát thông tin đăng ký hộ kinh doanh đến hộ kinh doanh, yêu cầu hộ kinh doanh đối chiếu thông tin. Trường hợp thông tin đăng ký hộ kinh doanh tại thông báo bị thiếu hoặc chưa chính xác so với bản giấy của Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, hộ kinh doanh gửi giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo. Việc bổ sung, hiệu đính thông tin thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 116 Nghị định này.

Điều 116. Bổ sung, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh

1. Trường hợp hộ kinh doanh phát hiện nội dung trên Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh chưa chính xác so với nội dung hồ sơ đăng ký hộ kinh

doanh, hộ kinh doanh gửi giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy đề nghị của hộ kinh doanh nếu thông tin nêu tại giấy đề nghị của hộ kinh doanh là chính xác.

2. Trường hợp Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã phát hiện nội dung trên Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh chưa chính xác so với nội dung hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã gửi thông báo về việc hiệu đính nội dung trên Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đến hộ kinh doanh và cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh cho hộ kinh doanh trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày gửi thông báo.

3. Trường hợp hộ kinh doanh phát hiện thông tin đăng ký hộ kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh bị thiếu hoặc chưa chính xác so với bản giấy của giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký thuế, hộ kinh doanh gửi giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Kèm theo giấy đề nghị phải có bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký thuế. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của hộ kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã có trách nhiệm bổ sung, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh nếu thông tin nêu tại giấy đề nghị của hộ kinh doanh là chính xác.

4. Trường hợp Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã phát hiện thông tin đăng ký hộ kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh bị thiếu hoặc không chính xác so với bản giấy của giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký thuế, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi phát hiện, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã bổ sung, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh.

Điều 117. Cung cấp thông tin đăng ký hộ kinh doanh

Tổ chức, cá nhân có thể tra cứu thông tin đăng ký hộ kinh doanh miễn phí trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp tại địa chỉ www.dangkykinhdoanh.gov.vn, bao gồm: tên hộ kinh doanh; mã số hộ kinh doanh; địa chỉ trụ sở; ngành, nghề kinh doanh; họ và tên chủ hộ kinh doanh.

Chương IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 118. Xử lý hồ sơ tiếp nhận trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh đã được tiếp nhận và chưa được Cơ quan đăng ký kinh doanh chấp thuận trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì việc giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

Điều 119. Quy định chuyển tiếp đối với các doanh nghiệp hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế

Doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế được tiếp tục hoạt động theo nội dung các giấy chứng nhận nêu trên và không bắt buộc phải thực hiện thủ tục cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Doanh nghiệp được cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định này trong trường hợp sau đây:

1. Trường hợp doanh nghiệp thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp nộp hồ sơ đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi đặt trụ sở chính. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ tương ứng quy định tại Nghị định này. Đối với doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thì hồ sơ phải kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh tiếp nhận, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ, cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp theo quy định tương ứng tại Nghị định này;

2. Trường hợp doanh nghiệp thực hiện thủ tục thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo; đăng ký hoạt động, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, thông báo tạm ngừng kinh doanh, tạm ngừng hoạt động, tiếp tục kinh doanh, tiếp tục hoạt động trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính, doanh nghiệp nộp hồ sơ đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi đặt trụ sở chính. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ tương ứng quy định tại Nghị định này kèm theo giấy đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Đối với doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thì hồ sơ phải kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế. Cơ quan đăng ký kinh doanh

cấp tỉnh tiếp nhận, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ, cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh, giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp và các giấy xác nhận khác theo quy định tương ứng tại Nghị định này;

3. Trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp khác tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính, doanh nghiệp phải thực hiện thủ tục đăng ký quy định tại khoản 1 Điều này trước khi thực hiện thủ tục đăng ký hoạt động, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, thông báo tạm ngừng kinh doanh, tạm ngừng hoạt động, tiếp tục kinh doanh, tiếp tục hoạt động trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

Điều 120. Quy định chuyển tiếp đối với các doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương

1. Doanh nghiệp đã được cấp Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương được tiếp tục hoạt động theo nội dung các giấy chứng nhận nêu trên và không bắt buộc phải thực hiện thủ tục cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2. Doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương chuyển sang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp sau đây:

a) Trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh. Trong trường hợp này, doanh nghiệp nộp hồ sơ đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Hồ sơ bao gồm văn bản đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp; bản sao Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương; bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế của doanh nghiệp;

b) Trường hợp doanh nghiệp đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Trong trường hợp này, doanh nghiệp nộp hồ sơ đến Cơ quan đăng ký

kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ tương ứng với nội dung đăng ký, thông báo quy định tại Nghị định này và các giấy tờ quy định tại điểm a khoản này;

c) Trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh thay thế nội dung đăng ký hoạt động trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Trong trường hợp này, doanh nghiệp nộp hồ sơ đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ quy định tại điểm a khoản này và văn bản đề nghị bổ sung cập nhật thông tin đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp đối với trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện hoạt động theo giấy này, bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuê của chi nhánh, văn phòng đại diện;

d) Trường hợp doanh nghiệp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Trong trường hợp này, doanh nghiệp nộp hồ sơ đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ quy định tương ứng tại Nghị định này và các giấy tờ quy định tại điểm c khoản này.

3. Trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh khác tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính, doanh nghiệp phải thực hiện thủ tục cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này trước khi thực hiện thủ tục đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tại Cơ quan

đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi đặt chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh. Trong trường hợp này hồ sơ đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh thực hiện theo quy định tại các điểm b, c và d khoản 2 Điều này, trong đó không bao gồm các giấy tờ quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

4. Trường hợp doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương đăng ký giải thể, doanh nghiệp không bắt buộc phải thực hiện thủ tục cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Hồ sơ đăng ký giải thể trong trường hợp này bao gồm các giấy tờ tương ứng theo quy định tại khoản 1 Điều 210 Luật Doanh nghiệp và các giấy tờ quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

5. Trường hợp Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương có thông tin về địa điểm kinh doanh thì khi thực hiện cấp đổi sang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, doanh nghiệp sẽ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh nếu có nhu cầu.

6. Khi nhận được hồ sơ của doanh nghiệp, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh trao giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp và các giấy xác nhận khác theo quy định tương ứng tại Nghị định này.

Điều 121. Quy định chuyển tiếp đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh

1. Tổ chức tín dụng được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP trước ngày Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 có hiệu lực được tiếp tục hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã được cấp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của tổ chức tín dụng hết hiệu lực khi Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng.

2. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động tín dụng được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP trước ngày Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 có hiệu lực tiếp tục hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện đã được cấp. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện hết hiệu lực khi chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động tín dụng được Ngân hàng Nhà nước cấp văn bản chấp thuận về việc thay đổi.

Điều 122. Quy định chuyển tiếp đối với trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã được cấp có sử dụng thông tin từ chứng minh nhân dân, căn cước công dân

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã được cấp có sử dụng thông tin từ chứng minh nhân dân, căn cước công dân của chủ sở hữu, thành viên, cổ đông, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, người đại diện theo ủy quyền của thành viên, cổ đông là tổ chức được giữ nguyên giá trị sử dụng. Doanh nghiệp không bắt buộc phải đăng ký thay đổi thông tin về chứng minh nhân dân, căn cước công dân trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã được cấp.

Trường hợp có nhu cầu hoặc khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định này, doanh nghiệp gửi giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh để cập nhật thông tin về thẻ căn cước của chủ sở hữu, thành viên, cổ đông, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, người đại diện theo ủy quyền của thành viên, cổ đông là tổ chức.

Điều 123. Quy định chuyển tiếp về đăng ký hộ kinh doanh

1. Hộ kinh doanh đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì hành được tiếp tục hoạt động theo nội dung các giấy tờ trên. Hộ kinh doanh được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định tại Nghị định này trong trường hợp sau đây:

a) Trường hợp hộ kinh doanh thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh, hộ kinh doanh nộp hồ sơ đến Cơ quan đăng ký kinh

doanh cấp xã. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ tương ứng quy định tại Nghị định này. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ;

b) Trường hợp hộ kinh doanh thực hiện thủ tục đăng ký tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã đăng ký, hộ kinh doanh nộp hồ sơ đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ tương ứng quy định tại Nghị định này kèm theo giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

2. Trường hợp Cơ quan thuế sử dụng mã định danh cá nhân thay cho mã số thuế theo quy định của pháp luật về thuế thì hộ kinh doanh đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh sẽ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định tại Nghị định này, trong đó ghi nhận mã số mới do Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế truyền sang khi hộ kinh doanh thực hiện các thủ tục nêu tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp mua bán, tặng cho, thừa kế hộ kinh doanh được thực hiện trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, hộ kinh doanh gửi hồ sơ đăng ký thay đổi chủ hộ kinh doanh đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Thông báo thay đổi chủ hộ kinh doanh;

b) Hợp đồng mua bán hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc mua bán trong trường hợp bán hộ kinh doanh; hợp đồng tặng cho đối với trường hợp tặng cho hộ kinh doanh; bản sao văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của người thừa kế trong trường hợp thay đổi chủ hộ kinh doanh do thừa kế;

c) Bản sao văn bản ủy quyền của thành viên hộ gia đình cho một thành viên làm chủ hộ kinh doanh đối với trường hợp hộ kinh doanh do các thành viên hộ gia đình đăng ký thành lập. Văn bản ủy quyền này phải được công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật.

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã tiếp nhận hồ sơ đăng ký thay đổi và xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh cho hộ kinh doanh trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo bằng văn bản cho người nộp hồ sơ trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. Thông báo phải nêu rõ lý do và các yêu cầu sửa đổi, bổ sung.

4. Hộ kinh doanh do hộ gia đình, nhóm cá nhân thành lập đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì hành được tiếp tục hoạt động mà không bắt buộc phải đăng ký lại theo quy định tại Nghị định này.

5. Trường hợp hộ kinh doanh do nhóm cá nhân thành lập trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì hành đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã đăng ký, chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh thì thành phần hồ sơ phải bao gồm biên bản họp nhóm cá nhân tham gia hộ kinh doanh về nội dung đăng ký. Hộ kinh doanh nêu trên chỉ thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi thành viên nếu có thành viên không tiếp tục tham gia hộ kinh doanh.

6. Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đã được cấp có sử dụng thông tin từ chứng minh nhân dân, căn cước công dân của chủ hộ kinh doanh, thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh được giữ nguyên giá trị sử dụng. Hộ kinh doanh không bắt buộc phải đăng ký thay đổi thông tin về chứng minh nhân dân, căn cước công dân trong Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đã được cấp.

Trường hợp có nhu cầu hoặc khi thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh theo quy định tại Nghị định này, hộ kinh doanh gửi giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã để cập nhật thông tin về thẻ căn cước của chủ hộ kinh doanh, thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh.

Điều 124. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2025.

2. Nghị định này thay thế Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp và Nghị định số 122/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về phối hợp, liên thông thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, khai trình việc sử dụng lao động, cấp mã số đơn vị tham gia bảo hiểm xã hội, đăng ký sử dụng hóa đơn của doanh nghiệp.

3. Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 66 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư như sau: “Văn bản đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp gồm những nội dung: thông tin về đăng ký doanh nghiệp của tổ chức kinh tế mà nhà đầu tư nước ngoài dự kiến góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp; ngành, nghề kinh doanh; danh sách chủ sở hữu, thành viên, cổ đông sáng lập, danh sách chủ sở hữu, thành viên, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài

(nếu có); tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trước và sau khi góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp vào tổ chức kinh tế; giá trị giao dịch thực tế của hợp đồng góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp; thông tin về dự án đầu tư của tổ chức kinh tế (nếu có)".

4. Nghị định này ban hành kèm theo hệ thống biểu mẫu áp dụng trong đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh.

5. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu và các đối tượng áp dụng của Nghị định chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, ... (2).

Phụ lục I

BIỂU MẪU SỬ DỤNG TRONG ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2025 của Chính phủ)

Mẫu số 1	Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp Doanh nghiệp tư nhân
Mẫu số 2	Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên
Mẫu số 3	Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên
Mẫu số 4	Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần
Mẫu số 5	Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp Công ty hợp danh
Mẫu số 6	Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên
Mẫu số 7	Danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần
Mẫu số 8	Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài
Mẫu số 9	Danh sách thành viên công ty hợp danh
Mẫu số 10	Danh sách chủ sở hữu hưởng lợi trực tiếp của công ty
Mẫu số 11	Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp <i>(Dùng trong trường hợp đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; Bổ sung, cập nhật, thông tin đăng ký doanh nghiệp; Đề nghị hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp)</i>
Mẫu số 12	Giấy đề nghị đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật
Mẫu số 13	Giấy đề nghị đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân
Mẫu số 14	Giấy đề nghị đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên
Mẫu số 15	Thông báo về việc cho thuê doanh nghiệp tư nhân
Mẫu số 16	Giấy đề nghị đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/Thông báo lập địa điểm kinh doanh
Mẫu số 17	Thông báo về việc lập chi nhánh/văn phòng đại diện ở nước ngoài
Mẫu số 18	Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh
Mẫu số 19	Thông báo về việc phản hồi kết quả rà soát thông tin đăng ký doanh nghiệp, tình trạng pháp lý của doanh nghiệp



Mẫu số 20	Giấy đề nghị cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế
Mẫu số 21	Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương
Mẫu số 22	Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh hoạt động theo Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp
Mẫu số 23	Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán
Mẫu số 24	Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán/Chi nhánh công ty chứng khoán nước ngoài/công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam
Mẫu số 25	Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh/Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh
Mẫu số 26	Thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của doanh nghiệp/chi nhánh /địa điểm kinh doanh/về việc tạm ngừng hoạt động/tiếp tục hoạt động trước thời hạn đã thông báo của văn phòng đại diện
Mẫu số 27	Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh
Mẫu số 28	Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện ở nước ngoài
Mẫu số 29	Thông báo về việc giải thể doanh nghiệp
Mẫu số 30	Thông báo về việc huỷ bỏ Nghị quyết/Quyết định giải thể doanh nghiệp

Mẫu số 31	Giấy đề nghị công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp
Mẫu số 32	Giấy đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp
Mẫu số 33	Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường
Mẫu số 34	Thông báo thay đổi nội dung cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường
Mẫu số 35	Thông báo chấm dứt cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường
Mẫu số 36	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Doanh nghiệp tư nhân
Mẫu số 37	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên
Mẫu số 38	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên
Mẫu số 39	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần
Mẫu số 40	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty hợp danh
Mẫu số 41	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện
Mẫu số 42	Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh
Mẫu số 43	Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp
Mẫu số 44	Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh
Mẫu số 45	Giấy chứng nhận .../Giấy xác nhận ... (Dùng trong trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh/Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh do mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác)
Mẫu số 46	Thông báo về cơ quan thuế quản lý trực tiếp
Mẫu số 47	Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp
Mẫu số 48	Thông báo về việc dừng/từ chối dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp
Mẫu số 49	Thông báo yêu cầu doanh nghiệp báo cáo về việc tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp
Mẫu số 50	Thông báo về việc hiệu đính thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung

	đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh/Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện
Mẫu số 51	Thông báo về việc rà soát thông tin đăng ký doanh nghiệp, tình trạng pháp lý của doanh nghiệp
Mẫu số 52	Thông báo yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện
Mẫu số 53	Giấy xác nhận về việc doanh nghiệp thông báo tạm ngừng kinh doanh
Mẫu số 54	Giấy xác nhận về việc chi nhánh/địa điểm kinh doanh thông báo tạm ngừng kinh doanh/Về việc văn phòng đại diện thông báo tạm ngừng hoạt động
Mẫu số 55	Giấy xác nhận về việc doanh nghiệp thông báo tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo
Mẫu số 56	Giấy xác nhận chi nhánh/địa điểm kinh doanh thông báo tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo/Về việc văn phòng đại diện thông báo tiếp tục hoạt động trước thời hạn đã thông báo
Mẫu số 57	Giấy xác nhận về việc cho thuê doanh nghiệp tư nhân
Mẫu số 58	Thông báo yêu cầu thay đổi tên doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp
Mẫu số 59	Thông báo về việc vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp thu hồi
Mẫu số 60	Quyết định về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Mẫu số 61	Quyết định về việc huỷ bỏ quyết định thu hồi và khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện của doanh nghiệp
Mẫu số 62	Quyết định về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện
Mẫu số 63	Quyết định về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện của lần đăng ký thay đổi/Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện
Mẫu số 64	Quyết định về việc thu hồi Giấy xác nhận thông báo tạm ngừng kinh doanh, tạm ngừng hoạt động, tiếp tục kinh doanh, tiếp tục hoạt động/Thông báo doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể,

	chi nhánh, văn phòng đại diện đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động/Thông báo về việc giải thể của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động
Mẫu số 65	Thông báo về việc chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động
Mẫu số 66	Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh
Mẫu số 67	Thông báo về việc doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể
Mẫu số 68	Thông báo về việc doanh nghiệp đã giải thể/chấm dứt tồn tại
Mẫu số 69	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh
Mẫu số 70	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh trên môi trường điện tử
Mẫu số 71	Công bố nội dung đăng ký thành lập doanh nghiệp
Mẫu số 72	Công bố thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp
Mẫu số 73	Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp <i>(Áp dụng trong các trường hợp các loại công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp khác ngoài các nội dung Mẫu số 70, 71)</i>
Mẫu số 74	Thông báo về việc khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện
Mẫu số 75	Thông báo về việc cấp đăng ký doanh nghiệp
Mẫu số 76	Thông báo về việc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, đăng ký địa điểm kinh doanh/Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh không có hiệu lực
Mẫu số 77	Giấy đề nghị cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp
Mẫu số 78	Giấy đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh yêu cầu doanh nghiệp thay đổi tên doanh nghiệp, tên chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh
Mẫu số 79	Giấy đề nghị thu hồi giấy tờ do kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là giả mạo

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN

Kính gửi: (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh)

Tôi là¹ (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

Ngày, tháng, năm sinh: /..... /.....

Số định danh cá nhân:

Địa chỉ liên lạc:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Trường hợp không có số định danh cá nhân hoặc việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì đề nghị kê khai các thông tin cá nhân dưới đây:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Số Hộ chiếu/Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với cá nhân là người nước ngoài):

Ngày cấp: /.... /.... Nơi cấp:

Nơi thường trú:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Nơi ở hiện tại:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

¹ Trường hợp Tòa án hoặc Trọng tài chỉ định người thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì người được chỉ định kê khai thông tin vào phần này.

Xã/Phường/Đặc khu:
 Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:
 Điện thoại (nếu có): Thư điện tử (nếu có):

☐ Người Việt Nam định cư ở nước ngoài (đánh dấu x vào ô trống nếu chủ doanh nghiệp tư nhân là Người Việt Nam định cư ở nước ngoài)

Đăng ký doanh nghiệp tư nhân do tôi làm chủ với các nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp):

Thành lập mới

☐

Thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh

☐

Thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ cơ sở bảo trợ xã hội/quỹ xã hội/quỹ từ thiện²

☐

- **Thông tin về hộ kinh doanh được chuyển đổi (phải kê khai trong trường hợp thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh):**

Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):

Số Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Mã số thuế của hộ kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở hộ kinh doanh:

Tên chủ hộ kinh doanh:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân (kê khai theo giấy tờ pháp lý của cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):

☐ Chứng minh nhân dân

☐ Căn cước công dân

☐ Hộ chiếu

☐ Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân (kê khai theo giấy tờ pháp lý của cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):

Ngày cấp:/..../....Nơi cấp:Ngày hết hạn (nếu có):/..../....

- **Thông tin về cơ sở bảo trợ xã hội/quỹ xã hội/quỹ từ thiện được chuyển đổi (phải kê khai trong trường hợp thành lập doanh nghiệp xã hội trên cơ sở chuyển đổi từ cơ sở bảo trợ xã hội/quỹ xã hội/quỹ từ thiện):**

Tên cơ sở bảo trợ xã hội/quỹ xã hội/quỹ từ thiện (ghi bằng chữ in hoa):

² Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân trên cơ sở chuyển đổi từ cơ sở bảo trợ xã hội/quỹ xã hội/quỹ từ thiện qua mạng thông tin điện tử thì người nộp hồ sơ scan Giấy chứng nhận đăng ký thành lập (đối với cơ sở bảo trợ xã hội)/Giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ (đối với quỹ xã hội/quỹ từ thiện) trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử và nộp trực tiếp bản chính Giấy này tới Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Điều 24 Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày .../.../2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

Số Giấy chứng nhận đăng ký thành lập (Đối với cơ sở bảo trợ xã hội)/Số Giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ (Đối với quỹ xã hội/quỹ từ thiện): Ngày cấp: ... /... /..... Nơi cấp:

Mã số thuế của cơ sở bảo trợ xã hội/quỹ xã hội/quỹ từ thiện (*chỉ kê khai mã số thuế 10 số*):

Địa chỉ trụ sở chính:

Tên người đại diện cơ sở bảo trợ xã hội/quỹ xã hội/quỹ từ thiện:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân (*kê khai theo giấy tờ pháp lý của cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của cơ sở bảo trợ xã hội/quỹ xã hội/quỹ từ thiện*):

☐ Chứng minh nhân dân

☐ Căn cước công dân

☐ Hộ chiếu

☐ Loại khác (*ghi rõ*):.....

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân (*kê khai theo giấy tờ pháp lý của cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của cơ sở bảo trợ xã hội/quỹ xã hội/quỹ từ thiện*):

Ngày cấp: .../.../....Nơi cấp:Ngày hết hạn (*nếu có*): .../.../...

2. Tên doanh nghiệp:

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt (*ghi bằng chữ in hoa*):

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*):

Tên doanh nghiệp viết tắt (*nếu có*):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Điện thoại: Số fax (*nếu có*):

Thư điện tử (*nếu có*): Website (*nếu có*):

- Doanh nghiệp nằm trong (*Doanh nghiệp phải đánh dấu X vào ô vuông tương ứng với khu công nghệ cao nếu nộp hồ sơ tới Ban quản lý khu công nghệ cao*):

Khu công nghiệp

☐

Khu chế xuất

☐

Khu kinh tế

☐

Khu công nghệ cao

☐

☐ Doanh nghiệp xã hội (*Đánh dấu X vào ô vuông nếu là doanh nghiệp xã hội*)

4. Ngành, nghề kinh doanh (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

5. Vốn đầu tư:

Vốn đầu tư (bằng số; VND):.....

Vốn đầu tư (bằng chữ; VND):

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có, bằng số, loại ngoại tệ):.....

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? ☐ ố ☐ K ☐ g

Tài sản góp vốn:

STT	Tài sản góp vốn	Giá trị vốn của từng tài sản trong vốn đầu tư (bằng số, VND)	Tỷ lệ (%)
1	Đồng Việt Nam		
2	Ngoại tệ tự do chuyển đổi (ghi rõ loại ngoại tệ, số tiền được góp bằng mỗi loại ngoại tệ)		
3	Vàng		
4	Quyền sử dụng đất		
5	Quyền sở hữu trí tuệ		
6	Các tài sản khác (ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp)		
Tổng số			

6. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
6.1	Thông tin về Giám đốc/Tổng giám đốc (nếu có): Họ, chữ đệm và tên Giám đốc/Tổng giám đốc:..... Ngày, tháng, năm sinh:/...../..... Số định danh cá nhân: Điện thoại:.....

6.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có): Họ, chữ đệm và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán:..... Ngày, tháng, năm sinh:/...../..... Số định danh cá nhân: Điện thoại:.....
6.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ: Tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Đặc khu: Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương: Điện thoại (nếu có): Số fax (nếu có): Thư điện tử (nếu có):
6.4	Ngày bắt đầu hoạt động³ (trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....
6.5	Hình thức hạch toán (Đánh dấu X vào một trong hai ô “Hạch toán độc lập” hoặc “Hạch toán phụ thuộc”. Trường hợp chọn ô “Hạch toán độc lập” mà thuộc đối tượng phải lập và gửi báo cáo tài chính hợp nhất cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định thì chọn thêm ô “Có báo cáo tài chính hợp nhất”): Hạch toán độc lập ☐ Có báo cáo tài chính hợp nhất ☐ Hạch toán phụ thuộc ☐
6.6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/.....²⁴ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)
6.7	Tổng số lao động (dự kiến):
6.8	Hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT, BTL, O&M: Có ☐ Không ☐
6.9	Phương pháp tính thuế GTGT⁵: Khấu trừ ☐ Trực tiếp trên GTGT ☐

³ Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

⁴ - Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁵ Chỉ kê khai trong trường hợp thành lập mới. Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này, trừ trường hợp doanh nghiệp mua bán, chế tác vàng, bạc, đá quý có thể chọn thêm phương pháp trực tiếp trên GTGT ngoài các phương pháp khác (nếu có).

Trực tiếp trên doanh số	☐
Không phải nộp thuế GTGT	☐

7. Thông tin về việc đóng bảo hiểm xã hội⁶:

Phương thức đóng bảo hiểm xã hội (*chọn 1 trong 3 phương thức*):

☐ Hàng tháng ☐ 03 tháng một lần ☐ 06 tháng một lần

Lưu ý:

- Doanh nghiệp đăng ký ngành, nghề kinh doanh chính là nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp và trả lương theo sản phẩm, theo khoán: có thể lựa chọn 1 trong 3 phương thức đóng bảo hiểm xã hội: hàng tháng, 03 tháng một lần, 06 tháng một lần.

- Doanh nghiệp đăng ký ngành, nghề kinh doanh chính khác: đánh dấu vào phương thức đóng bảo hiểm xã hội hàng tháng.

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Cơ quan đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Tôi cam kết:

- Bản thân không thuộc diện cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, không đồng thời là chủ doanh nghiệp tư nhân khác, không là chủ hộ kinh doanh, không là thành viên công ty hợp danh;

- Trụ sở doanh nghiệp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của tôi và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

CHỦ DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN

(Ký và ghi họ tên)⁷

⁶ Không kê khai trong trường hợp thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi loại hình doanh nghiệp.

⁷ - Chủ doanh nghiệp tư nhân ký trực tiếp vào phần này.

- Trường hợp Tòa án hoặc Trọng tài chỉ định người thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì người được chỉ định ký trực tiếp vào phần này.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Kính gửi: (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh)

Tôi là¹ (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

Ngày, tháng, năm sinh: /...../

Số định danh cá nhân:

Địa chỉ liên lạc (chỉ kê khai nếu người đăng ký doanh nghiệp là người đại diện theo pháp luật):

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Trường hợp không có số định danh cá nhân hoặc việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì đề nghị kê khai các thông tin cá nhân dưới đây:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Số Hộ chiếu/Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với cá nhân là người nước ngoài):

Ngày cấp: /.... /.... Nơi cấp:

Nơi thường trú:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Nơi ở hiện tại:

¹ Trường hợp Tòa án hoặc Trọng tài chỉ định người thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì người được chỉ định kê khai thông tin vào phần này.

Số nhà/phòng, gác (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Điện thoại (nếu có): Thư điện tử (nếu có):

☐ Người Việt Nam định cư ở nước ngoài (đánh dấu x vào ô trống nếu người kê khai là chủ sở hữu công ty là cá nhân là Người Việt Nam định cư ở nước ngoài)

**Đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tôi
là người đại diện theo pháp luật/Chủ tịch công ty/Chủ tịch Hội đồng thành viên²
với các nội dung sau:**

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp):

Thành lập mới

☐

Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp

☐

Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp

☐

Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp

☐

Thành lập trên cơ sở chuyển đổi loại hình doanh nghiệp

☐

Thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh

☐

Thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ cơ sở bảo trợ xã hội/quỹ
xã hội/quỹ từ thiện³

☐

- Lý do chuyển đổi loại hình doanh nghiệp: (Quyết định của .../Thành viên không góp vốn/Tiếp nhận thành viên/cổ đông mới/...)

- Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi (phải kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp):

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

² Trường hợp đăng ký chuyển đổi loại hình doanh nghiệp đồng thời đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật thì Chủ tịch công ty/Chủ tịch Hội đồng thành viên của công ty sau chuyển đổi kê khai thông tin vào phần này.

Trường hợp đăng ký chuyển đổi loại hình doanh nghiệp đồng thời đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật thì Chủ tịch công ty/Chủ tịch Hội đồng thành viên của công ty sau chuyển đổi kê khai thông tin vào phần này.

³ Trường hợp đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên trên cơ sở chuyển đổi từ cơ sở bảo trợ xã hội/quỹ xã hội/quỹ từ thiện qua mạng thông tin điện tử thì người nộp hồ sơ scan Giấy chứng nhận đăng ký thành lập (đối với cơ sở bảo trợ xã hội)/Giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ (đối với quỹ xã hội/quỹ từ thiện) trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử và nộp trực tiếp bản chính Giấy này tới Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Điều 24 Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày .../.../2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*): Ngày cấp .../.../..... Nơi cấp:

Đề nghị Quý Cơ quan thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất.

- Thông tin về hộ kinh doanh được chuyển đổi (*phải kê khai trong trường hợp thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh*):

Tên hộ kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*):

Số Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Mã số thuế của hộ kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở hộ kinh doanh:

Tên chủ hộ kinh doanh:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân (*kê khai theo giấy tờ pháp lý của cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh*):

☐ Chứng minh nhân dân

☐ Căn cước công dân

☐ Hộ chiếu

☐ Loại khác (*ghi rõ*):.....

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân (*kê khai theo giấy tờ pháp lý của cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh*):

Ngày cấp: .../.../....Nơi cấp:Ngày hết hạn (*nếu có*): .../.../...

- Thông tin về cơ sở bảo trợ xã hội/quỹ xã hội/quỹ từ thiện được chuyển đổi (*phải kê khai trong trường hợp thành lập doanh nghiệp xã hội trên cơ sở chuyển đổi từ cơ sở bảo trợ xã hội/quỹ xã hội/quỹ từ thiện*):

Tên cơ sở bảo trợ xã hội/quỹ xã hội/quỹ từ thiện (*ghi bằng chữ in hoa*):

Số Giấy chứng nhận đăng ký thành lập (Đối với cơ sở bảo trợ xã hội)/Số Giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ (Đối với quỹ xã hội/quỹ từ thiện):
Ngày cấp: ... /... /..... Nơi cấp:

Mã số thuế của cơ sở bảo trợ xã hội/quỹ xã hội/quỹ từ thiện (*chỉ kê khai mã số thuế 10 số*):

Địa chỉ trụ sở chính:

Tên người đại diện cơ sở bảo trợ xã hội/quỹ xã hội/quỹ từ thiện:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân (*kê khai theo giấy tờ pháp lý của cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của cơ sở bảo trợ xã hội/quỹ xã hội/quỹ từ thiện*):

☐ Chứng minh nhân dân

☐ Căn cước công dân

☐ Hộ chiếu

☐ Loại khác (*ghi rõ*):.....

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân (*kê khai theo giấy tờ pháp lý của cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của cơ sở bảo trợ xã hội/quỹ xã hội/quỹ từ thiện*):

Ngày cấp: .../.../....Nơi cấp:Ngày hết hạn (nếu có): .../.../...

2. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (*ghi bằng chữ in hoa*):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Điện thoại: Số fax (nếu có):

Thư điện tử (nếu có): Website (nếu có):

- Doanh nghiệp nằm trong (*Doanh nghiệp phải đánh dấu X vào ô vuông tương ứng với khu công nghệ cao nếu nộp hồ sơ tới Ban quản lý khu công nghệ cao*):

Khu công nghiệp	☐
Khu chế xuất	☐
Khu kinh tế	☐
Khu công nghệ cao	☐

☐ Doanh nghiệp xã hội (*Đánh dấu X vào ô vuông nếu là doanh nghiệp xã hội*)

☐ Công ty chứng khoán/Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán/Công ty đầu tư chứng khoán: (*Đánh dấu X nếu là Công ty chứng khoán/Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán/Công ty đầu tư chứng khoán và kê khai thêm các thông tin sau đây*)

Giấy phép thành lập và hoạt động số: ... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày: .../.../..... (nếu có)

- Doanh nghiệp có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại đảo và xã, phường biên giới; xã, phường ven biển; khu vực khác có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh ☐ Có ☐ Không

4. Ngành, nghề kinh doanh (*ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam*):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính
-----	-----------	----------	------------------------------

⁴ Kê khai trong trường hợp có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào doanh nghiệp dẫn đến thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

			(đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

5. Chủ sở hữu:

a) Đối với chủ sở hữu là cá nhân:

- Thông tin về chủ sở hữu:

Họ, chữ đệm và tên chủ sở hữu (ghi bằng chữ in hoa):

Ngày, tháng, năm sinh: /...../

Số định danh cá nhân:

Trường hợp không có số định danh cá nhân hoặc việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì đề nghị kê khai các thông tin cá nhân dưới đây:

Giới tính:	Dân tộc:	Quốc tịch:
Số Hộ chiếu/Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với cá nhân là người nước ngoài):		
Ngày cấp: / / Nơi cấp:		
Nơi thường trú:		
Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:		
Tổ/xóm/ấp/thôn:		
Xã/Phường/Đặc khu:		
Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:		
Nơi ở hiện tại:		
Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:		
Tổ/xóm/ấp/thôn:		
Xã/Phường/Đặc khu:		
Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:		
Điện thoại (nếu có): Thư điện tử (nếu có):		

- Thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (chỉ kê khai nếu chủ sở hữu là nhà đầu tư nước ngoài):

Mã số dự án:

Ngày cấp: / / Cơ quan cấp:

b) Đối với chủ sở hữu là tổ chức:

- Thông tin về chủ sở hữu:

Tên tổ chức (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Quốc gia:

Điện thoại (*nếu có*): Số fax (*nếu có*):

Thư điện tử (*nếu có*): Website (*nếu có*):

- Thông tin về người đại diện theo pháp luật/người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu:

STT	Tên người đại diện theo pháp luật/người đại diện theo ủy quyền	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Địa chỉ liên lạc	Số, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy tờ pháp lý của cá nhân ⁵	Vốn được ủy quyền ⁶			Chữ ký của người đại diện theo pháp luật/người đại diện theo ủy quyền ⁸	Ghi chú (nếu có)
								Tổng giá trị vốn được đại diện (bằng số; VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ ⁷ (%)	Thời điểm đại diện phần vốn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13

- Thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (chỉ kê khai nếu chủ sở hữu là nhà đầu tư nước ngoài):

Mã số dự án:.....

Ngày cấp:/...../..... Cơ quan cấp:

- Mô hình tổ chức công ty:

Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc ☐

Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc ☐

6. Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ (bằng số; VND):

Vốn điều lệ (bằng chữ; VND):.....

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có, bằng số, loại ngoại tệ):

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không?

Có ☐ Không ☐

⁵ Nếu cột số 8 kê khai Số định danh cá nhân thì không phải kê khai các cột số 4, 5, 6.

⁶ Không phải kê khai phần này đối với trường hợp kê khai người đại diện theo pháp luật.

⁷ Tỷ lệ % của phần vốn góp được ủy quyền đại diện trên tổng số vốn góp của thành viên đó tại doanh nghiệp.

⁸ Người được kê khai thông tin ký trực tiếp vào phần này.

7. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Số tiền (bằng số; VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)
Vốn ngân sách nhà nước		
100 % Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

8. Tài sản góp vốn:

STT	Tài sản góp vốn	Giá trị vốn của từng tài sản trong vốn điều lệ (bằng số, VND)	Tỷ lệ (%)
1	Đồng Việt Nam		
2	Ngoại tệ tự do chuyển đổi (ghi rõ loại ngoại tệ, số tiền được góp bằng mỗi loại ngoại tệ)		
3	Vàng		
4	Quyền sử dụng đất		
5	Quyền sở hữu trí tuệ		
6	Các tài sản khác (ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp)		
Tổng số			

9. Người đại diện theo pháp luật⁹:

Họ, chữ đệm và tên (ghi bằng chữ in hoa):

Ngày, tháng, năm sinh: / /

Số định danh cá nhân:

Chức danh:

⁹ Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

Địa chỉ liên lạc:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Trường hợp không có số định danh cá nhân hoặc việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì đề nghị kê khai các thông tin cá nhân dưới đây:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Số Hộ chiếu/Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với cá nhân là người nước ngoài):

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Nơi thường trú:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Nơi ở hiện tại:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Điện thoại (nếu có): Thư điện tử (nếu có):

10. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
10.1	Thông tin về Giám đốc/Tổng giám đốc (nếu có): Họ, chữ đệm và tên Giám đốc/Tổng giám đốc: Ngày, tháng, năm sinh: / / Số định danh cá nhân: Điện thoại:
10.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có): Họ, chữ đệm và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế

Khấu trừ	☐
Trực tiếp trên GTGT	☐
Trực tiếp trên doanh số	☐
Không phải nộp thuế GTGT	☐

11. Thông tin về việc đóng bảo hiểm xã hội¹³:

Phương thức đóng bảo hiểm xã hội (*chọn 1 trong 3 phương thức*):

☐ Hàng tháng ☐ 03 tháng một lần ☐ 06 tháng một lần

Lưu ý:

- Doanh nghiệp đăng ký ngành, nghề kinh doanh chính là nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp và trả lương theo sản phẩm, theo khoán: có thể lựa chọn 1 trong 3 phương thức đóng bảo hiểm xã hội: hàng tháng, 03 tháng một lần, 06 tháng một lần.

- Doanh nghiệp đăng ký ngành, nghề kinh doanh chính khác: đánh dấu vào phương thức đóng bảo hiểm xã hội hàng tháng.

12. Thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp:

Doanh nghiệp có Chủ sở hữu hưởng lợi trực tiếp¹⁴:

☐ Có ☐ Không

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Cơ quan đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Tôi cam kết:

- Là người có đầy đủ quyền và nghĩa vụ thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- Trữ sở chính thuộc quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT/
CHỦ TỊCH CÔNG TY/CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
THÀNH VIÊN CỦA CÔNG TY**
(Ký và ghi họ tên)¹⁵

chỉ tiêu này, trừ trường hợp doanh nghiệp mua bán, chế tác vàng, bạc, đá quý có thể chọn thêm phương pháp trực tiếp trên GTGT ngoài các phương pháp khác (nếu có).

¹³ Không kê khai trong trường hợp thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi loại hình doanh nghiệp.

¹⁴ Trường hợp có thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp thì kê khai theo Mẫu số 10.

¹⁵ - Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký trực tiếp vào phần này.

- Trường hợp đăng ký chuyển đổi loại hình doanh nghiệp đồng thời đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật thì Chủ tịch công ty/Chủ tịch Hội đồng thành viên của công ty sau chuyển đổi ký trực tiếp vào phần này.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

Kính gửi: (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh)

Tôi là¹ (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

Ngày, tháng, năm sinh: /...../

Số định danh cá nhân:

Địa chỉ liên lạc (chỉ kê khai nếu người đăng ký doanh nghiệp là người đại diện theo pháp luật):

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Trường hợp không có số định danh cá nhân hoặc việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì đề nghị kê khai các thông tin cá nhân dưới đây:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Số Hộ chiếu/Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với cá nhân là người nước ngoài):

Ngày cấp: /.... /.... Nơi cấp:

Nơi thường trú:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Nơi ở hiện tại:

¹ Trường hợp Tòa án hoặc Trọng tài chỉ định người thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì người được chỉ định kê khai thông tin vào phần này.

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:
 Tổ/xóm/ấp/thôn:
 Xã/Phường/Đặc khu:
 Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:
 Điện thoại (nếu có): Thư điện tử (nếu có):

**Đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên do tôi
 là người đại diện theo pháp luật/Chủ tịch Hội đồng thành viên² với nội dung sau:**

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp):

Thành lập mới	☐
Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp	☐
Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp	☐
Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp	☐
Thành lập trên cơ sở chuyển đổi loại hình doanh nghiệp	☐
Thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh	☐
Thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ cơ sở bảo trợ xã hội/quỹ xã hội/quỹ từ thiện ³	☐

- **Lý do chuyển đổi loại hình doanh nghiệp:** (Quyết định của .../Thành viên không góp vốn/Tiếp nhận thành viên/cổ đông mới/...)

- **Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi (phải kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp):**

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế): Ngày cấp .../.../..... Nơi cấp:

Đề nghị Quý Cơ quan thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất.

² Trường hợp đăng ký chuyển đổi loại hình doanh nghiệp đồng thời đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật thì Chủ tịch Hội đồng thành viên của công ty sau chuyển đổi kê khai thông tin vào phần này.

³ Trường hợp đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên trên cơ sở chuyển đổi từ cơ sở bảo trợ xã hội/quỹ xã hội/quỹ từ thiện qua mạng thông tin điện tử thì người nộp hồ sơ scan Giấy chứng nhận đăng ký thành lập (đối với cơ sở bảo trợ xã hội)/Giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ (đối với quỹ xã hội/quỹ từ thiện) trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử và nộp trực tiếp bản chính Giấy này tới Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Điều 24 Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày .../.../2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

- Thông tin về hộ kinh doanh được chuyển đổi (phải kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh):

Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):

Số Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Mã số thuế của hộ kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở hộ kinh doanh:

Tên chủ hộ kinh doanh:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân (kê khai theo giấy tờ pháp lý của cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):

☐ Chứng minh nhân dân

☐ Căn cước công dân

☐ Hộ chiếu

☐ Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân (kê khai theo giấy tờ pháp lý của cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):

Ngày cấp:/..../.... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có): .../.../...

- Thông tin về cơ sở bảo trợ xã hội/quỹ xã hội/quỹ từ thiện được chuyển đổi (phải kê khai trong trường hợp thành lập doanh nghiệp xã hội trên cơ sở chuyển đổi từ cơ sở bảo trợ xã hội/quỹ xã hội/quỹ từ thiện):

Tên cơ sở bảo trợ xã hội/quỹ xã hội/quỹ từ thiện (ghi bằng chữ in hoa):

Số Giấy chứng nhận đăng ký thành lập (Đối với cơ sở bảo trợ xã hội)/Số Giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ (Đối với quỹ xã hội/quỹ từ thiện):

Ngày cấp: .../.../..... Nơi cấp:

Mã số thuế của cơ sở bảo trợ xã hội/quỹ xã hội/quỹ từ thiện (chỉ kê khai mã số thuế 10 số):

Địa chỉ trụ sở chính:

Tên người đại diện cơ sở bảo trợ xã hội/quỹ xã hội/quỹ từ thiện:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân (kê khai theo giấy tờ pháp lý của cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của cơ sở bảo trợ xã hội/quỹ xã hội/quỹ từ thiện):

☐ Chứng minh nhân dân

☐ Căn cước công dân

☐ Hộ chiếu

☐ Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân (kê khai theo giấy tờ pháp lý của cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của cơ sở bảo trợ xã hội/quỹ xã hội/quỹ từ thiện):

Ngày cấp:/..../.... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có): .../.../...

2. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Điện thoại: Số fax (nếu có):

Thư điện tử (nếu có): Website (nếu có):

- Doanh nghiệp nằm trong (Doanh nghiệp phải đánh dấu X vào ô vuông tương ứng với khu công nghệ cao nếu nộp hồ sơ tới Ban quản lý khu công nghệ cao):

Khu công nghiệp

☐

Khu chế xuất

☐

Khu kinh tế

☐

Khu công nghệ cao

☐

☐ Doanh nghiệp xã hội (Đánh dấu X vào ô vuông nếu là doanh nghiệp xã hội)

☐ Công ty chứng khoán/Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán/Công ty đầu tư chứng khoán: (Đánh dấu X nếu là Công ty chứng khoán/Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán/Công ty đầu tư chứng khoán và kê khai thêm các thông tin sau đây)

Giấy phép thành lập và hoạt động số: ... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày: / / (nếu có)

- Doanh nghiệp có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại đảo và xã, phường biên giới; xã, phường ven biển; khu vực khác có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh ☐ ☐

Có

Không

4. Ngành, nghề kinh doanh (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

5. Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ (bằng số; VND):

Vốn điều lệ (bằng chữ; VND):

⁴ Kê khai trong trường hợp có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào doanh nghiệp dẫn đến thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có, bằng số, loại ngoại tệ):

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có ☐ Không ☐

6. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Số tiền (bằng số; VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)
Vốn ngân sách nhà nước		
100 % Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

7. Thành viên công ty: (kê khai theo Mẫu số 6 ban hành kèm theo Nghị định số .../2025/NĐ-CP) Gửi kèm.

- Thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (chỉ kê khai trong trường hợp thành viên là nhà đầu tư được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư):

Mã số dự án:

Ngày cấp:/...../..... Cơ quan cấp:

8. Người đại diện theo pháp luật⁵:

Họ, chữ đệm và tên (ghi bằng chữ in hoa):

Ngày, tháng, năm sinh:/...../.....

Số định danh cá nhân:

Chức danh:

Địa chỉ liên lạc:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Trường hợp không có số định danh cá nhân hoặc việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì đề nghị kê khai các thông tin cá nhân dưới đây:

⁵ Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Số Hộ chiếu/Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (*đối với cá nhân là người nước ngoài*):

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Nơi thường trú:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Nơi ở hiện tại:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Điện thoại (*nếu có*): Thư điện tử (*nếu có*):

9. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
9.1	Thông tin về Giám đốc/Tổng giám đốc (<i>nếu có</i>): Họ, chữ đệm và tên Giám đốc/Tổng giám đốc: Ngày, tháng, năm sinh: / / Số định danh cá nhân: Điện thoại:
9.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (<i>nếu có</i>): Họ, chữ đệm và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Ngày, tháng, năm sinh: / / Số định danh cá nhân: Điện thoại:
9.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (<i>chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính</i>): Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ: Tổ/xóm/ấp/thôn:

	Xã/Phường/Đặc khu: Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương: Điện thoại (nếu có):Số fax (nếu có): Thư điện tử (nếu có):
9.4	Ngày bắt đầu hoạt động ⁶ (trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....
9.5	Hình thức hạch toán (Đánh dấu X vào một trong hai ô “Hạch toán độc lập” hoặc “Hạch toán phụ thuộc”. Trường hợp chọn ô “Hạch toán độc lập” mà thuộc đối tượng phải lập và gửi báo cáo tài chính hợp nhất cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định thì chọn thêm ô “Có báo cáo tài chính hợp nhất”): Hạch toán độc lập ☐ Có báo cáo tài chính hợp nhất ☐ Hạch toán phụ thuộc ☐
9.6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ⁷ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)
9.7	Tổng số lao động (dự kiến):
9.8	Hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT, BTL, O&M: Có ☐ Không ☐

⁶ Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

⁷ - Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

9.9	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ⁸ :
	Khấu trừ ☐
	Trực tiếp trên GTGT ☐
	Trực tiếp trên doanh số ☐
	Không phải nộp thuế GTGT ☐

10. Thông tin về việc đóng bảo hiểm xã hội⁹:

Phương thức đóng bảo hiểm xã hội (chọn 1 trong 3 phương thức):

☐ Hàng tháng ☐ 03 tháng một lần ☐ 06 tháng một lần

L

ưu ý:

- Doanh nghiệp đăng ký ngành, nghề kinh doanh chính là nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp và trả lương theo sản phẩm, theo khoán: có thể lựa chọn 1 trong 3 phương thức đóng bảo hiểm xã hội: hàng tháng, 03 tháng một lần, 06 tháng một lần.

- Doanh nghiệp đăng ký ngành, nghề kinh doanh chính khác: đánh dấu vào phương thức đóng bảo hiểm xã hội hàng tháng.

11. Thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp:

Doanh nghiệp có Chủ sở hữu hưởng lợi trực tiếp¹⁰:

☐ Có ☐ Không

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Cơ quan đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Tôi cam kết:

- Là người có đầy đủ quyền và nghĩa vụ thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

- Trữ sở chính thuộc quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT/
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN CỦA CÔNG TY**
(Ký và ghi họ tên)¹¹

⁸ Chỉ kê khai trong trường hợp thành lập mới. Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chi tiêu này, trừ trường hợp doanh nghiệp mua bán, chế tác vàng, bạc, đá quý có thể chọn thêm phương pháp trực tiếp trên GTGT ngoài các phương pháp khác (nếu có).

⁹ Không kê khai trong trường hợp thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi loại hình doanh nghiệp.

¹⁰ Trường hợp có thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp thì kê khai theo Mẫu số 10.

¹¹ - Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký trực tiếp vào phần này.

- Trường hợp đăng ký chuyển đổi loại hình doanh nghiệp đồng thời đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật thì Chủ tịch Hội đồng thành viên của công ty sau chuyển đổi ký trực tiếp vào phần này.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

Kính gửi: (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh)

Tôi là¹ (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

Ngày, tháng, năm sinh: /...../

Số định danh cá nhân:

Địa chỉ liên lạc (chỉ kê khai nếu người đăng ký doanh nghiệp là người đại diện theo pháp luật):

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Trường hợp không có số định danh cá nhân hoặc việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì đề nghị kê khai các thông tin cá nhân dưới đây:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Số Hộ chiếu/Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với cá nhân là người nước ngoài):

Ngày cấp: /.... /.... Nơi cấp:

Nơi thường trú:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Nơi ở hiện tại:

¹ Trường hợp Tòa án hoặc Trọng tài chỉ định người thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì người được chỉ định kê khai thông tin vào phần này.

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Điện thoại (nếu có): Thư điện tử (nếu có):

Đăng ký công ty cổ phần do tôi là người đại diện theo pháp luật/Chủ tịch Hội đồng quản trị với các nội dung sau²:

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp):

- | | |
|--|--------------------------|
| Thành lập mới | ☐ |
| Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp | ☐ |
| Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp | ☐ |
| Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp | ☐ |
| Thành lập trên cơ sở chuyển đổi loại hình doanh nghiệp | ☐ |
| Thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh | ☐ |
| Thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ cơ sở bảo trợ xã hội/quỹ xã hội/quỹ từ thiện ³ | ☐ |

- Lý do chuyển đổi loại hình doanh nghiệp: (Quyết định của .../Thành viên không góp vốn/Tiếp nhận thành viên/cổ đông mới/...)

- Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi (phải kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp):

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế): Ngày cấp .../.../..... Nơi cấp:

Đề nghị Quý Cơ quan thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất.

² Trường hợp đăng ký chuyển đổi loại hình doanh nghiệp đồng thời đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật thì Chủ tịch Hội đồng quản trị của công ty sau chuyển đổi kê khai thông tin vào phần này.

³ Trường hợp đăng ký thành lập công ty cổ phần trên cơ sở chuyển đổi từ cơ sở bảo trợ xã hội/quỹ xã hội/quỹ từ thiện qua mạng thông tin điện tử thì người nộp hồ sơ scan Giấy chứng nhận đăng ký thành lập (đối với cơ sở bảo trợ xã hội)/Giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ (đối với quỹ xã hội/quỹ từ thiện) trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử và nộp trực tiếp bản chính Giấy này tới Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Điều 24 Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày .../.../2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

- Thông tin về hộ kinh doanh được chuyển đổi (phải kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh):

Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):

Số Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Mã số thuế của hộ kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở hộ kinh doanh:

Tên chủ hộ kinh doanh:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân (kê khai theo giấy tờ pháp lý của cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):

☐ Chứng minh nhân dân

☐ Căn cước công dân

☐ Hộ chiếu

☐ Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân (kê khai theo giấy tờ pháp lý của cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):

Ngày cấp: / / Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có): ... / ... / ...

- Thông tin về cơ sở bảo trợ xã hội/quỹ xã hội/quỹ từ thiện được chuyển đổi (phải kê khai trong trường hợp thành lập doanh nghiệp xã hội trên cơ sở chuyển đổi từ cơ sở bảo trợ xã hội/quỹ xã hội/quỹ từ thiện):

Tên cơ sở bảo trợ xã hội/quỹ xã hội/quỹ từ thiện (ghi bằng chữ in hoa):

Số Giấy chứng nhận đăng ký thành lập (Đối với cơ sở bảo trợ xã hội)/Số Giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ (Đối với quỹ xã hội/quỹ từ thiện):

Ngày cấp: ... / ... / Nơi cấp:

Mã số thuế của cơ sở bảo trợ xã hội/quỹ xã hội/quỹ từ thiện (chỉ kê khai mã số thuế 10 số):

Địa chỉ trụ sở chính:

Tên người đại diện cơ sở bảo trợ xã hội/quỹ xã hội/quỹ từ thiện:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân (kê khai theo giấy tờ pháp lý của cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của cơ sở bảo trợ xã hội/quỹ xã hội/quỹ từ thiện):

☐ Chứng minh nhân dân

☐ Căn cước công dân

☐ Hộ chiếu

☐ Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân (kê khai theo giấy tờ pháp lý của cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của cơ sở bảo trợ xã hội/quỹ xã hội/quỹ từ thiện):

Ngày cấp: / / Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có): ... / ... / ...

2. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Điện thoại: Số fax (nếu có):

Thư điện tử (nếu có): Website (nếu có):

- Doanh nghiệp nằm trong (Doanh nghiệp phải đánh dấu X vào ô vuông tương ứng với khu công nghệ cao nếu nộp hồ sơ tới Ban quản lý khu công nghệ cao):

Khu công nghiệp

☐

Khu chế xuất

☐

Khu kinh tế

☐

Khu công nghệ cao

☐

☐ Doanh nghiệp xã hội (Đánh dấu X vào ô vuông nếu là doanh nghiệp xã hội)

☐ Công ty chứng khoán/Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán/Công ty đầu tư chứng khoán: (Đánh dấu X nếu là Công ty chứng khoán/Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán/Công ty đầu tư chứng khoán và kê khai thêm các thông tin sau đây)

Giấy phép thành lập và hoạt động số: ... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày: / / (nếu có)

- Doanh nghiệp có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại đảo và xã, phường biên giới; xã, phường ven biển; khu vực khác có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh ☐ ☐

Có Không

4. Ngành, nghề kinh doanh (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

5. Vốn điều lệ:

⁴ Kê khai trong trường hợp có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào doanh nghiệp dẫn đến thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

Vốn điều lệ (bằng số; VND):

Vốn điều lệ (bằng chữ; VND):

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có, bằng số, loại ngoại tệ):

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có ☐ Không ☐

6. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Số tiền (bằng số; VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)
Vốn ngân sách nhà nước		
100 % Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

7. Thông tin về cổ phần:

Mệnh giá cổ phần (VND):.....

STT	Loại cổ phần	Số lượng	Giá trị (bằng số, VND)	Tỷ lệ so với vốn điều lệ (%)
1	Cổ phần phổ thông			
2	Cổ phần ưu đãi biểu quyết			
3	Cổ phần ưu đãi cổ tức			
4	Cổ phần ưu đãi hoàn lại			
5	Các cổ phần ưu đãi khác			
Tổng số				

Thông tin về cổ phần được quyền chào bán:

STT	Loại cổ phần được quyền chào bán	Số lượng
1	Cổ phần phổ thông	
2	Cổ phần ưu đãi biểu quyết	

3	Cổ phần ưu đãi cổ tức	
4	Cổ phần ưu đãi hoàn lại	
5	Cổ phần ưu đãi khác	
Tổng số		

8. Cổ đông sáng lập (kê khai theo Mẫu số 7 ban hành kèm theo Nghị định số .../2025/NĐ-CP): Gửi kèm (nếu có).

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (kê khai theo Mẫu số 8 ban hành kèm theo Nghị định số .../2025/NĐ-CP): Gửi kèm (nếu có).

- Thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (kê khai trong trường hợp cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư):

Mã số dự án:

Ngày cấp:/...../..... Cơ quan cấp:

10. Người đại diện theo pháp luật⁵:

Họ, chữ đệm và tên (ghi bằng chữ in hoa):

Ngày, tháng, năm sinh:/...../.....

Số định danh cá nhân:

Chức danh:

Địa chỉ liên lạc:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Trường hợp không có số định danh cá nhân hoặc việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì đề nghị kê khai các thông tin cá nhân dưới đây:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Số Hộ chiếu/Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với cá nhân là người nước ngoài):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Nơi thường trú:

⁵ Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Nơi ở hiện tại:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Điện thoại (nếu có): Thư điện tử (nếu có):

11. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
11.1	Thông tin về Giám đốc/Tổng giám đốc (nếu có): Họ, chữ đệm và tên Giám đốc/Tổng giám đốc:..... Ngày, tháng, năm sinh:/...../..... Số định danh cá nhân:..... Điện thoại:.....
11.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có): Họ, chữ đệm và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán:..... Ngày, tháng, năm sinh:/...../..... Số định danh cá nhân:..... Điện thoại:.....
11.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ: Tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Đặc khu: Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương: Điện thoại (nếu có):Số fax (nếu có):..... Thư điện tử (nếu có):.....

11.4	Ngày bắt đầu hoạt động ⁶ (trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....
11.5	Hình thức hạch toán (Đánh dấu X vào một trong hai ô “Hạch toán độc lập” hoặc “Hạch toán phụ thuộc”. Trường hợp chọn ô “Hạch toán độc lập” mà thuộc đối tượng phải lập và gửi báo cáo tài chính hợp nhất cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định thì chọn thêm ô “Có báo cáo tài chính hợp nhất”): Hạch toán độc lập ☐ Có báo cáo tài chính hợp nhất ☐ Hạch toán phụ thuộc ☐
11.6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ⁷ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)
11.7	Tổng số lao động (dự kiến):
11.8	Hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT, BTL, O&M: Có ☐ Không ☐
11.9	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ⁸ : Khấu trừ ☐ Trực tiếp trên GTGT ☐ Trực tiếp trên doanh số ☐ Không phải nộp thuế GTGT ☐

12. Thông tin về việc đóng bảo hiểm xã hội⁹:

Phương thức đóng bảo hiểm xã hội (chọn 1 trong 3 phương thức):

☐ Hàng tháng ☐ 03 tháng một lần ☐ 06 tháng một lần

Lưu ý:

⁶ Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

⁷ - Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

⁸ Chỉ kê khai trong trường hợp thành lập mới. Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chi tiêu này, trừ trường hợp doanh nghiệp mua bán, chế tác vàng, bạc, đá quý có thể chọn thêm phương pháp trực tiếp trên GTGT ngoài các phương pháp khác (nếu có).

⁹ Không kê khai trong trường hợp thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi loại hình doanh nghiệp.

- Doanh nghiệp đăng ký ngành, nghề kinh doanh chính là nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp và trả lương theo sản phẩm, theo khoán: có thể lựa chọn 1 trong 3 phương thức đóng bảo hiểm xã hội: hàng tháng, 03 tháng một lần, 06 tháng một lần.

- Doanh nghiệp đăng ký ngành, nghề kinh doanh chính khác: đánh dấu vào phương thức đóng bảo hiểm xã hội hàng tháng.

13. Thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp:

Doanh nghiệp có Chủ sở hữu hưởng lợi trực tiếp¹⁰:

☐

Có

☐

Không

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Cơ quan đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Tôi cam kết:

- Là người có đầy đủ quyền và nghĩa vụ thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- Trụ sở chính thuộc quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT/
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY**
(Ký và ghi họ tên)¹¹

¹⁰ Trường hợp có thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp thì kê khai theo Mẫu số 10.

¹¹ - Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký trực tiếp vào phần này.

- Trường hợp đăng ký chuyển đổi loại hình doanh nghiệp đồng thời đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật thì Chủ tịch Hội đồng quản trị của công ty sau chuyển đổi ký trực tiếp vào phần này.

- Trường hợp Tòa án hoặc Trọng tài chỉ định người thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì người được chỉ định ký trực tiếp vào phần này.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY HỢP DANH

Kính gửi: (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh)

Chúng tôi¹ là các thành viên hợp danh

Đăng ký công ty hợp danh với các nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp):

Thành lập mới

☐

Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp

☐

Thành lập trên cơ sở chuyển đổi loại hình doanh nghiệp

☐

Thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh

☐

Thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ cơ sở bảo trợ xã hội/quỹ xã hội/quỹ từ thiện²

☐

- **Lý do chuyển đổi loại hình doanh nghiệp:** (Quyết định của .../Thành viên không góp vốn/Tiếp nhận thành viên/cổ đông mới/...)

- **Thông tin về các doanh nghiệp bị hợp nhất, được chuyển đổi (phải kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp):**

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế): Ngày cấp .../.../..... Nơi cấp:

Đề nghị Quý Cơ quan thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị hợp nhất và các chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị hợp nhất.

¹ Trường hợp Tòa án hoặc Trọng tài chỉ định người thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì người được chỉ định kê khai thông tin vào phần này.

² Trường hợp đăng ký thành lập công ty hợp danh trên cơ sở chuyển đổi từ cơ sở bảo trợ xã hội/quỹ xã hội/quỹ từ thiện qua mạng thông tin điện tử thì người nộp hồ sơ scan Giấy chứng nhận đăng ký thành lập (đối với cơ sở bảo trợ xã hội)/Giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ (đối với quỹ xã hội/quỹ từ thiện) trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử và nộp trực tiếp bản chính Giấy này tới Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Điều 24 Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày .../.../2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

- Thông tin về hộ kinh doanh được chuyển đổi (phải kê khai trong trường hợp thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh):

Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):

Số Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Mã số thuế của hộ kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở hộ kinh doanh:

Tên chủ hộ kinh doanh:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân (kê khai theo giấy tờ pháp lý của cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):

☐ Chứng minh nhân dân

☐ Căn cước công dân

☐ Hộ chiếu

☐ Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân (kê khai theo giấy tờ pháp lý của cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):

Ngày cấp: / / Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có): ... / ... / ...

- Thông tin về cơ sở bảo trợ xã hội/quỹ xã hội/quỹ từ thiện được chuyển đổi (phải kê khai trong trường hợp thành lập doanh nghiệp xã hội trên cơ sở chuyển đổi từ cơ sở bảo trợ xã hội/quỹ xã hội/quỹ từ thiện):

Tên cơ sở bảo trợ xã hội/quỹ xã hội/quỹ từ thiện (ghi bằng chữ in hoa):

Số Giấy chứng nhận đăng ký thành lập (Đối với cơ sở bảo trợ xã hội)/Số Giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ (Đối với quỹ xã hội/quỹ từ thiện): Ngày cấp: ... / ... / Nơi cấp:

Mã số thuế của cơ sở bảo trợ xã hội/quỹ xã hội/quỹ từ thiện (chỉ kê khai mã số thuế 10 số):

Địa chỉ trụ sở chính:

Tên người đại diện cơ sở bảo trợ xã hội/quỹ xã hội/quỹ từ thiện:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân (kê khai theo giấy tờ pháp lý của cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của cơ sở bảo trợ xã hội/quỹ xã hội/quỹ từ thiện):

☐ Chứng minh nhân dân

☐ Căn cước công dân

☐ Hộ chiếu

☐ Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân (kê khai theo giấy tờ pháp lý của cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của cơ sở bảo trợ xã hội/quỹ xã hội/quỹ từ thiện):

Ngày cấp: / / Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có): ... / ... / ...

2. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Điện thoại: Số fax (nếu có):

Thư điện tử (nếu có): Website (nếu có):

- Doanh nghiệp nằm trong (Doanh nghiệp phải đánh dấu X vào ô vuông tương ứng với khu công nghệ cao nếu nộp hồ sơ tới Ban quản lý khu công nghệ cao):

Khu công nghiệp ☐Khu chế xuất ☐Khu kinh tế ☐Khu công nghệ cao ☐
☐ Doanh nghiệp xã hội (Đánh dấu X vào ô vuông nếu là doanh nghiệp xã hội)

- Doanh nghiệp có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại đảo và xã, phường biên giới; xã, phường ven biển; khu vực khác có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh ☐ ☐

Có Không

4. Ngành, nghề kinh doanh (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

5. Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ (bằng số; VND):

Vốn điều lệ (bằng chữ; VND):

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có, bằng số, loại ngoại tệ):

.....

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có ☐ Không ☐

6. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Số tiền (bằng số; VND và giá trị	Tỷ lệ (%)
----------------	----------------------------------	-----------

³ Kê khai trong trường hợp có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào doanh nghiệp dẫn đến thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

	<i>tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)</i>	
Vốn ngân sách nhà nước		
100 % Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

7. Thành viên công ty (kê khai theo Mẫu số 9 ban hành kèm theo Nghị định số .../2025/NĐ-CP): Gửi kèm.

- Thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (kê khai trong trường hợp thành viên là nhà đầu tư nước ngoài được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư):

Mã số dự án:

Ngày cấp:/...../..... Cơ quan cấp:

8. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
8.1	Thông tin về Giám đốc/Tổng giám đốc (nếu có): Họ, chữ đệm và tên Giám đốc/Tổng giám đốc:..... Ngày, tháng, năm sinh:/...../..... Số định danh cá nhân: Điện thoại:.....
8.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có): Họ, chữ đệm và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán:..... Ngày, tháng, năm sinh:/...../..... Số định danh cá nhân: Điện thoại:.....
8.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ: Tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Đặc khu: Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương: Điện thoại (nếu có):Số fax (nếu có):..... Thư điện tử (nếu có):.....

8.4	Ngày bắt đầu hoạt động ⁴ (trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....
8.5	Hình thức hạch toán (Đánh dấu X vào một trong hai ô “Hạch toán độc lập” hoặc “Hạch toán phụ thuộc”. Trường hợp chọn ô “Hạch toán độc lập” mà thuộc đối tượng phải lập và gửi báo cáo tài chính hợp nhất cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định thì chọn thêm ô “Có báo cáo tài chính hợp nhất”): Hạch toán độc lập ☐ Có báo cáo tài chính hợp nhất ☐ Hạch toán phụ thuộc ☐
8.6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ⁵ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)
8.7	Tổng số lao động (dự kiến):
8.8	Hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT, BTL, O&M: Có ☐ Không ☐
8.9	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ⁶ : Khấu trừ ☐ Trực tiếp trên GTGT ☐ Trực tiếp trên doanh số ☐ Không phải nộp thuế GTGT ☐

9. Thông tin về việc đóng bảo hiểm xã hội⁷:

Phương thức đóng bảo hiểm xã hội (chọn 1 trong 3 phương thức):

☐ Hàng tháng ☐ 03 tháng một lần ☐ 06 tháng một lần

Lưu ý:

- Doanh nghiệp đăng ký ngành, nghề kinh doanh chính là nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp và trả lương theo sản phẩm, theo khoán: có thể lựa chọn 1 trong 3 phương thức đóng bảo hiểm xã hội: hàng tháng, 03 tháng một lần, 06 tháng một lần.

⁴ Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

⁵ - Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁶ Chỉ kê khai trong trường hợp thành lập mới. Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chi tiêu này, trừ trường hợp doanh nghiệp mua bán, chế tác vàng, bạc, đá quý có thể chọn thêm phương pháp trực tiếp trên GTGT ngoài các phương pháp khác (nếu có).

⁷ Không kê khai trong trường hợp thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi loại hình doanh nghiệp.

- Doanh nghiệp đăng ký ngành, nghề kinh doanh chính khác: đánh dấu vào phương thức đóng bảo hiểm xã hội hàng tháng.

10. Thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp:

Doanh nghiệp có Chủ sở hữu hưởng lợi trực tiếp⁸:

☐

Có

☐

Không

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Cơ quan đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Các thành viên hợp danh cam kết:

- Bản thân không thuộc diện cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp; không là chủ doanh nghiệp tư nhân; không đồng thời là thành viên hợp danh của công ty hợp danh khác (*trừ trường hợp được sự nhất trí của các thành viên hợp danh còn lại*);

- Trú sở chính thuộc quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

CÁC THÀNH VIÊN HỢP DANH

(Ký và ghi họ tên từng thành viên)⁹

⁸ Trường hợp có thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp thì kê khai theo Mẫu số 10.

⁹ - Các thành viên hợp danh của công ty ký trực tiếp vào phần này.

- Trường hợp Tòa án hoặc Trọng tài chỉ định người thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì người được chỉ định ký trực tiếp vào phần này.

DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

I. Thành viên là cá nhân

S T T	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân	Loại giấy tờ, số, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy tờ pháp lý của cá nhân ¹	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Địa chỉ liên lạc	Vốn góp			Thời hạn góp vốn ⁴	Chữ ký của thành viên ⁵	Người Việt Nam định cư ở nước ngoài (đánh dấu x nếu thành viên là Người Việt Nam định cư ở nước ngoài)	Ghi chú (nếu có)
								Phân vốn góp ² (bằng số; VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài: bằng số, loại ngoại tệ, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Loại tài sản, số lượng, giá trị tài sản góp vốn ³				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

¹ Nếu cột số 4 kê khai Số định danh cá nhân thì không phải kê khai các cột số 5, 6, 7.

² Ghi phân vốn góp của từng thành viên. Giá trị ghi bằng số theo đơn vị VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, ghi bằng số, loại ngoại tệ (nếu có).

³ Loại tài sản góp vốn bao gồm: Đồng Việt Nam; Ngoại tệ tự do chuyển đổi (ghi rõ loại ngoại tệ, số tiền được góp bằng mỗi loại ngoại tệ); Vàng; Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật; Tài sản khác (ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản).

Có thể lập thành danh mục riêng kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.

⁴ - Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời hạn góp vốn là thời hạn thành viên dự kiến hoàn thành việc góp vốn.

- Trường hợp đăng ký tăng vốn điều lệ, thời hạn góp vốn là thời điểm thành viên hoàn thành việc góp vốn.

- Các trường hợp khác ngoài các trường hợp nêu trên, thành viên không kê khai thời hạn góp vốn.

⁵ - Trường hợp thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, thành viên có phần vốn góp không thay đổi không bắt buộc phải ký vào phần này.

- Trường hợp đăng ký/thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài thì không cần chữ ký tại phần này.

II. Thành viên là tổ chức

1. Thông tin thành viên

S T T	Tên thành viên	Số, ngày cấp, nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Quyết định thành lập hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương	Địa chỉ trụ sở chính	Vốn góp			Thời hạn góp vốn ⁸	Ghi chú (nếu có)
				Phần vốn góp ⁶ (bằng số; VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài: bằng số, loại ngoại tệ, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Loại tài sản, số lượng, giá trị tài sản góp vốn ⁷		
1	2	3	4	5	6	7	8	9

2. Thông tin người đại diện theo pháp luật/ủy quyền của thành viên

S T T	Tên thành viên	Tên người đại diện theo pháp luật/người đại diện theo ủy quyền	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Địa chỉ liên lạc	Số, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy tờ pháp lý của cá nhân ⁹	Vốn được ủy quyền ¹⁰			Chữ ký của người đại diện theo pháp luật/người đại diện theo ủy quyền ¹²	Ghi chú (nếu có)
									Tổng giá trị vốn được đại diện (bằng số; VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ ¹¹ (%)	Thời điểm đại diện phần vốn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14

....., ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT/CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN CỦA CÔNG TY
(Ký và ghi họ tên)¹³

^{6, 7, 8} Khai trương tự thành viên là cá nhân.

⁹ Nếu cột số 9 kê khai Số định danh cá nhân thì không phải kê khai các cột số 5, 6, 7.

¹⁰ Không phải kê khai phần này đối với trường hợp kê khai người đại diện theo pháp luật.

¹¹ Tỷ lệ % của phần vốn góp được ủy quyền đại diện trên tổng số vốn góp của thành viên đó tại doanh nghiệp.

¹² Người được kê khai thông tin ký trực tiếp vào phần này.

¹³ - Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký trực tiếp vào phần này.

- Trường hợp đăng ký chuyển đổi loại hình doanh nghiệp đồng thời đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật thì Chủ tịch Hội đồng thành viên của công ty sau chuyển đổi ký trực tiếp vào phần này. Trường hợp Tòa án hoặc Trọng tài chỉ định người thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì người được chỉ định ký trực tiếp vào phần này.

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CÔNG TY CỔ PHẦN

I. Cổ đông sáng lập là cá nhân

STT	Tên cổ đồng sáng lập	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Địa chỉ liên lạc	Loại giấy tờ, số, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy tờ pháp lý của cá nhân ¹	Vốn góp ²								Thời hạn góp vốn ⁴	Chữ ký của cổ đồng sáng lập ⁵	Người Việt Nam định cư ở nước ngoài (đánh dấu x nếu cổ đồng là Người Việt Nam định cư ở nước ngoài)	Ghi chú (nếu có)
								Tổng số cổ phần		Tỷ lệ (%)	Loại cổ phần				Loại tài sản, số lượng, giá trị tài sản góp vốn ³				
								Số lượng	Giá trị		Phổ thông								
								Số lượng	Giá trị		Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20

¹ Nếu cột số 8 kê khai Số định danh cá nhân thì không phải kê khai các cột số 4, 5, 6.

² Ghi giá trị vốn cổ phần của từng cổ đông sáng lập. Tài sản hình thành giá trị vốn cổ phần của từng cổ đông sáng lập cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn cổ phần; số lượng từng loại tài sản góp vốn cổ phần; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn cổ phần; thời điểm góp vốn cổ phần của từng loại tài sản. Giá trị ghi bằng số theo đơn vị VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (ghi bằng số, loại ngoại tệ), nếu có.

³ Loại tài sản góp vốn bao gồm: Đồng Việt Nam; Ngoại tệ tự do chuyển đổi (ghi rõ loại ngoại tệ, số tiền được góp bằng mỗi loại ngoại tệ); Vàng; Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật; Tài sản khác (ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản).
Có thể lập thành danh mục riêng kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.

⁴ Khi đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời hạn góp vốn là thời hạn cổ đông sáng lập dự kiến hoàn thành việc góp vốn. Các trường hợp khác không kê khai thời hạn góp vốn.

⁵ Trường hợp đăng ký/thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài thì không cần chữ ký tại phần này.

II. Cổ đông sáng lập là tổ chức

1. Thông tin cổ đông

STT	Tên cổ đông sáng lập	Địa chỉ trụ sở chính	Số, ngày cấp, nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Quyết định thành lập hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương	Vốn góp ⁶								Thời hạn góp vốn ⁸	Ghi chú (nếu có)
				Tổng số cổ phần		Tỷ lệ (%)	Loại cổ phần				Loại tài sản, số lượng, giá trị tài sản góp vốn ⁷		
							Phổ thông						
				Số lượng	Giá trị		Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14

2. Thông tin người đại diện theo pháp luật/ủy quyền của cổ đông

S T T	Tên cổ đông sáng lập	Tên người đại diện theo pháp luật/người đại diện theo ủy quyền	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Địa chỉ liên lạc	Số, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy tờ pháp lý của cá nhân ⁹	Vốn được ủy quyền ¹⁰			Chữ ký của người đại diện theo pháp luật/người đại diện theo ủy quyền ¹²	Ghi chú (nếu có)
									Tổng giá trị vốn được đại diện (bằng số; VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ ¹¹ (%)	Thời điểm đại diện phần vốn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14

....., ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT/CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY
(Ký và ghi họ tên)¹³

^{6, 7, 8} Khai kê tương tự các cổ đông sáng lập là cá nhân.

⁹ Nếu cột số 9 kê khai Số định danh cá nhân thì không phải kê khai các cột số 5, 6, 7.

¹⁰ Không phải kê khai phần này đối với trường hợp kê khai người đại diện theo pháp luật.

¹¹ Tỷ lệ % của phần vốn góp được ủy quyền đại diện trên tổng số vốn góp của cổ đông đó tại doanh nghiệp.

¹² Người được kê khai thông tin ký trực tiếp vào phần này.

¹³ - Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký trực tiếp vào phần này.

- Trường hợp đăng ký chuyển đổi loại hình doanh nghiệp đồng thời đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật thì Chủ tịch Hội đồng quản trị của công ty sau chuyển đổi ký trực tiếp vào phần này.

- Trường hợp Tòa án hoặc Trọng tài chỉ định người thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì người được chỉ định ký trực tiếp vào phần này.

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LÀ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

I. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân

STT	Tên cổ đồng là nhà đầu tư nước ngoài	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc	Loại giấy tờ, số, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy tờ pháp lý của cá nhân ¹	Vốn góp ²								Thời hạn góp vốn ⁴	Chữ ký của cổ đồng ⁵	Người Việt Nam định cư ở nước ngoài (<i>đánh dấu x nếu cổ đồng là Người Việt Nam định cư ở nước ngoài</i>)	Ghi chú (nếu có)
							Tổng số cổ phần		Tỷ lệ (%)	Loại cổ phần				Loại tài sản, số lượng, giá trị tài sản góp vốn ³				
										Phổ thông								
							Số lượng	Giá trị		Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19

¹ Nếu cột số 7 kê khai Số định danh cá nhân thì không phải kê khai các cột số 4, 5.

² Ghi giá trị vốn cổ phần của từng cổ đông sáng lập. Tài sản hình thành giá trị vốn cổ phần của từng cổ đông sáng lập cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn cổ phần; số lượng từng loại tài sản góp vốn cổ phần; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn cổ phần; thời điểm góp vốn cổ phần của từng loại tài sản. Giá trị ghi bằng số theo đơn vị VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (ghi bằng số, loại ngoại tệ), nếu có.

³ Loại tài sản góp vốn bao gồm: Đồng Việt Nam; Ngoại tệ tự do chuyển đổi (ghi rõ loại ngoại tệ, số tiền được góp bằng mỗi loại ngoại tệ); Vàng; Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật; Tài sản khác (ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản).

Có thể lập thành danh mục riêng kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.

⁴ Khi đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời hạn góp vốn là thời hạn cổ đông sáng lập dự kiến hoàn thành việc góp vốn. Các trường hợp khác không kê khai thời hạn góp vốn.

⁵ Trường hợp đăng ký/thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài thì không cần chữ ký tại phần này.

II. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức

1. Thông tin cổ đông

STT	Tên cổ đông	là nhà đầu tư nước ngoài	Địa chỉ trụ sở chính	Số, ngày cấp, nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Quyết định thành lập hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương	Tổng số cổ phần	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Loại cổ phần	Loại tài sản, số lượng, giá trị tài sản góp vốn ⁷	Vốn góp ⁶	Gia trị	Số lượng	Gia trị	Số lượng	Gia trị	Thời hạn góp vốn ⁸	Chỉ chủ (nếu có)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	20

2. Thông tin người đại diện theo pháp luật/ủy quyền của cổ đông

S	T	T	Tên cổ đông	là nhà đầu tư nước ngoài	Tên người đại diện theo pháp luật/người đại diện theo ủy quyền	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Địa chỉ liên lạc	Số, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy tờ pháp lý của cá nhân ⁹	Vốn được ủy quyền ¹⁰		Tổng giá trị vốn được đại diện (bằng số; VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ ¹¹ (%)	Thời điểm đại diện phần vốn	Chức vụ của người đại diện theo pháp luật/người đại diện theo ủy quyền ¹²	Chỉ chủ (nếu có)	14
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14						

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT/CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY
, ngày.....tháng.....năm.....
 (Ký và ghi họ tên)¹³

- 6, 7, 8 Kê khai tương tự các cổ đông sáng lập là cá nhân.
 9 Nếu cột số 9 kê khai Sổ định danh cá nhân thì không phải kê khai các cột số 5, 6, 7.
 10 Không phải kê khai phần này đối với trường hợp kê khai người đại diện theo pháp luật.
 11 Tỷ lệ % của phần vốn góp được ủy quyền trên tổng số vốn góp của cổ đông đó tại doanh nghiệp.
 12 Người được kê khai thông tin ký trực tiếp vào phần này.
 13 - Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký trực tiếp vào phần này.
 - Trường hợp đăng ký chuyển đổi loại hình doanh nghiệp đồng thời đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật thì Chủ tịch Hội đồng quản trị của công ty sau chuyển đổi ký trực tiếp vào phần này.
 - Trường hợp Tòa án hoặc Trọng tài chỉ định người thực hiện thì người được chỉ định ký trực tiếp vào phần này.

DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÔNG TY HỢP DANH

I. Thành viên là cá nhân

S T T	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân	Loại giấy tờ, số, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy tờ pháp lý của cá nhân ¹	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Địa chỉ liên lạc	Vốn góp			Thời hạn góp vốn ⁴	Chữ ký của thành viên ⁵	Người Việt Nam định cư ở nước ngoài (<i>đánh dấu x nếu thành viên là Người Việt Nam định cư ở nước ngoài</i>)	Ghi chú (nếu có)
								Phần vốn góp ² (bằng số; VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài: bằng số, loại ngoại tệ, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Loại tài sản, số lượng, giá trị tài sản góp vốn ³				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
A. Thành viên hợp danh														
B. Thành viên góp vốn (nếu có)														

¹ Nếu cột số 4 kê khai Số định danh cá nhân thì không phải kê khai các cột số 5, 6, 7.

² Ghi phần vốn góp của từng thành viên. Giá trị ghi bằng số theo đơn vị VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, ghi bằng số, loại ngoại tệ (nếu có).

³ Loại tài sản góp vốn bao gồm: Đồng Việt Nam; Ngoại tệ tự do chuyển đổi (ghi rõ loại ngoại tệ, số tiền được góp bằng mỗi loại ngoại tệ); Vàng; Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật; Tài sản khác (ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản).

Có thể lập thành danh mục riêng kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.

⁴ - Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời hạn góp vốn là thời hạn thành viên dự kiến hoàn thành việc góp vốn.

- Trường hợp đăng ký tăng vốn điều lệ, thời hạn góp vốn là thời điểm thành viên hoàn thành việc góp vốn.

- Các trường hợp khác ngoài các trường hợp nêu trên, thành viên không kê khai thời hạn góp vốn.

⁵ - Trường hợp thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, thành viên có phần vốn góp không thay đổi không bắt buộc phải ký vào phần này.

- Trường hợp đăng ký/thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài thì không cần chữ ký tại phần này.

II. Thành viên góp vốn là tổ chức (nếu có)

1. Thông tin thành viên

S T T	Tên thành viên	Số, ngày cấp, nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Quyết định thành lập hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương	Địa chỉ trụ sở chính	Vốn góp			Thời hạn góp vốn ⁸	Ghi chú (nếu có)
				Phần vốn góp ⁶ (bằng số; VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài: bằng số, loại ngoại tệ, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Loại tài sản, số lượng, giá trị tài sản góp vốn ⁷		
1	2	3	4	5	6	7	8	9

2. Thông tin người đại diện theo pháp luật/ủy quyền của thành viên

S T T	Tên thành viên	Tên người đại diện theo pháp luật/người đại diện theo ủy quyền	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Địa chỉ liên lạc	Số, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy tờ pháp lý của cá nhân ⁹	Vốn được ủy quyền ¹⁰			Chữ ký của người đại diện theo pháp luật/người đại diện theo ủy quyền ¹²	Ghi chú (nếu có)
									Tổng giá trị vốn được đại diện (bằng số; VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ ¹¹ (%)	Thời điểm đại diện phần vốn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14

^{6, 7, 8} Khai khai tương tự thành viên là cá nhân.

⁹ Nếu cột số 9 kê khai Số định danh cá nhân thì không phải kê khai các cột số 5, 6, 7.

¹⁰ Không phải kê khai phần này đối với trường hợp kê khai người đại diện theo pháp luật.

¹¹ Tỷ lệ % của phần vốn góp được ủy quyền đại diện trên tổng số vốn góp của thành viên đó tại doanh nghiệp.

¹² Người được kê khai thông tin ký trực tiếp vào phần này.

DANH SÁCH CHỦ SỞ HỮU HƯỞNG LỢI TRỰC TIẾP CỦA CÔNG TY¹

S T T	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Quốc tịch	Dân tộc	Giới tính	Giấy tờ pháp lý	Địa chỉ liên lạc	Loại tiêu chí chủ sở hữu hưởng lợi				
								Quyền sở hữu vốn điều lệ		Quyền chi phối doanh nghiệp		
								Giá trị sở hữu	Phần trăm vốn góp trên tổng vốn điều lệ	Bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên hội đồng quản trị, giám đốc hoặc tổng giám đốc của doanh nghiệp	Sửa đổi, bổ sung điều lệ của doanh nghiệp	Các vấn đề quan trọng trong hoạt động kinh doanh được quy định tại Điều lệ doanh nghiệp.
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13

....., ngày.....tháng.....năm.....
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT/
 CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN/
 CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY**
(Ký và ghi họ tên)²

¹ Trường hợp CSHHL thông qua sở hữu vốn điều lệ được xác định như sau:

- (1) Đối với công ty TNHH 1 thành viên có chủ sở hữu là cá nhân thì Chủ sở hữu hưởng lợi trực tiếp của doanh nghiệp là chủ sở hữu của doanh nghiệp, đối với Công ty TNHH 1 thành viên có chủ sở hữu là tổ chức thì không phải thực hiện kê khai vì không có thông tin về Chủ sở hữu hưởng lợi trực tiếp của doanh nghiệp
- (2) Đối với công ty TNHH 2 thành viên trở lên thì thành viên là cá nhân góp vốn từ 25% vốn điều lệ trở lên là chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp, thành viên là pháp nhân sẽ kê khai thông tin Chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp mình với cơ quan đăng ký kinh doanh.
- (3) Đối với công ty cổ phần thì cổ đông công ty là cá nhân góp vốn từ 25% vốn điều lệ trở lên là chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp, cổ đông công ty là pháp nhân không phải thực hiện kê khai vì sẽ kê khai thông tin Chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp mình với cơ quan đăng ký kinh doanh.
- (4) Đối với công ty hợp danh thì thành viên công ty thành viên hợp danh là CSHHL của doanh nghiệp, thành viên góp vốn là cá nhân góp vốn từ 25% vốn điều lệ trở lên là chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp, thành viên công ty là pháp nhân không phải thực hiện kê khai vì sẽ kê khai thông tin Chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp mình với cơ quan đăng ký kinh doanh.

² - Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký trực tiếp vào phần này.

- Trường hợp đăng ký chuyển đổi loại hình doanh nghiệp đồng thời đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật thì Chủ tịch Hội đồng quản trị của công ty sau chuyển đổi ký trực tiếp vào phần này.

- Trường hợp Tòa án hoặc Trọng tài chỉ định người thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì người được chỉ định ký trực tiếp vào phần này.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/

Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

(Dùng trong trường hợp đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;

Bổ sung, cập nhật, thông tin đăng ký doanh nghiệp;

Đề nghị hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp)

Kính gửi: (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh)

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế): Ngày cấp .../.../..... Nơi cấp:

**A. ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NỘI DUNG ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP/
THÔNG BÁO THAY ĐỔI NỘI DUNG ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP:**

*(Doanh nghiệp chọn và kê khai vào trang tương ứng với nội dung đăng ký/
thông báo thay đổi và gửi kèm)*

Doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở (chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở tách doanh nghiệp hoặc sáp nhập doanh nghiệp, đánh dấu X vào ô thích hợp):

- Đăng ký thay đổi trên cơ sở tách doanh nghiệp

☐

- Đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập doanh nghiệp

☐

Thông tin về doanh nghiệp bị sáp nhập (chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập doanh nghiệp):

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế): Ngày cấp .../.../..... Nơi cấp:

Đề nghị Quý Cơ quan thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị sáp nhập và các chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị sáp nhập.

- Doanh nghiệp có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại đảo và xã, phường biên giới; xã, phường ven biển; khu vực khác có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh ☐: Có ☐ Không

¹ Kê khai trong trường hợp có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào doanh nghiệp dẫn đến thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

DĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN DOANH NGHIỆP

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt sau khi thay đổi (*ghi bằng chữ in hoa*):

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài sau khi thay đổi (*nếu có*):

.....

Tên doanh nghiệp viết tắt sau khi thay đổi (*nếu có*):

.....

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ trụ sở chính sau khi thay đổi:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Điện thoại: Số fax (nếu có):

Thư điện tử (nếu có): Website (nếu có):

☐

Đồng thời thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế tương ứng với địa chỉ trụ sở chính).

- Doanh nghiệp nằm trong (Doanh nghiệp phải đánh dấu X vào ô vuông tương ứng với khu công nghệ cao nếu nộp hồ sơ tới Ban quản lý khu công nghệ cao):

Khu công nghiệp

☐

Khu chế xuất

☐

Khu kinh tế

☐

Khu công nghệ cao

☐

Doanh nghiệp/chủ doanh nghiệp tư nhân cam kết trụ sở doanh nghiệp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của doanh nghiệp/chủ doanh nghiệp tư nhân và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

**ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI THÀNH VIÊN CÔNG TY TNHH/
THÀNH VIÊN HỢP DANH CÔNG TY HỢP DANH**

Trường hợp thay đổi thành viên công ty TNHH: *(kê khai Danh sách thành viên công ty TNHH theo Mẫu số 6 hành kèm theo Nghị định số .../2025/NĐ-CP)* Gửi kèm.

Trường hợp thay đổi thành viên hợp danh công ty hợp danh: *(kê khai Danh sách thành viên hợp danh theo Mẫu số 9 – không kê khai nội dung thông tin về thành viên góp vốn của công ty hợp danh)* Gửi kèm.

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI VỐN ĐIỀU LỆ, PHẦN VỐN GÓP, TỶ LỆ PHẦN VỐN GÓP

Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Điện thoại: Số fax (nếu có):

Thư điện tử (nếu có): Website (nếu có):

1. Đăng ký thay đổi vốn điều lệ của công ty:

Vốn điều lệ đã đăng ký (bằng số, bằng chữ, VND):

Vốn điều lệ sau khi thay đổi (bằng số, bằng chữ, VND):

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có, ghi bằng số, loại ngoại tệ):

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có ☐ Không ☐

Thời điểm thay đổi vốn:

Hình thức tăng, giảm vốn:

Nguồn vốn điều lệ sau khi thay đổi vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Số tiền (bằng số; VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)
Vốn ngân sách nhà nước		
100 % Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

Tài sản góp vốn sau khi thay đổi vốn điều lệ:

STT	Tài sản góp vốn	Giá trị vốn của từng tài sản trong vốn điều lệ (bằng số, VND)	Tỷ lệ (%)
1	Đồng Việt Nam		
2	Ngoại tệ tự do chuyển đổi (ghi rõ loại ngoại tệ, số tiền được góp bằng mỗi loại)		

	ngoại tệ)		
3	Vàng		
4	Quyền sử dụng đất		
5	Quyền sở hữu trí tuệ		
6	Các tài sản khác (ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp)		
Tổng số			

Thông tin về cổ phần (chỉ kê khai đối với công ty cổ phần):

Mệnh giá cổ phần:

STT	Loại cổ phần	Số lượng	Giá trị (bằng số, VND)	Tỉ lệ so với vốn điều lệ (%)
1	Cổ phần phổ thông			
2	Cổ phần ưu đãi biểu quyết			
3	Cổ phần ưu đãi cổ tức			
4	Cổ phần ưu đãi hoàn lại			
5	Các cổ phần ưu đãi khác			
Tổng số				

2. Đăng ký thay đổi phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp công ty TNHH, công ty hợp danh: Gửi kèm.

Kê khai phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp mới của thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên/thành viên hợp danh công ty hợp danh theo mẫu tương ứng tại Mẫu số 6, Mẫu số 9 ban hành kèm theo Nghị định số .../2025/NĐ-CP.

(Đối với thành viên có phần vốn góp không thay đổi, trong danh sách thành viên không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên đó).

Doanh nghiệp cam kết bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác sau khi giảm vốn (doanh nghiệp chỉ ghi cam kết trong trường hợp đăng ký giảm vốn điều lệ).

THÔNG BÁO THAY ĐỔI NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH¹

1. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp doanh nghiệp thông báo bổ sung ngành, nghề kinh doanh vào danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (Trường hợp ngành, nghề kinh doanh được bổ sung là ngành, nghề kinh doanh chính thì đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

2. Bỏ ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp doanh nghiệp thông báo bỏ ngành, nghề kinh doanh khỏi danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bỏ khỏi danh sách đã đăng ký	Mã ngành	Ghi chú

3. Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp doanh nghiệp thông báo thay đổi nội dung chi tiết của ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (Trường hợp ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi là ngành, nghề kinh doanh chính thì đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

Doanh nghiệp cam kết đáp ứng điều kiện tiếp cận thị trường đối với các ngành nghề thuộc Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư.

Lưu ý:

- Trường hợp doanh nghiệp thay đổi ngành, nghề kinh doanh từ ngành này sang ngành khác, doanh nghiệp kê khai đồng thời tại mục 1, 2 nêu trên, cụ thể như sau: kê khai ngành, nghề kinh doanh mới tại mục 1; kê khai ngành, nghề kinh doanh cũ tại mục 2.

¹ - Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư;

- Đối với những ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác, ngành, nghề kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó. Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định.

- Trường hợp doanh nghiệp thay đổi ngành, nghề kinh doanh chính từ ngành này sang ngành khác nhưng không thay đổi danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký, doanh nghiệp thực hiện cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày .../.../2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

- Trường hợp chỉ bỏ ngành, nghề kinh doanh chính mà không bổ sung thêm ngành, nghề kinh doanh mới và chọn một ngành, nghề kinh doanh khác trong số các ngành, nghề kinh doanh còn lại đã đăng ký làm ngành, nghề kinh doanh chính thì đồng thời kê khai tại mục 2, 3 nêu trên, cụ thể như sau: kê khai ngành, nghề kinh doanh bị bỏ tại mục 2; kê khai ngành, nghề kinh doanh chính mới tại mục 3.

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN

Vốn đầu tư đã đăng ký (*bằng số; bằng chữ; VND*):

Vốn đầu tư sau khi thay đổi (*bằng số; bằng chữ; VND*):

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (*nếu có, bằng số, loại ngoại tệ*):

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có ☐ Không ☐

Thời điểm thay đổi vốn:

Hình thức tăng, giảm vốn:

Tài sản góp vốn sau khi thay đổi vốn đầu tư:

STT	Tài sản góp vốn	Giá trị vốn của từng tài sản trong vốn đầu tư (<i>bằng số, VND</i>)	Tỷ lệ (%)
1	Đồng Việt Nam		
2	Ngoại tệ tự do chuyển đổi (<i>ghi rõ loại ngoại tệ, số tiền được góp bằng mỗi loại ngoại tệ</i>)		
3	Vàng		
4	Quyền sử dụng đất		
5	Quyền sở hữu trí tuệ		
6	Các tài sản khác (<i>ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp</i>)		
Tổng số			

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN CỦA
CHỦ SỞ HỮU/THÀNH VIÊN CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
LÀ TỔ CHỨC/CÔNG ĐỒNG LÀ TỔ CHỨC NƯỚC NGOÀI¹**

Thông tin về người đại diện theo ủy quyền sau khi thay đổi:

S T T	Chủ sở hữu/Thành viên công ty TNHH/Công đồng là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức	Tên người đại diện theo ủy quyền	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Địa chỉ liên lạc	Số, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy tờ pháp lý của cá nhân ²	Vốn được ủy quyền			Chữ ký của người đại diện theo ủy quyền ⁴	Ghi chú (nếu có)
									Tổng giá trị vốn được đại diện (bằng số; VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ ³ (%)	Thời điểm đại diện phần vốn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14

¹ Dùng trong trường hợp thay đổi từ người đại diện theo ủy quyền này sang người đại diện theo ủy quyền khác. Trường hợp thay đổi thông tin của người đại diện theo ủy quyền hiện có mà không thay đổi người đại diện theo ủy quyền thì thực hiện bổ sung, cập nhật thông tin tại Mục B của Biểu mẫu này.

² Nếu cột số 9 kê khai Số định danh cá nhân thì không phải kê khai các cột số 5, 6, 7.

³ Tỷ lệ % của phần vốn góp được ủy quyền đại diện trên tổng số vốn góp của thành viên đó tại doanh nghiệp.

⁴ Người được kê khai thông tin ký vào phần này. Người đại diện theo ủy quyền không thay đổi không bắt buộc phải ký vào phần này.

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP/
THÔNG BÁO THAY ĐỔI CỔ ĐÔNG LÀ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI
CÔNG TY CỔ PHẦN¹**

Trường hợp thay đổi cổ đông sáng lập (*kê khai theo Mẫu số 7 ban hành kèm theo Nghị định số .../2025/NĐ-CP*): Gửi kèm (*Đối với cổ đông sáng lập có phần vốn góp không thay đổi, trong danh sách cổ đông sáng lập không bắt buộc phải có chữ ký của cổ đông sáng lập đó*).

Trường hợp thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (*kê khai theo Mẫu số 8 ban hành kèm theo Nghị định số .../2025/NĐ-CP*): Gửi kèm (*Đối với cổ đông có phần vốn góp không thay đổi, trong danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài không bắt buộc phải có chữ ký của cổ đông đó*).

Doanh nghiệp cam kết đáp ứng điều kiện tiếp cận thị trường đối với các ngành nghề thuộc Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư.

¹ Dùng trong trường hợp (i) thay đổi từ cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài này sang cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài khác và (ii) thay đổi cổ đông sáng lập trong trường hợp cổ đông sáng lập chưa thanh toán số cổ phần đã đăng ký mua theo quy định tại Điều 113 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập/cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài hiện có mà không thay đổi cổ đông sáng lập/cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài thì thực hiện bổ sung, cập nhật thông tin tại Mục B của Biểu mẫu này.

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc/Tổng giám đốc (nếu có): Họ, chữ đệm và tên Giám đốc/Tổng giám đốc:..... Ngày, tháng, năm sinh:/...../..... Số định danh cá nhân: Điện thoại:.....
2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) ¹ : Họ, chữ đệm và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán:..... Ngày, tháng, năm sinh:/...../..... Số định danh cá nhân: Điện thoại:.....
3	Địa chỉ nhận thông báo thuế: Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ: Tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Đặc khu: Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương: Điện thoại (nếu có):Số fax (nếu có):..... Thư điện tử (nếu có):.....
4	Ngày bắt đầu hoạt động ² :/...../.....
5	Hình thức hạch toán (Đánh dấu X vào một trong hai ô “Hạch toán độc lập” hoặc “Hạch toán phụ thuộc”. Trường hợp chọn ô “Hạch toán độc lập” mà thuộc đối tượng phải lập và gửi báo cáo tài chính hợp nhất cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định thì chọn thêm ô “Có báo cáo tài chính hợp nhất”): Hạch toán độc lập ☐ Có báo cáo tài chính hợp nhất ☐ Hạch toán phụ thuộc ☐
6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/..... đến ngày/..... ³ (Ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)
7	Tổng số lao động:
8	Có hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT, BTL, O&M không? Có ☐ Không ☐

¹ Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 2.

² Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

³ - Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

**ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI CHỦ SỞ HỮU HƯỞNG LỢI TRỰC TIẾP
CỦA DOANH NGHIỆP**

Thông tin Chủ sở hữu hưởng lợi trực tiếp của doanh nghiệp sau khi thay đổi: *(kê khai thông tin Chủ sở hữu hưởng lợi trực tiếp của doanh nghiệp theo Mẫu số 10)* Gửi kèm.

B. BỔ SUNG, CẬP NHẬT THÔNG TIN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP¹

.....

.....

.....

¹ Trường hợp cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sử dụng Mẫu số 17, không sử dụng mẫu này.

C. ĐỀ NGHỊ HIỆU ĐÍNH THÔNG TIN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

- Thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp cấp ngày .../.../... là:

.....
 - Thông tin đã đăng ký trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp ngày .../.../... là:

.....

Do vậy, đề nghị Quý Cơ quan hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp theo đúng thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp mà doanh nghiệp đã đăng ký.

☐ Đề nghị Quý Cơ quan cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp đối với các thông tin thay đổi nêu trên. (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp).

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Cơ quan đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

Người ký tại Thông báo này cam kết là người có quyền và nghĩa vụ thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT/
CHỦ TỊCH CÔNG TY/CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
THÀNH VIÊN/CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CỦA DOANH NGHIỆP**
(Ký và ghi họ tên)¹

¹ - Trường hợp đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật đồng thời đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp thì Chủ tịch Công ty/Chủ tịch Hội đồng thành viên/Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty ký trực tiếp vào phần này.

- Trường hợp Tòa án hoặc Trọng tài chỉ định người thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì người được chỉ định ký trực tiếp vào phần này.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật¹

Kính gửi: (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh)

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số định danh cá nhân của Chủ tịch hội đồng thành viên/Chủ tịch công ty/Chủ tịch hội đồng quản trị:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế): Ngày cấp .../.../..... Nơi cấp:

Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật với các nội dung sau:

Người đại diện theo pháp luật sau khi thay đổi²:

Họ, chữ đệm và tên (ghi bằng chữ in hoa):

Ngày, tháng, năm sinh: //

Số định danh cá nhân:

Chức danh:

Địa chỉ liên lạc:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Trường hợp không có số định danh cá nhân hoặc việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì đề nghị kê khai các thông tin cá nhân dưới đây:

Giới tính:	Dân tộc:	Quốc tịch:
------------------	----------------	------------------

¹ Dùng trong trường hợp thay đổi từ người đại diện theo pháp luật này sang người đại diện theo pháp luật khác. Trường hợp thay đổi thông tin của người đại diện theo pháp luật hiện có mà không thay đổi người đại diện theo pháp luật thì thực hiện bổ sung, cập nhật thông tin tại Mục B của Mẫu số 11.

² Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp sau khi thay đổi công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

Số Hộ chiếu/Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với cá nhân là người nước ngoài):

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Nơi thường trú:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Nơi ở hiện tại:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Điện thoại (nếu có): Thư điện tử (nếu có):

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Cơ quan đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN/
CHỦ TỊCH CÔNG TY/
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
(Ký và ghi họ tên)³

³ - Chủ tịch Hội đồng thành viên/Chủ tịch công ty/Chủ tịch Hội đồng quản trị ký trực tiếp vào phần này.

- Trường hợp Chủ sở hữu công ty là tổ chức thì Chủ tịch công ty hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên ký trực tiếp vào phần này.

- Trường hợp Tòa án hoặc Trọng tài chỉ định người thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì người được chỉ định ký trực tiếp vào phần này.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày.....tháng.....năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân

Kính gửi: (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh)

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế): Ngày cấp .../.../..... Nơi cấp:

Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân với các nội dung sau:

Trường hợp thay đổi chủ doanh nghiệp (đánh dấu X vào ô thích hợp):

Tặng cho doanh nghiệp tư nhân

☐

Chủ doanh nghiệp chết

☐

Bán doanh nghiệp tư nhân

☐

1. Người tặng cho/Người chết/Người bán

Họ, chữ đệm và tên (ghi bằng chữ in hoa):

Ngày, tháng, năm sinh: ... / /

Số định danh cá nhân:

Địa chỉ liên lạc (không kê khai trong trường hợp chủ doanh nghiệp cũ chết):

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Trường hợp không có số định danh cá nhân hoặc việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì đề nghị kê khai các thông tin cá nhân dưới đây:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Số Hộ chiếu/Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với cá nhân là người nước ngoài):

Ngày cấp: .../.../.... Nơi cấp:

Nơi thường trú:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Nơi ở hiện tại:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Điện thoại (nếu có): Thư điện tử (nếu có):

☐ Người Việt Nam định cư ở nước ngoài (đánh dấu x vào ô trống nếu chủ doanh nghiệp tư nhân là Người Việt Nam định cư ở nước ngoài)

2. Người được tặng cho/Người thừa kế/Người mua

Họ, chữ đệm và tên (ghi bằng chữ in hoa):

Ngày, tháng, năm sinh: ... / /

Số định danh cá nhân:

Địa chỉ liên lạc:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Trường hợp không có số định danh cá nhân hoặc việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì đề nghị kê khai các thông tin cá nhân dưới đây:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Số Hộ chiếu/Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với cá nhân là người nước ngoài):

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Nơi thường trú:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:	
Nơi ở hiện tại:	
Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:	
Tổ/xóm/ấp/thôn:	
Xã/Phường/Đặc khu:	
Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:	
Điện thoại (nếu có):	Thư điện tử (nếu có):

☐ Người Việt Nam định cư ở nước ngoài (đánh dấu x vào ô trống nếu chủ doanh nghiệp tư nhân là Người Việt Nam định cư ở nước ngoài)

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Cơ quan đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Chúng tôi cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

**NGƯỜI ĐƯỢC TẶNG CHO/
NGƯỜI THỪA KẾ/NGƯỜI MUA**
(Ký và ghi họ tên)¹

CHỦ DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN
(Ký và ghi họ tên)²

¹ Người được tặng cho/Người thừa kế/Người mua ký trực tiếp vào phần này.

² Không có phần này trong trường hợp thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân do thừa kế. Trong các trường hợp tặng cho, bán doanh nghiệp tư nhân, chủ doanh nghiệp tư nhân ký trực tiếp vào phần này.

^{1,2} Trường hợp Tòa án hoặc Trọng tài chỉ định người thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì người được chỉ định ký trực tiếp vào phần này.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên

Kính gửi: (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh)

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế): Ngày cấp .../.../..... Nơi cấp:

- Doanh nghiệp có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại đảo và xã, phường biên giới; xã, phường ven biển; khu vực khác có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ☐¹: Có ☐ Không

Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên với thông tin sau khi thay đổi như sau:

1. Đối với chủ sở hữu là cá nhân

Họ, chữ đệm và tên chủ sở hữu (ghi bằng chữ in hoa):

Ngày, tháng, năm sinh: ... //

Số định danh cá nhân:

Trường hợp không có số định danh cá nhân hoặc việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì đề nghị kê khai các thông tin cá nhân dưới đây:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Số Hộ chiếu/Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với cá nhân là người nước ngoài):

Ngày cấp: .../.../.... Nơi cấp:

Nơi thường trú:

Số nhà/phòng, gác (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

¹ Kê khai trong trường hợp có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào doanh nghiệp dẫn đến thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Nơi ở hiện tại:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Điện thoại (nếu có): Thư điện tử (nếu có):

☐ Người Việt Nam định cư ở nước ngoài (đánh dấu x vào ô trống nếu chủ sở hữu là Người Việt Nam định cư ở nước ngoài)

2. Đối với chủ sở hữu là tổ chức

- Thông tin về tổ chức:

Tên chủ sở hữu (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập:

Ngày cấp: .../.../... Nơi cấp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Điện thoại: Số fax (nếu có):

Thư điện tử (nếu có): Website (nếu có):

- Mô hình tổ chức công ty:

Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc ☐

Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc ☐

- Thông tin về người đại diện theo pháp luật/người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu:

STT	Tên người đại diện theo pháp luật/người đại diện theo ủy quyền	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Địa chỉ liên lạc	Số, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy tờ pháp lý của cá nhân ²	Vốn được ủy quyền ³			Chữ ký của người đại diện theo pháp luật/người đại diện theo ủy quyền ⁵	Ghi chú (nếu có)
								Tổng giá trị vốn được đại diện (bằng số; VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ ⁴ (%)	Thời điểm đại diện phần vốn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Cơ quan đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

Người ký tại Giấy đề nghị này cam kết là người có quyền và nghĩa vụ thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHỦ SỞ HỮU MỚI
(Ký và ghi họ tên)⁶

CHỦ SỞ HỮU CŨ
(Ký và ghi họ tên)⁷

² Nếu cột số 8 kê khai Số định danh cá nhân thì không phải kê khai các cột số 4, 5, 6.

³ Không phải kê khai phần này đối với trường hợp kê khai người đại diện theo pháp luật.

⁴ Tỷ lệ % của phần vốn góp được ủy quyền đại diện trên tổng số vốn góp của thành viên đó tại doanh nghiệp.

⁵ Người được kê khai thông tin ký trực tiếp vào phần này.

⁶ Nếu chủ sở hữu mới là cá nhân: cá nhân ký trực tiếp vào phần này; nếu chủ sở hữu mới là tổ chức: người đại diện theo pháp luật của tổ chức ký trực tiếp vào phần này.

⁷ Không có phần này trong trường hợp thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên do thừa kế. Trong các trường hợp khác: Nếu chủ sở hữu mới là cá nhân: cá nhân ký trực tiếp vào phần này; nếu chủ sở hữu mới là tổ chức: người đại diện theo pháp luật của tổ chức ký trực tiếp vào phần này.

^{6,7} Trường hợp Tòa án hoặc Trọng tài chỉ định người thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì người được chỉ định ký trực tiếp vào phần này.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO

Về việc cho thuê doanh nghiệp tư nhân

Kính gửi: (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh)

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế): Ngày cấp .../.../..... Nơi cấp:

Thông báo về việc cho thuê doanh nghiệp tư nhân với các nội dung sau:

1. Chủ doanh nghiệp tư nhân

Họ, chữ đệm và tên (ghi bằng chữ in hoa):

Ngày, tháng, năm sinh: ... //

Số định danh cá nhân:

Trường hợp không có số định danh cá nhân hoặc việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì đề nghị kê khai các thông tin cá nhân dưới đây:

Giới tính:	Dân tộc:	Quốc tịch:
Số Hộ chiếu/Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với cá nhân là người nước ngoài):		
Ngày cấp: .../.../.... Nơi cấp:		
Nơi thường trú:		
Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:		
Tổ/xóm/ấp/thôn:		
Xã/Phường/Đặc khu:		
Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:		
Nơi ở hiện tại:		
Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:		
Tổ/xóm/ấp/thôn:		
Xã/Phường/Đặc khu:		

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:
 Điện thoại (nếu có): Thư điện tử (nếu có):

2. Người thuê doanh nghiệp tư nhân

Họ, chữ đệm và tên (ghi bằng chữ in hoa):

Ngày, tháng, năm sinh: ... / /

Số định danh cá nhân:

Trường hợp không có số định danh cá nhân hoặc việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì đề nghị kê khai các thông tin cá nhân dưới đây:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Số Hộ chiếu/Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với cá nhân là người nước ngoài):

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Nơi thường trú:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Nơi ở hiện tại:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Điện thoại (nếu có): Thư điện tử (nếu có):

Chúng tôi cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI THUÊ
DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN**
(Ký và ghi họ tên)¹

CHỦ DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN
(Ký và ghi họ tên)²

¹ Người thuê doanh nghiệp tư nhân ký trực tiếp vào phần này.

² Chủ doanh nghiệp tư nhân ký trực tiếp vào phần này.

^{1,2} Trường hợp Tòa án hoặc Trọng tài chỉ định người thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì người được chỉ định ký trực tiếp vào phần này.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/

Thông báo lập địa điểm kinh doanh

Kính gửi: (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh)

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

**Đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/
Thông báo lập địa điểm kinh doanh với các nội dung sau:**

1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết tắt (nếu có):

2. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Điện thoại (nếu có): Số fax (nếu có):

Thư điện tử (nếu có): Website (nếu có):

- Chi nhánh/Văn phòng đại diện/Địa điểm kinh doanh nằm trong (Doanh nghiệp phải đánh dấu X vào ô vuông tương ứng với khu công nghệ cao nếu nộp hồ sơ tới Ban quản lý khu công nghệ cao):

Khu công nghiệp	☐
Khu chế xuất	☐
Khu kinh tế	☐
Khu công nghệ cao	☐

3. Ngành, nghề kinh doanh, nội dung hoạt động:

a) Ngành, nghề kinh doanh (chỉ kê khai đối với chi nhánh, địa điểm kinh doanh)¹:

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

b) Nội dung hoạt động (chỉ kê khai đối với văn phòng đại diện):

4. Người đứng đầu chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Họ, chữ đệm và tên (ghi bằng chữ in hoa):

Ngày, tháng, năm sinh: / /

Số định danh cá nhân:

Trường hợp không có số định danh cá nhân hoặc việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì đề nghị kê khai các thông tin cá nhân dưới đây:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch: Số Hộ chiếu/Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với cá nhân là người nước ngoài): Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Nơi thường trú: Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ: Tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Đặc khu: Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương: Nơi ở hiện tại: Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

¹ Việc ghi ngành, nghề kinh doanh của chi nhánh, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 7 Nghị định số .../2025/NĐ-CP.

Tổ/xóm/ấp/thôn:
Xã/Phường/Đặc khu:
Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:
Điện thoại (nếu có): Thư điện tử (nếu có):

5. Chi nhánh chủ quản (chỉ kê khai đối với trường hợp đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh):

Tên chi nhánh:

Địa chỉ chi nhánh:

Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh:

6. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có): Họ, chữ đệm và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán:..... Ngày, tháng, năm sinh:/...../..... Số định danh cá nhân: Điện thoại:.....
2	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh): Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ: Tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Đặc khu: Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương: Điện thoại (nếu có): Số fax (nếu có): Thư điện tử (nếu có):
3	Ngày bắt đầu hoạt động² (trường hợp chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh được dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....
4	Hình thức hạch toán (Đánh dấu X vào một trong hai ô “Hạch toán độc lập” hoặc “Hạch toán phụ thuộc”. Trường hợp chọn ô “Hạch toán độc lập” mà thuộc đối tượng phải lập và gửi báo cáo tài chính hợp nhất cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định thì chọn thêm ô “Có báo cáo tài

² Trường hợp chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh được cấp Giấy chứng nhận.

	chính hợp nhất”): Hạch toán độc lập ☐ Có báo cáo tài chính hợp nhất ☐ Hạch toán phụ thuộc ☐
5	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/..... đến ngày/..... ³ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)
6	Tổng số lao động (dự kiến):
7	Hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT, BTL, O&M: Có ☐ Không ☐
8	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp): Khấu trừ ☐ Trực tiếp trên GTGT ☐ Trực tiếp trên doanh số ☐ Không phải nộp thuế GTGT ☐

7. Thông tin về việc đóng bảo hiểm xã hội (chỉ kê khai đối với chi nhánh/văn phòng đại diện):

Phương thức đóng bảo hiểm xã hội (chọn 1 trong 3 phương thức):

☐ Hàng tháng ☐ 03 tháng một lần ☐ 06 tháng một lần

Lưu ý:

- Chi nhánh/văn phòng đại diện của doanh nghiệp đăng ký ngành, nghề kinh doanh chính là nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp và trả lương theo sản phẩm, theo khoán: có thể lựa chọn 1 trong 3 phương thức đóng bảo hiểm xã hội: hàng tháng, 03 tháng một lần, 06 tháng một lần.

- Chi nhánh/văn phòng đại diện của doanh nghiệp đăng ký ngành, nghề kinh doanh chính khác: đánh dấu vào phương thức đóng bảo hiểm xã hội hàng tháng.

³ Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12. Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý; tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

8. Chi nhánh công ty chứng khoán nước ngoài/Chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam:

☐ *Đánh dấu X nếu là chi nhánh công ty chứng khoán nước ngoài/chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam và kê khai thêm các thông tin sau đây:*

Giấy phép thành lập và hoạt động số: ... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày: .../.../..... (nếu có)

Doanh nghiệp cam kết:

- Trụ sở chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh thuộc quyền sử dụng hợp pháp của doanh nghiệp và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;

- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

Người ký tại Giấy đề nghị này cam kết là người có quyền và nghĩa vụ thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP/
NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU CHI NHÁNH**
(Ký và ghi họ tên)⁴

⁴ - Trường hợp đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh trực thuộc doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký trực tiếp vào phần này.

- Trường hợp thông báo lập địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc người đứng đầu chi nhánh ký trực tiếp vào phần này.

- Trường hợp Tòa án hoặc Trọng tài chỉ định người thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì người được chỉ định ký trực tiếp vào phần này.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO

Về việc lập chi nhánh/văn phòng đại diện ở nước ngoài

Kính gửi: (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh)

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế): Ngày cấp .../.../..... Nơi cấp:

Thông báo về việc lập chi nhánh/ văn phòng đại diện ở nước ngoài như sau:

1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện tại nước ngoài (ghi bằng chữ in hoa): ..

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện viết bằng tiếng Việt (nếu có):

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện viết tắt (nếu có):

2. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện:

.....

Điện thoại (nếu có): Số fax (nếu có):

Thư điện tử (nếu có): Website (nếu có):

3. Số Giấy chứng nhận hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện hoặc giấy tờ tương đương khác:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

4. Ngành, nghề kinh doanh, nội dung hoạt động:

a) Ngành, nghề kinh doanh (đối với chi nhánh):

b) Nội dung hoạt động (đối với văn phòng đại diện):

5. Người đứng đầu chi nhánh/văn phòng đại diện:

Họ, chữ đệm và tên người đứng đầu (ghi bằng chữ in hoa):

Ngày, tháng, năm sinh: ... //

Số định danh cá nhân:

Trường hợp không có số định danh cá nhân hoặc việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì đề nghị kê khai các thông tin cá nhân dưới đây:

Giới tính:	Dân tộc:	Quốc tịch:
Số Hộ chiếu/Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (<i>đối với cá nhân là người nước ngoài</i>):		
Ngày cấp: / / Nơi cấp:		
Nơi thường trú:		
Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:		
Tổ/xóm/ấp/thôn:		
Xã/Phường/Đặc khu:		
Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:		
Nơi ở hiện tại:		
Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:		
Tổ/xóm/ấp/thôn:		
Xã/Phường/Đặc khu:		
Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:		
Điện thoại (<i>nếu có</i>): Thư điện tử (<i>nếu có</i>):		

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

Người ký tại Thông báo này cam kết là người có quyền và nghĩa vụ thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**
(Ký và ghi họ tên)¹

¹ - Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký trực tiếp vào phần này.

- Trường hợp Tòa án hoặc Trọng tài chỉ định người thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì người được chỉ định ký trực tiếp vào phần này.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ

**Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/
văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh**

Kính gửi: (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh)

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế): Ngày cấp .../.../..... Nơi cấp:

**Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh/
văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau:**

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh hoặc mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện (trường hợp không có mã số chi nhánh/văn phòng đại diện hoặc mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Chi nhánh chủ quản (chỉ kê khai đối với trường hợp địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh):

Tên chi nhánh:

Địa chỉ chi nhánh:

Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh): ... Ngày cấp .../.../... Nơi cấp:

A. ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NỘI DUNG ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CHI NHÁNH/VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN/ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH:

(Doanh nghiệp chọn và kê khai vào trang tương ứng với nội dung thông báo thay đổi và gửi kèm):

**ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN CHI NHÁNH/VĂN PHÒNG ĐẠI
DIỆN/ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH**

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng Việt
sau khi thay đổi (*ghi bằng chữ in hoa*):

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng
nước ngoài sau khi thay đổi (*nếu có*):

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết tắt sau khi thay
đổi (*nếu có*):

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ CHI NHÁNH/VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN/ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH:

Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau khi thay đổi:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Điện thoại (nếu có): Số fax (nếu có):

Thư điện tử (nếu có): Website (nếu có):

- Chi nhánh/Văn phòng đại diện/Địa điểm kinh doanh nằm trong (Doanh nghiệp phải đánh dấu X vào ô vuông tương ứng với khu công nghệ cao nếu nộp hồ sơ tới Ban quản lý khu công nghệ cao):

Khu công nghiệp

☐

Khu chế xuất

☐

Khu kinh tế

☐

Khu công nghệ cao

☐

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH/NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG

Ngành, nghề kinh doanh sau khi thay đổi (*chỉ kê khai đối với chi nhánh, địa điểm kinh doanh*)¹:

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (<i>đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai</i>)

Nội dung hoạt động sau khi thay đổi (*chỉ kê khai đối với văn phòng đại diện*):

¹ Việc ghi ngành, nghề kinh doanh của chi nhánh, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 7 Nghị định số .../2025/NĐ-CP.

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CHI NHÁNH/VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN/ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH².

Người đứng đầu chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau khi thay đổi:

Họ, chữ đệm và tên (*ghi bằng chữ in hoa*):

Ngày, tháng, năm sinh: / /

Số định danh cá nhân:

Trường hợp không có số định danh cá nhân hoặc việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì đề nghị kê khai các thông tin cá nhân dưới đây:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Số Hộ chiếu/Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (*đối với cá nhân là người nước ngoài*):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Nơi thường trú:

Số nhà/phòng, gác (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Nơi ở hiện tại:

Số nhà/phòng, gác (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Điện thoại (*nếu có*): Thư điện tử (*nếu có*):

² Dùng trong trường hợp thay đổi từ người đứng đầu này sang người đứng đầu khác. Trường hợp thay đổi thông tin của người đứng đầu hiện có mà không thay đổi người đứng đầu thì thực hiện bổ sung, cập nhật thông tin tại Mục B của Mẫu này.

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI CHI NHÁNH CHỦ QUẢN

(Chỉ kê khai đối với trường hợp đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh)

Thông tin chi nhánh chủ quản sau khi thay đổi:

Tên chi nhánh:

Địa chỉ chi nhánh:

Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (*trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh*): Ngày cấp .../.../... Nơi cấp:

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có): Họ, chữ đệm và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán:..... Ngày, tháng, năm sinh:/...../..... Số định danh cá nhân: Điện thoại:.....
2	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh): Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ: Tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Đặc khu: Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương: Điện thoại (nếu có): Số fax (nếu có): Thư điện tử (nếu có):
3	Ngày bắt đầu hoạt động³ (trường hợp chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh được dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....
4	Hình thức hạch toán (Đánh dấu X vào một trong hai ô “Hạch toán độc lập” hoặc “Hạch toán phụ thuộc”. Trường hợp chọn ô “Hạch toán độc lập” mà thuộc đối tượng phải lập và gửi báo cáo tài chính hợp nhất cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định thì chọn thêm ô “Có báo cáo tài chính hợp nhất”): Hạch toán độc lập ☐ Có báo cáo tài chính hợp nhất ☐ Hạch toán phụ thuộc ☐
5	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/..... đến ngày/.....⁴ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)
6	Tổng số lao động:
7	Hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT, BTL, O&M: Có ☐ Không ☐

³ Trường hợp chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh được cấp Giấy chứng nhận.

⁴ Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12. Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý; tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

**B. BỔ SUNG, CẬP NHẬT THÔNG TIN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CHI NHÁNH/
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN/ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH**

.....

.....

.....

**C. ĐỀ NGHỊ HIỆU ĐÍNH THÔNG TIN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CHI NHÁNH/VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN/ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH**

- Thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh/Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp cấp ngày .../.../... là:

.....
- Thông tin đã đăng ký trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp ngày .../.../... là:

.....
Do vậy, đề nghị Quý Cơ quan hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp theo đúng thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp mà doanh nghiệp đã đăng ký.

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

Người ký tại Giấy đề nghị này cam kết là người có quyền và nghĩa vụ thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP/
NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU CHI NHÁNH**
(Ký và ghi họ tên)⁵

⁵ - Trường hợp thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh trực thuộc doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký trực tiếp vào phần này.
- Trường hợp thay đổi nội dung đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc người đứng đầu chi nhánh ký trực tiếp vào phần này.
- Trường hợp Tòa án hoặc Trọng tài chỉ định người thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì người được chỉ định ký trực tiếp vào phần này.

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm.....

THÔNG BÁO

**Về việc phản hồi kết quả rà soát thông tin đăng ký doanh nghiệp,
tình trạng pháp lý của doanh nghiệp**

Kính gửi: (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh)

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế): Ngày cấp .../.../..... Nơi cấp:

Sau khi rà soát, kiểm tra đối chiếu thông tin tại Thông báo số ... ngày .../.../... của Quý Cơ quan về việc rà soát thông tin đăng ký doanh nghiệp, tình trạng pháp lý của doanh nghiệp, doanh nghiệp xác nhận (đánh dấu X vào phần kết quả phù hợp với kết quả kiểm tra của doanh nghiệp):

I. Thông tin đăng ký doanh nghiệp và tình trạng pháp lý của doanh nghiệp tại Thông báo của Quý Cơ quan là đầy đủ, chính xác ☐

II. Thông tin đăng ký doanh nghiệp/tình trạng pháp lý của doanh nghiệp tại Thông báo của Quý Cơ quan là chưa chính xác ☐

Doanh nghiệp cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp/tình trạng pháp lý của doanh nghiệp như sau:

1. Đối với doanh nghiệp:
2. Đối với chi nhánh:
3. Đối với văn phòng đại diện:
4. Đối với địa điểm kinh doanh:

Doanh nghiệp cam kết:

- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.
- Người ký tại Thông báo này cam kết là người có quyền và nghĩa vụ thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**
(Ký và ghi họ tên)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký trực tiếp vào phần này.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế

Kính gửi: (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh)

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế): Ngày cấp .../.../..... Nơi cấp:

Đề nghị được cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày .../.../2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp và cập nhật, bổ sung mã ngành kinh tế cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam đối với những ngành, nghề mà doanh nghiệp đã đăng ký kinh doanh như sau¹:

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

Người ký tại Giấy đề nghị này cam kết là người có quyền và nghĩa vụ thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký và ghi họ tên)²

¹ - Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư;

- Đối với những ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác, ngành, nghề kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó. Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định.

² Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký trực tiếp vào phần này.

Trường hợp Tòa án hoặc Trọng tài chỉ định người thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì người được chỉ định ký trực tiếp vào phần này.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương

Kính gửi: (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh)

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương: ... Ngày cấp: .../.../...Nơi cấp:

Đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, cụ thể như sau (đánh dấu X vào ô thích hợp):

Loại hình doanh nghiệp:

- Công ty TNHH một thành viên

☐

- Công ty TNHH hai thành viên trở lên

☐

- Công ty cổ phần

☐

- Công ty hợp danh

☐

1. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Điện thoại: Số fax (nếu có):

Thư điện tử (nếu có): Website (nếu có):

3. Ngành, nghề kinh doanh¹ (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

4. Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ (bằng số; VND):

Vốn điều lệ (bằng chữ; VND):

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có, bằng số, loại ngoại tệ):

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có ☐ Không ☐

5. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Số tiền (bằng số; VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)
Vốn ngân sách nhà nước		
100 % Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

Tài sản góp vốn (chỉ kê khai đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên)

STT	Tài sản góp vốn	Giá trị vốn của từng tài sản trong vốn điều lệ (bằng số, VND)	Tỷ lệ (%)
1	Đồng Việt Nam		
2	Ngoại tệ tự do chuyển đổi		
3	Vàng		
4	Quyền sử dụng đất		
5	Quyền sở hữu trí tuệ		

¹ - Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư;

- Đối với những ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác, ngành, nghề kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó. Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định.

6	Các tài sản khác (ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp)		
Tổng số			

Thông tin về cổ phần (chỉ kê khai đối với công ty cổ phần):

Mệnh giá cổ phần (VND):.....

STT	Loại cổ phần	Số lượng	Giá trị (bằng số, VND)	Tỉ lệ so với vốn điều lệ (%)
1	Cổ phần phổ thông			
2	Cổ phần ưu đãi biểu quyết			
3	Cổ phần ưu đãi cổ tức			
4	Cổ phần ưu đãi hoàn lại			
5	Các cổ phần ưu đãi khác			
Tổng số				

Thông tin về cổ phần được quyền chào bán (nếu có):

STT	Loại cổ phần được quyền chào bán	Số lượng
1	Cổ phần phổ thông	
2	Cổ phần ưu đãi biểu quyết	
3	Cổ phần ưu đãi cổ tức	
4	Cổ phần ưu đãi hoàn lại	
5	Cổ phần ưu đãi khác	
Tổng số:		

6. Chủ sở hữu (chỉ kê khai đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên):

a) Đối với chủ sở hữu là cá nhân

Họ, chữ đệm và tên chủ sở hữu (ghi bằng chữ in hoa):

Ngày, tháng, năm sinh: ... / /

Số định danh cá nhân:

Trường hợp không có số định danh cá nhân hoặc việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì đề nghị kê khai các thông tin cá nhân dưới đây:

Giới tính:	Dân tộc:	Quốc tịch:
Số Hộ chiếu/Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với cá nhân là người nước ngoài):		
Ngày cấp: / / Nơi cấp:		
Nơi thường trú:		
Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:		
Tổ/xóm/ấp/thôn:		
Xã/Phường/Đặc khu:		
Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:		
Nơi ở hiện tại:		
Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:		
Tổ/xóm/ấp/thôn:		
Xã/Phường/Đặc khu:		
Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:		
Điện thoại (nếu có): Thư điện tử (nếu có):		

b) Đối với chủ sở hữu là tổ chức

- Thông tin về chủ sở hữu:

Tên tổ chức (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kết), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Điện thoại: Số fax (nếu có):

Thư điện tử (nếu có): Website (nếu có):

- Thông tin về người đại diện theo pháp luật/người đại diện theo uỷ quyền của chủ sở hữu:

STT	Tên người đại diện theo pháp luật/người đại diện theo uỷ quyền	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Địa chỉ liên lạc	Số, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy tờ pháp lý của cá nhân ²	Vốn được uỷ quyền ³			Chữ ký của người đại diện theo pháp luật/người đại diện theo uỷ quyền ⁵	Ghi chú (nếu có)
								Tổng giá trị vốn được đại diện (bằng số; VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ ⁴ (%)	Thời điểm đại diện phần vốn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13

- Mô hình tổ chức công ty trách nhiệm hữu hạn (đánh dấu X vào ô thích hợp):

Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc ☐

Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc ☐

² Nếu cột số 8 kê khai Số định danh cá nhân thì không phải kê khai các cột số 4, 5, 6.

³ Không phải kê khai phần này đối với trường hợp kê khai người đại diện theo pháp luật.

⁴ Tỷ lệ % của phần vốn góp được uỷ quyền đại diện trên tổng số vốn góp của thành viên đó tại doanh nghiệp.

⁵ Người được kê khai thống tin ký trực tiếp vào phần này.

7. Danh sách thành viên công ty⁶ (chỉ kê khai đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên/công ty hợp danh, kê khai theo Mẫu số 6, Mẫu số 9 ban hành kèm theo Nghị định số .../2025/NĐ-CP): Gửi kèm.

8. Danh sách cổ đông sáng lập⁷ (kê khai theo Mẫu số 7 ban hành kèm theo Nghị định số .../2025/NĐ-CP): Gửi kèm.

9. Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài⁸ (chỉ kê khai đối với công ty cổ phần chưa niêm yết, kê khai theo Mẫu số 8 ban hành kèm theo Nghị định số .../2025/NĐ-CP): Gửi kèm.

10. Người đại diện theo pháp luật⁹:

Họ, chữ đệm và tên (ghi bằng chữ in hoa):

Ngày, tháng, năm sinh: ... / /

Số định danh cá nhân:

Chức danh:

Địa chỉ liên lạc:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Trường hợp không có số định danh cá nhân hoặc việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì đề nghị kê khai các thông tin cá nhân dưới đây:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Số Hộ chiếu/Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với cá nhân là người nước ngoài):

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Nơi thường trú:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Nơi ở hiện tại:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

^{6, 7, 8} Thành viên, cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài không bắt buộc phải ký vào danh sách thành viên, danh sách cổ đông sáng lập, danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài.

⁹ Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Điện thoại (nếu có): Thư điện tử (nếu có):

11. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
11.1	Thông tin về Giám đốc/Tổng giám đốc (nếu có): Họ, chữ đệm và tên Giám đốc/Tổng giám đốc:..... Ngày, tháng, năm sinh:/...../..... Số định danh cá nhân: Điện thoại:.....
11.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có)⁹: Họ, chữ đệm và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán:..... Ngày, tháng, năm sinh:/...../..... Số định danh cá nhân: Điện thoại:.....
11.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ: Tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Đặc khu: Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương: Điện thoại (nếu có): Số fax (nếu có):..... Thư điện tử (nếu có):.....

⁹ Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 11.4 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 11.2

11.4	Hình thức hạch toán (Đánh dấu X vào một trong hai ô “Hạch toán độc lập” hoặc “Hạch toán phụ thuộc”. Trường hợp chọn ô “Hạch toán độc lập” mà thuộc đối tượng phải lập và gửi báo cáo tài chính hợp nhất cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định thì chọn thêm ô “Có báo cáo tài chính hợp nhất”): Hạch toán độc lập ☐ Có báo cáo tài chính hợp nhất ☐ Hạch toán phụ thuộc ☐
11.5	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ¹⁰ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)
11.6	Tổng số lao động:
11.7	Hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT, BTL, O&M Có ☐ Không ☐
11.8	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ¹¹ : Khấu trừ ☐ Trực tiếp trên GTGT ☐ Trực tiếp trên doanh số ☐ Không phải nộp thuế GTGT ☐

☐ Đề nghị Quý Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp).

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

Người ký tại Giấy đề nghị này cam kết là người có quyền và nghĩa vụ thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**
(Ký và ghi họ tên)¹²

¹⁰ Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12. Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý; Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

¹¹ Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

¹² Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký trực tiếp vào phần này.

Trường hợp Tòa án hoặc Trọng tài chỉ định người thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì người được chỉ định ký trực tiếp vào phần này.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh hoạt động theo Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp

Kính gửi: (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh)

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế): Ngày cấp .../.../..... Nơi cấp:

Đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh với các nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin về chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):.....

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết tắt (nếu có):

2. Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh/Mã số thuế:

3. Thông tin về Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh/văn phòng đại diện/giấy tờ có giá trị tương đương khác/Giấy chứng nhận hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp:

Số Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động/giấy tờ có giá trị tương đương khác do cơ quan đầu tư cấp:

.....

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:



4. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Điện thoại: Số fax (nếu có):

Thư điện tử (nếu có): Website (nếu có):

5. Ngành, nghề kinh doanh/nội dung hoạt động:

a) Ngành, nghề kinh doanh (chỉ kê khai đối với chi nhánh, địa điểm kinh doanh):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

b) Nội dung hoạt động (chỉ kê khai đối với văn phòng đại diện):

6. Người đứng đầu chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Họ, chữ đệm và tên người đứng đầu (ghi bằng chữ in hoa):

Ngày, tháng, năm sinh: ... / /

Số định danh cá nhân:

Trường hợp không có số định danh cá nhân hoặc việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì đề nghị kê khai các thông tin cá nhân dưới đây:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Số Hộ chiếu/Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với cá nhân là người nước ngoài):

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Nơi thường trú:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Nơi ở hiện tại:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:
Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:
Điện thoại (nếu có): Thư điện tử (nếu có):

7. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Địa chỉ nhận thông báo thuế (<i>chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính</i>): Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ: Tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Đặc khu: Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương: Điện thoại (nếu có): Số fax (nếu có): Thư điện tử (nếu có):
2	Hình thức hạch toán (<i>Đánh dấu X vào một trong hai ô “Hạch toán độc lập” hoặc “Hạch toán phụ thuộc”. Trường hợp chọn ô “Hạch toán độc lập” mà thuộc đối tượng phải lập và gửi báo cáo tài chính hợp nhất cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định thì chọn thêm ô “Có báo cáo tài chính hợp nhất”</i>): Hạch toán độc lập ☐ Có báo cáo tài chính hợp nhất ☐ Hạch toán phụ thuộc ☐
3	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/..... đến ngày/.....¹ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)
4	Tổng số lao động:
5	Hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT, BTL, O&M: Có ☐ Không ☐
6	Phương pháp tính thuế GTGT (<i>chọn 1 trong 4 phương pháp</i>):

¹ Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12. Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý; Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

Khấu trừ	☐
Trực tiếp trên GTGT	☐
Trực tiếp trên doanh số	☐
Không phải nộp thuế GTGT	☐

☐ Đề nghị Quý Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy chứng nhận).

II. Thông tin về chi nhánh chủ quản (chỉ kê khai trong trường hợp đăng ký địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh):

Tên chi nhánh viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên chi nhánh viết tắt (nếu có):

☐ Đề nghị Quý Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh).

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

Người ký tại Giấy đề nghị này cam kết là người có quyền và nghĩa vụ thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP/
NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU CHI NHÁNH**
(Ký và ghi họ tên)²

² Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/người đứng đầu chi nhánh ký trực tiếp vào phần này.

Trường hợp Tòa án hoặc Trọng tài chỉ định người thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì người được chỉ định ký trực tiếp vào phần này.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán

Kính gửi: (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh)

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Giấy phép thành lập và hoạt động số: ... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày: / / (nếu có)

Đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, cụ thể như sau (đánh dấu X vào ô thích hợp):

Loại hình doanh nghiệp:

- Công ty TNHH một thành viên

☐

- Công ty TNHH hai thành viên trở lên

☐

- Công ty cổ phần

☐

1. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Điện thoại: Số fax (nếu có):

Thư điện tử (nếu có): Website (nếu có):

3. Ngành, nghề kinh doanh (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (<i>đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai</i>)

4. Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ (*bằng số; VND*):

Vốn điều lệ (*bằng chữ; VND*):

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (*nếu có, ghi bằng số, loại ngoại tệ*):

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có ☐ Không ☐

5. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Số tiền (<i>bằng số; VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có</i>)	Tỷ lệ (%)
Vốn ngân sách nhà nước		
100 % Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

Tài sản góp vốn (*chỉ kê khai đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên*)

STT	Tài sản góp vốn	Giá trị vốn của từng tài sản trong vốn điều lệ (<i>bằng số, VND</i>)	Tỷ lệ (%)
1	Đồng Việt Nam		
2	Ngoại tệ tự do chuyển đổi		
3	Vàng		

4	Quyền sử dụng đất		
5	Quyền sở hữu trí tuệ		
6	Các tài sản khác (ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp)		
Tổng số			

Thông tin về cổ phần (chỉ kê khai đối với công ty cổ phần):

Mệnh giá cổ phần (VND):.....

STT	Loại cổ phần	Số lượng	Giá trị (bằng số, VND)	Tỉ lệ so với vốn điều lệ (%)
1	Cổ phần phổ thông			
2	Cổ phần ưu đãi biểu quyết			
3	Cổ phần ưu đãi cổ tức			
4	Cổ phần ưu đãi hoàn lại			
5	Các cổ phần ưu đãi khác			
Tổng số				

Thông tin về cổ phần được quyền chào bán (nếu có):

STT	Loại cổ phần được quyền chào bán	Số lượng
1	Cổ phần phổ thông	
2	Cổ phần ưu đãi biểu quyết	
3	Cổ phần ưu đãi cổ tức	
4	Cổ phần ưu đãi hoàn lại	
5	Cổ phần ưu đãi khác	

Tổng số:	
----------	--

6. Chủ sở hữu (chỉ kê khai đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên):

a) Đối với chủ sở hữu là cá nhân:

Họ, chữ đệm và tên chủ sở hữu (ghi bằng chữ in hoa):

Ngày, tháng, năm sinh: ... / /

Số định danh cá nhân:

Trường hợp không có số định danh cá nhân hoặc việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì đề nghị kê khai các thông tin cá nhân dưới đây:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Số Hộ chiếu/Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với cá nhân là người nước ngoài):

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Nơi thường trú:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Nơi ở hiện tại:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Điện thoại (nếu có): Thư điện tử (nếu có):

b) Đối với chủ sở hữu là tổ chức:

- Thông tin về chủ sở hữu:

Tên tổ chức (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Điện thoại: Số fax (nếu có):

Thư điện tử (nếu có): Website (nếu có):

- Mô hình tổ chức công ty trách nhiệm hữu hạn:

Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc

☐

Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc

☐

- Thông tin về người đại diện theo pháp luật/người đại diện theo uỷ quyền:

STT	Tên người đại diện theo pháp luật/người đại diện theo uỷ quyền	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Địa chỉ liên lạc	Số, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy tờ pháp lý của cá nhân ¹	Vốn được uỷ quyền ²			Chữ ký của người đại diện theo pháp luật/người đại diện theo uỷ quyền ⁴	Ghi chú (nếu có)
								Tổng giá trị vốn được đại diện (bằng số; VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Thời điểm đại diện phần vốn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13

¹ Nếu cột số 8 kê khai Số định danh cá nhân thì không phải kê khai các cột số 4, 5, 6.

² Không phải kê khai phần này đối với trường hợp kê khai người đại diện theo pháp luật.

³ Tỷ lệ % của phần vốn góp được uỷ quyền đại diện trên tổng số vốn góp của thành viên đó tại doanh nghiệp.

⁴ Người được kê khai thông tin ký trực tiếp vào phần này.

7. Người đại diện theo pháp luật⁵:Họ, chữ đệm và tên (*ghi bằng chữ in hoa*):

Ngày, tháng, năm sinh: / /

Số định danh cá nhân:

Chức danh:

Trường hợp không có số định danh cá nhân hoặc việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì đề nghị kê khai các thông tin cá nhân dưới đây:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Số Hộ chiếu/Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (*đối với cá nhân là người nước ngoài*):

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Nơi thường trú:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Nơi ở hiện tại:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Điện thoại (*nếu có*): Thư điện tử (*nếu có*):

⁵ Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

8. Danh sách thành viên công ty⁶ (chỉ kê khai đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, kê khai theo Mẫu số 6 ban hành kèm theo Nghị định số .../2025/NĐ-CP): Gửi kèm (nếu có).

9. Danh sách cổ đông sáng lập⁷ (chỉ kê khai đối với công ty cổ phần chưa niêm yết, kê khai theo Mẫu số 7 ban hành kèm theo Nghị định số .../2025/NĐ-CP): Gửi kèm (nếu có).

10. Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài⁸ (kê khai theo Mẫu số 8 ban hành kèm theo Nghị định số .../2025/NĐ-CP): Gửi kèm (nếu có).

11. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
11.1	Thông tin về Giám đốc/Tổng giám đốc (nếu có): Họ, chữ đệm và tên Giám đốc/Tổng giám đốc:..... Ngày, tháng, năm sinh:/...../..... Số định danh cá nhân: Điện thoại:.....
11.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có)⁹: Họ, chữ đệm và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán:..... Ngày, tháng, năm sinh:/...../..... Số định danh cá nhân: Điện thoại:.....
11.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ: Tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Đặc khu: Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương: Điện thoại (nếu có): Số fax (nếu có): Thư điện tử (nếu có):

^{6, 7, 8} Thành viên, cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài không bắt buộc phải ký vào danh sách thành viên, danh sách cổ đông sáng lập, danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài.

⁹ Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 11.4 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 11.2.

11.4	Hình thức hạch toán (Đánh dấu X vào một trong hai ô “Hạch toán độc lập” hoặc “Hạch toán phụ thuộc”. Trường hợp chọn ô “Hạch toán độc lập” mà thuộc đối tượng phải lập và gửi báo cáo tài chính hợp nhất cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định thì chọn thêm ô “Có báo cáo tài chính hợp nhất”): Hạch toán độc lập ☐ Có báo cáo tài chính hợp nhất ☐ Hạch toán phụ thuộc ☐
11.5	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/.....¹⁰ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)
11.6	Tổng số lao động:
11.7	Hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT, BTL, O&M Có ☐ Không ☐
11.8	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp): Khấu trừ ☐ Trực tiếp trên GTGT ☐ Trực tiếp trên doanh số ☐ Không phải nộp thuế GTGT ☐

☐ Đề nghị Quý Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp).

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

Người ký tại Giấy đề nghị này cam kết là người có quyền và nghĩa vụ thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**
(Ký và ghi họ tên)¹¹

¹⁰ Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12. Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý; Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

¹¹ Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký trực tiếp vào phần này.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ

**Bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động đối với chi nhánh/
văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoạt động theo
Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán/Chi nhánh
công ty chứng khoán nước ngoài/công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam**

Kính gửi: (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh)

Tên doanh nghiệp/Tên chi nhánh (trong trường hợp bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động đối với Chi nhánh công ty chứng khoán nước ngoài/công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam) (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp:

Giấy phép thành lập và hoạt động số: ... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày: .../.../.... (nếu có)

Đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh với các nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin về chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên chi nhánh viết tắt (nếu có):

2. Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh/Mã số thuế:

3. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Điện thoại: Số fax (nếu có):

Thư điện tử (nếu có): Website (nếu có):

4. Ngành, nghề kinh doanh/nội dung hoạt động:

a) Ngành, nghề kinh doanh (đối với chi nhánh, địa điểm kinh doanh):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

b) Nội dung hoạt động (đối với văn phòng đại diện):

5. Người đứng đầu chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Họ, chữ đệm và tên người đứng đầu (ghi bằng chữ in hoa):

Ngày, tháng, năm sinh: ... / /

Số định danh cá nhân:

Trường hợp không có số định danh cá nhân hoặc việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì đề nghị kê khai các thông tin cá nhân dưới đây:

Giới tính:	Dân tộc:	Quốc tịch:
Số Hộ chiếu/Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với cá nhân là người nước ngoài):		
Ngày cấp: / / Nơi cấp:		
Nơi thường trú:		
Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:		
Tổ/xóm/ấp/thôn:		
Xã/Phường/Đặc khu:		
Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:		
Nơi ở hiện tại:		
Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:		
Tổ/xóm/ấp/thôn:		
Xã/Phường/Đặc khu:		
Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:		
Điện thoại (nếu có): Thư điện tử (nếu có):		

6. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ: Tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Đặc khu: Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương: Điện thoại (nếu có): Số fax (nếu có): Thư điện tử (nếu có):

2	Hình thức hạch toán (Đánh dấu X vào một trong hai ô “Hạch toán độc lập” hoặc “Hạch toán phụ thuộc”. Trường hợp chọn ô “Hạch toán độc lập” mà thuộc đối tượng phải lập và gửi báo cáo tài chính hợp nhất cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định thì chọn thêm ô “Có báo cáo tài chính hợp nhất”): Hạch toán độc lập ☐ Có báo cáo tài chính hợp nhất ☐ Hạch toán phụ thuộc ☐
3	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/..... đến ngày/..... ¹ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)
4	Tổng số lao động:
5	Hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT, BTL, O&M: Có ☐ Không ☐
6	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp): Khấu trừ ☐ Trực tiếp trên GTGT ☐ Trực tiếp trên doanh số ☐ Không phải nộp thuế GTGT ☐

☐ Đề nghị Quý Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy chứng nhận).

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

Người ký tại Giấy đề nghị này cam kết là người có quyền và nghĩa vụ thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP/NGƯỜI ĐỪNG ĐẦU CHI NHÁNH**
(Ký và ghi họ tên)²

¹ Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12. Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý; Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

² Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/Người đứng đầu chi nhánh ký trực tiếp vào phần này. Trường hợp Tòa án hoặc Trọng tài chỉ định người thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì người được chỉ định ký trực tiếp vào phần này.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh/Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh

Kính gửi: *(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh)*

Tên doanh nghiệp *(ghi bằng chữ in hoa)*:

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh *(chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế)*: Ngày cấp .../.../..... Nơi cấp:

Đề nghị được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh/Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh.

Thông tin về chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh *(chỉ kê khai trong trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh/Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện)*:

- Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

- Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Lý do đề nghị cấp lại:

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

Người ký tại Giấy đề nghị này cam kết là người có quyền và nghĩa vụ thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP/
NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CHI NHÁNH**

(Ký và ghi họ tên)¹

¹ - Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh trực thuộc doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký trực tiếp vào phần này.

- Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc người đứng đầu chi nhánh ký trực tiếp vào phần này.

- Trường hợp Tòa án hoặc Trọng tài chỉ định người thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì người được chỉ định ký trực tiếp vào phần này.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO

**Về việc tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo
của doanh nghiệp/chi nhánh/địa điểm kinh doanh/**

**Về việc tạm ngừng hoạt động/tiếp tục hoạt động trước thời hạn đã thông báo
của văn phòng đại diện**

Kính gửi: (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh)

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số
doanh nghiệp/mã số thuế): Ngày cấp .../.../..... Nơi cấp:

1. Trường hợp tạm ngừng kinh doanh/hoạt động¹:

a) Đối với doanh nghiệp:

Thông báo tạm ngừng kinh doanh kể từ ngày....tháng....năm..... đến hết
ngày....tháng....năm.....

Lý do tạm ngừng:

Sau khi doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh, đề nghị Quý Cơ quan
chuyển tình trạng của tất cả các chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh
doanh của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp
sang tình trạng “Tạm ngừng kinh doanh, hoạt động”.

Thông tin người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp²:

1. Họ, chữ đệm và tên:

Ngày, tháng, năm sinh: ... //

Số định danh cá nhân:

Số điện thoại³:

Địa chỉ liên hệ:

¹ Doanh nghiệp gửi thông báo đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp, chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh đã đăng ký chậm nhất 03 ngày làm việc trước khi tạm ngừng kinh doanh/hoạt động.

² Kê khai thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.

³ Số điện thoại của người đại diện theo pháp luật phải trùng với số điện thoại đã kê khai trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

2. Họ, chữ đệm và tên:

...

b) Đối với chi nhánh/địa điểm kinh doanh:

Thông báo tạm ngừng kinh doanh kể từ ngày ... tháng ... năm ... đến hết ngày ... tháng ... năm ... đối với chi nhánh/địa điểm kinh doanh sau:

Tên chi nhánh/địa điểm kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*)

Mã số chi nhánh/địa điểm kinh doanh hoặc mã số thuế chi nhánh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (*chỉ kê khai nếu không có mã số chi nhánh/địa điểm kinh doanh hoặc mã số thuế của chi nhánh*):
Ngày cấp .../.../..... Nơi cấp:

Chi nhánh chủ quản (*chỉ kê khai đối với trường hợp thông báo tạm ngừng kinh doanh địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh*):

Tên chi nhánh:

Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (*chỉ kê khai nếu không có mã số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh*): Ngày cấp .../.../..... Nơi cấp:

Lý do tạm ngừng:

c) Đối với văn phòng đại diện:

Thông báo tạm ngừng hoạt động kể từ ngày ... tháng ... năm ... đến hết ngày ... tháng ... năm ... đối với văn phòng đại diện sau:

Tên văn phòng đại diện (*ghi bằng chữ in hoa*)

Mã số văn phòng đại diện/Mã số thuế của văn phòng đại diện:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (*chỉ kê khai nếu không có mã số văn phòng đại diện hoặc mã số thuế của văn phòng đại diện*):
Ngày cấp .../.../..... Nơi cấp:

Lý do tạm ngừng:

2. Trường hợp tiếp tục kinh doanh/hoạt động trước thời hạn đã thông báo⁴:

a) Đối với doanh nghiệp:

Thông báo tiếp tục kinh doanh kể từ ngày....tháng....năm.....

Lý do tiếp tục kinh doanh:

b) Đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

⁴ Doanh nghiệp gửi thông báo đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp, chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh đã đăng ký chậm nhất 03 ngày làm việc trước khi tiếp tục kinh doanh/hoạt động trước thời hạn đã thông báo.

Thông báo tiếp tục kinh doanh kể từ ngày.... tháng năm..... đối với chi nhánh/địa điểm kinh doanh sau:

Tên chi nhánh/địa điểm kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số chi nhánh/địa điểm kinh doanh/Mã số thuế của chi nhánh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (*trường hợp không có mã số chi nhánh/địa điểm kinh doanh/mã số thuế của chi nhánh*):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Chi nhánh chủ quản (*chỉ kê khai đối với trường hợp thông báo tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh*):

Tên chi nhánh:

Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (*trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh*): Ngày cấp: .../.../... Nơi cấp:

Lý do tiếp tục kinh doanh:

c) *Đối với văn phòng đại diện:*

Thông báo tiếp tục hoạt động kể từ ngày ... tháng ... năm ... đối với văn phòng đại diện sau:

Tên văn phòng đại diện (*ghi bằng chữ in hoa*)

Mã số văn phòng đại diện/Mã số thuế của văn phòng đại diện:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (*chỉ kê khai nếu không có mã số văn phòng đại diện/mã số thuế của văn phòng đại diện*):

Ngày cấp .../.../..... Nơi cấp:

Lý do tiếp tục hoạt động:

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

Người ký tại Thông báo này cam kết là người có quyền và nghĩa vụ thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP/
NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CHI NHÁNH
(Ký và ghi họ tên)⁵**

⁵ - Trường hợp tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo đối với doanh nghiệp, chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh trực thuộc doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký trực tiếp vào phần này.

- Trường hợp tạm ngừng kinh doanh/Tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo đối với địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc người đứng đầu chi nhánh ký trực tiếp vào phần này.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO

**Về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/
địa điểm kinh doanh**

Kính gửi: (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh)

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số
doanh nghiệp/mã số thuế): Ngày cấp .../.../..... Nơi cấp:

**Thông báo chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/
địa điểm kinh doanh sau:**

**1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (ghi bằng
chữ in hoa):**

Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh hoặc mã số thuế
chi nhánh/văn phòng đại diện:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (chỉ kê khai nếu không có mã số
chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh hoặc mã số thuế của chi
nhánh/văn phòng đại diện):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

2. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Điện thoại (nếu có): Số fax (nếu có):

Thư điện tử (nếu có): Website (nếu có):

**3. Chi nhánh chủ quản (chỉ kê khai đối với trường hợp đăng ký chấm
dứt hoạt động của địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh):**

Tên chi nhánh:

Địa chỉ chi nhánh:

Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (*trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh*):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

4. Lý do chấm dứt hoạt động:.....

Doanh nghiệp cam kết:

- Chịu trách nhiệm thực hiện các hợp đồng, thanh toán các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác, tiếp tục sử dụng lao động hoặc giải quyết đủ quyền lợi hợp pháp cho người lao động đã làm việc tại chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh;

- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

Người ký tại Thông báo này cam kết là người có quyền và nghĩa vụ thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP/
NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU CHI NHÁNH**
(Ký và ghi họ tên)¹

¹ - Trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh trực thuộc doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký trực tiếp vào phần này.

- Trường hợp chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc người đứng đầu chi nhánh ký trực tiếp vào phần này.

- Trường hợp Tòa án hoặc Trọng tài chỉ định người thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì người được chỉ định ký trực tiếp vào phần này.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO

Về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện ở nước ngoài

Kính gửi: (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh)

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế): Ngày cấp .../.../..... Nơi cấp:

Thông báo chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện sau:

1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện viết tắt (nếu có):

2. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện:

.....

Điện thoại (nếu có): Số fax (nếu có):

Thư điện tử (nếu có): Website (nếu có):

3. Số Giấy chứng nhận hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện hoặc giấy tờ tương đương khác:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

Người ký tại Thông báo này cam kết là người có quyền và nghĩa vụ thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký và ghi họ tên)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký trực tiếp vào phần này.

Trường hợp Tòa án hoặc Trọng tài chỉ định người thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì người được chỉ định ký trực tiếp vào phần này.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO
Về việc giải thể doanh nghiệp

Kính gửi: (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh)

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế): Ngày cấp .../.../..... Nơi cấp:

Thông báo về việc giải thể doanh nghiệp như sau:

Doanh nghiệp đã thanh toán hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác và không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc Trọng tài theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Luật Doanh nghiệp. Đề nghị Quý Cơ quan cập nhật tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sang tình trạng đã giải thể.

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

Người ký tại Thông báo này cam kết là người có quyền và nghĩa vụ thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký và ghi họ tên)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký trực tiếp vào phần này.

Trường hợp Tòa án hoặc Trọng tài chỉ định người thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì người được chỉ định ký trực tiếp vào phần này.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO

Về việc huỷ bỏ Nghị quyết/Quyết định giải thể doanh nghiệp

Kính gửi: (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh)

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế): Ngày cấp .../.../..... Nơi cấp:

Thông báo về việc huỷ bỏ Nghị quyết/Quyết định giải thể doanh nghiệp như sau:

Ngày ... /... /..., doanh nghiệp đã có Nghị quyết/Quyết định số: về việc huỷ bỏ Nghị quyết/Quyết định giải thể số: ngày ... /... /....

Đề nghị Quý Cơ quan đăng tải Nghị quyết/Quyết định huỷ bỏ quyết định giải thể của doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và khôi phục tình trạng pháp lý cho doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

Người ký tại Thông báo này cam kết là người có quyền và nghĩa vụ thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký và ghi họ tên)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký trực tiếp vào phần này.

Trường hợp Tòa án hoặc Trọng tài chỉ định người thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì người được chỉ định ký trực tiếp vào phần này.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp

Kính gửi: (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh)

Tôi là¹ (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

Ngày, tháng, năm sinh: / /

Số định danh cá nhân:

Trường hợp không có số định danh cá nhân hoặc việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì đề nghị kê khai các thông tin cá nhân dưới đây:

Số Hộ chiếu/Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với cá nhân là người nước ngoài):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Điện thoại (nếu có): Thư điện tử (nếu có):

Là đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp²:

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp:

Đăng ký lần đầu ngày...../...../.....

Đăng ký thay đổi lần thứ.....ngày...../...../.....

Đề nghị đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:

Văn bản gửi kèm (chỉ kê khai nếu doanh nghiệp có văn bản gửi kèm)

.....

Đề nghị Quý Cơ quan xem xét, đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký và ghi họ tên)³

¹ Trường hợp Tòa án hoặc Trọng tài chỉ định người thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì người được chỉ định kê khai thông tin vào phần này.

² Không ghi trong trường hợp đề nghị công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài.

³ Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký trực tiếp vào phần này.

Trường hợp Tòa án hoặc Trọng tài chỉ định người thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì người được chỉ định ký trực tiếp vào phần này.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp

Kính gửi: (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh)

Tôi là¹ (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

Ngày, tháng, năm sinh: / /

Số định danh cá nhân:

Trường hợp không có số định danh cá nhân hoặc việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì đề nghị kê khai các thông tin cá nhân dưới đây:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Số Hộ chiếu/Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với cá nhân là người nước ngoài):

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Nơi thường trú:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Nơi ở hiện tại:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Điện thoại (nếu có): Thư điện tử (nếu có):

¹ Trường hợp Tòa án hoặc Trọng tài chỉ định người thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì người được chỉ định kê khai thông tin vào phần này.

Là người ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp đối với Hồ sơ có Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả số do (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh) cấp ngày ... /... /..... về việc đăng ký/thông báo của (Tên Doanh nghiệp) – Mã số doanh nghiệp (nếu có)².

Tôi đề nghị Quý Cơ quan dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp đối với Hồ sơ có Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả số nêu trên.

Lý do đề nghị:

Tôi cam kết tôi là người có quyền và nghĩa vụ thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp đối với Hồ sơ trên và chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về việc đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp này.

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ
(Ký và ghi họ tên)³

² Không ghi trong trường hợp đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài.

³ Người đã ký tại hồ sơ đăng ký doanh nghiệp được đề nghị dừng thực hiện ký trực tiếp vào phần này. Trường hợp Tòa án hoặc Trọng tài chỉ định người thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì người được chỉ định ký trực tiếp vào phần này.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

CAM KẾT THỰC HIỆN MỤC TIÊU XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG

Kính gửi: (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh)

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế¹:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế): Ngày cấp .../.../..... Nơi cấp:

Tôi/Chúng tôi, những người ký tên dưới đây đã đọc và nhận thức được các quyền và nghĩa vụ đối với chủ doanh nghiệp, chủ sở hữu, thành viên, cổ đông và doanh nghiệp xã hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các nghị định hướng dẫn thi hành; và thực hiện đúng và đầy đủ các hoạt động vì Mục tiêu xã hội, môi trường như cam kết sau đây:

1. Mục tiêu xã hội, môi trường và phương thức giải quyết:

(Doanh nghiệp có thể điền nội dung trong Bản cam kết này hoặc viết thành văn bản riêng rồi đính kèm Bản cam kết này)

Các vấn đề xã hội, môi trường mà doanh nghiệp nhằm giải quyết	Phương thức, cách thức kinh doanh của doanh nghiệp
(Miêu tả các vấn đề bất cập về xã hội, môi trường mà doanh nghiệp mong muốn giải quyết thông qua các hoạt động kinh doanh)	(Miêu tả cách thức, phương thức kinh doanh mà doanh nghiệp dự kiến tiến hành, như: sản phẩm, dịch vụ là gì, doanh thu đến từ đâu? Có thể nêu các chỉ số kinh tế, xã hội, môi trường (định tính/định lượng) dự kiến đạt được? Nêu nhóm đối tượng hưởng lợi. Lý giải tại sao hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp lại góp phần giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường như miêu tả tại cột bên.)

¹ Trường hợp bản Cam kết này nộp cùng hồ sơ đăng ký doanh nghiệp mới thì không điền thông tin này.

2. Thời hạn thực hiện các hoạt động nhằm Mục tiêu giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường:

(Doanh nghiệp đánh dấu vào 1 trong 2 lựa chọn)

☐
☐

Không thời hạn.

.....năm kể từ [ngày/tháng/năm]: /.... /.....

3. Mức lợi nhuận hằng năm doanh nghiệp giữ lại để tái đầu tư cho các Mục tiêu xã hội, môi trường đã đăng ký:

(Theo điểm c khoản 1 Điều 10 Luật Doanh nghiệp thì doanh nghiệp phải giữ lại ít nhất 51% tổng lợi nhuận sau thuế hằng năm của doanh nghiệp để tái đầu tư nhằm thực hiện mục tiêu đã đăng ký).

Doanh nghiệp giữ lại:% tổng lợi nhuận (trong trường hợp doanh nghiệp có lợi nhuận).

4. Nguyên tắc và phương thức xử lý số dư tài trợ, viện trợ khi doanh nghiệp giải thể hoặc hết hạn cam kết thực hiện Mục tiêu xã hội, môi trường trong trường hợp doanh nghiệp có nhận viện trợ, tài trợ:

.....

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Cơ quan đăng tải Cam kết này trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Cam kết này.

NGƯỜI CAM KẾT

(Ký và ghi họ tên)²

² 1. Trường hợp bản Cam kết này nộp cùng hồ sơ đăng ký doanh nghiệp mới thì những người ký bản Cam kết là:

a. Đối với doanh nghiệp tư nhân: Chủ doanh nghiệp tư nhân.

b. Đối với công ty hợp danh: Các thành viên hợp danh.

c. Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn:

- Các thành viên là cá nhân;

- Người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền đối với thành viên là tổ chức.

d. Đối với công ty cổ phần:

- Cổ đông sáng lập là cá nhân. Cổ đông khác là cá nhân, nếu cổ đông này đồng ý với nội dung bản Cam kết trên và mong muốn ký vào bản Cam kết này cùng với cổ đông sáng lập;

- Người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền đối với cổ đông sáng lập là tổ chức;

- Người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền đối với cổ đông khác là tổ chức, nếu cổ đông này đồng ý với nội dung cam kết trên và mong muốn ký vào bản Cam kết này cùng với cổ đông sáng lập.

2. Trường hợp bản Cam kết này nộp sau khi doanh nghiệp đã được đăng ký và thành lập, thì người sau đây ký và ghi họ tên:

- Đối với doanh nghiệp tư nhân: Chủ doanh nghiệp tư nhân;

- Đối với công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần: Người đại diện theo pháp luật.

3. Trường hợp Tòa án hoặc Trọng tài chỉ định người thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì người được chỉ định ký trực tiếp vào phần này.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI NỘI DUNG
CAM KẾT THỰC HIỆN MỤC TIÊU XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG**

Kính gửi: (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh)

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế): Ngày cấp .../.../..... Nơi cấp:

Chúng tôi, những người ký tên dưới đây đã đọc và nhận thức được các quyền và nghĩa vụ đối với chủ doanh nghiệp, chủ sở hữu, thành viên, cổ đông và doanh nghiệp xã hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các nghị định hướng dẫn thi hành; và đăng ký thay đổi nội dung cam kết thực hiện Mục tiêu xã hội, môi trường như sau: (Doanh nghiệp chọn và kê khai vào mục tương ứng với nội dung thông báo thay đổi)

Mục tiêu xã hội, môi trường và phương thức giải quyết:

a. Nội dung các vấn đề xã hội, môi trường mà doanh nghiệp cam kết giải quyết	
Nội dung đã cam kết lần gần nhất:	Nội dung cam kết sau khi thay đổi và lý do thay đổi:
-	-
-	-
b. Phương thức, cách thức kinh doanh của doanh nghiệp	
Nội dung đã cam kết lần gần nhất:	Nội dung cam kết sau khi thay đổi và lý do thay đổi:
-	-
-	-

Thời hạn thực hiện các hoạt động nhằm Mục tiêu giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường:

<i>Thời hạn đã cam kết lần gần nhất:</i>	<i>Thời hạn sau khi thay đổi và lý do thay đổi:</i>
	-
	-

Mức lợi nhuận hằng năm doanh nghiệp giữ lại để tái đầu tư cho các Mục tiêu xã hội, môi trường đã đăng ký:

<i>Mức lợi nhuận giữ lại đã cam kết lần gần nhất:</i>	<i>Mức lợi nhuận giữ lại sau khi thay đổi và lý do thay đổi:</i>
	-
	-

Nguyên tắc và phương thức xử lý số dư tài trợ, viện trợ khi doanh nghiệp giải thể hoặc hết hạn cam kết thực hiện Mục tiêu xã hội, môi trường trong trường hợp doanh nghiệp có nhận viện trợ, tài trợ:

<i>Nội dung đã cam kết lần gần nhất:</i>	<i>Nội dung cam kết sau khi thay đổi và lý do thay đổi:</i>
-	-
-	-

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Cơ quan đăng tải Thay đổi nội dung Cam kết này trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

Người ký tại Thông báo này cam kết là người có quyền và nghĩa vụ thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**
(Ký và ghi họ tên)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký trực tiếp vào phần này.

Trường hợp Tòa án hoặc Trọng tài chỉ định người thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì người được chỉ định ký trực tiếp vào phần này.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

**THÔNG BÁO CHẤM DỨT
CAM KẾT THỰC HIỆN MỤC TIÊU XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG**

Kính gửi: (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh)

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế): Ngày cấp .../.../..... Nơi cấp:

Sau khi đã đọc và nhận thức được các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm đối với chủ doanh nghiệp, chủ sở hữu, thành viên, cổ đông và doanh nghiệp xã hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các nghị định hướng dẫn thi hành, doanh nghiệp thông báo chấm dứt Cam kết thực hiện Mục tiêu xã hội, môi trường với lý do như sau:

.....
.....
.....

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Cơ quan đăng tải Thông báo này kèm theo biên bản họp và nghị quyết/quyết định của công ty hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có) về việc chấm dứt Cam kết trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

Người ký tại Thông báo này cam kết là người có quyền và nghĩa vụ thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký và ghi họ tên)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký trực tiếp vào phần này.

CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CẤP TỈNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN**

Mã số doanh nghiệp:

Đăng ký lần đầu, ngày.....tháng.....năm.....

Đăng ký thay đổi lần thứ:, ngày.....tháng.....năm.....

1. Tên doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt (*ghi bằng chữ in hoa*):

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*):

Tên doanh nghiệp viết tắt (*nếu có*):

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Số fax:

Thư điện tử: Website:

3. Vốn đầu tư (bằng số; bằng chữ; VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có):

4. Chủ doanh nghiệp

Họ, chữ đệm và tên (*ghi bằng chữ in hoa*):..... Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh: / / Quốc tịch:

Số định danh cá nhân:

(hoặc) Số Hộ chiếu, Hộ chiếu nước ngoài, giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (*đối với chủ doanh nghiệp là người nước ngoài*): Ngày cấp: ...
Nơi cấp:

Địa chỉ liên lạc:

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

**CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CẤP TỈNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp:

Đăng ký lần đầu, ngày.....tháng.....năm.....

Đăng ký thay đổi lần thứ:, ngày.....tháng.....năm.....

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (*ghi bằng chữ in hoa*):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*):

Tên công ty viết tắt (*nếu có*):

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Số fax:

Thư điện tử: Website:

3. Vốn điều lệ (*bằng số; bằng chữ; VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có*):

4. Thông tin về chủ sở hữu

Đối với chủ sở hữu là cá nhân:

Họ, chữ đệm và tên (*ghi bằng chữ in hoa*):..... Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh: /..... / Quốc tịch:

Số định danh cá nhân:

(*hoặc*) Số Hộ chiếu, Hộ chiếu nước ngoài, giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (*đối với chủ sở hữu là người nước ngoài*): Ngày cấp: ... Nơi cấp:

Địa chỉ liên lạc:

Đối với chủ sở hữu là tổ chức:Tên tổ chức (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ trụ sở chính:

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty¹Họ, chữ đệm và tên (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh:/...../..... Quốc tịch:

Số định danh cá nhân:

(hoặc) Số Hộ chiếu, Hộ chiếu nước ngoài, giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (*đối với người đại diện là người nước ngoài*): Ngày cấp: ...
Nơi cấp:

Chức danh:

Địa chỉ liên lạc:

TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

¹ Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp:

Đăng ký lần đầu, ngày.....tháng.....năm.....

Đăng ký thay đổi lần thứ:, ngày.....tháng.....năm.....

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (*ghi bằng chữ in hoa*):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*):

Tên công ty viết tắt (*nếu có*):

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Số fax:

Thư điện tử: Website:

3. Vốn điều lệ (*bằng số; bằng chữ; VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có*):

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (<i>VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có</i>)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên là cá nhân; Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Quyết định thành lập/giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương đối với tổ chức	Ghi chú (<i>nếu có</i>)

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty¹

Họ, chữ đệm và tên (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh: / / Quốc tịch:

Số định danh cá nhân:

(*hoặc*) Số Hộ chiếu, Hộ chiếu nước ngoài, giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (*đối với người đại diện là người nước ngoài*): Ngày cấp: ...
Nơi cấp:

Chức danh:

Địa chỉ liên lạc:

TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(*Ký, ghi họ tên và đóng dấu*)

¹ Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

**CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CẤP TỈNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp:

Đăng ký lần đầu, ngày.....tháng.....năm.....

Đăng ký thay đổi lần thứ:, ngày.....tháng.....năm.....

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (*ghi bằng chữ in hoa*):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*):

Tên công ty viết tắt (*nếu có*):

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Số fax:

Thư điện tử: Website:

3. Vốn điều lệ (*bằng số; bằng chữ; VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có*):

Mệnh giá cổ phần:

Tổng số cổ phần:

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty¹

Họ, chữ đệm và tên (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh: / / Quốc tịch:

Số định danh cá nhân:

(*hoặc*) Số Hộ chiếu, Hộ chiếu nước ngoài, giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (*đối với người đại diện là người nước ngoài*): Ngày cấp: ...

Nơi cấp:

Chức danh:

Địa chỉ liên lạc:

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(*Ký, ghi họ tên và đóng dấu*)

¹ Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

**CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CẤP TỈNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY HỢP DANH**

Mã số doanh nghiệp:

Đăng ký lần đầu, ngày.....tháng.....năm.....

Đăng ký thay đổi lần thứ:, ngày.....tháng.....năm.....

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (*ghi bằng chữ in hoa*):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*):

Tên công ty viết tắt (*nếu có*):

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Số fax:

Thư điện tử: Website:

3. Vốn điều lệ (*bằng số; bằng chữ; VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có*):

4. Danh sách thành viên hợp danh

STT	Tên thành viên hợp danh	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc	Phần vốn góp (<i>VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có</i>)	Tỷ lệ (%)	Số giấy tờ pháp lý của cá nhân

TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CẤP TỈNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CHI NHÁNH/VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN**

Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện:

Đăng ký lần đầu, ngày.....tháng.....năm.....

Đăng ký thay đổi lần thứ:ngày.....tháng.....năm.....

1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện (ghi bằng chữ in hoa):

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện viết tắt (nếu có):

2. Địa chỉ:

Điện thoại: Số fax:

Thư điện tử: Website:

3. Thông tin về người đứng đầu

Họ, chữ đệm và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh: / / Quốc tịch:

Số định danh cá nhân:

(hoặc) Số Hộ chiếu, Hộ chiếu nước ngoài, giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với người đứng đầu là người nước ngoài): Ngày cấp: ...
Nơi cấp:

Địa chỉ liên lạc:

4. Hoạt động theo uỷ quyền của doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH

Mã số địa điểm kinh doanh:

Đăng ký lần đầu, ngày.....tháng.....năm.....

Đăng ký thay đổi lần thứ:ngày.....tháng.....năm.....

1. Tên địa điểm kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):

Tên địa điểm kinh doanh bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên địa điểm kinh doanh viết tắt (nếu có):

2. Địa chỉ:

Điện thoại: Số fax:

Thư điện tử: Website:

3. Thông tin về người đứng đầu

Họ, chữ đệm và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh: / / Quốc tịch:

Số định danh cá nhân:

(hoặc) Số Hộ chiếu, Hộ chiếu nước ngoài, giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với người đứng đầu là người nước ngoài): Ngày cấp: ... Nơi cấp:

Địa chỉ liên lạc:

4. Thông tin về doanh nghiệp/chi nhánh chủ quản:

Tên doanh nghiệp/chi nhánh (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/chi nhánh:

Địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp/chi nhánh:

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

**CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CẤP TỈNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

**GIẤY XÁC NHẬN
Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp**

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh):

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Số fax:

Thư điện tử: Website:

Xác nhận:

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế): Ngày cấp .../.../..... Nơi cấp:

Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh).

Thông tin của doanh nghiệp đã được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau (ghi thông tin sau khi doanh nghiệp thông báo thay đổi và được Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh chấp thuận):

Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính

Cổ đông sáng lập:

Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

[illegible]

Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc/Tổng giám đốc: Họ, chữ đệm và tên Giám đốc/Tổng giám đốc:..... Ngày, tháng, năm sinh:/...../..... Số định danh cá nhân: Điện thoại:.....
2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Họ, chữ đệm và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán:..... Ngày, tháng, năm sinh:/...../..... Số định danh cá nhân: Điện thoại:.....
3	Địa chỉ nhận thông báo thuế: Điện thoại:Số fax: Thư điện tử:
4	Hình thức hạch toán: (<i>Hạch toán độc lập/Hạch toán phụ thuộc</i>)
5	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/..... đến ngày/..... (<i>Ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán</i>)
6	Tổng số lao động:

Nơi nhận:

- Tên, địa chỉ doanh nghiệp;
-
- Lưu:

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

**CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CẤP TỈNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

GIẤY XÁC NHẬN

**Về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động
chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh**

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh):

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Số fax:

Thư điện tử: Website:

Xác nhận:

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế): Ngày cấp .../.../..... Nơi cấp:

Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau:

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh hoặc Mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện (trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Thông tin thay đổi của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau: (ghi thông tin sau khi doanh nghiệp thông báo thay đổi và được Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh chấp thuận).

Nơi nhận:

- Tên, địa chỉ doanh nghiệp;
-
- Lưu:

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

**CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CẤP TỈNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY CHỨNG NHẬN .../GIẤY XÁC NHẬN ...

(Dùng trong trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh/Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh do mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác)

(Nội dung cấp lại)

TRƯỞNG ĐƠN VỊ¹
(Đã ký)

Ghi chú: Được cấp lại ngày .../.../.....

TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

¹ Không có chữ ký, con dấu tại mục này.

**CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CẤP TỈNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày.....tháng.....năm.....

**THÔNG BÁO
Về cơ quan thuế quản lý trực tiếp**

Kính gửi: (Tên doanh nghiệp)

Địa chỉ: (Địa chỉ trụ sở chính)

Mã số: (Mã số doanh nghiệp/Số Giấy
chứng nhận đăng ký kinh doanh)

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh):

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Số fax:

Thư điện tử: Website:

Căn cứ thông tin do Cơ quan thuế cung cấp, (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh) xin thông báo cho doanh nghiệp biết thông tin về Cơ quan thuế quản lý trực tiếp như sau:

Tên Cơ quan thuế quản lý trực tiếp đơn vị:

Đề nghị doanh nghiệp liên hệ với cơ quan thuế quản lý trực tiếp để kê khai, nộp thuế theo quy định.

Nơi nhận:

- Tên, địa chỉ doanh nghiệp;
-
- Lưu:

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

**CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CẤP TỈNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO

Về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp

Kính gửi: (Tên doanh nghiệp)

Địa chỉ: (Địa chỉ trụ sở chính)

Mã số: (Mã số doanh nghiệp/Số Giấy
chứng nhận đăng ký kinh doanh)

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh):

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Số fax:

Thư điện tử: Website:

Sau khi xem xét Hồ sơ mã số:đã nhận ngày tháng năm ..

của Ông/Bà:

về việc:của (Tên doanh nghiệp) Mã số

doanh nghiệp (nếu có):

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh) đề nghị những nội dung cần sửa đổi, bổ sung trong hồ sơ và lý do sửa đổi, bổ sung như sau:.....

Thời hạn để doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là 60 ngày kể từ ngày (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh) ra Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung của doanh nghiệp, (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh) sẽ huỷ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Ngày (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh) nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu nói trên được tính là ngày nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu:

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

**CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CẤP TỈNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO

Về việc dừng/từ chối dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp

Kính gửi: *(Đối với hồ sơ thành lập mới doanh nghiệp)*

Ông/Bà:

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Địa chỉ liên lạc:

(Đối với các trường hợp còn lại)

.....*(Tên doanh nghiệp)*.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Mã số doanh nghiệp/Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
đối với doanh nghiệp:

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh):

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Số fax:

Thư điện tử: Website:

Sau khi xem xét Giấy đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp đã nhận ngày... tháng ... năm ... của Ông/Bà: ... đối với Hồ sơ có Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả số ... do *(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh)* ... cấp ngày .../.../... về việc đăng ký/thông báo ... của ... *(Tên Doanh nghiệp)* – Mã số doanh nghiệp ... *(nếu có)*.

Nếu chấp thuận đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại khoản 6 Điều 27 Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày .../.../2025 của Chính phủ thì ghi: (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh) thông báo đã dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp đối với Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nêu trên và huỷ Hồ sơ trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Nếu từ chối đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại khoản 6 Điều 27 Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày .../.../2025 của Chính phủ thì ghi: (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh) thông báo từ chối dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp đối với Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nêu trên và lý do từ chối như sau:

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu:

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CẤP TỈNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO

**Yêu cầu doanh nghiệp báo cáo về việc tuân thủ quy định
của Luật Doanh nghiệp**

Kính gửi: (Tên doanh nghiệp)

Địa chỉ: (Địa chỉ trụ sở chính)

Mã số: (Mã số doanh nghiệp/Số Giấy
chứng nhận đăng ký kinh doanh)

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 216 Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ.....

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh):

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Số fax:

Thư điện tử: Website:

Yêu cầu doanh nghiệp báo cáo về các nội dung sau:

.....

.....

.....

Doanh nghiệp có trách nhiệm báo cáo về các nội dung nêu trên trong thời hạn ngày kể từ ngày (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh) ra Thông báo này.

Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày hết hạn gửi báo cáo mà (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh) không nhận được báo cáo của doanh nghiệp thì doanh nghiệp sẽ bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 212 Luật Doanh nghiệp.

Nơi nhận:

- Như trên;

-;

- Lưu:

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

**CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CẤP TỈNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO

Về việc hiệu đính thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh/Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện

Kính gửi: (Tên doanh nghiệp)

Địa chỉ: (Địa chỉ trụ sở chính)

Mã số: (Mã số doanh nghiệp/Số Giấy
chứng nhận đăng ký kinh doanh)

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh):

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Số fax:

Thư điện tử: Website:

Sau khi xem xét lại hồ sơ đăng ký doanh nghiệp của Ông/Bà: là người đại diện theo pháp luật.

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh) phát hiện nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh/Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện chưa chính xác so với nội dung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.

Do vậy, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày gửi Thông báo này, (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh) sẽ tiến hành cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh/Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện thay thế cho giấy tờ đã cấp có nội dung chưa chính xác so với nội dung trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu:

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

**CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CẤP TỈNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO

**Về việc rà soát thông tin đăng ký doanh nghiệp,
tình trạng pháp lý của doanh nghiệp**

Kính gửi: (Tên doanh nghiệp)

Địa chỉ: (Địa chỉ trụ sở chính)

Mã số: (Mã số doanh nghiệp/Số Giấy
chứng nhận đăng ký kinh doanh)

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 18 và khoản 2 Điều 73 của Nghị định
số .../2025/NĐ-CP ngày .../.../2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp,

Để đảm bảo quyền lợi chính đáng của doanh nghiệp về sự đầy đủ và chính
xác của các thông tin đăng ký doanh nghiệp,

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh):

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Số fax:

Thư điện tử: Website:

Đề nghị doanh nghiệp rà soát, kiểm tra đối chiếu và bổ sung, cập nhật
thông tin đăng ký doanh nghiệp, tình trạng pháp lý của doanh nghiệp đã đăng ký
như sau:

1. Đối với doanh nghiệp:

- Tên doanh nghiệp:
- Mã số:
- Địa chỉ trụ sở:
- Điện thoại:
- Người đại diện theo pháp luật:
- Tình trạng pháp lý:

2. Đối với chi nhánh:

- Tên chi nhánh:
- Mã số:
- Địa chỉ:
- Người đứng đầu:
- Tình trạng hoạt động:

3. Đối với văn phòng đại diện:

- Tên văn phòng đại diện:
- Mã số:
- Địa chỉ:
- Người đứng đầu:
- Tình trạng hoạt động:

4. Đối với địa điểm kinh doanh:

- Tên địa điểm kinh doanh:
- Mã số:
- Đơn vị chủ quản:
- Địa chỉ:
- Người đứng đầu:
- Tình trạng hoạt động:

Sau khi rà soát, đề nghị doanh nghiệp gửi Thông báo phản hồi theo mẫu quy định tại Mẫu số 18 ban hành kèm theo Nghị định số .../2025/NĐ-CP tới (*Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh*) trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày gửi Thông báo này.

Trường hợp quá thời hạn 90 ngày mà doanh nghiệp không gửi Thông báo phản hồi theo mẫu quy định tới (*Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh*) thì được hiểu là doanh nghiệp đã đồng ý xác nhận các thông tin đăng ký doanh nghiệp và tình trạng pháp lý của doanh nghiệp tại Thông báo này là đầy đủ, chính xác.

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu:

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

**CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CẤP TỈNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO

**Yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh
ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện**

Kính gửi: (Tên doanh nghiệp)

Địa chỉ: (Địa chỉ trụ sở chính)

Mã số: (Mã số doanh nghiệp/Số Giấy
chứng nhận đăng ký kinh doanh)

Căn cứ Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày .../.../2025 của Chính phủ về
đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Thông báo số;

Căn cứ

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh):

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Số fax:

Thư điện tử: Website:

Yêu cầu (tên doanh nghiệp):

..... tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề

Doanh nghiệp chỉ được tiếp tục kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh
có điều kiện nêu trên khi đáp ứng đủ các điều kiện kinh doanh theo quy định của
pháp luật.

Nơi nhận:

- Như trên;
- (Cơ quan quản lý chuyên ngành);
-
- Lưu:

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

**CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CẤP TỈNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

GIẤY XÁC NHẬN

Về việc doanh nghiệp thông báo tạm ngừng kinh doanh

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh):

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Số fax:

Thư điện tử: Website:

Xác nhận:

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế): Ngày cấp .../.../..... Nơi cấp:

Doanh nghiệp và tất cả các chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp thông báo tạm ngừng kinh doanh, tạm ngừng hoạt động kể từ ngày..... tháng năm đến hết ngày..... tháng năm.....

Lý do tạm ngừng:

Nơi nhận:

- Tên, địa chỉ doanh nghiệp;
-
- Lưu:

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

**CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CẤP TỈNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

GIẤY XÁC NHẬN

**Về việc chi nhánh/địa điểm kinh doanh thông báo tạm ngừng kinh doanh/
Về việc văn phòng đại diện thông báo tạm ngừng hoạt động**

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh):

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Số fax:

Thư điện tử: Website:

Xác nhận:

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế): Ngày cấp .../.../..... Nơi cấp:

Đối với chi nhánh, địa điểm kinh doanh thì ghi:

Thông báo tạm ngừng kinh doanh kể từ ngày..... tháng năm đến hết ngày..... tháng..... năm..... đối với chi nhánh/địa điểm kinh doanh sau:

Tên chi nhánh/địa điểm kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số:

Chi nhánh chủ quản (chỉ ghi trong trường hợp thông báo tạm ngừng kinh doanh địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh):

Tên chi nhánh chủ quản:

Mã số chi nhánh/Mã số thuế:

Địa chỉ chi nhánh:

Lý do tạm ngừng:

Đối với văn phòng đại diện thì ghi:

Thông báo tạm ngừng hoạt động kể từ ngày..... tháng năm đến hết ngày..... tháng..... năm..... đối với văn phòng đại diện sau:

Tên văn phòng đại diện (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số:

Lý do tạm ngừng:

Nơi nhận:

- Tên, địa chỉ doanh nghiệp;
-
- Lưu:

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

**CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CẤP TỈNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

**GIẤY XÁC NHẬN
Về việc doanh nghiệp thông báo tiếp tục kinh doanh
trước thời hạn đã thông báo**

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh):

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Số fax:

Thư điện tử: Website:

Xác nhận:

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế): Ngày cấp .../.../..... Nơi cấp:

- Nếu doanh nghiệp thông báo tiếp tục kinh doanh, tiếp tục hoạt động trước thời hạn đã thông báo cho doanh nghiệp và tất cả các chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp thì ghi: Doanh nghiệp và tất cả các chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp thông báo tiếp tục kinh doanh, tiếp tục hoạt động trước thời hạn đã thông báo kể từ ngày..... tháng năm

- Nếu doanh nghiệp thông báo tiếp tục kinh doanh, tiếp tục hoạt động trước thời hạn đã thông báo cho doanh nghiệp và một hoặc một số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh thì ghi: Doanh nghiệp và các chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp sau đây thông báo tiếp tục kinh doanh, tiếp tục hoạt động trước thời hạn đã thông báo kể từ ngày... tháng... năm...

+ Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số:

Chi nhánh chủ quản (chỉ ghi trong trường hợp địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo):

Tên chi nhánh chủ quản:

Mã số chi nhánh:

- Nếu doanh nghiệp chỉ thông báo tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo cho doanh nghiệp thì ghi: Đăng ký tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo kể từ ngày.... tháng năm

Lý do:.....

Nơi nhận:

- Tên, địa chỉ doanh nghiệp;
-;
- Lưu:

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

**CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CẤP TỈNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

GIẤY XÁC NHẬN

**Về việc chi nhánh/địa điểm kinh doanh thông báo tiếp tục kinh doanh
trước thời hạn đã thông báo/Về việc văn phòng đại diện thông báo
tiếp tục hoạt động trước thời hạn đã thông báo**

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh):

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Số fax:

Thư điện tử: Website:

Xác nhận:

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số
doanh nghiệp/mã số thuế): Ngày cấp .../.../..... Nơi cấp:

Đối với chi nhánh/địa điểm kinh doanh thì ghi:

Đăng ký tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo kể từ ngày ...
tháng ... năm ... đối với chi nhánh/địa điểm kinh doanh sau:

Tên chi nhánh/địa điểm kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số:

Chi nhánh chủ quản (chỉ ghi trong trường hợp địa điểm kinh doanh trực
thuộc chi nhánh tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo):

Tên chi nhánh chủ quản:

Mã số chi nhánh:

Đối với văn phòng đại diện thì ghi:

Đăng ký tiếp tục hoạt động trước thời hạn đã thông báo kể từ ngày ...
tháng ... năm ... đối với văn phòng đại diện sau:

Tên văn phòng đại diện (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số:

Nơi nhận:

- Tên, địa chỉ doanh nghiệp;
-
- Lưu:

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

**CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CẤP TỈNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

**GIẤY XÁC NHẬN
Về việc cho thuê doanh nghiệp tư nhân**

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh):

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Số fax:

Thư điện tử: Website:

Xác nhận:

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế): Ngày cấp .../.../..... Nơi cấp:

Được cho thuê với các nội dung sau:

1. Chủ doanh nghiệp tư nhân

Họ, chữ đệm và tên (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

Ngày, tháng, năm sinh:// Quốc tịch:

Số định danh cá nhân:

(hoặc) Số Hộ chiếu, Hộ chiếu nước ngoài, giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với chủ doanh nghiệp là người nước ngoài): Ngày cấp: ... Nơi cấp:

Địa chỉ liên lạc:

Điện thoại: Số fax:

Thư điện tử: Website:

.....

2. Người thuê doanh nghiệp tư nhân

Họ, chữ đệm và tên (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

Ngày, tháng, năm sinh:// Quốc tịch:

Số định danh cá nhân:

(hoặc) Số Hộ chiếu, Hộ chiếu nước ngoài, giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với người thuê là người nước ngoài): Ngày cấp: ...
Nơi cấp:

Địa chỉ liên lạc:

Điện thoại: Số fax:

Thư điện tử:Website:
.....

Trong thời hạn cho thuê doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp tư nhân vẫn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật với tư cách là chủ sở hữu doanh nghiệp.

Nơi nhận:

- Tên, địa chỉ doanh nghiệp;
-;
- Lưu:

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

**CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CẤP TỈNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO

**Yêu cầu thay đổi tên doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm
kinh doanh của doanh nghiệp do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp**

Kính gửi: (Tên doanh nghiệp)

Địa chỉ: (Địa chỉ trụ sở chính)

Mã số: (Mã số doanh nghiệp/Số Giấy
chứng nhận đăng ký kinh doanh)

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh):

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Số fax:

Thư điện tử: Website:

Căn cứ:

- Văn bản đề nghị

- Văn bản kết luận

-

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh) yêu cầu doanh nghiệp thực hiện
thay đổi tên doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh do
xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ra
Thông báo này.

Kèm theo Thông báo này có:

1.

2.

Sau thời hạn trên, nếu doanh nghiệp không đăng ký thay đổi tên xâm
phạm quyền sở hữu công nghiệp theo yêu cầu, (Cơ quan đăng ký kinh doanh
cấp tỉnh) yêu cầu doanh nghiệp báo cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 18 Nghị
định số.../2025/NĐ-CP, thông báo cho cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm để
xử lý theo quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Cơ quan có thẩm quyền khác:...

(nếu có);

- Lưu:

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

**CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CẤP TỈNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO

Về việc vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp thu hồi¹

Kính gửi: (Tên doanh nghiệp)

Địa chỉ: (Địa chỉ trụ sở chính)

Mã số: (Mã số doanh nghiệp/Số Giấy
chứng nhận đăng ký kinh doanh)

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh):

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Số fax:

Thư điện tử: Website:

Căn cứ văn bản kết luận/biên bản làm việc số.....ngày .../.../..... của
..... về việc(nếu có)

Căn cứ văn bản ... ngày .../.../... của ... về việc đề nghị thu hồi Giấy
chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi
nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp (trường hợp thực hiện theo đề nghị
của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của luật, nếu có);

Căn cứ khác:.....(nếu có).

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh) thông báo nội dung vi phạm của
doanh nghiệp như sau:

(Ghi cụ thể nội dung vi phạm của doanh nghiệp tương ứng theo các
trường hợp thu hồi theo quy định).

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh) đăng tải thông báo vi phạm của
doanh nghiệp trên Công thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cơ quan quản lý thuế (tỉnh, thành phố nơi
doanh nghiệp đăng ký trụ sở);
- Cơ quan có thẩm quyền khác: (nếu có);
- Lưu:

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

¹ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp/Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/Giấy xác nhận tạm ngừng kinh doanh, tạm ngừng hoạt động, thông báo tiếp tục kinh doanh, thông báo tiếp tục hoạt động/Thông báo doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể, chi nhánh, văn phòng đại diện đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động/Thông báo về việc giải thể của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động.

**CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CẤP TỈNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

TRƯỞNG CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH CẤP TỈNH ...

Căn cứ Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày .../.../2025 của Chính phủ về
đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Thông báo số ... ngày .../.../.... của (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh) về việc vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ yêu cầu của Tòa án về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (nếu có, ghi tên, số, ký hiệu, ngày, tháng, năm văn bản của Tòa án về việc thu hồi);

Căn cứ khác (nếu có):

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp sau:

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Đã ký lần đầu,
ngày.....tháng.....năm.....

Đã ký thay đổi lần thứ:,
ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cấp:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (trường hợp không có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp): Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Số fax:

Thư điện tử: Website:

Do¹:

- Ông/Bà: (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

Ngày, tháng, năm sinh:/...../..... Quốc tịch:

Số định danh cá nhân:/Số Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với người đại diện là người nước ngoài): Ngày cấp: ... Nơi cấp:

Chức danh:

Địa chỉ liên lạc:

Là người đại diện theo pháp luật.

Tình trạng pháp lý của doanh nghiệp:

.....

Có các chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Tên, mã số, địa chỉ, tình trạng pháp lý chi nhánh:

Tên, mã số, địa chỉ, tình trạng pháp lý văn phòng đại diện:

Tên, mã số, địa chỉ, tình trạng pháp lý địa điểm kinh doanh:

** Trường hợp thu hồi nội dung đăng ký kinh doanh tại Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, ghi cụ thể nội dung đăng ký kinh doanh thu hồi theo quy định.*

Nội dung sau Điều 1 của Quyết định thu hồi được ghi tương ứng với từng trường hợp như sau:

1. Đối với trường hợp doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp để thực hiện biện pháp cưỡng chế nợ thuế theo đề nghị của Cơ quan quản lý thuế:

Điều 2. (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh) chuyển tình trạng pháp lý của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh sang tình trạng “Bị thu hồi do cưỡng chế về quản lý thuế” trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, đồng thời đăng tải Quyết định thu hồi này trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

2. Đối với các trường hợp còn lại:

¹ Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

Điều 2. *(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh)* thông báo tình trạng doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động đồng thời với việc ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và đăng tải Thông báo, Quyết định thu hồi này trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Điều 3. Doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện thủ tục giải thể doanh nghiệp và chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh theo quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Tên, địa chỉ doanh nghiệp bị thu hồi GCNĐKDN;
- Cơ quan quản lý thuế *(tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp đăng ký trụ sở)*;
- Cơ quan có thẩm quyền khác: *(nếu có)*;
- Các Phòng đăng ký kinh doanh;
- Lưu:

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Đã ký thay đổi lần thứ:,
ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cấp:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với trường hợp không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế): Ngày cấp .../.../..... Nơi cấp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Số fax:

Thư điện tử: Website:

Do¹:

- Ông/Bà (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

Ngày, tháng, năm sinh:/...../..... Quốc tịch:

Số định danh cá nhân:/Số Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với người đại diện là người nước ngoài): Ngày cấp: ... Nơi cấp:

Chức danh:

Địa chỉ liên lạc:

Là người đại diện theo pháp luật.

Tình trạng pháp lý của doanh nghiệp:

.....

Có các chi nhánh/văn phòng đại diện:

Tên, mã số, địa chỉ, tình trạng pháp lý chi nhánh:

Tên, mã số, địa chỉ, tình trạng pháp lý văn phòng đại diện:

Tên, mã số, địa chỉ, tình trạng pháp lý địa điểm kinh doanh:

- Đối với chi nhánh/văn phòng đại diện thì ghi:

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số/mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện:

Đã ký lần đầu,
ngày.....tháng.....năm.....

Đã ký thay đổi lần thứ:,
ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cấp:

¹ Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (*trường hợp không có mã số/mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện*):..... Ngày cấp: .../.../... Nơi cấp:.....

Địa chỉ:

Điện thoại: Số fax:

Thư điện tử: Website:

Do²:

Ông/Bà (*ghi bằng chữ in hoa*):

Ngày, tháng, năm sinh:/...../..... Quốc tịch:

Số định danh cá nhân:/Số Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (*đối với người đại diện là người nước ngoài*): Ngày cấp: ... Nơi cấp:

Chức danh:

Địa chỉ liên lạc:

Là người đứng đầu chi nhánh/văn phòng đại diện.

Tình trạng pháp lý của chi nhánh/văn phòng đại diện:

Có các địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh:

Tên, mã số, địa chỉ, tình trạng pháp lý địa điểm kinh doanh:

Là chi nhánh/văn phòng đại diện của doanh nghiệp sau:

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Số fax:

Thư điện tử: Website:

Điều 2. (*Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh*) khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện đã được huỷ bỏ Quyết định thu hồi tại Điều 1 Quyết định này, đồng thời cập nhật tình trạng pháp lý của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, đăng tải Quyết định này trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

² Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

- Tên, địa chỉ doanh nghiệp bị thu hồi
GCNĐKDN/GCNĐKHĐ CN, VPĐD;
- Cơ quan quản lý thuế (*tỉnh, thành phố
nơi doanh nghiệp đăng ký trụ sở*);
- Cơ quan có thẩm quyền khác:.....
(*nếu có*);
- Các Phòng đăng ký kinh doanh;
- Lưu:

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Điện thoại: Số fax:

Thư điện tử: Website:

Do¹:

Ông/Bà (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

Ngày, tháng, năm sinh:/...../..... Quốc tịch:

Số định danh cá nhân:/Số Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với người đại diện là người nước ngoài): Ngày cấp: ... Nơi cấp:

Chức danh:

Địa chỉ liên lạc:

Là người đứng đầu chi nhánh/văn phòng đại diện.

Tình trạng pháp lý của chi nhánh/văn phòng đại diện:

.....

Có các địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh:

Tên, mã số, địa chỉ, tình trạng pháp lý địa điểm kinh doanh:

Là chi nhánh/văn phòng đại diện của doanh nghiệp sau:

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế): Ngày cấp .../.../..... Nơi cấp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Số fax:

Thư điện tử: Website:

** Trường hợp thu hồi nội dung đăng ký hoạt động tại Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, ghi cụ thể nội dung đăng ký hoạt động thu hồi theo quy định.*

Nội dung sau Điều 1 của Quyết định thu hồi được ghi tương ứng với từng trường hợp như sau:

1. Đối với trường hợp doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện để thực hiện biện pháp cưỡng chế nợ thuế theo đề nghị của Cơ quan quản lý thuế:

Điều 2. (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh) chuyển tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh sang tình trạng “Bị thu hồi do cưỡng chế về quản lý thuế” trong Cơ sở dữ liệu

¹ Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp doanh nghiệp có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Đồng thời, đăng tải quyết định thu hồi này trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

2. Đối với trường hợp còn lại:

Điều 2. *(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh)* thông báo tình trạng chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động đồng thời với việc ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện và đăng tải thông báo, quyết định thu hồi này trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Điều 3. Doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh theo quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Tên, địa chỉ doanh nghiệp bị thu hồi
GCNĐKHĐ chi nhánh/văn phòng đại diện;
- Cơ quan quản lý thuế *(tỉnh, thành phố nơi
doanh nghiệp đăng ký trụ sở)*;
- Cơ quan có thẩm quyền khác:..... *(nếu
có)*;
- Các Phòng đăng ký kinh doanh;
- Lưu:

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

**CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CẤP TỈNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Số:

....., ngàythángnăm

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận
đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của lần đăng ký thay
đổi/Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, đăng ký
hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện**

TRƯỞNG CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH CẤP TỈNH ...

Căn cứ Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày .../.../.... của Chính phủ về
đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Thông báo số ngày .../.../..... của (Cơ quan đăng ký kinh
doanh cấp tỉnh) về việc vi phạm của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại
diện;

Căn cứ yêu cầu của Tòa án về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký
doanh nghiệp (nếu có, ghi tên, số, ký hiệu, ngày, tháng, năm văn bản của Tòa án
về việc thu hồi);

Căn cứ khác (nếu có):

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận
đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của lần đăng ký thay đổi/Giấy
xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hoạt động
chi nhánh, văn phòng đại diện như sau:

- Trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của lần đăng
ký thay đổi

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Đăng ký thay đổi lần thứ:,
ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cấp:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*trường hợp không có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*): Ngày cấp: .../.../.... Nơi cấp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Số fax:

Thư điện tử: Website:

Do¹:

- Ông/Bà (*ghi họ tên bằng chữ in hoa*):

Ngày, tháng, năm sinh:// Quốc tịch:

Số định danh cá nhân:/Số Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (*đối với người đại diện là người nước ngoài*): Ngày cấp: ... Nơi cấp:

Chức danh:

Địa chỉ liên lạc:

Là người đại diện theo pháp luật.

- *Trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của lần đăng ký thay đổi*

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số/mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện:

Đăng ký thay đổi lần thứ:,
ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cấp:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (*trường hợp không có mã số/mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện*):..... Ngày cấp: .../.../... Nơi cấp:

Địa chỉ:

Điện thoại: Số fax:

Thư điện tử: Website:

Do:

Ông/Bà (*ghi họ tên bằng chữ in hoa*):

Ngày, tháng, năm sinh:// Quốc tịch:

¹ Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

Số định danh cá nhân:/Số Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với người đại diện là người nước ngoài): Ngày cấp: ... Nơi cấp:

Chức danh:

Địa chỉ liên lạc:

Là người đứng đầu chi nhánh/văn phòng đại diện.

Là chi nhánh/văn phòng đại diện của doanh nghiệp sau:

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế): Ngày cấp .../.../..... Nơi cấp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Số fax:

Thư điện tử: Website:

- Trường hợp thu hồi Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (trường hợp không có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp): Ngày cấp: .../.../..... Nơi cấp:

Giấy xác nhận số ngày .../.../..... của (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh) về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

- Trường hợp thu hồi Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (trường hợp không có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp): Ngày cấp: .../.../..... Nơi cấp:

Giấy xác nhận số ngày .../.../..... của (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh) về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện.

* Trường hợp thực hiện thu hồi theo quyết định của Tòa án thì ghi cụ thể nội dung thu hồi theo quyết định của Tòa án.

* Trường hợp thu hồi nội dung đăng ký kinh doanh/ nội dung đăng ký hoạt động tại Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận

đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, ghi cụ thể nội dung đăng ký kinh doanh/đăng ký hoạt động thu hồi theo quy định.

Điều 2. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trên cơ sở hồ sơ hợp lệ của lần đăng ký .../Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp. Ngày cấp: .../.../... Nơi cấp:

** Trường hợp thực hiện theo quyết định của Tòa án thì ghi cụ thể nội dung theo quyết định của Tòa án.*

Điều 3. (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh) đăng tải quyết định thu hồi này trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Tên, địa chỉ doanh nghiệp bị thu hồi GCNĐKDN/GCNĐKHĐ chi nhánh, văn phòng đại diện;
- Cơ quan quản lý thuế (tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp đăng ký trụ sở);
- Cơ quan có thẩm quyền khác: (nếu có);
- Các Phòng đăng ký kinh doanh;
- Lưu:

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

**CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CẤP TỈNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày.....tháng.....năm.....

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thu hồi Giấy xác nhận thông báo tạm ngừng kinh doanh, tạm ngừng hoạt động, tiếp tục kinh doanh, tiếp tục hoạt động/Thông báo doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể, chi nhánh, văn phòng đại diện đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động/Thông báo về việc giải thể của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động

TRƯỞNG CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH CẤP TỈNH ...

Căn cứ Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày .../.../.... của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Thông báo số ngày .../.../..... của (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh) về việc vi phạm của doanh nghiệp;

Căn cứ khác (nếu có):

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi Giấy xác nhận thông báo tạm ngừng kinh doanh, tạm ngừng hoạt động, tiếp tục kinh doanh, tiếp tục hoạt động/Thông báo doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể, chi nhánh, văn phòng đại diện đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động/Thông báo về việc giải thể của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động như sau:

- Đối với doanh nghiệp thì ghi:

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Đăng ký lần đầu,
ngày.....tháng.....năm.....

Đăng ký thay đổi lần thứ:
ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cấp:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với trường hợp không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế): Ngày cấp .../.../..... Nơi cấp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Số fax:

Thư điện tử: Website:

Do¹:

- Ông/Bà (*ghi họ tên bằng chữ in hoa*):

Ngày, tháng, năm sinh:/...../..... Quốc tịch:

Số định danh cá nhân:/Số Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (*đối với người đại diện là người nước ngoài*): Ngày cấp: ... Nơi cấp:

Chức danh:

Địa chỉ liên lạc:

Là người đại diện theo pháp luật.

Tình trạng pháp lý của doanh nghiệp:

.....

Có các chi nhánh/văn phòng đại diện:

Tên, mã số, địa chỉ, tình trạng pháp lý chi nhánh:

Tên, mã số, địa chỉ, tình trạng pháp lý văn phòng đại diện:

Tên, mã số, địa chỉ, tình trạng pháp lý địa điểm kinh doanh:

Giấy xác nhận thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh/Thông báo doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể/Thông báo về việc giải thể của doanh nghiệp số ngày/..... của (*Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh*).....

- *Đối với chi nhánh/văn phòng đại diện thì ghi:*

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số/mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện:

Đăng ký lần đầu,
ngày.....tháng.....năm.....

Đăng ký thay đổi lần thứ:
ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cấp:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (*trường hợp không có mã số/mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện*):.... Ngày cấp: .../.../... Nơi cấp:

Địa chỉ:

Điện thoại: Số fax:

¹ Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

Thư điện tử: Website:

Do:

Ông/Bà (*ghi bằng chữ in hoa*):

Ngày, tháng, năm sinh:/...../..... Quốc tịch:

Số định danh cá nhân:/Số Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (*đối với người đại diện là người nước ngoài*): Ngày cấp: ... Nơi cấp:

Chức danh:

Địa chỉ liên lạc:

Là người đứng đầu chi nhánh/văn phòng đại diện.

Tình trạng pháp lý của chi nhánh/văn phòng đại diện:

Có các địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh:

Tên, mã số, địa chỉ, tình trạng pháp lý địa điểm kinh doanh:

Là chi nhánh/văn phòng đại diện của doanh nghiệp sau:

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Số fax:

Thư điện tử: Website:

Giấy xác nhận thông báo tạm ngừng kinh doanh, tạm ngừng hoạt động, tiếp tục kinh doanh, tiếp tục hoạt động/Thông báo chi nhánh, văn phòng đại diện đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động/Thông báo về việc chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động số ngày/..... của (*Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh*).

Điều 2. Tình trạng pháp lý của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sau khi thu hồi Giấy xác nhận thông báo tạm ngừng kinh doanh, tạm ngừng hoạt động, tiếp tục kinh doanh, tiếp tục hoạt động/Thông báo doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể, chi nhánh, văn phòng đại diện đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động/Thông báo về việc giải thể của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động:

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Tên, địa chỉ doanh nghiệp;
- Cơ quan quản lý thuế (*tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp đăng ký trụ sở*);
- Cơ quan có thẩm quyền khác:.....
(nếu có);
- Các Phòng đăng ký kinh doanh;
- Lưu:

TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

**CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CẤP TỈNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO

**Về việc chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh đang làm thủ
tục chấm dứt hoạt động**

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh) thông báo chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp sau đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động:

Tên doanh nghiệp:.....

Mã số doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Do¹:

- Ông/Bà:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:.....

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:.....

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

là người đại diện theo pháp luật.

Thông tin chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động²:

- Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số/mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (trường hợp không có mã số/mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Trường hợp chi nhánh đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động có địa điểm kinh doanh trực thuộc thì ghi thêm:

Có các địa điểm kinh doanh trực thuộc sau đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động³:

¹ Ghi tên của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

² Liệt kê các chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động.

³ Liệt kê tất cả các địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh.

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số/mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

- ...

(*Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh*) đăng tải thông báo này trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Nơi nhận:

- Cục Thuế tỉnh, thành phố ... (*để biết*);
- Cục Hải quan tỉnh, thành phố ... (*để biết*);
- Cục thi hành án dân sự tỉnh, thành phố ... (*để biết*);
- Lưu:

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(*Ký, ghi họ tên và đóng dấu*)

**CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CẤP TỈNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO

Về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/ địa điểm kinh doanh

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh) thông báo (các) chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau đây của doanh nghiệp: (tên doanh nghiệp), mã số doanh nghiệp:, địa chỉ trụ sở chính:, do Ông/Bà¹: là người đại diện theo pháp luật, đã chấm dứt hoạt động:

1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):.....

Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh hoặc mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện:

2. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

3. Thông tin về chi nhánh chủ quản (đối với trường hợp chấm dứt hoạt động của địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh):

Tên chi nhánh:

Địa chỉ chi nhánh:

Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh:

Nơi nhận:

- Tên, địa chỉ doanh nghiệp;
- Cục Hải quan ... (tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính) (để biết);
- Cục Quản lý thị trường (tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính) (để biết);
-
- Lưu:

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

¹ Ghi tên của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CẤP TỈNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày... tháng... năm.....

THÔNG BÁO

Về việc doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể¹

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh) thông báo doanh nghiệp sau đang làm thủ tục giải thể:

Tên doanh nghiệp:.....

Mã số doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Do²:

- Ông/Bà:

Số định danh cá nhân:/Số Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với người đại diện là người nước ngoài): Ngày cấp: ... Nơi cấp:

Là người đại diện theo pháp luật.

Các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh sau của doanh nghiệp đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động:

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh hoặc mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện:

Trường hợp giải thể doanh nghiệp theo quy định tại Điều 208 Luật Doanh nghiệp thì ghi:

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh) đăng tải thông báo này, nghị quyết, quyết định về việc giải thể của doanh nghiệp và các tài liệu kèm theo trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Trường hợp giải thể doanh nghiệp theo quy định tại Điều 209 Luật Doanh nghiệp (trừ trường hợp doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp để thực hiện biện pháp cưỡng chế theo đề nghị của Cơ quan quản lý thuế) thì ghi:

¹ Trừ trường hợp doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp để thực hiện biện pháp cưỡng chế nợ thuế theo đề nghị của Cơ quan quản lý thuế.

² Ghi tên của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh) đăng tải thông báo này và quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/quyết định của Tòa án trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Nơi nhận:

- Tên, địa chỉ doanh nghiệp;
- Cục Thuế tỉnh, thành phố ... (để biết);
- Cục Hải quan tỉnh, thành phố ... (để biết);
- Cục thi hành án dân sự tỉnh, thành phố ... (để biết);
- Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố ... (để biết);
- Lưu:

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

**CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CẤP TỈNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

..., ngày... tháng... năm.....

THÔNG BÁO
Về việc doanh nghiệp đã giải thể/chấm dứt tồn tại

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh) đã tiến hành cập nhật tình trạng pháp lý đối với doanh nghiệp sau:

Tên	doanh	nghiệp:
.....		
Mã	số	doanh
.....		nghiệp:
.....		

Địa chỉ trụ sở chính:

Do¹:

- Ông/Bà:

Số định danh cá nhân:/Số Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với người đại diện là người nước ngoài): Ngày cấp: ... Nơi cấp:

Là người đại diện theo pháp luật.

Tình trạng pháp lý của doanh nghiệp sau khi cập nhật: (đã giải thể hoặc chấm dứt tồn tại)

1. Đối với trường hợp doanh nghiệp đã giải thể thì ghi:

Lý do giải thể:

2. Đối với trường hợp doanh nghiệp chấm dứt tồn tại thì ghi:

Lý do chấm dứt tồn tại (bị chia/bị hợp nhất/bị sáp nhập):

Nơi nhận:

- Tên, địa chỉ doanh nghiệp;
- Cục Thuế tỉnh, thành phố ... (để biết);
- Cục Hải quan tỉnh, thành phố ... (để biết);
-
- Lưu:

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

¹ Ghi tên của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

**CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CẤP TỈNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:
Mã hồ sơ:

....., ngày tháng năm

**GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ
Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/
địa điểm kinh doanh**

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh):
Địa chỉ trụ sở:
Điện thoại: Số fax:
Thư điện tử: Website:
Ngày / / đã nhận của Ông/Bà:
Số định danh cá nhân (hoặc số Hộ chiếu, Hộ chiếu nước ngoài, giấy tờ
có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài):
Điện thoại: Thư điện tử:
01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh
doanh mã số: về việc của (Tên doanh nghiệp)
..... Mã số doanh nghiệp (nếu có):

Hồ sơ bao gồm:

1.
2.
3.

*Trường hợp Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh trả kết quả là giấy
chứng nhận/giấy xác nhận/thông báo cho doanh nghiệp thì ghi:*

Thời gian trả kết quả giải quyết hồ sơ: ngày ... tháng ... năm ...

Nơi nhận kết quả:

*Trường hợp Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh chỉ cập nhật, bổ sung
thông tin đăng ký doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh
nghiệp thì ghi:*

Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ của doanh
nghiệp, thông tin đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp sẽ được cập nhật
trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp/đăng tải trên Cổng thông
tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

NGƯỜI NỘP
(Ký và ghi họ tên)

NGƯỜI NHẬN
(Ký và ghi họ tên)

ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày.....tháng.....năm.....

GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ
Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/
địa điểm kinh doanh trên môi trường điện tử

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh):

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Số fax:

Thư điện tử: Website:

Ngày/....../.... đã nhận của Ông/Bà:

Số định danh cá nhân (hoặc số Hộ chiếu, Hộ chiếu nước ngoài, giấy tờ
có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài):

Điện thoại: Thư điện tử:

01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh
doanh qua mạng thông tin điện tử mã số: về việc
của (Tên doanh nghiệp) Mã số doanh nghiệp (nếu có):
.....

Hồ sơ bao gồm:

1.

2.

3.

Thời gian trả kết quả giải quyết hồ sơ: ngày ... tháng ... năm ...¹

Kết quả xử lý hồ sơ đăng ký doanh nghiệp sẽ được gửi vào địa chỉ thư
điện tử và tải khoản truy cập Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh
nghiệp của Ông/Bà.

(TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH
DOANH CẤP TỈNH)

¹ Trường hợp hồ sơ được tiếp nhận trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sau giờ hành chính hoặc vào ngày nghỉ lễ, Tết theo quy định thì thời hạn trả kết quả là trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày làm việc kế tiếp của ngày hồ sơ được tiếp nhận.

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP

(TÊN DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN)

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt:

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên doanh nghiệp viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp:

3. Ngày thành lập:

4. Địa chỉ trụ sở chính:

.....

Điện thoại: Số fax:

Thư điện tử: Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính

6. Vốn đầu tư (bằng số; bằng chữ; VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có):

7. Chủ doanh nghiệp

Họ, chữ đệm và tên (ghi bằng chữ in hoa):..... Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh: / / Quốc tịch:

Số định danh cá nhân:

(hoặc) Số Hộ chiếu, Hộ chiếu nước ngoài, giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với chủ doanh nghiệp là người nước ngoài): Ngày cấp: ...
Nơi cấp:

Địa chỉ liên lạc:

8. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh/thành phố

/Ban Quản lý khu công nghệ cao

(TÊN CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN)
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt:

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp:

3. Ngày thành lập:

4. Địa chỉ trụ sở chính:

.....

Điện thoại: Số fax:

Thư điện tử: Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành

6. Vốn điều lệ:

7. Thông tin về chủ sở hữu

Đối với chủ sở hữu là cá nhân:

Họ, chữ đệm và tên (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh: / / Quốc tịch:

Số định danh cá nhân:

(*hoặc*) Số Hộ chiếu, Hộ chiếu nước ngoài, giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (*đối với chủ sở hữu là người nước ngoài*): Ngày cấp: ... Nơi cấp:

Địa chỉ liên lạc:

Đối với chủ sở hữu là tổ chức:

Tên tổ chức (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Địa chỉ trụ sở chính:

8. Người đại diện theo pháp luật của công ty¹:

- Họ, chữ đệm và tên (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh: / / Quốc tịch:

Số định danh cá nhân:

(*hoặc*) Số Hộ chiếu, Hộ chiếu nước ngoài, giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (*đối với người đại diện là người nước ngoài*): Ngày cấp: ...
Nơi cấp:

Chức danh:

Địa chỉ liên lạc:

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh/thành phố

/Ban Quản lý khu công nghệ cao

¹ Ghi tên của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

(TÊN CÔNG TY TNHH HAI THÀNH VIÊN)
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt:

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp:

3. Ngày thành lập:

4. Địa chỉ trụ sở chính:

.....

Điện thoại: Số fax:

Thư điện tử: Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành

6. Vốn điều lệ:

7. Danh sách thành viên:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân/tổ chức	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú (nếu có)

8. Người đại diện theo pháp luật của công ty²:

- Họ, chữ đệm và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh: / / Quốc tịch:

Số định danh cá nhân:

² Ghi tên của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

(hoặc) Số Hộ chiếu, Hộ chiếu nước ngoài, giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với người đại diện là người nước ngoài): Ngày cấp: ...
Nơi cấp:

Chức danh:

Địa chỉ liên lạc:

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh/thành phố
/Ban Quản lý khu công nghệ cao

Tên công ty viết tắt:

.....

5. Ngành, nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành

Tổng số cổ phần:

7. Cổ đông sáng lập:

[illegible]

8. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

S T T	Tên cổ đồng	Quốc tịch	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân/tổ chức	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú (nếu có)

9. Người đại diện theo pháp luật của công ty³:

- Họ, chữ đệm và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh: / / Quốc tịch:

Số định danh cá nhân:

(hoặc) Số Hộ chiếu, Hộ chiếu nước ngoài, giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với người đại diện là người nước ngoài): Ngày cấp: ...

Nơi cấp:

Chức danh:

Địa chỉ liên lạc:

10. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh/thành phố

/Ban Quản lý khu công nghệ cao

³ Ghi tên của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

(TÊN CÔNG TY HỢP DANH)
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt:

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp:**3. Ngày thành lập:****4. Địa chỉ trụ sở chính:**

.....

Điện thoại: Số fax:

Thư điện tử: Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành

6. Vốn điều lệ:**7. Danh sách thành viên hợp danh:**

S T T	Tên thành viên hợp danh	Quốc tịch	Số định danh cá nhân/Số Hộ chiếu/Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài	Địa chỉ liên lạc	Phần vốn góp (VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)

8. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh/thành phố
 /Ban Quản lý khu công nghệ cao

CÔNG BỐ THAY ĐỔI NỘI DUNG ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

1. Tên doanh nghiệp: *(ghi thông tin mới nhất của doanh nghiệp)*

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt:

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên doanh nghiệp viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp:

3. Nội dung thay đổi

Khối thông tin cũ:

.....
.....

Khối thông tin mới:

.....
.....

4. Ngày cấp đăng ký thay đổi:

5. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh/thành phố

/Ban Quản lý khu công nghệ cao

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

*(Áp dụng trong các trường hợp công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp khác
ngoài các nội dung Mẫu số 70, 71)*

**PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH .../BAN QUẢN LÝ ...
THÔNG BÁO**

1. Tên doanh nghiệp:

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt:

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên doanh nghiệp viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp:

3. Ngày thành lập:

4. Địa chỉ trụ sở chính:

.....

5. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh/thành phố

/Ban Quản lý khu công nghệ cao

6. Nội dung thông báo:

.....

.....

**CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CẤP TỈNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

..., ngày... tháng... năm.....

THÔNG BÁO

Về việc khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện

Căn cứ Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày .../.../.... của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp,

Căn cứ Quyết định số ngày tháng năm về việc huỷ bỏ Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện.

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh) thông báo về việc khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện đối với doanh nghiệp như sau:

- Đối với doanh nghiệp thì ghi:

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Đăng ký lần đầu,
ngày.....tháng.....năm.....

Đăng ký thay đổi lần thứ:,
ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cấp:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với trường hợp không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế): Ngày cấp .../.../..... Nơi cấp:

Tình trạng pháp lý:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Số fax:

Thư điện tử: Website:

Có các chi nhánh/văn phòng đại diện:

Tên, mã số, địa chỉ, tình trạng pháp lý chi nhánh:

Tên, mã số, địa chỉ, tình trạng pháp lý văn phòng đại diện:

Tên, mã số, địa chỉ, tình trạng pháp lý địa điểm kinh doanh:

• *Đối với chi nhánh/văn phòng đại diện thì ghi:*

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số/mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện:

Đăng ký lần đầu,
ngày.....tháng.....năm.....

Đăng ký thay đổi lần thứ:,
ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cấp:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (*trường hợp không có mã số/mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện*):.... Ngày cấp: .../.../... Nơi cấp:.....

Tình trạng pháp lý:

Có các địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh:

Tên, mã số, địa chỉ, tình trạng pháp lý địa điểm kinh doanh:

Là chi nhánh/văn phòng đại diện của doanh nghiệp sau:

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Số fax:

Thư điện tử: Website:

(*Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh*) gửi thông báo tới (*Tên Cơ quan quản lý thuế*) để phối hợp quản lý.

Nơi nhận:

- Cơ quan quản lý thuế (*tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp đăng ký trụ sở*);

- Lưu:

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(*Ký, ghi họ tên và đóng dấu*)

**CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CẤP TỈNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

**THÔNG BÁO
Về việc cấp đăng ký doanh nghiệp**

(Áp dụng cho đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử)

Kính gửi: *(Tên doanh nghiệp)*

Địa chỉ: *(Địa chỉ trụ sở chính)*

Mã số: *(Mã số doanh nghiệp/Số Giấy chứng nhận
đăng ký kinh doanh)*

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh):

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Số fax:

Thư điện tử: Website:

Sau khi xem xét hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử của doanh nghiệp, số Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả: đã nhận ngày .../.../... về việc, *(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh)* thông báo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp của Ông/Bà đã được chấp thuận.

Trường hợp Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh chỉ cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì ghi:

Thông tin đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp sẽ được cập nhật trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp/đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Trường hợp Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh trả kết quả là giấy chứng nhận/giấy xác nhận/thông báo cho doanh nghiệp thì ghi:

Đề nghị Ông/Bà liên hệ *(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh)* để nhận kết quả.

**CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CẤP TỈNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO

Về việc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, đăng ký địa điểm kinh doanh/Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh không có hiệu lực

Kính gửi: *(Tên doanh nghiệp)*

Địa chỉ: *(Địa chỉ trụ sở chính)*

Mã số: *(Mã số doanh nghiệp/Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh)*

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh):

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Số fax:

Thư điện tử: Website:

Căn cứ:

- Kết luận/biên bản làm việc

- Căn cứ khác *(nếu có)*:.....

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh) thông báo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, đăng ký địa điểm kinh doanh/Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh không có hiệu lực như sau: *(Ghi cụ thể nội dung tương ứng với các trường hợp theo quy định)*.

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh) đăng tải thông báo này trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cơ quan quản lý thuế;
- Cơ quan nhà nước có thẩm quyền:.....;
- Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp;
- Lưu:

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ CUNG CẤP THÔNG TIN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

Kính gửi:

1. Thông tin người yêu cầu:

Họ, chữ đệm và tên (*ghi họ tên bằng chữ in hoa*):

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp: .../.../... Nơi cấp: Ngày hết hạn (*nếu có*): .../.../...

Địa chỉ liên lạc:

Điện thoại: Thư điện tử (*nếu có*):

Là người đại diện của (*nếu có*):

2. Thông tin xuất biên lai:

Tên cá nhân/tổ chức:

Địa chỉ:

3. Thông tin yêu cầu:

STT	Tên sản phẩm	Số lượng sản phẩm
1	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của ...	
2	Thông tin lịch sử 3 năm của doanh nghiệp ...	
3	Thông tin doanh nghiệp mới nhất của ...	
4	Sản phẩm khác	

Tôi/(*Tên tổ chức*) cam kết không sử dụng thông tin về đăng ký doanh nghiệp vào các mục đích trái pháp luật; Không cố ý làm sai lệch nội dung thông tin đăng ký doanh nghiệp, chuyển nhượng thông tin đăng ký doanh nghiệp bất hợp pháp, sai đối tượng; Chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực về nội dung của Giấy đề nghị này; Chịu trách nhiệm hoàn toàn về mọi hậu quả pháp lý phát sinh nếu có theo quy định pháp luật.

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

(*Ký và ghi họ tên*)¹

¹ Người đề nghị/Người đại diện của tổ chức ký trực tiếp vào phần này.

TÊN TỔ CHỨC¹

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Cơ quan đăng ký kinh doanh yêu cầu doanh nghiệp² thay đổi tên doanh nghiệp, tên chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh

Kính gửi: (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh)

1. Trường hợp cá nhân đề nghị theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định số .../2025/NĐ-CP thì ghi:

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

Ngày, tháng, năm sinh: / /

Số định danh cá nhân:

Trường hợp không có số định danh cá nhân hoặc việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì đề nghị kê khai các thông tin cá nhân dưới đây:

Số Hộ chiếu/Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với cá nhân là người nước ngoài):

Ngày cấp: .../.../... Nơi cấp:

Điện thoại (nếu có): Thư điện tử (nếu có):

2. Trường hợp tổ chức đề nghị theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định số .../2025/NĐ-CP thì ghi:

Tên tổ chức:

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập (nếu có):

Địa chỉ trụ sở chính:

Họ, chữ đệm và tên người đại diện:

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân của người đại diện:

Ngày cấp: .../.../... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có): .../.../...

Đề nghị (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh) yêu cầu địa điểm kinh doanh như sau:

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

¹ Chỉ kê khai tên đối với tổ chức.

² Doanh nghiệp có tên doanh nghiệp, tên chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp.

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh/Mã số thuế:

Lý do đề nghị:

.....

Kèm theo Giấy đề nghị này có:

1.

2.

3.

...

Tôi/(Tên tổ chức) cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Giấy đề nghị này và tài liệu kèm theo.

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ/NGƯỜI ĐẠI DIỆN

(Ký và ghi họ tên và đóng dấu)³

³ Người đề nghị ký và ghi họ tên /Người đại diện của tổ chức ký và ghi họ tên và đóng dấu vào phần này.

TÊN TỔ CHỨC¹

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Thu hồi giấy tờ² do kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là giả mạo

Kính gửi: (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh)

1. Trường hợp cá nhân đề nghị thu hồi theo quy định tại khoản 1 Điều 65 Nghị định số .../2025/NĐ-CP thì ghi:

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

Ngày, tháng, năm sinh: / /

Số định danh cá nhân:

Trường hợp không có số định danh cá nhân hoặc việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì đề nghị kê khai các thông tin cá nhân dưới đây:

Số Hộ chiếu/Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với cá nhân là người nước ngoài):

Ngày cấp:/...../.... Nơi cấp:

Điện thoại (nếu có): Thư điện tử (nếu có):

2. Trường hợp tổ chức đề nghị thu hồi theo quy định tại khoản 1 Điều 65 Nghị định số .../2025/NĐ-CP thì ghi:

Tên tổ chức:

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập (nếu có):

Địa chỉ trụ sở chính:

Họ, chữ đệm và tên người đại diện:

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân của người đại diện:

Ngày cấp:/...../... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/...../...

¹ Chỉ kê khai tên đối với tổ chức.

² Tên giấy tờ đề nghị thu hồi: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp/Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/Giấy xác nhận đăng ký tạm ngừng kinh doanh, tạm ngừng hoạt động, thông báo tiếp tục kinh doanh, thông báo tiếp tục hoạt động/Thông báo doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể, chi nhánh, văn phòng đại diện đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động/Thông báo về việc giải thể của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động.

Đề nghị thu hồi (*Tên giấy tờ đề nghị thu hồi*) được cấp lần thứ ... (nếu có) ngày .../.../... tại (*Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh*) của:

Tên doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/Mã số thuế:

Lý do đề nghị thu hồi:

.....

Kèm theo Giấy đề nghị này có:

1.

2.

3.

...

Tôi/(Tên tổ chức) cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Giấy đề nghị này và tài liệu kèm theo.

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ/NGƯỜI ĐẠI DIỆN

(*Ký và ghi họ tên*)³

³ Người đề nghị ký và ghi họ tên/Người đại diện của tổ chức ký và ghi họ tên và đóng dấu vào phần này.

Phụ lục II

BIỂU MẪU SỬ DỤNG TRONG ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH

(Ban hành kèm theo Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2025 của Chính phủ)

Mẫu số 1	Giấy đề nghị đăng ký hộ kinh doanh
Mẫu số 2	Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
Mẫu số 3	Giấy đề nghị đăng ký tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã đăng ký của hộ kinh doanh
Mẫu số 4	Thông báo về việc chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh
Mẫu số 5	Thông báo về việc hủy bỏ thông báo chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh
Mẫu số 6	Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh
Mẫu số 7	Giấy đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh được cấp trên cơ sở thông tin giả mạo/Hủy bỏ Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh được cấp trên cơ sở các thông tin thay đổi giả mạo
Mẫu số 8	Giấy đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh
Mẫu số 9	Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh
Mẫu số 10	Thông báo về cơ quan thuế quản lý trực tiếp hộ kinh doanh
Mẫu số 11	Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (Dùng trong trường hợp cấp lại do mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác)
Mẫu số 12	Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh
Mẫu số 13	Thông báo yêu cầu hộ kinh doanh báo cáo về việc tuân thủ các quy định về hộ kinh doanh
Mẫu số 14	Thông báo về việc vi phạm của hộ kinh doanh thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh
Mẫu số 15	Thông báo về việc chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh
Mẫu số 16	Thông báo về việc hủy bỏ thông báo chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh
Mẫu số 17	Quyết định về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh
Mẫu số 18	Quyết định về việc hủy bỏ Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh được cấp trên cơ sở các thông tin thay đổi giả mạo
Mẫu số 19	Quyết định về việc hủy bỏ quyết định thu hồi và khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh
Mẫu số 20	Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh

Mẫu số 21	Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh trên môi trường điện tử
Mẫu số 22	Thông báo yêu cầu hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện
Mẫu số 23	Giấy xác nhận về việc hộ kinh doanh đăng ký tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã đăng ký
Mẫu số 24	Thông báo về việc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh không có hiệu lực
Mẫu số 25	Thông báo yêu cầu hộ kinh doanh đăng ký thay đổi thành viên không được quyền thành lập hộ kinh doanh
Mẫu số 26	Thông báo về việc xử lý hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh hoặc ra thông báo, quyết định không đúng quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục
Mẫu số 27	Thông báo về việc khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh
Mẫu số 28	Thông báo về việc hiệu đính nội dung trên Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh
Mẫu số 29	Thông báo về việc dừng/từ chối dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh
Mẫu số 30	Thông báo về việc hộ kinh doanh đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động
Mẫu số 31	Thông báo về việc rà soát thông tin đăng ký hộ kinh doanh của hộ kinh doanh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH

Kính gửi: (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

Sinh ngày:/...../.....

Số định danh cá nhân:

Mã số thuế cá nhân (nếu có):

Trường hợp việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì đề nghị kê khai thêm các thông tin cá nhân dưới đây:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi thường trú:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Nơi ở hiện nay:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Điện thoại (nếu có): Email (nếu có):

Đăng ký hộ kinh doanh do tôi là chủ hộ với các nội dung sau:

1. Tên hộ kinh doanh:

Tên hộ kinh doanh viết bằng tiếng Việt (*ghi bằng chữ in hoa*):

Tên hộ kinh doanh viết bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*):

Tên hộ kinh doanh viết tắt (*nếu có*):

2. Trụ sở của hộ kinh doanh:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Điện thoại: Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*): Website (*nếu có*):

☐ Không kinh doanh tại trụ sở (*đánh dấu X vào ô này nếu hộ kinh doanh không có địa điểm kinh doanh cố định*)

3. Ngành, nghề kinh doanh¹:

ST T	Tên ngành	Mã ngành ²	Ngành, nghề kinh doanh chính ³

4. Vốn kinh doanh:

Tổng số (*bằng số, bằng chữ, VNĐ*):

5. Thông tin đăng ký thuế:

5.1. Địa chỉ nhận thông báo thuế (*chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác trụ sở*):

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

¹ - Hộ kinh doanh có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư,

- Đối với những ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác, ngành, nghề kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó. Hộ kinh doanh chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định.

² Ghi tên ngành và mã ngành cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam đối với ngành, nghề kinh doanh chính. Đối với các ngành, nghề kinh doanh khác, hộ kinh doanh được ghi tự do và không cần ghi mã ngành cấp bốn.

³ Đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai làm ngành, nghề kinh doanh chính.

Điện thoại (nếu có): Email (nếu có):

5.2. Ngày bắt đầu hoạt động⁴ (trường hợp hộ kinh doanh dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....

5.3. Tổng số lao động (dự kiến):

5.4. Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 2 phương pháp):

☐

Phương pháp kê khai

☐

Phương pháp khoán

5.5. Địa điểm kinh doanh của hộ kinh doanh (Chỉ kê khai khi có địa điểm kinh doanh khác trụ sở hộ kinh doanh):

STT	Tên địa điểm kinh doanh	Địa chỉ kinh doanh			Ngày bắt đầu hoạt động
		Số nhà, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn	Xã/Phường/Đặc khu	Tỉnh/thành phố	

6. Chủ thể thành lập hộ kinh doanh: (đánh dấu X vào ô thích hợp)

☐

Cá nhân

☐

Các thành viên hộ gia đình

7. Thông tin về các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh⁵:

STT	Họ tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số định danh cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Nơi thường trú	Nơi ở hiện nay	Chữ ký
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

Tôi xin cam kết:

- Bản thân (trường hợp hộ kinh doanh do một cá nhân đăng ký thành lập)/Bản thân và các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh (trường hợp hộ kinh doanh do các thành viên hộ gia đình đăng ký thành lập) đồng ý chia sẻ

⁴ Trường hợp hộ kinh doanh được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày hộ kinh doanh được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

⁵ - Chỉ kê khai trong trường hợp chủ thể thành lập hộ kinh doanh là các thành viên hộ gia đình và kê khai cả thông tin của chủ hộ tại Bảng này;

- Trường hợp chủ hộ kinh doanh và các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh kê khai số định danh cá nhân và đồng ý chia sẻ thông tin cá nhân được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cho cơ quan đăng ký kinh doanh để phục vụ công tác quản lý nhà nước về đăng ký hộ kinh doanh theo quy định thì chỉ kê khai các cột số 1, 2, 3, 4, 10, không phải kê khai các cột số 5, 6, 7, 8, 9 của Bảng này, trừ trường hợp việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn.

thông tin cá nhân được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã, Cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh để phục vụ công tác quản lý nhà nước về đăng ký hộ kinh doanh theo quy định;

- Bản thân (*trường hợp hộ kinh doanh do một cá nhân đăng ký thành lập*)/Bản thân và các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh (*trường hợp hộ kinh doanh do các thành viên hộ gia đình đăng ký thành lập*) không thuộc diện pháp luật cấm kinh doanh; không đồng thời là chủ hộ kinh doanh, thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh khác; không là chủ doanh nghiệp tư nhân;

- Trụ sở thuộc quyền sử dụng hợp pháp của hộ kinh doanh và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật (*hộ kinh doanh chỉ cam kết trong trường hợp kinh doanh tại trụ sở*);

- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký trên.

CHỦ HỘ KINH DOANH

(Ký và ghi họ tên)⁶

⁶ Chủ hộ kinh doanh ký trực tiếp vào phần này.

TÊN HỘ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh

(Dùng trong trường hợp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh, đăng ký cập nhật, bổ sung, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh, đăng ký cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh)

Kính gửi: (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)¹

Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số hộ kinh doanh:

A. ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NỘI DUNG ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH

Hộ kinh doanh đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh như sau:

Lưu ý:

- Hộ kinh doanh chọn và kê khai vào trang tương ứng với nội dung đăng ký thay đổi tại Mục này.
- Trường hợp hộ kinh doanh được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trước ngày Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2025 của Chính phủ về hộ kinh doanh có hiệu lực thi hành thì chọn và kê khai vào trang tương ứng với nội dung đăng ký thay đổi tại Mục này và kê khai đầy đủ thông tin tại Mục C của Phụ lục này.

¹ Trường hợp hộ kinh doanh đăng ký thay đổi trụ sở của hộ kinh doanh thì ghi tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi hộ kinh doanh dự định đặt trụ sở mới. Các trường hợp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh khác thì ghi tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi hộ kinh doanh đã đăng ký.

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN HỘ KINH DOANH

Tên hộ kinh doanh viết bằng tiếng Việt sau khi thay đổi (*ghi bằng chữ in hoa*):

Tên hộ kinh doanh viết bằng tiếng nước ngoài sau khi thay đổi (*nếu có*):

Tên hộ kinh doanh viết tắt sau khi thay đổi (*nếu có*):

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TRỤ SỞ CỦA HỘ KINH DOANH

Trụ sở của hộ kinh doanh sau khi thay đổi:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Điện thoại: Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

☐ Không kinh doanh tại trụ sở (đánh dấu X vào ô này nếu hộ kinh doanh không có địa điểm kinh doanh cố định)

Hộ kinh doanh cam kết trụ sở của hộ kinh doanh thuộc quyền sử dụng hợp pháp của hộ kinh doanh và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật (hộ kinh doanh chỉ cam kết trong trường hợp kinh doanh tại trụ sở).

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI CHỦ HỘ KINH DOANH

Thay đổi chủ hộ kinh doanh do (đánh dấu X vào ô thích hợp):

Thành viên hộ gia đình uỷ quyền cho thành
viên khác làm chủ hộ kinh doanh ☐

Chủ hộ kinh doanh chết ☐

1. Chủ hộ kinh doanh trước khi thay đổi:

Họ và tên (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

Sinh ngày:/...../.....

Số định danh cá nhân (nếu có):

Mã số thuế cá nhân (nếu có):

Trường hợp không có số định danh cá nhân hoặc việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì đề nghị kê khai thêm các thông tin cá nhân dưới đây:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi thường trú:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Nơi ở hiện nay:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Điện thoại (nếu có): Email (nếu có):

2. Chủ hộ kinh doanh sau khi thay đổi:

Họ và tên (*ghi họ tên bằng chữ in hoa*):

Sinh ngày:/...../.....

Số định danh cá nhân:

Mã số thuế cá nhân (*nếu có*):

Trường hợp việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì đề nghị kê khai thêm các thông tin cá nhân dưới đây:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi thường trú:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Nơi ở hiện nay:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Điện thoại (*nếu có*): Email (*nếu có*):

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HỘ GIA ĐÌNH ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH

Danh sách các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh sau khi thay đổi²:

STT	Họ tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số định danh cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Nơi thường trú	Nơi ở hiện nay	Chữ ký
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

² - Kê khai cả thông tin của chủ hộ tại Bảng này;

- Trường hợp chủ hộ kinh doanh và các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh kê khai số định danh cá nhân và đồng ý chia sẻ thông tin cá nhân được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cho cơ quan đăng ký kinh doanh để phục vụ công tác quản lý nhà nước về đăng ký hộ kinh doanh theo quy định thì chỉ kê khai các cột số 1, 2, 3, 4, 10, không phải kê khai các cột số 5, 6, 7, 8, 9 của Bảng này, trừ trường hợp việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn.

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI VỐN KINH DOANH

Vốn kinh doanh sau khi thay đổi (*bằng số, bằng chữ, VNĐ*):

Thời điểm thay đổi vốn:

Hình thức tăng, giảm vốn:

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH³

1. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp hộ kinh doanh đăng ký bổ sung ngành, nghề kinh doanh vào danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành ⁴	Ngành, nghề kinh doanh chính (Trường hợp một trong các ngành, nghề kinh doanh được bổ sung là ngành, nghề kinh doanh chính thì đánh dấu X vào ô này)

2. Bỏ ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp hộ kinh doanh đăng ký bỏ ngành, nghề kinh doanh khỏi danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bỏ khỏi danh sách đã đăng ký	Mã ngành ⁵	Ngành, nghề kinh doanh chính (Trường hợp ngành, nghề kinh doanh được bỏ là ngành, nghề kinh doanh chính thì đánh dấu X vào ô này)

3. Sửa đổi ngành, nghề kinh doanh chính⁶ (kê khai trong trường hợp hộ kinh doanh chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh làm ngành, nghề kinh doanh chính và trong trường hợp đăng ký thay đổi nội dung chi tiết của ngành, nghề kinh doanh chính):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành

Lưu ý: Trường hợp hộ kinh doanh thay đổi ngành, nghề kinh doanh từ ngành này sang ngành khác, hộ kinh doanh kê khai đồng thời tại Mục 1, 2 nêu trên, cụ thể như sau: kê khai ngành, nghề kinh doanh được bổ sung tại Mục 1; kê khai ngành, nghề kinh doanh được bỏ tại Mục 2.

³ - Hộ kinh doanh đăng ký thay đổi ngành, nghề kinh doanh trong trường hợp có thay đổi về ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh.

- Đối với ngành, nghề kinh doanh chính, hộ kinh doanh ghi tên ngành và mã ngành cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam;

- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì ngành, nghề kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó.

^{4,5} Ghi tên ngành và mã ngành cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam đối với ngành, nghề kinh doanh chính. Đối với các ngành, nghề kinh doanh khác, hộ kinh doanh được ghi tự do và không cần ghi mã ngành cấp bốn.

⁶ Ghi tên ngành và mã ngành cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THUẾ

1. Đăng ký bổ sung, thay đổi các chỉ tiêu đăng ký thuế như sau:

Chỉ tiêu	Thông tin đăng ký cũ	Thông tin đăng ký mới
- Chỉ tiêu 5.1: Địa chỉ nhận thông báo thuế -.....		

2. Đăng ký địa điểm kinh doanh (*Đối với trường hợp phát sinh thêm địa điểm kinh doanh*):

STT	Tên địa điểm kinh doanh	Địa chỉ kinh doanh			Ngày bắt đầu hoạt động
		Số nhà, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn	Xã/Phường/Đặc khu	Tỉnh/thành phố	

**B. ĐĂNG KÝ CẬP NHẬT, BỔ SUNG, HIỆU ĐÍNH
THÔNG TIN ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH**

Hộ kinh doanh đăng ký cập nhật, bổ sung, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh như sau:

.....
.....
.....
.....
.....
.....

C. ĐĂNG KÝ CẤP ĐỔI SANG GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH

Trường hợp hộ kinh doanh được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trước ngày Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2025 của Chính phủ về hộ kinh doanh có hiệu lực thi hành đăng ký tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã đăng ký thì kê khai thông tin theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và giấy chứng nhận đăng ký thuế đã được cấp tại Mục này.

1. Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):

2. Trụ sở của hộ kinh doanh:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Điện thoại: Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

3. Ngành, nghề kinh doanh⁷:

STT	Tên ngành	Mã ngành ⁸	Ngành, nghề kinh doanh chính ⁹

4. Vốn kinh doanh:

Tổng số (bằng số, bằng chữ, VNĐ):

5. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
5.1	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác trụ sở): Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ: Tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Đặc khu: Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

⁷ - Hộ kinh doanh có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư;

- Đối với những ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác, ngành, nghề kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó. Hộ kinh doanh chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định.

⁸ Ghi tên ngành và mã ngành cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam đối với ngành, nghề kinh doanh chính. Đối với các ngành, nghề kinh doanh khác, hộ kinh doanh được ghi tự do và không cần ghi mã ngành cấp bốn.

⁹ Đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai làm ngành, nghề kinh doanh chính.

	Điện thoại (nếu có):Fax (nếu có): Email (nếu có):
5.2	Tổng số lao động:

6. Chủ thể thành lập hộ kinh doanh (đánh dấu X vào ô thích hợp):

☐

Cá nhân

☐

Các thành viên hộ gia đình

7. Thông tin về các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh¹⁰:

STT	Họ tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số định danh cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Nơi thường trú	Nơi ở hiện nay	Chữ ký
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

¹⁰ - Chỉ kê khai trong trường hợp chủ thể thành lập hộ kinh doanh là các thành viên hộ gia đình và kê khai cả thông tin của chủ hộ tại Bảng này;

- Trường hợp chủ hộ kinh doanh và các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh kê khai số định danh cá nhân và đồng ý chia sẻ thông tin cá nhân được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cho cơ quan đăng ký kinh doanh để phục vụ công tác quản lý nhà nước về đăng ký hộ kinh doanh theo quy định thì chỉ kê khai các cột số 1, 2, 3, 4, 10, không phải kê khai các cột số 5, 6, 7, 8, 9 của Bảng này, trừ trường hợp việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn

Hộ kinh doanh cam kết về tính hợp pháp, chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của Giấy đề nghị này.

Trường hợp thay đổi danh sách thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh mà chủ hộ kinh doanh và các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh kê khai số định danh cá nhân và đồng ý cho Cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh và Cơ quan đăng ký kinh doanh khai thác, sử dụng, lưu trữ và cung cấp thông tin dữ liệu cá nhân lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để phục vụ công tác đăng ký hộ kinh doanh và các công tác khác theo quy định thì ghi thêm:

Chủ hộ kinh doanh và các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh cam kết đồng ý cho Cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh và Cơ quan đăng ký kinh doanh khai thác, sử dụng, lưu trữ và cung cấp thông tin dữ liệu cá nhân lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để phục vụ công tác đăng ký hộ kinh doanh và các công tác khác theo quy định.

CHỦ HỘ KINH DOANH
(Ký và ghi họ tên)¹¹

¹¹ Chủ hộ kinh doanh ký trực tiếp vào phần này.

Trường hợp thay đổi chủ hộ kinh doanh thì chủ hộ kinh doanh mới ký trực tiếp vào phần này.

TÊN HỘ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ

**Đăng ký tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trước thời hạn
đã đăng ký của hộ kinh doanh**

Kính gửi: (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)

Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số hộ kinh doanh:

**Đăng ký tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trước thời hạn
đã đăng ký như sau:**

1. Trường hợp tạm ngừng kinh doanh thì ghi:

Thời gian tạm ngừng kinh doanh: kể từ ngày ... / ... / ... đến hết ngày ... / ... /

Lý do tạm ngừng kinh doanh:

2. Trường hợp tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã đăng ký thì ghi:

Thời gian tiếp tục kinh doanh: kể từ ngày tháng năm

.....

Lý do tiếp tục kinh doanh:

Hộ kinh doanh cam kết về tính hợp pháp, chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của Giấy đề nghị này.

CHỦ HỘ KINH DOANH
(Ký và ghi họ tên)¹

¹ Chủ hộ kinh doanh ký trực tiếp vào phần này.

TÊN HỘ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO

Về việc chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh

Kính gửi: (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)

Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số hộ kinh doanh:

Trường hợp hộ kinh doanh gửi thông báo về việc chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 28 Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày ../.../2025 của Chính phủ về hộ kinh doanh thì ghi:

Hộ kinh doanh thông báo chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh với lý do
chấm dứt như sau:

Đề nghị (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã) đăng tải
Thông báo này trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Trường hợp hộ kinh doanh nộp hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 28 Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày ../.../2025 của Chính phủ về hộ kinh doanh thì ghi:

Hộ kinh doanh cam kết đã thanh toán đầy đủ các khoản nợ, gồm cả nợ thuế và nghĩa vụ tài chính khác/đã đạt được thỏa thuận với các chủ nợ về việc thực hiện nghĩa vụ tài chính trước khi nộp hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh.

Hộ kinh doanh cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

CHỦ HỘ KINH DOANH/NGƯỜI THỪA KẾ

(Ký và ghi họ tên)¹

¹ Chủ hộ kinh doanh ký trực tiếp vào phần này. Trường hợp chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh do chủ hộ kinh doanh là cá nhân thành lập chết thì người thừa kế ký trực tiếp vào phần này.

TÊN HỘ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO

Về việc huỷ bỏ thông báo chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh

Kính gửi: *(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)*

Tên hộ kinh doanh *(ghi bằng chữ in hoa)*:

Mã số hộ kinh doanh:

Thông báo huỷ bỏ việc chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh tại Thông báo số ... ngày .../.../... của hộ kinh doanh.

Đề nghị *(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)* đăng tải thông báo về việc huỷ bỏ thông báo chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, khôi phục tình trạng pháp lý của hộ kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh.

Hộ kinh doanh cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

CHỦ HỘ KINH DOANH

(Ký và ghi họ tên)¹

¹ Chủ hộ kinh doanh ký trực tiếp vào phần này.

TÊN HỘ KINH DOANH **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh

Kính gửi: *(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)*

Tên hộ kinh doanh *(ghi bằng chữ in hoa)*:

Mã số hộ kinh doanh:

Đề nghị được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

Lý do đề nghị cấp lại:

.....

Hộ kinh doanh cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

CHỦ HỘ KINH DOANH
(Ký và ghi họ tên)¹

¹ Chủ hộ kinh doanh ký trực tiếp vào phần này.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh được cấp trên cơ sở thông tin giả mạo/Hủy bỏ Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh được cấp trên cơ sở các thông tin thay đổi giả mạo

Kính gửi: (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)

1. Trường hợp đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh

a) Trường hợp cá nhân/thành viên hộ gia đình đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh được cấp trên cơ sở các thông tin giả mạo theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Nghị định số .../2025/NĐ-CP thì ghi:

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

Số định danh cá nhân:

Địa chỉ liên lạc:

Điện thoại:Email (nếu có):

Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh cấp đăng ký lần đầu ngày.../.../... tại (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã) của:

Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):.....

Mã số hộ kinh doanh:

Lý do đề nghị thu hồi:.....

b) Trường hợp tổ chức/hộ kinh doanh đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh được cấp trên cơ sở các thông tin giả mạo theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Nghị định số .../2025/NĐ-CP thì ghi:

Tên tổ chức/hộ kinh doanh (ghi tên bằng chữ in hoa):.....

Mã số (số quyết định) tổ chức/mã số hộ kinh doanh/mã số thuế:

Địa chỉ trụ sở của tổ chức/hộ kinh doanh:.....

Người đại diện theo pháp luật của tổ chức/chủ hộ kinh doanh:.....

Số định danh cá nhân:

Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh cấp đăng ký lần đầu ngày.../.../... tại (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã) của:

Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):.....

Mã số hộ kinh doanh:

Lý do đề nghị thu hồi:.....

2. Trường hợp đề nghị hủy bỏ Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh

a) Trường hợp cá nhân/thành viên hộ gia đình đề nghị hủy bỏ Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh được cấp trên cơ sở các thông tin giả mạo theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Nghị định số ../2025/NĐ-CP thì ghi:

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):.....

Số định danh cá nhân:

Địa chỉ liên lạc:.....

Điện thoại:Email (nếu có):.....

Đề nghị hủy bỏ Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh được cấp trên cơ sở thông tin thay đổi là giả mạo cấp đăng ký thay đổi lần thứngày.../.../... tại (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã) của:

Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):.....

Mã số hộ kinh doanh:

Lý do đề nghị hủy bỏ:.....

b) Trường hợp tổ chức/hộ kinh doanh đề nghị hủy bỏ Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh được cấp trên cơ sở thông tin thay đổi là giả mạo theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Nghị định số ../2025/NĐ-CP thì ghi:

Tên tổ chức /hộ kinh doanh (ghi tên bằng chữ in hoa):.....

Mã số (số quyết định) tổ chức/Mã số hộ kinh doanh/Mã số thuế:

Địa chỉ trụ sở của tổ chức/hộ kinh doanh:.....

Người đại diện theo pháp luật của tổ chức/chủ hộ kinh doanh:.....

Số định danh cá nhân:

Đề nghị hủy bỏ Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh được cấp trên cơ sở các thông tin thay đổi là giả mạo cấp đăng ký thay đổi lần thứngày.../.../... tại (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã) của:

Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):.....

Mã số hộ kinh doanh:

Kèm theo Giấy đề nghị này có:

1.
2.

Người ký Giấy đề nghị này cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Giấy đề nghị này và tài liệu kèm theo.

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ
(Ký và ghi họ tên, đóng dấu)¹

¹ Người đề nghị (tổ chức, cá nhân, hộ kinh doanh, thành viên hộ gia đình quy định tại khoản 1 Điều 30 Nghị định) ký trực tiếp, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có) vào phần này.

TÊN HỘ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh

Kính gửi: (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

Sinh ngày:/...../.....

Số định danh cá nhân:

Mã số thuế cá nhân (nếu có):

Trường hợp việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì đề nghị kê khai thêm các thông tin cá nhân dưới đây:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi thường trú:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Nơi ở hiện nay:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Điện thoại (nếu có): Email (nếu có):

Là chủ hộ kinh doanh¹ (Tên hộ kinh doanh)

Tôi đề nghị (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã) dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh đối với Hồ sơ có Giấy biên nhận số do (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã) cấp ngày ... /... /..... về

¹ Trường hợp chủ hộ kinh doanh là người mới được các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh ủy quyền làm chủ hộ kinh doanh thì phải kèm theo bản sao văn bản ủy quyền theo quy định tại Nghị định số .../2025/NĐ-CP.

việc đăng ký/thông báo của (*Tên hộ kinh doanh*) –
Mã số hộ kinh doanh..... (*nếu có*).

Lý do đề nghị:

Tôi cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc đề nghị
dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh này.

CHỦ HỘ KINH DOANH
(*Ký và ghi họ tên*)¹

¹ Chủ hộ kinh doanh ký trực tiếp vào phần này.

**CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CẤP XÃ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH

Mã số hộ kinh doanh:

Đăng ký lần đầu, ngày.....tháng.....năm.....

Đăng ký thay đổi lần thứ:, ngày.....tháng.....năm.....

1. Tên hộ kinh doanh:

Tên hộ kinh doanh viết bằng tiếng Việt (*ghi bằng chữ in hoa*):

Tên hộ kinh doanh viết bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*):

Tên hộ kinh doanh viết tắt (*nếu có*):

2. Trụ sở của hộ kinh doanh:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính

4. Vốn kinh doanh:

5. Chủ thể thành lập hộ kinh doanh (*ghi một trong các chủ thể sau*): Cá nhân/ Các thành viên hộ gia đình

6. Thông tin về chủ hộ kinh doanh:

Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*):

Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Số định danh cá nhân:

Nơi thường trú:

Nơi ở hiện nay:

7. Danh sách thành viên hộ gia đình đăng ký thành lập hộ kinh doanh
(*chỉ ghi trong trường hợp các thành viên hộ gia đình đăng ký thành lập hộ kinh doanh*):

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Nơi ở hiện nay	Nơi thường trú	Số định danh cá nhân	Ghi chú

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

**CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CẤP XÃ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số:

....., ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO
Về cơ quan thuế quản lý trực tiếp hộ kinh doanh

Kính gửi: *(Tên hộ kinh doanh)*
Trụ sở của hộ kinh doanh:
Mã số hộ kinh doanh:

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Căn cứ thông tin do cơ quan thuế cung cấp, *(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)* xin thông báo về cơ quan thuế quản lý trực tiếp hộ kinh doanh như sau:

Tên cơ quan thuế quản lý trực tiếp hộ kinh doanh:.....

Đề nghị hộ kinh doanh liên hệ với cơ quan thuế quản lý trực tiếp để kê khai, nộp thuế theo quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;

-;

- Lưu:.....

TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 11

CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CẤP XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH

*(Dùng trong trường hợp cấp lại do mất, cháy, rách, nát
hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác)*

(Nội dung cấp lại)

TRƯỞNG ĐƠN VỊ¹
(Đã ký)

Ghi chú: Được cấp lại ngày .../.../.....
TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

¹ Không có chữ ký, con dấu tại Mục này.

**CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CẤP XÃ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số:

....., ngày.....tháng.....năm....

THÔNG BÁO

Về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh

Kính gửi: *(Tên hộ kinh doanh)*

Trụ sở của hộ kinh doanh:

Mã số hộ kinh doanh:

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Sau khi xem xét hồ sơ đã nhận ngày tháng năm
của Ông/Bà:

là

về việc:

.....
(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã) đề nghị những nội dung cần sửa đổi,
bổ sung trong hồ sơ và lý do sửa đổi, bổ sung như sau:.....

.....
Ngày *(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)* nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ
sung theo yêu cầu nói trên được tính là ngày nhận hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu:

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

**CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CẤP XÃ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO

**Yêu cầu hộ kinh doanh báo cáo về việc tuân thủ các quy định
về hộ kinh doanh**

Kính gửi: *(Tên hộ kinh doanh)*

Trụ sở của hộ kinh doanh:

Mã số hộ kinh doanh:

Căn cứ quy định tại khoản 6 Điều 44 Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày
../../2025 của Chính phủ về hộ kinh doanh;

Căn cứ.....

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Yêu cầu hộ kinh doanh báo cáo về các nội dung sau:

.....

.....

.....

Hộ kinh doanh có trách nhiệm gửi báo cáo tới *(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)* về các nội dung nêu trên trong thời hạn ngày, kể từ ngày ra thông báo này.

Kết thúc thời hạn 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn gửi báo cáo tại thông báo này, trường hợp *(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)* không nhận được báo cáo của hộ kinh doanh thì *(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)* thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số .../2025/NĐ-CP.

Nơi nhận:

- Như trên;

-;

- Lưu:

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

....., ngày.....tháng.....năm.....

Về việc vi phạm của hộ kinh doanh thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh

Mã số hộ kinh doanh:

Email: Website:

Nội dung của Thông báo vi phạm được ghi tương ứng với từng loại vi phạm như sau:

1. Đối với trường hợp vi phạm của hộ kinh doanh thuộc khoản 1, khoản 2, khoản 6 Điều 31 và khoản 2, khoản 5 Điều 33 Nghị định số ../2025/NĐ-CP thì ghi:

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã) thông báo để hộ kinh doanh được biết và sẽ ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

2. Đối với trường hợp vi phạm của hộ kinh doanh thuộc khoản 3, khoản 4 Điều 31 và khoản 3 Điều 33 Nghị định số ../2025/NĐ-CP thì ghi:

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã) yêu cầu chủ hộ kinh doanh đến (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã) để giải trình trong thời hạn ... ngày làm việc kể từ ngày ra Thông báo này. Kết thúc thời hạn giải trình ghi trong thông báo mà người được yêu cầu không đến hoặc nội dung giải trình không được chấp thuận thì (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã) ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn giải trình.

3. Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh là giả mạo thuộc khoản 2 Điều 34 Nghị định số ../2025/NĐ-CP thì ghi:

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã) thông báo để hộ kinh doanh được biết và sẽ hủy bỏ Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh được cấp trên cơ sở các thông tin thay đổi là giả mạo. Đồng thời, cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trên cơ sở hồ sơ hợp lệ gần nhất trước đó.

Hộ kinh doanh có thể nộp lại hồ sơ để được xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh. Hộ kinh doanh có thể gộp các nội dung thay đổi hợp pháp của các lần đăng ký sau đó trong một bộ hồ sơ để được cấp một lần đăng ký thay đổi mới.

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã) đăng tải thông báo vi phạm của hộ kinh doanh trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cơ quan quản lý thuế..... (xã, phường nơi hộ kinh doanh đăng ký trụ sở của HKD/địa chỉ ĐDKD);
- Cơ quan có thẩm quyền khác:..... (nếu có);
- Lưu:

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

....., ngày.....tháng.....năm.....

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)
thông báo chấm dứt hoạt động của hộ kinh doanh sau đây:

.....

.....

Lý do chấm dứt hoạt động:

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

**CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CẤP XÃ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO

Về việc huỷ bỏ thông báo chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã) thông báo về việc huỷ bỏ thông báo chấm dứt hoạt động của hộ kinh doanh sau đây:

Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số hộ kinh doanh:

Trụ sở của hộ kinh doanh:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Do Ông/Bà (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Số định danh cá nhân:

Nơi thường trú:

Nơi ở hiện nay:

Điện thoại: Email:

Là chủ hộ kinh doanh.

Nơi nhận:

- Tên, trụ sở của hộ kinh doanh;
-
- Lưu:

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

**CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CẤP XÃ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh

TRƯỞNG CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH CẤP XÃ

Căn cứ Nghị định số ../2025/NĐ-CP ngày .././2025 của Chính phủ về hộ kinh doanh;

Căn cứ Thông báo số ngày .././../ của (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã) về việc vi phạm của hộ kinh doanh thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh;

Căn cứ yêu cầu của Tòa án về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (trường hợp thực hiện theo yêu cầu của Tòa án, nếu có);

Căn cứ

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh sau:

Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số hộ kinh doanh:

Trụ sở của hộ kinh doanh:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Nội dung phần cuối của Quyết định thu hồi được ghi tương ứng với từng trường hợp như sau:

1. Đối với trường hợp hộ kinh doanh bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh để thực hiện biện pháp cưỡng chế nợ thuế theo đề nghị của Cơ quan quản lý thuế:

Điều 2: (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã) đăng tải quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực từ ngày/...../.....

2. Đối với trường hợp còn lại:

Điều 2: Hộ kinh doanh có trách nhiệm thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động của hộ kinh doanh theo quy định.

Điều 3: *(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)* đăng tải quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh kèm theo thông báo hộ kinh doanh đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Điều 4: Quyết định này có hiệu lực từ ngày/...../.....

Nơi nhận:

- Tên, trụ sở của hộ kinh doanh bị thu hồi GCNĐKHKD/GCNĐKĐĐKD;
- Cơ quan quản lý thuế ... *(xã, phường nơi hộ kinh doanh đăng ký trụ sở của HKD/địa chỉ ĐĐKD)*;
-;
- Lưu:

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

....., ngày ... tháng ... năm ...

**Về việc huỷ bỏ Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh
được cấp trên cơ sở các thông tin thay đổi giả mạo**

Căn cứ

Email: Website:

Điều 2. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trên cơ sở hồ sơ hợp lệ của lần thay đổi thứ...../đăng ký lần đầu:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Trụ sở của hộ kinh doanh:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày/...../.....

..... có trách nhiệm thi hành
Quyết định này.

Nơi nhận:

- Tên, trụ sở của hộ kinh doanh bị huỷ bỏ Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh ;
- Cơ quan quản lý thuế ... (xã, phường nơi hộ kinh doanh đăng ký trụ sở của HKD/địa chỉ ĐĐKD);
-;
- Lưu:

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH CẤP XÃ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH
Về việc huỷ bỏ quyết định thu hồi và khôi phục
Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh

TRƯỞNG CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH CẤP XÃ

Căn cứ Nghị định số ../2025/NĐ-CP ngày ../2025 của Chính phủ về hộ kinh doanh;

Căn cứ (nếu có)

Trên cơ sở xác định của (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã) về việc hộ kinh doanh không thuộc trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32, khoản 9 Điều 33 Nghị định số ../2025/NĐ-CP).

Trên cơ sở đề nghị của (tên cơ quan quản lý thuế) tại Văn bản số ngày về việc (đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32, khoản 9 Điều 33 Nghị định số ../2025/NĐ-CP).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Huỷ bỏ Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với hộ kinh doanh sau:

Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số hộ kinh doanh:

Trụ sở của hộ kinh doanh:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Điều 2: (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã) khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh nêu tại Điều 1 Quyết định này, đồng thời đăng tải Quyết định này trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Tên, trụ sở của hộ kinh doanh bị thu hồi GCNĐKHKD/GCNĐĐKD;

- Cơ quan quản lý thuế ... (xã, phường nơi hộ kinh doanh đăng ký trụ sở của HKD/địa chỉ ĐĐKD);

-

- Lưu:

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

**CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CẤP XÃ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

**GIẤY BIÊN NHẬN
Hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh**

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Ngày / / đã nhận của Ông/Bà

Số định danh cá nhân:

Địa chỉ:

Điện thoại: Email:

01 bộ hồ sơ số: về việc

Hồ sơ bao gồm:

1.
2.
3.
4.

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã) hẹn Ông/Bà ngày / / đến
(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã) để được giải quyết theo quy định của pháp
luật.

NGƯỜI NỘP
(Ký và ghi họ tên)

NGƯỜI NHẬN
(Ký và ghi họ tên)

**CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CẤP XÃ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

**GIẤY BIÊN NHẬN
Hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh trên môi trường điện tử**

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Ngày.../.../... đã nhận của Ông/Bà

Số định danh cá nhân:

Điện thoại: Fax:

Email:

01 bộ hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử mã số: về việc

Hồ sơ bao gồm:

STT	Tên tài liệu
1	
2	

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ được tiếp nhận trên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh, (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã) sẽ thông báo cho Ông/Bà về kết quả xử lý hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh qua địa chỉ thư điện tử và tài khoản truy cập Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh của Ông/Bà.

Ngày dự kiến trả kết quả:/..../.....¹

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)

¹ Lưu ý: Trường hợp hồ sơ được tiếp nhận trên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh sau giờ hành chính hoặc vào ngày nghỉ lễ, Tết theo quy định thì thời hạn trả kết quả là trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày làm việc kế tiếp của ngày hồ sơ được tiếp nhận.

**CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CẤP XÃ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO

**Yêu cầu hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh
ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện**

Kính gửi: *(Tên hộ kinh doanh)*

Trụ sở của hộ kinh doanh:

Mã số hộ kinh doanh:

Căn cứ Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày .../.../2025 của Chính phủ về hộ kinh doanh;

Căn cứ

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Yêu cầu *(tên hộ kinh doanh)*: tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề

Lý do đề nghị tạm ngừng kinh doanh:

Hộ kinh doanh chỉ được tiếp tục kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện nêu trên khi đáp ứng đủ các điều kiện đầu tư kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Như trên;
-*(Cơ quan quản lý chuyên ngành)*;
-
- Lưu:

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

**CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CẤP XÃ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

GIẤY XÁC NHẬN

**Về việc hộ kinh doanh đăng ký tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh
trước thời hạn đã đăng ký**

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Xác nhận:

Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số hộ kinh doanh:

1. Trường hợp đăng ký tạm ngừng kinh doanh thì ghi:

Đăng ký tạm ngừng kinh doanh kể từ ngày.... tháng năm..... đến hết
ngày.... tháng năm.....

Lý do tạm ngừng kinh doanh:

2. Trường hợp đăng ký tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã đăng ký thì ghi:

Đăng ký tiếp tục kinh doanh kể từ ngày ... tháng ... năm ...

Lý do tiếp tục kinh doanh:

Nơi nhận:

- Tên, trụ sở của hộ kinh doanh;

-

- Lưu:

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

**CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CẤP XÃ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO

Về việc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh không có hiệu lực

Kính gửi: *(Tên hộ kinh doanh)*

Trụ sở của hộ kinh doanh:

Mã số hộ kinh doanh:

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Căn cứ:

- Kết luận/biên bản làm việc
-

Nội dung của Thông báo được ghi tương ứng với từng loại như sau:

1. Đối với trường hợp thuộc điểm a khoản 3 Điều 34 Nghị định số/2025/NĐ-CP thì ghi:

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã) thông báo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (Mã số hộ kinh doanh cấp ngày .../.../..... tại *(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)*) là không có hiệu lực do được cấp trên cơ sở hồ sơ đăng ký có thông tin kê khai không trung thực, không chính xác.

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã) yêu cầu hộ kinh doanh nộp hồ sơ mới thay cho hồ sơ đăng ký thành lập kê khai không trung thực, không chính xác theo quy định trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày gửi thông báo để được xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh. Hộ kinh doanh có thể gộp các nội dung thay đổi hợp pháp của các lần đăng ký thay đổi trong một bộ hồ sơ để được cấp một lần đăng ký thay đổi mới.

2. Đối với trường hợp thuộc điểm b khoản 3 Điều 34 Nghị định số/2025/NĐ-CP thì ghi:

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã) thông báo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (Mã số hộ kinh doanh cấp ngày .../.../..... tại *(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)*) là không có hiệu lực do được cấp trên cơ

sở hồ sơ đăng ký có thông tin kê khai không trung thực, không chính xác. Đồng thời, (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã) sẽ thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trên cơ sở hồ sơ hợp lệ liền kề trước của hồ sơ kê khai không trung thực, không chính xác.

Hộ kinh doanh có thể nộp hồ sơ mới để được xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh. Hộ kinh doanh có thể gộp các nội dung thay đổi hợp pháp của các lần đăng ký thay đổi liền kề sau hồ sơ kê khai không trung thực, không chính xác trong một bộ hồ sơ để được cấp một lần đăng ký thay đổi mới.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cơ quan quản lý thuế.....(xã, phường nơi hộ kinh doanh đăng ký trụ sở của HKD/địa chỉ ĐDKD);
- Cơ quan có thẩm quyền khác:..... (nếu có);
- Lưu:

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

**CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CẤP XÃ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO

**Yêu cầu hộ kinh doanh đăng ký thay đổi thành viên không được quyền
thành lập hộ kinh doanh**

Kính gửi: *(Tên hộ kinh doanh)*
Trụ sở của hộ kinh doanh:
Mã số hộ kinh doanh:

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Căn cứ:

- Kết luận/biên bản làm việc
-

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã) yêu cầu hộ kinh doanh đăng ký thay đổi thành viên không được quyền thành lập hộ kinh doanh theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số .../2025/NĐ-CP trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ra thông báo. Nếu quá thời hạn trên mà hộ kinh doanh không đăng ký thay đổi thì *(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)* sẽ ra thông báo về hành vi vi phạm và ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 31 Nghị định số .../2025/NĐ-CP.

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu:

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

**CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CẤP XÃ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO

Về việc xử lý hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh hoặc ra thông báo, quyết định không đúng quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục

Kính gửi: *(Tên hộ kinh doanh)*
Trụ sở của hộ kinh doanh:
Mã số hộ kinh doanh:

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Căn cứ:

- Kết luận/biên bản làm việc về việc
-

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã) thông báo về việc xử lý hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh/ra thông báo, quyết định không đúng quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục theo quy định đối với *(tên hộ kinh doanh, mã số hộ kinh doanh)* như sau:

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã) sẽ thực hiện lại việc xử lý hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh/ra thông báo, quyết định nêu trên theo đúng quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu:

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

**CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CẤP XÃ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO
Về việc khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh

Căn cứ Nghị định số ../2025/NĐ-CP ngày .././2025 của Chính phủ về hộ kinh doanh;

Căn cứ Quyết định số.... ngày.... tháng.... năm.... về việc hủy bỏ Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã) thông báo về việc khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh như sau:

Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):.....

Mã số hộ kinh doanh:

Trụ sở của hộ kinh doanh:.....

Điện thoại: Email (nếu có):

Nơi nhận:

- Tên, trụ sở của hộ kinh doanh;
- Cơ quan quản lý thuế..... (xã, phường nơi hộ kinh doanh đăng ký trụ sở của HKD/địa chỉ ĐĐKD);
- (Tên các Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)
.....;
-
- Lưu:.....

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

**CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CẤP XÃ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO

Về việc hiệu đính nội dung trên Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh

Kính gửi: *(Tên hộ kinh doanh)*
Trụ sở của hộ kinh doanh:
Mã số hộ kinh doanh:

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Sau khi xem xét lại hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh của Ông/Bà: là chủ hộ kinh doanh, *(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)* phát hiện nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh chưa chính xác so với nội dung hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày gửi Thông báo này, *(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)* sẽ tiến hành cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh thay thế cho giấy tờ đã cấp có nội dung chưa chính xác so với nội dung trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh.

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu:.....

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

**CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CẤP XÃ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO

Về việc dừng/từ chối dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh

Kính gửi: *(Đối với hồ sơ thành lập mới hộ kinh doanh)*

Ông/Bà:

.....

Số định danh cá nhân:

Địa chỉ liên lạc:

(Đối với các trường hợp còn lại)

Tên hộ kinh doanh:

Trụ sở của hộ kinh doanh:

Mã số hộ kinh doanh:

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Sau khi xem xét Giấy đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh đã nhận ngày... tháng ... năm ... của Ông/Bà: ... đối với Hồ sơ có Giấy biên nhận số ... do *(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)* cấp ngày .../.../... về việc đăng ký/thông báo ... của ... *(Tên hộ kinh doanh)* – Mã số hộ kinh doanh *(nếu có)*.

Nếu chấp thuận đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh thì ghi: (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã) thông báo đã dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh đối với Hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh nêu trên và hủy Hồ sơ trên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh.

Nếu từ chối đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh thì ghi: (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã) thông báo từ chối dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh đối với Hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh nêu trên và lý do từ chối như sau:

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu:

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Số:

... .., ngày... ..tháng... ..năm... ..

THÔNG BÁO
Về việc hộ kinh doanh đang làm thủ tục
chấm dứt hoạt động

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã) thông báo hộ kinh doanh sau đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động:

Đối với hộ kinh doanh thì ghi:

Tên hồ kinh doanh:

Mã số hộ kinh doanh:

Tru sở của hộ kinh doanh:

Điện thoại: Email (nếu có):

Do Ông/Bà (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

Sinh ngày:// Dân tộc: Quốc tịch:

Số định danh cá nhân/Chứng minh nhân dân: Ngày cấp: ... Nơi cấp:

Nơi thường trú:

Nơi ở hiện nay:

Điện thoại: Email:

Là chủ hộ kinh doanh.

Lý do chấm dứt hoạt động:

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã) đăng tải thông báo hộ kinh doanh đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

....., ngày.....tháng.....năm.....

Về việc rà soát thông tin đăng ký hộ kinh doanh của hộ kinh doanh

Mã số hộ kinh doanh:

Email: Website:

- Tên hộ kinh doanh:
 - Mã số hộ kinh doanh:.....
 - Trụ sở của hộ kinh doanh:.....
 - Điện thoại:
 - Chủ hộ kinh doanh:.....
 + Họ và tên:.....Ngày sinh:.....
 + Giới tính:..... Dân tộc:..... Quốc tịch:.....
 + Số căn cước công dân/Chứng minh nhân dân:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp:....
 + Địa chỉ thường trú:.....
 + Địa chỉ liên lạc:.....

Sau khi rà soát, trong trường hợp thông tin đăng ký hộ kinh doanh của hộ kinh doanh tại thông báo bị thiếu hoặc chưa chính xác so với bản giấy của Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, đề nghị hộ kinh doanh gửi giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh theo mẫu quy định tại Phụ lục I-2 ban hành kèm theo Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày tháng ... năm 2025 của Chính phủ về hộ kinh doanh đến *(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)* trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày ra Thông báo này.

Trường hợp quá thời hạn 90 ngày mà hộ kinh doanh không có phản hồi tới (*Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã*) thì được hiểu là hộ kinh doanh đã đồng ý xác nhận các thông tin đăng ký hộ kinh doanh của hộ kinh doanh tại Thông báo này là đầy đủ, chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác của các thông tin này.

TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Phụ lục III

DANH MỤC CHỮ CÁI VÀ KÝ HIỆU SỬ DỤNG TRONG ĐẶT TÊN DOANH NGHIỆP/
HỘ KINH DOANH/ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC CỦA DOANH NGHIỆP/HỘ KINH DOANH

(Ban hành kèm theo Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2025 của Chính phủ)

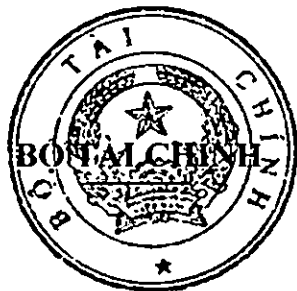
1. Danh mục chữ cái

Chữ in hoa	Chữ in thường	Chữ in hoa	Chữ in thường
A	a	N	n
Ă	ă	O	o
Â	â	Ơ	ơ
B	b	Ô	ô
C	c	P	p
D	d	Q	q
Đ	đ	R	r
E	e	S	s
Ê	ê	T	t
F	f	U	u
G	g	Ư	ư
H	h	V	v
I	i	W	w
J	j	X	x
K	k	Y	y
L	l	Z	z
M	m		

2. Danh mục ký hiệu

%	&	,
(	)	.
-	+	:
\	/	;
“	”	‘
,	*	





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

**BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH VỀ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP (DỰ THẢO 2)
VỚI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH VỀ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP (DỰ THẢO 1)
VÀ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH VỀ HỘ KINH DOANH (ĐÃ TRÌNH CHÍNH PHỦ)**
(Kèm theo Công văn số 157 /BTC-DNTN ngày 26 /5/2025 của Bộ Tài chính)

QUY ĐỊNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN (DỰ THẢO 2)	THUYẾT MINH
I. SO SÁNH VỚI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP ĐÃ TRÌNH (DỰ THẢO 1)		
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Nghị định này quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp; quy định việc liên thông thủ tục đăng ký doanh nghiệp; cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp, chia sẻ thông tin doanh nghiệp; quy định về cơ quan đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp và quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp.	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Nghị định này quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp; quy định về đăng ký và hoạt động của hộ kinh doanh; quy định việc liên thông thủ tục đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh; cung cấp, khai thác và chia sẻ thông tin đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh; quy định về cơ quan đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh và quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh.	- Bổ sung đối tượng là hộ kinh doanh, đăng ký hộ kinh doanh vào phạm vi điều chỉnh của dự thảo 2. - Bổ sung “khai thác thông tin” tương ứng với quy định bổ sung về việc khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp quy định tại Điều 81 dự thảo 2.

Điều 2. Đối tượng áp dụng 1. Tổ chức, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật Việt Nam. 2. Cơ quan đăng ký kinh doanh. 3. Cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh. 4. Cơ quan được giao thẩm quyền quản lý nhà nước về lao động theo quy định của Bộ luật Lao động. 5. Cơ quan bảo hiểm xã hội theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội. 6. Cơ quan quản lý thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế. 7. Tổ chức, cá nhân khác liên quan đến xviệc đăng ký doanh nghiệp.	Điều 2. Đối tượng áp dụng 1. Doanh nghiệp. 2. Hộ kinh doanh. 3. Cơ quan đăng ký kinh doanh. 4. Cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh. 5. Cơ quan được giao thẩm quyền quản lý nhà nước về lao động theo quy định của Bộ luật Lao động. 6. Cơ quan bảo hiểm xã hội theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội. 7. Cơ quan quản lý thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế. 8. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác liên quan đến việc đăng ký doanh nghiệp, đăng ký và hoạt động của hộ kinh doanh.	- Sửa đối tượng áp dụng từ “tổ chức, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện đăng ký doanh nghiệp theo quy định pháp luật Việt Nam” thành “doanh nghiệp để thống nhất quy định về đối tượng áp dụng - Bổ sung đối tượng áp dụng là “hộ kinh doanh” cho phù hợp với phạm vi điều chỉnh của dự thảo 2 - Bổ sung cụm từ “đăng ký và hoạt động của hộ kinh doanh” tương ứng với đối tượng áp dụng tại dự thảo Nghị định về hộ kinh doanh
---	--	--

Điều 3. Giải thích từ ngữ Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1. Đăng ký doanh nghiệp là việc đăng ký nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế của doanh nghiệp dự kiến thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động và đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp, các nghĩa vụ đăng ký, thông báo khác và các nghiệp vụ có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Nghị định này. 2. Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp quy định tại khoản 19 Điều 4 Luật Doanh nghiệp là hệ thống thông tin nghiệp vụ chuyên môn về đăng ký doanh nghiệp do Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng và vận hành để gửi, nhận, lưu trữ, hiển thị hoặc thực hiện các nghiệp vụ khác đối với dữ liệu để phục vụ công tác đăng ký doanh nghiệp. 3. Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp là tập hợp dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp trên phạm vi toàn quốc. Thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và tình trạng pháp lý của doanh nghiệp lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp có giá trị pháp lý là thông tin gốc về đăng ký doanh nghiệp. 4. Người nộp hồ sơ là người có thẩm quyền ký	Điều 3. Giải thích từ ngữ Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1. Đăng ký doanh nghiệp là việc đăng ký nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế của doanh nghiệp dự kiến thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động và đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp, các nghĩa vụ đăng ký, thông báo khác và các nghiệp vụ có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Nghị định này. 2. Đăng ký hộ kinh doanh là việc người thành lập hộ kinh doanh đăng ký nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế của hộ kinh doanh dự kiến thành lập, thông báo thành lập địa điểm kinh doanh, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh và các nghĩa vụ đăng ký khác theo quy định của Nghị định này. 3. Chủ hộ kinh doanh là cá nhân đăng ký thành lập hộ kinh doanh, người được các thành viên hộ gia đình ủy quyền làm người đại diện hộ kinh doanh. 4. Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp quy định tại khoản 19 Điều 4 Luật Doanh nghiệp là hệ thống thông tin nghiệp vụ chuyên môn về đăng ký doanh nghiệp do Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng và vận hành để gửi, nhận, lưu trữ, hiển thị hoặc thực hiện các nghiệp vụ khác	- Chuyển quy định giải thích từ ngữ tương ứng tại dự thảo Nghị định về hộ kinh doanh sang dự thảo 2. - Chuyển quy định tại khoản 2 Điều 34 dự thảo 1 sang giải thích từ ngữ tại dự thảo 2 để làm quy định áp dụng chung trong cả đăng ký doanh nghiệp và đăng ký hộ kinh doanh. - Bổ sung khoản 15 “Thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính” để quy định về thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh đối với hộ kinh doanh. - Bổ sung quy định giải thích về phương thức xác thực điện tử.
--	--	---

văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp hoặc người được người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp quy định tại Điều 12 Nghị định này.

5. Giấy tờ chứng minh việc hoàn tất chuyển nhượng bao gồm một trong các giấy tờ sau:

- a) Bản sao hoặc bản sao trích lục sổ đăng ký thành viên hoặc sổ đăng ký cổ đông;
- b) Bản sao hoặc bản chính biên bản thanh lý hợp đồng chuyển nhượng;
- c) Giấy xác nhận của ngân hàng về việc đã hoàn tất việc thanh toán;
- d) Giấy tờ khác có giá trị chứng minh đã hoàn tất việc chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp theo quy định của pháp luật.

6. Giấy tờ chứng minh việc góp vốn bao gồm một trong các giấy tờ sau:

- a) Bản sao hoặc bản sao trích lục sổ đăng ký thành viên hoặc sổ đăng ký cổ đông;
- b) Bản sao giấy chứng nhận phần vốn góp;
- c) Giấy xác nhận của ngân hàng về việc chuyển tiền vào tài khoản của doanh nghiệp;
- d) Giấy tờ khác có giá trị chứng minh đã hoàn tất việc góp vốn theo quy định của pháp luật.

7. Giấy tờ chứng minh năng lực tài chính bao gồm một trong các giấy tờ sau:

- a) Báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của bên nhận chuyển nhượng;

đối với dữ liệu để phục vụ công tác đăng ký doanh nghiệp.

5. Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh là một cấu phần của Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp do Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng, vận hành để gửi, nhận, lưu trữ, hiển thị hoặc thực hiện các nghiệp vụ khác đối với dữ liệu hộ kinh doanh nhằm phục vụ công tác đăng ký hộ kinh doanh.

6. Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp là tập hợp dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp trên phạm vi toàn quốc. Thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và tình trạng pháp lý của doanh nghiệp lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp có giá trị pháp lý là thông tin gốc về đăng ký doanh nghiệp.

7. Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh là một thành phần của Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, bao gồm tập hợp dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh trên phạm vi toàn quốc. Thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh và tình trạng pháp lý của hộ kinh doanh lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh có giá trị pháp lý là thông tin gốc về đăng ký hộ kinh doanh.

8. Hồ sơ hợp lệ là hồ sơ có đầy đủ giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ và thống nhất theo quy định của Nghị định này.

9. Bản sao là giấy tờ được sao từ sổ gốc hoặc

b) Cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; c) Cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; d) Bảo lãnh về năng lực tài chính của bên nhận chuyển nhượng; d) Giấy tờ khác chứng minh năng lực tài chính của bên nhận chuyển nhượng.	được chứng thực từ bản chính bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc đã được Cơ quan đăng ký kinh doanh đối chiếu với bản chính. 10. Văn bản điện tử là văn bản dưới dạng thông điệp dữ liệu được tạo lập hoặc được số hóa từ văn bản giấy và thể hiện chính xác, toàn vẹn nội dung, thể thức của văn bản giấy. Văn bản điện tử định dạng Portable Document Format “.pdf”. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ theo quy định. Cá nhân ký tên trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh có thể sử dụng chữ ký số để ký trực tiếp trên văn bản điện tử hoặc ký trực tiếp trên văn bản giấy và quét (scan) văn bản giấy theo chế độ ảnh màu. 11. Người nộp hồ sơ là người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp hoặc người được người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp quy định tại Điều 12 Nghị định này. 12. Giấy tờ chứng minh việc hoàn tất chuyển nhượng bao gồm một trong các giấy tờ sau: a) Bản sao hoặc bản sao trích lục sổ đăng ký thành viên hoặc sổ đăng ký cổ đông; b) Bản sao hoặc bản chính biên bản thanh lý hợp đồng chuyển nhượng; c) Giấy xác nhận của ngân hàng về việc đã hoàn tất việc thanh toán; d) Giấy tờ khác có giá trị chứng minh đã hoàn	
--	--	--

	tất việc chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp theo quy định của pháp luật. 13. Giấy tờ chứng minh việc góp vốn bao gồm một trong các giấy tờ sau: a) Bản sao hoặc bản sao trích lục sổ đăng ký thành viên hoặc sổ đăng ký cổ đông; b) Bản sao giấy chứng nhận phần vốn góp; c) Giấy xác nhận của ngân hàng về việc chuyển tiền vào tài khoản của doanh nghiệp; d) Giấy tờ khác có giá trị chứng minh đã hoàn tất việc góp vốn theo quy định của pháp luật. 14. Giấy tờ chứng minh năng lực tài chính bao gồm một trong các giấy tờ sau: a) Báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của bên nhận chuyển nhượng; b) Cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; c) Cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; d) Bảo lãnh về năng lực tài chính của bên nhận chuyển nhượng; đ) Giấy tờ khác chứng minh năng lực tài chính của bên nhận chuyển nhượng. 15. Thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính phạm vi cấp tỉnh trong lĩnh vực đăng ký hộ kinh doanh là việc hộ kinh doanh có thể nộp hồ sơ và nhận kết quả ở bất kỳ Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nào trên địa bàn cấp tỉnh. 16. Xác thực diện tử là hoạt động xác thực danh	
--	--	--

	tính đối với người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh được thực hiện thông qua hệ thống định danh và xác thực điện tử, nền tảng định danh và xác thực điện tử bằng một trong các phương tiện sau: mật khẩu sử dụng một lần, phương tiện sinh trắc học, số điện thoại chính chủ hoặc phương tiện khác được sử dụng cho mục đích xác thực điện tử.	
--	--	--

Điều 11. Kê khai thông tin cá nhân trong thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp 1. Trường hợp đã có số định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, số định danh cá nhân của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và đồng ý chia sẻ thông tin cá nhân được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cho Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh để phục vụ công tác quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp theo quy định. Các thông tin kê khai được đối chiếu với các thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai không thống nhất so với thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm cập nhật, điều chỉnh thông tin để đảm bảo chính xác, thống nhất.	Điều 11. Kê khai thông tin cá nhân trong thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp 1. Trường hợp đã có số định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, số định danh cá nhân, <i>giới tính</i> của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và đồng ý chia sẻ thông tin cá nhân được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cho Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh để phục vụ công tác quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp theo quy định. Các thông tin kê khai được đối chiếu với các thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai không thống nhất so với thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm cập nhật, điều chỉnh thông tin để đảm bảo chính xác, thống nhất.	Bổ sung thông tin phải kê khai: giới tính để đảm bảo thực hiện quy định về việc người nộp hồ sơ kê khai được thông tin của cá nhân khác có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.
Điều 14. Đăng ký tên doanh nghiệp 1. Người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp không được đăng ký tên doanh nghiệp trùng hoặc gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp khác đã đăng ký trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trên phạm vi toàn quốc, trừ những doanh nghiệp đã giải thể hoặc đã có quyết định có hiệu lực của Tòa án	1. Người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp không được đăng ký tên doanh nghiệp trùng hoặc gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp khác đã đăng ký trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trên phạm vi toàn quốc, trừ những doanh nghiệp đã giải thể hoặc đã có quyết định có hiệu lực của Tòa án tuyên bố doanh nghiệp bị phá sản. 2. Cơ quan đăng ký kinh doanh có quyền chấp	Tiếp thu ý kiến Thành viên Chính phủ (Bộ trưởng Bộ Tài chính) về việc đặt tên doanh nghiệp quy định tại Luật Chứng khoán, Luật Kinh doanh bảo hiểm và luật khác.

tuyên bố doanh nghiệp bị phá sản. 2. Cơ quan đăng ký kinh doanh có quyền chấp thuận hoặc từ chối tên dự kiến đăng ký của doanh nghiệp theo quy định pháp luật. Để tránh tên doanh nghiệp bị trùng, gây nhầm lẫn và vi phạm quy định về đặt tên doanh nghiệp, ý kiến Cơ quan đăng ký kinh doanh là quyết định cuối cùng. Trường hợp không đồng ý với quyết định của Cơ quan đăng ký kinh doanh, người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp có thể khởi kiện theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính. 3. Doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương được cấp trước ngày 01 tháng 7 năm 2015 được tiếp tục sử dụng tên doanh nghiệp đã đăng ký và không bắt buộc phải đăng ký đổi tên doanh nghiệp trong trường hợp có tên trùng, tên gây nhầm lẫn với tên doanh nghiệp đã đăng ký trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp có tên trùng và tên gây nhầm lẫn tự thương lượng với nhau để đăng ký đổi tên doanh nghiệp.	thuận hoặc từ chối tên dự kiến đăng ký của doanh nghiệp theo quy định pháp luật. Để tránh tên doanh nghiệp bị trùng, gây nhầm lẫn và vi phạm quy định về đặt tên doanh nghiệp, ý kiến Cơ quan đăng ký kinh doanh là quyết định cuối cùng. Trường hợp không đồng ý với quyết định của Cơ quan đăng ký kinh doanh, người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp có thể khởi kiện theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính. 3. Doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương được cấp trước ngày 01 tháng 7 năm 2015 được tiếp tục sử dụng tên doanh nghiệp đã đăng ký và không bắt buộc phải đăng ký đổi tên doanh nghiệp trong trường hợp có tên trùng, tên gây nhầm lẫn với tên doanh nghiệp đã đăng ký trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp có tên trùng và tên gây nhầm lẫn tự thương lượng với nhau để đăng ký đổi tên doanh nghiệp. 4. Doanh nghiệp không được đặt tên vi phạm quy định tại Điều 37, 38, 39 Luật Doanh nghiệp, khoản 4 Điều 82 Luật Chứng khoán, khoản 4, 5 Điều 152 Luật Kinh doanh bảo hiểm và các quy định về đặt tên doanh nghiệp tại các luật khác.	
	Điều 17. Chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp	Bổ sung mới. Khoản 6 Điều 217 Dự thảo Luật Doanh nghiệp

	1. Tiêu chí xác định chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp Doanh nghiệp có tư cách pháp nhân xác định chủ sở hữu hưởng lợi là cá nhân theo một trong các tiêu chí sau (trừ trường hợp cá nhân thực hiện quyền, trách nhiệm của người đại diện sở hữu nhà nước theo pháp luật về quản lý, đầu tư vốn tại doanh nghiệp): a) Cá nhân thực tế sở hữu trực tiếp hoặc sở hữu gián tiếp từ 25% vốn điều lệ, hoặc tổng số cổ phần trở lên tương ứng với mỗi loại cổ phần của doanh nghiệp; hoặc b) Cá nhân có quyền chi phối có tính quyết định việc thông qua một trong các vấn đề sau: bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên hội đồng quản trị; người đại diện theo pháp luật, giám đốc hoặc tổng giám đốc của doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung điều lệ của doanh nghiệp; các vấn đề quan trọng trong hoạt động kinh doanh được quy định tại Điều lệ công ty. 2. Sở hữu gián tiếp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này là cá nhân sở hữu từ 25% trở lên vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần trở lên tương ứng với mỗi loại cổ phần của doanh nghiệp thông qua doanh nghiệp khác.	quy định “Chính phủ quy định chi tiết tiêu chí xác định, kê khai thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp”. Do vậy, tại Dự thảo Nghị định quy định chi tiết bằng việc bổ sung Điều 17 để chi tiết hóa tiêu chí xác định, kê khai thông tin CSHHL của doanh nghiệp.
	Điều 18. Kê khai thông tin chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp Doanh nghiệp, người thành lập doanh nghiệp có nghĩa vụ thông báo, kê khai với Cơ quan đăng	Bổ sung mới. Chi tiết hóa nghĩa vụ của doanh nghiệp phải thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh khi có thay đổi thông tin về Chủ sở hữu hưởng lợi

	ký kinh doanh cấp tỉnh thông tin về cổ đông, thành viên góp vốn đối với công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên, công ty cổ phần, công ty hợp danh là cá nhân sở hữu từ 25% trở lên vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần trở lên tương ứng với mỗi loại cổ phần của doanh nghiệp; 2. Doanh nghiệp thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh cá nhân có quyền chi phối (nếu có) theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 17 Nghị định này. 3. Doanh nghiệp, người thành lập doanh nghiệp có nghĩa vụ thông báo, kê khai với Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thông tin là cổ đông, thành viên góp vốn và người đại diện theo ủy quyền đối với là tổ chức đối với công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên, công ty cổ phần, công ty hợp danh sở hữu từ 25% trở lên vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần trở lên tương ứng với mỗi loại cổ phần của doanh nghiệp.	của doanh nghiệp được quy định Điều 31 tại Dự thảo Luật sửa đổi Luật Doanh nghiệp, làm rõ hơn trách nhiệm của doanh nghiệp khi kê khai CSHHL trực tiếp, đối với CSHHL gián tiếp chỉ phải kê khai khi có thông tin.
17. Cơ quan đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp 1. Cơ quan đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp bao gồm: a) Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Phòng Đăng ký kinh doanh cấp đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn	Điều 19. Cơ quan đăng ký kinh doanh 1. Cơ quan đăng ký kinh doanh được tổ chức ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) và ở xã, phường, đặc khu (sau đây gọi chung là cấp xã), bao gồm: a) Ở cấp tỉnh: - Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính	Dự thảo sửa đổi, bổ sung quy định về phân định thẩm quyền Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh và cấp xã phù hợp với chủ trương xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp của Đảng, Nhà nước. Theo đó: - Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh bao gồm: (i) Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, (ii) Ban quản lý khu công nghệ cao - Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã là Cơ quan

phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có địa chỉ tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi địa phương quản lý trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này. Phòng Đăng ký kinh doanh có thể tổ chức các điểm để tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc Phòng Đăng ký kinh doanh tại các địa điểm khác nhau trên địa bàn cấp tỉnh. b) Ban quản lý khu công nghệ cao. Ban quản lý khu công nghệ cao cấp đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có địa chỉ đặt trong khu công nghệ cao.	cấp đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có địa chỉ tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi địa phương quản lý trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này. Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể tổ chức các điểm để tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc Cơ quan đăng ký kinh doanh tại các địa điểm khác nhau trên địa bàn cấp tỉnh. - Ban quản lý khu công nghệ cao. Ban quản lý khu công nghệ cao cấp đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có địa chỉ đặt trong khu công nghệ cao. b) Ở cấp xã: Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính có chức năng, nhiệm vụ cấp đăng ký kinh doanh thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.	chuyên môn, tổ chức hành chính có chức năng, nhiệm vụ cấp đăng ký kinh doanh thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.
3. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh có tài khoản và con dấu riêng.	3. Cơ quan đăng ký kinh doanh quy định tại điểm b khoản 1 Điều này sau đây gọi là Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã được phép sử dụng tài khoản và con dấu của Ủy ban nhân dân cấp xã để thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh.	Sửa đổi, bổ sung quy định về việc sử dụng tài khoản và con dấu của Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã trong thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh nhằm tăng quyền chủ động cho Cơ quan đăng ký kinh doanh trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình.
Điều 20. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh	9. Ngoài các nhiệm vụ, quyền hạn nêu tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 Điều này, Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có nhiệm vụ, quyền hạn: a) Hướng dẫn Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký hộ kinh	Chuyển quy định tại khoản 5 Điều 43 dự thảo Nghị định về hộ kinh doanh sang khoản 9 Điều 20 dự thảo 2 để phù hợp với kết cấu, nội dung của Điều này.

	doanh; b) Kiểm tra, giám sát Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn về đăng ký hộ kinh doanh; c) Định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ Tài chính, các cơ quan liên quan về tình hình đăng ký hộ kinh doanh trên địa bàn theo quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước.	
Điều 21. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	1. Giải quyết việc đăng ký hộ kinh doanh; trực tiếp nhận hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh; xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và cấp hoặc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật. 2. Hướng dẫn hộ kinh doanh và người thành lập hộ kinh doanh về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký hộ kinh doanh; xem xét ghi nhận ngành, nghề kinh doanh vào Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh và thông báo cho Bộ Tài chính theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 89 Nghị định này. 3. Phối hợp xây dựng, quản lý, vận hành Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh hoạt động trên phạm vi địa bàn; định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã, Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính và các cơ quan liên quan về tình hình đăng ký hộ kinh doanh trên địa bàn theo quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước. 4. Cung cấp thông tin về đăng ký hộ kinh doanh	Chuyển quy định tại Điều 44 dự thảo Nghị định về hộ kinh doanh thành 01 điều mới phù hợp với kết cấu, nội dung của dự thảo 2.

	trên phạm vi địa bàn cho các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan có liên quan khác theo quy định của pháp luật. 5. Trực tiếp kiểm tra, giám sát hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, giám sát hộ kinh doanh theo nội dung trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh. 6. Yêu cầu hộ kinh doanh báo cáo về việc tuân thủ các quy định về hộ kinh doanh tại Nghị định này để thực hiện công tác quản lý nhà nước. 7. Yêu cầu hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc hộ kinh doanh kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện nhưng không đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật. 8. Thu hồi, khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định tại Nghị định này. 9. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan thực hiện việc số hóa, chuẩn hóa, chuyển đổi dữ liệu, cập nhật, bổ sung thông tin có liên quan đến đăng ký hộ kinh doanh theo quy định pháp luật tại địa phương vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh.	
Điều 19. Trách nhiệm các cơ quan quản lý nhà nước trong đăng ký doanh nghiệp 1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư: a) Trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về đăng ký doanh nghiệp;	Điều 22. Trách nhiệm các cơ quan quản lý nhà nước trong đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh 1. Bộ Tài chính: a) Ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban	- Bổ sung cụm từ “hộ kinh doanh”, “Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh” tương ứng tại một số điểm, khoản do bổ sung nội dung về “hộ kinh doanh” tại Nghị định thay thế Nghị định 01/2021/NĐ-CP.

hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về công tác đăng ký doanh nghiệp, chế độ báo cáo phục vụ công tác đăng ký doanh nghiệp; b) Phối hợp bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh; hướng dẫn Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thực hiện việc số hóa hồ sơ, chuẩn hóa, chuyển đổi dữ liệu, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp tại địa phương vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; c) Thanh tra, kiểm tra, giám sát Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thực hiện nghiệp vụ đăng ký doanh nghiệp; d) Cung cấp thông tin về nội dung đăng ký doanh nghiệp, tình trạng pháp lý, báo cáo tài chính và các thông tin khác của doanh nghiệp lưu trữ tại Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp cho các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan có liên quan khác, các tổ chức, cá nhân có yêu cầu theo quy định của pháp luật; đ) Xây dựng, quản lý và phát triển Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; hỗ trợ kỹ thuật cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh, người thành lập doanh nghiệp, doanh nghiệp và cá nhân, tổ chức khác trong việc sử dụng Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; e) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính trong việc liên thông thủ tục đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đối với doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, địa điểm kinh doanh, kết nối	hành văn bản quy phạm pháp luật về đăng ký doanh nghiệp, <i>đăng ký hộ kinh doanh</i>; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về công tác đăng ký doanh nghiệp, <i>đăng ký hộ kinh doanh</i>, chế độ báo cáo phục vụ công tác đăng ký doanh nghiệp, <i>đăng ký hộ kinh doanh</i>; b) Phối hợp bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho Cơ quan đăng ký kinh doanh; hướng dẫn Cơ quan đăng ký kinh doanh thực hiện việc số hóa hồ sơ, chuẩn hóa, chuyển đổi dữ liệu, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp, <i>đăng ký hộ kinh doanh</i> tại địa phương vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, <i>Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh</i>; c) Kiểm tra, giám sát Cơ quan đăng ký kinh doanh thực hiện nghiệp vụ đăng ký doanh nghiệp, <i>đăng ký hộ kinh doanh</i>; d) Cung cấp thông tin về nội dung đăng ký doanh nghiệp; tình trạng pháp lý, báo cáo tài chính và các thông tin khác của doanh nghiệp lưu trữ tại Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; <i>thông tin về nội dung đăng ký hộ kinh doanh, tình trạng pháp lý và các thông tin khác của hộ kinh doanh lưu trữ tại Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh</i> cho các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan có liên quan khác, các tổ chức, cá nhân có yêu cầu theo quy định của pháp luật; đ) Xây dựng, quản lý và phát triển Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, <i>Hệ</i>	- Đổi các cụm từ: “Bộ Kế hoạch và Đầu tư” thành “<i>Bộ Tài chính</i>”; “<i>Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội</i>” thành “<i>Bộ Nội vụ</i>”. - Bỏ nội dung “<i>thanh tra</i>” của các bộ, ngành. - Quy định cụ thể nội dung về “<i>quy chế phối hợp</i>” “<i>quy trình kiểm tra, giám sát</i>” tại điểm b, điểm c Khoản 5 do dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Doanh nghiệp giao Chính phủ quy định chi tiết nội dung này. - Bổ sung khoản 6 để quy định cụ thể hơn trách nhiệm của UBND cấp xã trong quản lý nhà nước về hộ kinh doanh. - Ngoài ra, rà soát, chỉnh sửa kỹ thuật về câu chữ để làm rõ, cụ thể hơn các quy định.
--	---	---

giữa Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế;

g) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng quy chế phối hợp, trao đổi, chia sẻ, kết nối thông tin về doanh nghiệp giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

h) Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đăng ký doanh nghiệp.

~~2. Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc kết nối giữa Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế và Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp nhằm cung cấp mã số doanh nghiệp, mã số đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, mã số địa điểm kinh doanh và trao đổi thông tin về tình hình hoạt động của doanh nghiệp.~~

3. Bộ Khoa học và Công nghệ chia sẻ thông tin về tên thương mại, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý của tổ chức, cá nhân từ Hệ thống quản trị đơn sở hữu công nghiệp, Cơ sở dữ liệu quốc gia về sở hữu công nghiệp.

~~4. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm xã hội Việt Nam có trách nhiệm xây dựng, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin để triển khai việc kết nối, chia sẻ dữ liệu số giữa các cơ quan quản lý nhà nước theo quy định tại Nghị định này và các văn bản quy phạm pháp luật~~

thông tin về đăng ký hộ kinh doanh; hỗ trợ kỹ thuật cho Cơ quan đăng ký kinh doanh, người thành lập doanh nghiệp, doanh nghiệp, người thành lập hộ kinh doanh, hộ kinh doanh và cá nhân, tổ chức khác trong việc sử dụng Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh;

e) Liên thông thủ tục đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp và hộ kinh doanh;

g) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng quy chế phối hợp, trao đổi, chia sẻ, kết nối thông tin về doanh nghiệp giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, *thông tin về hộ kinh doanh giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh* với cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

h) Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đăng ký doanh nghiệp, *đăng ký hộ kinh doanh.*

i) Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp, *hộ kinh doanh* theo quy định của pháp luật.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ chia sẻ thông tin về tên thương mại, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý của tổ chức, cá nhân từ Hệ thống quản trị đơn sở hữu công nghiệp, Cơ sở dữ liệu quốc gia về sở

liên quan. 5. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được phân công trong quản lý nhà nước có trách nhiệm: a) Theo dõi, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành các điều kiện đầu tư kinh doanh, điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước; b) Rà soát và công bố trên trang thông tin điện tử của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ danh mục các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước và gửi cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư để đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; c) Công khai các thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp, công khai thông tin về hành vi vi phạm pháp luật của doanh nghiệp và xử phạt doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước. 6. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương a) Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật; theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, tổng hợp tình hình quản lý doanh nghiệp sau đăng ký thành lập trên phạm	hữu công nghiệp. 3. <i>Bộ Nội vụ</i> có trách nhiệm kết nối, chia sẻ dữ liệu số theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 79 Nghị định này. 4. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được phân công trong quản lý nhà nước có trách nhiệm: a) Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc chấp hành các điều kiện đầu tư kinh doanh, điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước; b) Rà soát và công bố trên trang thông tin điện tử của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ danh mục các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước và gửi cho <i>Bộ Tài chính</i> để đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; c) Công khai các thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp, hộ kinh doanh; công khai thông tin về hành vi vi phạm hành chính và xử phạt vi phạm hành chính của doanh nghiệp, hộ kinh doanh. 5. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: a) Đôn đốc, chỉ đạo thanh tra, kiểm tra, giám sát doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật; tổng hợp tình hình quản lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập	
---	---	--

vi địa phương; b) Ban hành quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương trong thực thi nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập theo hướng nâng cao hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với quy định pháp luật và không chồng chéo, gây phiền hà cho doanh nghiệp; c) Chỉ đạo cơ quan quản lý nhà nước theo phạm vi ngành, lĩnh vực trên địa bàn thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về doanh nghiệp, các điều kiện đầu tư kinh doanh, điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài của doanh nghiệp; tăng cường quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được phân công; d) Phối hợp chặt chẽ với các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác đăng ký kinh doanh, công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập, công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với doanh nghiệp tại các cấp, các ngành, để vừa đảm bảo chất lượng thanh tra, kiểm tra, giám sát và vừa hạn chế được các hiện tượng phân biệt đối xử, sách nhiễu gây khó khăn cho doanh nghiệp; đ) Bố trí đủ nhân lực, kinh phí và nguồn lực khác cho Sở Kế hoạch và Đầu tư để phân bổ cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh theo quy mô doanh nghiệp, phạm vi địa bàn để bảo	trong phạm vi địa phương; b) Ban hành quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập, bao gồm các nội dung chủ yếu: mục tiêu, nguyên tắc, nội dung và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn trong việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh; thanh tra, kiểm tra, giám sát doanh nghiệp, hộ kinh doanh; thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh; xử lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài; báo cáo tình hình thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập. Quy chế phối hợp phải đảm bảo nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập, phù hợp với quy định pháp luật và không chồng chéo, gây phiền hà cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh; c) Ban hành và công khai quy trình kiểm tra, giám sát đăng ký kinh doanh, bao gồm các nội dung chủ yếu: phạm vi, đối tượng, nguyên tắc, hình thức, thời hạn kiểm tra, giám sát; việc lập, phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch kiểm tra, giám sát; nội dung, trình tự kiểm tra, giám sát; tổ chức thực hiện kết luận kiểm tra, kết quả giám	
--	---	--

đảm thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn và công tác quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp theo quy định;

e) Xây dựng, triển khai các chương trình phổ biến, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về pháp luật cho người dân, người quản lý doanh nghiệp. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập cũng như pháp luật về doanh nghiệp nhằm nâng cao hiểu biết và ý thức chấp hành pháp luật của doanh nghiệp; tổ chức thường xuyên các buổi đối thoại giữa cơ quan quản lý nhà nước với doanh nghiệp.

7. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp không được ban hành các quy định, văn bản về đăng ký doanh nghiệp áp dụng riêng cho ngành hoặc địa phương mình. Những quy định về đăng ký doanh nghiệp do các bộ, cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp ban hành trái với quy định tại Nghị định này không có hiệu lực thi hành.

sát; công tác phối hợp và trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan có liên quan trong hoạt động kiểm tra, giám sát; các nội dung khác (nếu có);

d) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác đăng ký kinh doanh; công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập; công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh;

đ) Phân bổ đủ nhân lực, kinh phí và nguồn lực khác cho cơ quan đăng ký kinh doanh các cấp theo số lượng doanh nghiệp, hộ kinh doanh và điều kiện vị trí địa lý trên địa bàn để bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định;

e) Xây dựng, triển khai kế hoạch phổ biến, tuyên truyền, nâng cao nhận thức pháp luật về doanh nghiệp, hộ kinh doanh cho người dân, doanh nghiệp, hộ kinh doanh; định kỳ tổ chức đối thoại giữa cơ quan quản lý nhà nước với doanh nghiệp, hộ kinh doanh;

f) Quy định mức thu nhập thấp áp dụng trên phạm vi địa phương theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Nghị định này;

h) Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm kết nối, chia sẻ thông tin về doanh nghiệp, hộ kinh doanh với Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh.

6. Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu:

	a) Thực hiện quản lý nhà nước về đăng ký hộ kinh doanh theo thẩm quyền, thực hiện các giải pháp về phát triển hộ kinh doanh trong chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; b) Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm kết nối, liên thông và chia sẻ thông tin với Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh; c) Chỉ đạo Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện chức năng, nhiệm vụ quy định tại Điều 21 Nghị định này; d) Có trách nhiệm bố trí đủ nhân lực, kinh phí và các điều kiện cần thiết khác bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Nghị định này. 7. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp không được ban hành các quy định, văn bản về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh áp dụng riêng cho ngành hoặc địa phương mình. Những quy định về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh do các bộ, cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp ban hành trái với quy định tại Nghị định này không có hiệu lực thi hành.	
Điều 23. Đăng ký thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh 3. Việc chấm dứt tồn tại của hộ kinh doanh thực hiện theo quy trình sau đây: a) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày	Điều 26. Đăng ký thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh 3. Việc chấm dứt tồn tại của hộ kinh doanh thực hiện theo quy trình sau đây: a) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày	- Sửa đổi “Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện” thành “Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã” để phù hợp với quy định về chính quyền 02 cấp - Bỏ quy định tại điểm c khoản 3 Điều 23 dự thảo

cấp Giấy chứng đăng ký doanh nghiệp, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh gửi thông tin về việc thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi hộ kinh doanh đặt trụ sở; b) Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện gửi thông tin về việc chấm dứt tồn tại của hộ kinh doanh cho Cơ quan thuế và ra thông báo về việc hộ kinh doanh đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động. Cơ quan thuế có trách nhiệm gửi thông tin cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện về việc hộ kinh doanh, địa điểm kinh doanh của hộ kinh doanh đã hoàn thành nghĩa vụ thuế. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin của Cơ quan thuế về việc hộ kinh doanh, địa điểm kinh doanh của hộ kinh doanh hoàn thành nghĩa vụ thuế, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thực hiện việc chấm dứt tồn tại của hộ kinh doanh, địa điểm kinh doanh của hộ kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh; c) Trước khi chấm dứt tồn tại của hộ kinh doanh thì tất cả các địa điểm kinh doanh của hộ kinh doanh phải được chấm dứt hoạt động.	cấp Giấy chứng đăng ký doanh nghiệp, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh gửi thông tin về việc thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi hộ kinh doanh đặt trụ sở; b) Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã gửi thông tin về việc chấm dứt tồn tại của hộ kinh doanh cho Cơ quan thuế và ra thông báo về việc hộ kinh doanh đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động. Cơ quan thuế có trách nhiệm gửi thông tin cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã về việc hộ kinh doanh đã hoàn thành nghĩa vụ thuế. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin của Cơ quan thuế về việc hộ kinh doanh hoàn thành nghĩa vụ thuế, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện việc chấm dứt tồn tại của hộ kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh.	I về việc chấm dứt hoạt động của địa điểm kinh doanh của hộ kinh doanh.
Điều 25. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán nước ngoài và chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam 1. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp	Điều 28. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán nước ngoài và chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam 1. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp	Bỏ quy định tại khoản 5 Điều 25 dự thảo 1. Việc bổ sung quy định này tại Nghị định về đăng ký doanh nghiệp là chưa phù hợp vì Luật Chứng khoán năm 2006 đã quy định Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và công ty đầu tư chứng khoán. Giấy phép

đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán thực hiện theo quy định tại Nghị định này tương ứng với từng loại hình doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ phải có bản sao giấy phép thành lập và hoạt động hoặc bản sao văn bản chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định của pháp luật về chứng khoán. 2. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký đối với chi nhánh công ty chứng khoán nước ngoài và chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam thực hiện tương ứng theo quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký đối với chi nhánh của doanh nghiệp tại Nghị định này, kèm theo hồ sơ phải có bản sao giấy phép thành lập và hoạt động hoặc bản sao văn bản chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định của pháp luật về chứng khoán. 3. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký phòng giao dịch của công ty chứng khoán thực hiện theo quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp tại Nghị định này, kèm theo hồ sơ phải có bản sao văn bản chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định của pháp luật về chứng khoán. 4. Trường hợp công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán nước ngoài và chi nhánh	đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán thực hiện theo quy định tại Nghị định này tương ứng với từng loại hình doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ phải có bản sao giấy phép thành lập và hoạt động hoặc bản sao văn bản chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định của pháp luật về chứng khoán. 2. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký đối với chi nhánh công ty chứng khoán nước ngoài và chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam thực hiện tương ứng theo quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký đối với chi nhánh của doanh nghiệp tại Nghị định này, kèm theo hồ sơ phải có bản sao giấy phép thành lập và hoạt động hoặc bản sao văn bản chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định của pháp luật về chứng khoán. 3. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký phòng giao dịch của công ty chứng khoán thực hiện theo quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp tại Nghị định này, kèm theo hồ sơ phải có bản sao văn bản chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định của pháp luật về chứng khoán. 4. Trường hợp công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh	này đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Luật Chứng khoán không có quy định chuyên tiếp đối với các công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trước thời điểm Luật Chứng khoán năm 2006 có hiệu lực thi hành nên việc bổ sung quy định áp dụng cho đối tượng này cần phải được xem xét trong quá trình sửa đổi, bổ sung Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.
--	--	---

công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước gửi thông báo đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán nước ngoài và chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài đặt trụ sở để thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh theo quy định tại khoản 4 Điều 95 Luật Chứng khoán. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh.

5. Công ty chứng khoán đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trước thời điểm Luật Chứng khoán năm 2006 có hiệu lực thi hành vẫn tiếp tục được sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này và phải thực hiện cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp. Hồ sơ bao gồm: văn bản đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp; bản sao giấy phép thành lập và hoạt động và bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế.

công ty chứng khoán nước ngoài và chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước gửi thông báo đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán nước ngoài và chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài đặt trụ sở để thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh theo quy định tại khoản 4 Điều 95 Luật Chứng khoán. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh.

Điều 27. Tiếp nhận, xử lý hồ sơ đăng ký doanh nghiệp trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo phương thức nộp hồ sơ trực tiếp tại Cơ quan đăng ký kinh doanh và đăng ký qua dịch vụ bưu chính 6. Người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp có thể dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp khi hồ sơ đăng ký doanh nghiệp chưa được chấp thuận trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Trong trường hợp này, người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp là người ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh xem xét, ra thông báo về việc dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp và hủy hồ sơ đăng ký doanh nghiệp theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị. Trường hợp từ chối dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do từ chối.	Điều 30. Tiếp nhận, xử lý hồ sơ đăng ký doanh nghiệp trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo phương thức nộp hồ sơ trực tiếp tại Cơ quan đăng ký kinh doanh và đăng ký qua dịch vụ bưu chính 6. Người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp có thể dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp khi hồ sơ đăng ký doanh nghiệp chưa được chấp thuận trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Trong trường hợp này, người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp gửi văn bản đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi đã nộp hồ sơ. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh xem xét, ra thông báo về việc dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp và hủy hồ sơ đăng ký doanh nghiệp theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị. Trường hợp từ chối dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do từ chối.	Sửa đổi lại theo hướng tiếp thu quy định tại Nghị định số 01/2021/NĐ-CP do quy định tại khoản 6 Điều 30 dự thảo 1 có thể gây nhầm lẫn trong cách hiểu rằng người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp và người ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp là cùng một cá nhân.
Điều 31. Tình trạng pháp lý của doanh nghiệp Các tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp bao gồm: 1. “Tạm ngừng kinh doanh” là tình trạng pháp lý của doanh nghiệp đang trong thời gian tạm ngừng	Điều 34. Tình trạng pháp lý của doanh nghiệp Các tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp bao gồm: 1. “Đang hoạt động” là tình trạng pháp lý của doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận	- Chuyển khoản 7 lên trên đầu (tiếp thu ý kiến ĐBQH trong quá trình xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp) - Viết lại nội dung tình trạng pháp lý “3. Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký” để phù hợp với quy định pháp luật về thuế tại Thông tư

kinh doanh theo quy định tại Nghị định này. 2. “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký” là tình trạng pháp lý của doanh nghiệp mà qua công tác kiểm tra, xác minh của Cơ quan thuế và các đơn vị có liên quan không tìm thấy doanh nghiệp tại địa chỉ đã đăng ký. Thông tin về doanh nghiệp không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký do Cơ quan thuế cung cấp cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh. Việc chuyển tình trạng pháp lý và kết thúc tình trạng pháp lý này do Cơ quan thuế quyết định, trừ trường hợp doanh nghiệp đang thuộc tình trạng pháp lý quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5 và 6 Điều này. Cơ quan thuế có trách nhiệm gửi thông tin về tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký” của doanh nghiệp cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ghi nhận, cập nhật tình trạng pháp lý do Cơ quan thuế cung cấp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. 3. “Bị thu hồi do cưỡng chế về quản lý thuế” là tình trạng pháp lý của doanh nghiệp đã bị Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo đề nghị của Cơ quan quản lý thuế về thực hiện biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế. 4. “Đang làm thủ tục giải thể, bị chia, bị hợp nhất, bị sáp nhập” là tình trạng pháp lý của doanh nghiệp đã được Cơ quan đăng ký kinh	đăng ký doanh nghiệp mà không thuộc tình trạng pháp lý quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều này. 2. “Tạm ngừng kinh doanh” là tình trạng pháp lý của doanh nghiệp đang trong thời gian tạm ngừng kinh doanh theo quy định tại Nghị định này. 3. “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký” là tình trạng pháp lý của doanh nghiệp được Cơ quan thuế lập biên bản xác minh về việc không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký. Thông tin về doanh nghiệp không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký do Cơ quan thuế cung cấp cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh. Việc chuyển tình trạng pháp lý và kết thúc tình trạng pháp lý này do Cơ quan thuế quyết định, trừ trường hợp doanh nghiệp đang thuộc tình trạng pháp lý quy định tại các khoản 2, 4, 5, 6 và 7 Điều này. Cơ quan thuế có trách nhiệm gửi thông tin về tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký” của doanh nghiệp cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ghi nhận, cập nhật tình trạng pháp lý do Cơ quan thuế cung cấp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. 4. “Bị thu hồi do cưỡng chế về quản lý thuế” là tình trạng pháp lý của doanh nghiệp đã bị Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo đề nghị của Cơ quan quản lý thuế về thực hiện biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định	86/2024/TT-BTC.
---	---	------------------------

doanh cấp tỉnh ra thông báo đang làm thủ tục giải thể; doanh nghiệp đã bị chia, bị hợp nhất, bị sáp nhập và đang làm thủ tục quyết toán và chuyển giao nghĩa vụ thuế với Cơ quan thuế do bị chia, bị hợp nhất, bị sáp nhập. 5. “Đang làm thủ tục phá sản” là tình trạng pháp lý của doanh nghiệp đã có quyết định mở thủ tục phá sản của Tòa án theo quy định của pháp luật về phá sản. 6. “Đã giải thể, phá sản, chấm dứt tồn tại” là tình trạng pháp lý của doanh nghiệp đã được Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra thông báo về việc giải thể; doanh nghiệp có quyết định tuyên bố phá sản của Tòa án theo quy định của pháp luật về phá sản; doanh nghiệp chấm dứt tồn tại do bị chia, bị hợp nhất, bị sáp nhập theo quy định tại Luật Doanh nghiệp. 7. “Đang hoạt động” là tình trạng pháp lý của doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà không thuộc tình trạng pháp lý quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này.	hành chính về quản lý thuế. 5. “Đang làm thủ tục giải thể, bị chia, bị hợp nhất, bị sáp nhập” là tình trạng pháp lý của doanh nghiệp đã được Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra thông báo đang làm thủ tục giải thể; doanh nghiệp đã bị chia, bị hợp nhất, bị sáp nhập và đang làm thủ tục quyết toán và chuyển giao nghĩa vụ thuế với Cơ quan thuế do bị chia, bị hợp nhất, bị sáp nhập. 6. “Đang làm thủ tục phá sản” là tình trạng pháp lý của doanh nghiệp đã có quyết định mở thủ tục phá sản của Tòa án theo quy định của pháp luật về phá sản. 7. “Đã giải thể, phá sản, chấm dứt tồn tại” là tình trạng pháp lý của doanh nghiệp đã được Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra thông báo về việc giải thể; doanh nghiệp có quyết định tuyên bố phá sản của Tòa án theo quy định của pháp luật về phá sản; doanh nghiệp chấm dứt tồn tại do bị chia, bị hợp nhất, bị sáp nhập theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.	
Điều 32. Tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh Các tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp gồm: 1. “Tạm ngừng kinh doanh, hoạt động” là tình trạng pháp lý của chi nhánh, địa điểm kinh	Điều 35. Tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh Các tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp gồm: 1. “Đang hoạt động” là tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh	- Chuyển khoản 7 lên trên đầu (tiếp thu ý kiến ĐBQH trong quá trình xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp) - Viết lại nội dung tình trạng pháp lý “3. Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký” để phù hợp với quy định pháp luật về thuế tại Thông tư 86/2024/TT-BTC.

doanh đang trong thời gian tạm ngừng kinh doanh, văn phòng đại diện đang trong thời gian tạm ngừng hoạt động hoặc chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp đang trong thời gian tạm ngừng kinh doanh theo quy định tại Nghị định này.

2. “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký” là tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp mà qua công tác kiểm tra, xác minh của Cơ quan thuế và các đơn vị có liên quan không tìm thấy chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp tại địa chỉ đã đăng ký. Thông tin về chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký do Cơ quan thuế cung cấp cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh. Việc chuyển tình trạng pháp lý và kết thúc tình trạng pháp lý này do Cơ quan thuế quyết định, trừ trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp đang thuộc tình trạng pháp lý quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5 và 6 Điều này. Cơ quan thuế có trách nhiệm gửi thông tin về tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký” của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ghi nhận, cập nhật tình trạng pháp lý do Cơ quan thuế cung cấp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

3. “Bị thu hồi do cưỡng chế về quản lý thuế” là

doanh đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh mà không thuộc tình trạng pháp lý quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này.

2. “Tạm ngừng kinh doanh, hoạt động” là tình trạng pháp lý của chi nhánh, địa điểm kinh doanh đang trong thời gian tạm ngừng kinh doanh, văn phòng đại diện đang trong thời gian tạm ngừng hoạt động hoặc chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp đang trong thời gian tạm ngừng kinh doanh theo quy định tại Nghị định này.

3. “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký” là tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh được Cơ quan thuế lập biên bản xác minh về việc không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký. Thông tin về chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký do Cơ quan thuế cung cấp cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh. Việc chuyển tình trạng pháp lý và kết thúc tình trạng pháp lý này do Cơ quan thuế quyết định, trừ trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đang thuộc tình trạng pháp lý quy định tại các khoản 2, 4, 5 và 6 Điều này. Cơ quan thuế có trách nhiệm gửi thông tin về tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký” của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh. Cơ quan đăng ký kinh

tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện đã bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo đề nghị của Cơ quan quản lý thuế về thực hiện biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế.

4. “Đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động” là tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đã được Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra thông báo đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động hoặc chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp đang làm thủ tục phá sản.

5. “Đã chấm dứt hoạt động” là tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đã được Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh hoặc chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp đã phá sản.

6. “Đang hoạt động” là tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh mà không thuộc tình trạng pháp lý quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này.

doanh cấp tỉnh ghi nhận, cập nhật tình trạng pháp lý do Cơ quan thuế cung cấp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

4. “Bị thu hồi do cưỡng chế về quản lý thuế” là tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện đã bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo đề nghị của Cơ quan quản lý thuế về thực hiện biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế.

5. “Đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động” là tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đã được Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra thông báo đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động hoặc chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp đang làm thủ tục phá sản.

6. “Đã chấm dứt hoạt động” là tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đã được Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh hoặc chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp đã phá sản.

Điều 33. Đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử 1. Đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử là việc người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp sử dụng tài khoản định danh điện tử để thực hiện việc đăng ký doanh nghiệp thông qua Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. 2. Tài khoản đăng ký kinh doanh quy định tại khoản 4 Điều 26 Luật Doanh nghiệp phải được liên kết với tài khoản định danh điện tử của cá nhân để thực hiện xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử trong trường hợp người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp không sử dụng chữ ký số. 3. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tìm hiểu thông tin, thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử.	Điều 36. Đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử 1. Đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử là việc người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp sử dụng tài khoản định danh điện tử để thực hiện việc đăng ký doanh nghiệp thông qua Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. 2. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tìm hiểu thông tin, thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử.	Bỏ quy định về tài khoản đăng ký kinh doanh do Dự thảo LDN sửa đổi bãi bỏ khoản 4 Điều 26
Điều 34. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử 3. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử phải bảo đảm các yêu cầu sau đây: a) Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được thể hiện	Điều 37. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử 2. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử phải bảo đảm các yêu cầu sau đây: a) Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định	Bỏ quy định về tài khoản đăng ký kinh doanh do Dự thảo LDN sửa đổi bãi bỏ khoản 4 Điều 26

dưới dạng văn bản điện tử; b) Các thông tin đăng ký doanh nghiệp được kê khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp phải đầy đủ và chính xác theo các thông tin trong hồ sơ; c) Có thông tin về số điện thoại, thư điện tử của người nộp hồ sơ được kê khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; d) Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số hoặc Tài khoản đăng ký kinh doanh của người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp hoặc người được người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải kèm theo giấy tờ quy định tại Điều 12 Nghị định này được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử quy định tại khoản 2 Điều này.	như hồ sơ bằng bản giấy và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử; b) Các thông tin đăng ký doanh nghiệp được kê khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp phải đầy đủ và chính xác theo các thông tin trong hồ sơ; c) Có thông tin về số điện thoại, thư điện tử của người nộp hồ sơ được kê khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; d) Phải được ký xác thực bởi người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp hoặc người được người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải kèm theo giấy tờ quy định tại Điều 12 Nghị định này được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử quy định tại khoản 11 Điều 3 Nghị định này.	
Điều 39. Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp	1. Trường hợp doanh nghiệp thay đổi địa chỉ trụ sở chính hoặc doanh nghiệp trong khu công nghệ cao chuyển địa chỉ trụ sở chính ra ngoài khu công nghệ cao và ngược lại dẫn đến thay đổi Cơ quan quản lý thuế, doanh nghiệp phải	Sửa cụm từ “đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính sang quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương hoặc sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác nơi đặt trụ sở chính của doanh nghiệp” để

	thực hiện các thủ tục với Cơ quan thuế liên quan đến việc chuyển địa điểm theo quy định của pháp luật về thuế trước khi đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính với cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh.	phù hợp với quy định về chính quyền 02 cấp.
Điều 49. Thông báo thay đổi thông tin cổ đông sáng lập của công ty cổ phần không phải là công ty niêm yết và công ty đăng ký giao dịch chứng khoán		Sửa tên điều nhằm loại trừ nghĩa vụ thông báo của công ty đăng ký giao dịch chứng khoán theo quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp
Điều 50. Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài của công ty cổ phần không phải là công ty niêm yết và công ty đăng ký giao dịch chứng khoán	1. Trường hợp công ty cổ phần không phải là công ty niêm yết và công ty đăng ký giao dịch chứng khoán thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Luật Doanh nghiệp, doanh nghiệp nộp hồ sơ thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.	Sửa đổi nhằm loại trừ nghĩa vụ thông báo của công ty đăng ký giao dịch chứng khoán theo quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp
Điều 52. Thông báo thay đổi thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân, thông báo thay đổi người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu, thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn là tổ chức, cổ đông là tổ chức nước ngoài	1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi có thông tin hoặc có thay đổi các thông tin về họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ liên lạc, số cổ phần và loại cổ phần của cổ đông là cá nhân nước ngoài; tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, số cổ phần và loại cổ phần của cổ đông là tổ chức nước ngoài, công ty cổ phần không phải là công ty niêm yết và công ty đăng ký giao dịch chứng khoán gửi thông báo bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính theo quy định tại	Sửa đổi nhằm loại trừ nghĩa vụ thông báo của công ty đăng ký giao dịch chứng khoán theo quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp

	khoản ... Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp.	
Điều 54. Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	2. Trước khi đăng ký thay đổi địa chỉ đặt chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc chi nhánh, văn phòng đại diện trong khu công nghệ cao chuyển địa chỉ ra ngoài khu công nghệ cao và ngược lại dẫn đến thay đổi Cơ quan thuế quản lý, doanh nghiệp phải thực hiện các thủ tục về thuế với Cơ quan thuế liên quan đến việc chuyển địa điểm theo quy định của pháp luật về thuế.	Sửa cụm từ “đăng ký thay đổi địa chỉ đặt chi nhánh, văn phòng đại diện sang quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương hoặc sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác nơi đặt chi nhánh, văn phòng đại diện” để phù hợp với quy định về chính quyền 02 cấp.
	Điều 56. Thông báo thay đổi chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp 1. Trường hợp thay đổi thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp, doanh nghiệp gửi thông báo đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh. 2. Sau khi tiếp nhận hồ sơ của doanh nghiệp, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh trao giấy tiếp nhận và trả kết quả, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, cập nhật thông tin của chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh cấp Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp.	Quy định bổ sung mới. Hướng dẫn quy trình doanh nghiệp thông báo thay đổi Chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp
Điều 60. Xử lý các trường hợp thực hiện không đúng quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục hoặc	Điều 62. Xử lý các trường hợp thực hiện không đúng quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục hoặc	Bổ sung việc xử lý nội dung kê khai trong hồ sơ không trung thực, không chính xác có liên quan

nội dung kê khai trong hồ sơ không trung thực, không chính xác 1. Trường hợp Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp không đúng quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thông báo cho doanh nghiệp, đồng thời thực hiện lại thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo đúng quy định. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện và thực hiện lại thủ tục đăng ký doanh nghiệp không đúng quy định. 2. Việc xử lý nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp không trung thực, không chính xác được thực hiện như sau: a) Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp, hồ sơ đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo lập địa điểm kinh doanh là không trung thực, không chính xác, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra thông báo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh được cấp trên cơ sở hồ sơ đăng ký có nội dung kê khai không trung thực, không chính xác không có hiệu lực, đồng thời đăng tải thông báo trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thông báo cho Cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc doanh nghiệp	nội dung kê khai trong hồ sơ không trung thực, không chính xác 1. Trường hợp Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp không đúng quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thông báo cho doanh nghiệp, đồng thời thực hiện lại thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo đúng quy định. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện và thực hiện lại thủ tục đăng ký doanh nghiệp không đúng quy định. 2. Việc xử lý nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp không trung thực, không chính xác được thực hiện như sau: a) Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp, hồ sơ đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo lập địa điểm kinh doanh là không trung thực, không chính xác, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra thông báo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh được cấp trên cơ sở hồ sơ đăng ký có nội dung kê khai không trung thực, không chính xác không có hiệu lực, đồng thời đăng tải thông báo trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thông báo cho Cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc doanh nghiệp	đến nhiều địa phương, địa bàn quản lý tại khoản 2.
---	---	---

kê khai hồ sơ không trung thực, không chính xác để phối hợp quản lý và xử lý theo quy định của pháp luật.

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh yêu cầu doanh nghiệp nộp hồ sơ mới thay hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp, hồ sơ đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo lập địa điểm kinh doanh kê khai không trung thực, không chính xác trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ra thông báo để được xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh. Doanh nghiệp có thể gộp các nội dung thay đổi hợp pháp của các lần đăng ký thay đổi trong một bộ hồ sơ để được cấp một lần đăng ký thay đổi mới. Trường hợp doanh nghiệp không nộp hồ sơ, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh yêu cầu doanh nghiệp báo cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 18 Nghị định này;

b) Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh hoặc thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp là không trung thực, không chính xác, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thông báo cho Cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phối hợp quản lý và xử lý theo quy định của pháp luật. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra thông báo về việc Giấy chứng nhận đăng ký doanh

kê khai hồ sơ không trung thực, không chính xác để phối hợp quản lý và xử lý theo quy định của pháp luật.

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh yêu cầu doanh nghiệp nộp hồ sơ mới thay hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp, hồ sơ đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo lập địa điểm kinh doanh kê khai không trung thực, không chính xác trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ra thông báo để được xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh. Doanh nghiệp có thể gộp các nội dung thay đổi hợp pháp của các lần đăng ký thay đổi trong một bộ hồ sơ để được cấp một lần đăng ký thay đổi mới. Trường hợp doanh nghiệp không nộp hồ sơ, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh yêu cầu doanh nghiệp báo cáo theo quy định tại *khoản 5 Điều 20 Nghị định này*;

b) Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh hoặc thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp là không trung thực, không chính xác, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thông báo cho Cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phối hợp quản lý và xử lý theo quy định của pháp luật. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra thông báo về việc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh,

ngành, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh được cấp trên cơ sở hồ sơ đăng ký thay đổi, thông báo thay đổi có nội dung kê khai không trung thực, không chính xác là không có hiệu lực, đồng thời đăng tải thông báo trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trên cơ sở hồ sơ hợp lệ liên kế trước hồ sơ kê khai không trung thực, không chính xác.

Doanh nghiệp có thể gộp các nội dung thay đổi của hồ sơ đăng ký thay đổi có nội dung kê khai không trung thực, không chính xác và các lần đăng ký thay đổi, thông báo thay đổi sau đó trong một bộ hồ sơ để được cấp một lần đăng ký thay đổi, xác nhận thay đổi mới.

văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh được cấp trên cơ sở hồ sơ đăng ký thay đổi, thông báo thay đổi có nội dung kê khai không trung thực, không chính xác là không có hiệu lực, đồng thời đăng tải thông báo trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trên cơ sở hồ sơ hợp lệ liên kế trước hồ sơ kê khai không trung thực, không chính xác.

Doanh nghiệp có thể gộp các nội dung thay đổi của hồ sơ đăng ký thay đổi có nội dung kê khai không trung thực, không chính xác và các lần đăng ký thay đổi, thông báo thay đổi sau đó trong một bộ hồ sơ để được cấp một lần đăng ký thay đổi, xác nhận thay đổi mới.

Trường hợp việc xử lý nội dung kê khai không trung thực, không chính xác có liên quan đến nhiều Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh trong phạm vi địa bàn quản lý thực hiện xử lý theo thẩm quyền đối với những hồ sơ đăng ký thay đổi hoặc thông báo thay đổi đã chấp thuận,

	<i>đồng thời, thông báo kết quả đến cơ quan thuế và các Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh khác có liên quan để tiếp tục phối hợp xử lý, quản lý doanh nghiệp theo quy định.</i>	
Điều 66. Trình tự, thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung nội dung đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận thông báo tạm ngừng kinh doanh, Giấy xác nhận thông báo tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, Thông báo doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể, Thông báo về việc giải thể của doanh nghiệp 1. Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là giả mạo a) Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp là giả mạo, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra thông báo về việc vi phạm của doanh nghiệp và quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 65 Nghị định này; b) Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp là giả mạo, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra thông báo về việc vi phạm của doanh nghiệp và quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của lần đăng ký thay đổi hoặc Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp được cấp trên cơ sở nội dung kê khai là giả mạo trong	Điều 68. Trình tự, thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung nội dung đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận thông báo tạm ngừng kinh doanh, Giấy xác nhận thông báo tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, Thông báo doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể, Thông báo về việc giải thể của doanh nghiệp 1. Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là giả mạo a) Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp là giả mạo, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra thông báo về việc vi phạm của doanh nghiệp và quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy tờ quy định tại <i>khoản 2 Điều 67 Nghị định này</i>; b) Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp là giả mạo, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra thông báo về việc vi phạm của doanh nghiệp và quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của lần đăng ký thay đổi hoặc Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp được cấp trên cơ sở nội dung kê khai là giả mạo trong	- Bổ sung việc xử lý nội dung kê khai giả mạo trong hồ sơ có liên quan đến nhiều địa phương, địa bàn quản lý tại khoản 1. - Tách việc xử lý thu hồi giấy tại điểm c, điểm d khoản 1 Điều 212 Luật Doanh nghiệp thành khoản 3, khoản 4 để phân biệt rõ phương thức xử lý đối với từng trường hợp.

thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 65 Nghị định này. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trên cơ sở hồ sơ hợp lệ liên kế trước hồ sơ đăng ký có nội dung kê khai là giả mạo.

Doanh nghiệp có thể gộp các nội dung thay đổi của hồ sơ đăng ký thay đổi, thông báo thay đổi có nội dung kê khai là giả mạo và các lần đăng ký thay đổi, thông báo thay đổi sau đó trong một bộ hồ sơ để được cấp một lần đăng ký thay đổi, xác nhận thay đổi mới;

c) Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ thông báo tạm ngừng kinh doanh, nghị quyết hoặc quyết định giải thể, biên bản họp về việc giải thể doanh nghiệp, hồ sơ đăng ký giải thể doanh nghiệp là giả mạo, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra thông báo về việc vi phạm của doanh nghiệp và quyết định thu hồi Giấy xác nhận thông báo tạm ngừng kinh doanh, Giấy xác nhận thông báo tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, Thông báo doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể, Thông báo về việc giải thể của doanh nghiệp được cấp trên cơ sở nội dung kê khai là giả mạo trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 65 Nghị định này. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh khôi phục tình trạng pháp lý của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong

thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy tờ quy định tại *khoản 2 Điều 67 Nghị định này*. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trên cơ sở hồ sơ hợp lệ liên kế trước hồ sơ đăng ký có nội dung kê khai là giả mạo.

Doanh nghiệp có thể gộp các nội dung thay đổi của hồ sơ đăng ký thay đổi, thông báo thay đổi có nội dung kê khai là giả mạo và các lần đăng ký thay đổi, thông báo thay đổi sau đó trong một bộ hồ sơ để được cấp một lần đăng ký thay đổi, xác nhận thay đổi mới.

Trường hợp việc xử lý nội dung kê khai giả mạo có liên quan đến nhiều Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh trong phạm vi địa bàn quản lý thực hiện xử lý theo thẩm quyền đối với những hồ sơ đăng ký thay đổi hoặc thông báo thay đổi đã chấp thuận, đồng thời, thông báo kết quả đến cơ quan thuế và các Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh khác có liên quan để tiếp tục phối hợp xử lý, quản lý doanh nghiệp theo quy định;

c) Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ thông báo tạm ngừng kinh doanh, nghị quyết hoặc quyết định giải thể, biên bản họp về việc giải thể doanh nghiệp, hồ sơ đăng ký giải thể doanh nghiệp là giả mạo, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra thông báo về việc vi phạm của doanh nghiệp và quyết định thu hồi Giấy xác

Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

2. Trường hợp doanh nghiệp do những người bị cấm thành lập doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp thành lập

a) Đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên:

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính ra thông báo về việc vi phạm đồng thời ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

b) Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần và công ty hợp danh:

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính ra thông báo yêu cầu doanh nghiệp đăng ký thay đổi thành viên hoặc thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng không được quyền thành lập doanh nghiệp trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo. Đối với cổ đông không phải là nhà đầu tư nước ngoài, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh yêu cầu doanh nghiệp báo cáo về việc thay đổi cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 18 Nghị định này. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nói trên mà doanh nghiệp không đăng ký thay đổi thành viên hoặc không báo cáo về việc thay đổi cổ đông thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra thông báo về việc vi phạm đồng thời

nhận thông báo tạm ngừng kinh doanh, Giấy xác nhận thông báo tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, Thông báo doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể, Thông báo về việc giải thể của doanh nghiệp được cấp trên cơ sở nội dung kê khai là giả mạo trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 67 Nghị định này. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh khôi phục tình trạng pháp lý của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

2. Trường hợp doanh nghiệp do những người bị cấm thành lập doanh nghiệp theo quy định tại Điều ... Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp thành lập

a) Đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên:

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính ra thông báo về việc vi phạm đồng thời ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

b) Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần và công ty hợp danh:

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính ra thông báo yêu cầu doanh nghiệp đăng ký thay đổi thành viên hoặc thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng không được quyền thành

ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

3. Trường hợp doanh nghiệp có hành vi vi phạm thuộc trường hợp quy định tại điểm c hoặc điểm d khoản 1 Điều 212 Luật Doanh nghiệp, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra thông báo về việc vi phạm và yêu cầu người đại diện theo pháp luật đến trụ sở Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh để giải trình. Kết thúc thời hạn giải trình ghi trong thông báo mà người được yêu cầu không đến hoặc nội dung giải trình không được chấp thuận thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn giải trình. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trong việc xem xét nội dung giải trình về việc vi phạm của doanh nghiệp.

4. Trường hợp nhận được quyết định của Tòa án về thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định.

5. Trường hợp nhận được đề nghị của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của luật về thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra thông báo về việc vi phạm của doanh nghiệp và quyết định

lập doanh nghiệp trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo. Đối với cổ đông không phải là nhà đầu tư nước ngoài, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh yêu cầu doanh nghiệp báo cáo về việc thay đổi cổ đông theo quy định tại *khoản 5 Điều 20 Nghị định* này. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nói trên mà doanh nghiệp không đăng ký thay đổi thành viên hoặc không báo cáo về việc thay đổi cổ đông thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra thông báo về việc vi phạm đồng thời ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

3. Trường hợp doanh nghiệp ngừng hoạt động kinh doanh 01 năm mà không thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh và Cơ quan thuế, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thông báo bằng văn bản về hành vi vi phạm và yêu cầu người đại diện theo pháp luật đến trụ sở của Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh để giải trình. Kết thúc thời hạn giải trình ghi trong thông báo mà người được yêu cầu không đến hoặc nội dung giải trình không được chấp thuận thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn giải trình. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trong việc xem xét nội dung giải trình về hành vi vi phạm của doanh nghiệp.

Trường hợp cần xác định rõ hành vi vi phạm

thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thu hồi của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của luật. Doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo đề nghị của Cơ quan quản lý thuế không thực hiện thủ tục giải thể, thủ tục chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh. Trong trường hợp này, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh chuyển tình trạng pháp lý của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh sang tình trạng “Bị thu hồi do cưỡng chế về quản lý thuế” trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

6. Trừ trường hợp doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp để thực hiện biện pháp cưỡng chế nợ thuế theo đề nghị của Cơ quan quản lý thuế, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thông báo tình trạng doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp đồng thời với việc ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sau khi nhận được quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp phải thực hiện thủ tục giải thể theo quy định tại Điều 209 Luật Doanh nghiệp và chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh theo quy định tại Điều 63 Nghị định này.

của doanh nghiệp thuộc trường hợp thu hồi tại khoản này, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 6 Điều 20 Nghị định này.

4. Trường hợp doanh nghiệp không gửi báo cáo theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 216 Luật Doanh nghiệp thì trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn quy định tại điểm d khoản 1 Điều 212 Luật Doanh nghiệp, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thông báo bằng văn bản về hành vi vi phạm và yêu cầu người đại diện theo pháp luật đến trụ sở của Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh để giải trình. Kết thúc thời hạn giải trình ghi trong thông báo mà người được yêu cầu không đến hoặc nội dung giải trình không được chấp thuận thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn giải trình. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trong việc xem xét nội dung giải trình về hành vi vi phạm của doanh nghiệp.

5. Trường hợp nhận được quyết định của Tòa án về thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định.

6. Trường hợp nhận được đề nghị của cơ quan

7. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thông báo cho Cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc vi phạm của doanh nghiệp để xem xét và xử lý theo quy định của pháp luật. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thực hiện đăng tải thông báo về việc vi phạm, quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung nội dung đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận thông báo tạm ngừng kinh doanh, Giấy xác nhận thông báo tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, Thông báo doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể, Thông báo về việc giải thể của doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ban hành, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh gửi thông báo về việc vi phạm, quyết định thu hồi các Giấy trên đến trụ sở chính của doanh nghiệp.

8. Doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương bị thu hồi nội dung đăng ký kinh doanh trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 212 Luật Doanh nghiệp. Trình tự, thủ tục thu hồi thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều này.

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra quyết định thu hồi nội dung đăng ký kinh doanh mà không thu hồi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận

có thẩm quyền theo quy định của luật về thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra thông báo về việc vi phạm của doanh nghiệp và quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thu hồi của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của luật. Doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo đề nghị của Cơ quan quản lý thuế không thực hiện thủ tục giải thể, thủ tục chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh. Trong trường hợp này, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh chuyển tình trạng pháp lý của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh sang tình trạng “Bị thu hồi do cưỡng chế về quản lý thuế” trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

7. Trừ trường hợp doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp để thực hiện biện pháp cưỡng chế nợ thuế theo đề nghị của Cơ quan quản lý thuế, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thông báo tình trạng doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp đồng thời với việc ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sau khi nhận được quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp phải thực hiện thủ

đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương. Việc xử lý nội dung dự án đầu tư trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định thu hồi, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh gửi quyết định thu hồi đến Cơ quan đăng ký đầu tư.	tục giải thể theo quy định tại Điều 209 Luật Doanh nghiệp và chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh theo quy định tại Điều 64 Nghị định này. 8. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thông báo cho Cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc vi phạm của doanh nghiệp để xem xét và xử lý theo quy định của pháp luật. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thực hiện đăng tải thông báo về việc vi phạm, quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung nội dung đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận thông báo tạm ngừng kinh doanh, Giấy xác nhận thông báo tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, Thông báo doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể, Thông báo về việc giải thể của doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ban hành, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh gửi thông báo về việc vi phạm, quyết định thu hồi các Giấy trên đến trụ sở chính của doanh nghiệp. 9. Doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương bị thu hồi nội dung đăng ký kinh doanh trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 212 Luật Doanh nghiệp. Trình tự, thủ tục thu hồi thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8	
--	---	--

	Điều này. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra quyết định thu hồi nội dung đăng ký kinh doanh mà không thu hồi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương. Việc xử lý nội dung dự án đầu tư trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định thu hồi, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh gửi quyết định thu hồi đến Cơ quan đăng ký đầu tư.	
Điều 68. Trình tự, thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy xác nhận thông báo tạm ngừng kinh doanh, tạm ngừng hoạt động, thông báo tiếp tục kinh doanh, tiếp tục hoạt động, Thông báo chi nhánh, văn phòng đại diện đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động, Thông báo về việc chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động, hủy bỏ quyết định thu hồi và khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện 1. Chi nhánh, văn phòng đại diện bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong các trường hợp sau đây: a) Nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký hoạt	Điều 70. Trình tự, thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy xác nhận thông báo tạm ngừng kinh doanh, tạm ngừng hoạt động, thông báo tiếp tục kinh doanh, tiếp tục hoạt động, Thông báo chi nhánh, văn phòng đại diện đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động, Thông báo về việc chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động, hủy bỏ quyết định thu hồi và khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện 1. Chi nhánh, văn phòng đại diện bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong các trường hợp sau đây: a) Nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký hoạt	- Bổ sung việc xử lý nội dung kê khai giả mạo trong hồ sơ có liên quan đến nhiều địa phương, địa bàn quản lý tại khoản 2. - Quy định cụ thể hơn việc xử lý chi nhánh, văn phòng đại diện ngừng hoạt động trên 12 tháng mà không thông báo tại khoản 3.

động hoặc hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện là giả mạo; b) Ngừng hoạt động trên 12 tháng mà không thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh và Cơ quan thuế; c) Theo quyết định của Tòa án; d) Theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật. 2. Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký hoạt động hoặc hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện là giả mạo a) Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện là giả mạo, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra thông báo về việc vi phạm của doanh nghiệp và quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 65 Nghị định này; b) Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện là giả mạo, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra thông báo về việc vi phạm của doanh nghiệp và quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của lần đăng ký thay đổi, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại	động hoặc hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện là giả mạo; b) Ngừng hoạt động trên 12 tháng mà không thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh và Cơ quan thuế; c) Theo quyết định của Tòa án; d) Theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật. 2. Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký hoạt động hoặc hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện là giả mạo a) Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện là giả mạo, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra thông báo về việc vi phạm của doanh nghiệp và quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 67 Nghị định này; b) Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện là giả mạo, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra thông báo về việc vi phạm của doanh nghiệp và quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của lần đăng ký thay đổi, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại	
--	--	--

diện được cấp trên cơ sở nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi là giả mạo trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 65 Nghị định này. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trên cơ sở hồ sơ hợp lệ gần nhất liền kề trước hồ sơ đăng ký thay đổi có nội dung kê khai là giả mạo.

Doanh nghiệp có thể gộp các nội dung thay đổi của hồ sơ đăng ký thay đổi có nội dung kê khai là giả mạo và các lần đăng ký thay đổi, thông báo thay đổi sau đó trong một bộ hồ sơ để được cấp một lần đăng ký thay đổi, xác nhận thay đổi mới;

c) Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ thông báo tạm ngừng kinh doanh, thông báo tạm ngừng hoạt động, hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện là giả mạo, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra thông báo về việc vi phạm của doanh nghiệp và quyết định thu hồi Giấy xác nhận thông báo tạm ngừng kinh doanh, tạm ngừng hoạt động, thông báo tiếp tục kinh doanh, tiếp tục hoạt động, Thông báo chi nhánh, văn phòng đại diện đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động, Thông báo về việc chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động được cấp trên cơ sở nội dung kê khai là giả mạo trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy tờ quy định tại khoản 2

diện được cấp trên cơ sở nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi là giả mạo trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 67 Nghị định này. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trên cơ sở hồ sơ hợp lệ gần nhất liền kề trước hồ sơ đăng ký thay đổi có nội dung kê khai là giả mạo.

Doanh nghiệp có thể gộp các nội dung thay đổi của hồ sơ đăng ký thay đổi có nội dung kê khai là giả mạo và các lần đăng ký thay đổi, thông báo thay đổi sau đó trong một bộ hồ sơ để được cấp một lần đăng ký thay đổi, xác nhận thay đổi mới.

Trường hợp việc xử lý nội dung kê khai giả mạo có liên quan đến nhiều Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh trong phạm vi địa bàn quản lý thực hiện xử lý theo thẩm quyền đối với những hồ sơ đăng ký thay đổi đã chấp thuận, đồng thời, thông báo kết quả đến cơ quan thuế và các Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh khác có liên quan để tiếp tục phối hợp xử lý, quản lý chi nhánh, văn phòng đại diện theo quy định;

c) Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ thông báo tạm ngừng kinh doanh, thông báo tạm ngừng hoạt động, hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện là giả mạo,

Điều 65 Nghị định này. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh khôi phục tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

3. Trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện ngừng hoạt động trên 12 tháng mà không báo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh và Cơ quan thuế thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra thông báo về việc vi phạm và yêu cầu người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh để giải trình. Kết thúc thời hạn giải trình ghi trong thông báo mà người được yêu cầu không đến hoặc nội dung giải trình không được chấp thuận thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn giải trình. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trong việc xem xét nội dung giải trình.

4. Trường hợp nhận được quyết định của Tòa án về thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định.

5. Trường hợp nhận được đề nghị của cơ quan

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra thông báo về việc vi phạm của doanh nghiệp và quyết định thu hồi Giấy xác nhận thông báo tạm ngừng kinh doanh, tạm ngừng hoạt động, thông báo tiếp tục kinh doanh, tiếp tục hoạt động, Thông báo chi nhánh, văn phòng đại diện đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động, Thông báo về việc chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động được cấp trên cơ sở nội dung kê khai là giả mạo trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 67 Nghị định này. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh khôi phục tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

3. Trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện ngừng hoạt động trên 12 tháng mà không báo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh và Cơ quan thuế thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thông báo bằng văn bản về hành vi vi phạm và yêu cầu người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh để giải trình. Kết thúc thời hạn giải trình ghi trong thông báo mà người được yêu cầu không đến hoặc nội dung giải trình không được chấp thuận thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn giải trình. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh có trách nhiệm phối hợp

có thẩm quyền theo quy định của luật về thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra thông báo về việc vi phạm của doanh nghiệp và quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thu hồi của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của luật.

6. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thông báo cho Cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc vi phạm của doanh nghiệp để phối hợp quản lý và xử lý theo quy định của pháp luật. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh đăng tải thông báo về việc vi phạm, quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy xác nhận thông báo tạm ngừng kinh doanh, tạm ngừng hoạt động, thông báo tiếp tục kinh doanh, đăng ký tiếp tục hoạt động, Thông báo chi nhánh, văn phòng đại diện đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động, Thông báo về việc chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ban hành, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh gửi thông báo về việc vi phạm, quyết định thu hồi các Giấy trên đến trụ sở chính của doanh nghiệp.

7. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện

với cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trong việc xem xét nội dung giải trình của người đại diện theo pháp luật.

Trường hợp cần xác định rõ hành vi vi phạm đối với chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp thuộc trường hợp thu hồi tại khoản này, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 6 Điều 20 Nghị định này.

4. Trường hợp nhận được quyết định của Tòa án về thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định.

5. Trường hợp nhận được đề nghị của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của luật về thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra thông báo về việc vi phạm của doanh nghiệp và quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thu hồi của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của luật.

6. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thông báo cho Cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc vi phạm của doanh nghiệp để phối hợp quản lý và xử lý theo quy định của pháp luật. Cơ quan đăng ký kinh doanh

đồng thời ra thông báo về việc chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh thuộc chi nhánh đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động, cập nhật tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh thuộc chi nhánh sang tình trạng đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động, trừ trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện để thực hiện biện pháp cưỡng chế nợ thuế theo đề nghị của cơ quan quản lý thuế.

8. Sau khi Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, doanh nghiệp phải thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh thuộc chi nhánh theo quy định tại Điều 63 Nghị định này, trừ trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện để thực hiện biện pháp cưỡng chế nợ thuế theo đề nghị của cơ quan quản lý thuế.

9. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp bị thu hồi nội dung đăng ký hoạt động trong các trường hợp quy định tại khoản 1

cấp tỉnh đăng tải thông báo về việc vi phạm, quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy xác nhận thông báo tạm ngừng kinh doanh, tạm ngừng hoạt động, thông báo tiếp tục kinh doanh, đăng ký tiếp tục hoạt động, Thông báo chi nhánh, văn phòng đại diện đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động, Thông báo về việc chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ban hành, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh gửi thông báo về việc vi phạm, quyết định thu hồi các Giấy trên đến trụ sở chính của doanh nghiệp.

7. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện đồng thời ra thông báo về việc chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh thuộc chi nhánh đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động, cập nhật tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh thuộc chi nhánh sang tình trạng đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động, trừ trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện để thực hiện biện pháp cưỡng chế nợ thuế theo đề nghị của cơ quan quản lý thuế.

8. Sau khi Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, doanh

Điều này.

Trình tự, thủ tục thu hồi thực hiện theo quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều này. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra quyết định thu hồi nội dung đăng ký kinh doanh mà không thu hồi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp. Việc xử lý nội dung dự án đầu tư trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định thu hồi, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh gửi quyết định thu hồi đến Cơ quan đăng ký đầu tư để phối hợp quản lý nhà nước.

10. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra quyết định hủy bỏ quyết định thu hồi và khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 67 Nghị định này.

ngiệp phải thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh thuộc chi nhánh theo quy định tại Điều 65 Nghị định này, trừ trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện để thực hiện biện pháp cưỡng chế nợ thuế theo đề nghị của cơ quan quản lý thuế.

9. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp bị thu hồi nội dung đăng ký hoạt động trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

Trình tự, thủ tục thu hồi thực hiện theo quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều này. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra quyết định thu hồi nội dung đăng ký kinh doanh mà không thu hồi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp. Việc xử lý nội dung dự án đầu tư trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương thực hiện theo quy định của pháp luật về

	đầu tư. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định thu hồi, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh gửi quyết định thu hồi đến Cơ quan đăng ký đầu tư để phối hợp quản lý nhà nước. 10. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra quyết định hủy bỏ quyết định thu hồi và khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 70 Nghị định này.	
Điều 75. Cập nhật thông tin của tổ chức tín dụng, doanh nghiệp bảo hiểm 1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại khoản 3 Điều 11, khoản 4 Điều 27 và khoản 4 Điều 38 Luật Các tổ chức tín dụng, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh cập nhật thông tin của tổ chức tín dụng; chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước của tổ chức tín dụng; chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. 2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ Tài chính thông báo về việc cấp, sửa đổi, bổ sung hoặc thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, chi nhánh doanh nghiệp tái bảo hiểm	Điều 77. Cập nhật thông tin của doanh nghiệp thành lập theo luật chuyên ngành 1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, sửa đổi, bổ sung hoặc thu hồi đăng ký của các doanh nghiệp hoạt động theo pháp luật chuyên ngành (sau đây gọi chung là cơ quan cấp phép chuyên ngành) có trách nhiệm cập nhật thông tin vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày cấp đăng ký thành lập, thay đổi nội dung hoặc thu hồi, giải thể. Các tổ chức này bao gồm tổ chức tín dụng, doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm và các tổ chức khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành (sau đây gọi chung là doanh nghiệp thành lập theo luật chuyên ngành). 2. Việc cập nhật thông tin doanh nghiệp thành lập theo luật chuyên ngành thực hiện thông qua kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu tự động giữa hệ thống thông tin của cơ quan cấp đăng ký chuyên ngành với Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp chưa thể thực	Sửa nội dung Điều 77 Dự thảo 2 theo Dự thảo LDN sửa đổi. Dự thảo LDN sửa đổi quy định: “Trường hợp doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo luật chuyên ngành thì cơ quan cấp đăng ký có trách nhiệm tích hợp, chia sẻ, cập nhật thông tin về đăng ký doanh nghiệp với Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.”

nước ngoài theo quy định tại khoản 3 Điều 71 Luật Kinh doanh bảo hiểm, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh cập nhật thông tin của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, chi nhánh doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. 3. Cơ quan đăng ký kinh doanh chỉ thực hiện việc cung cấp thông tin của tổ chức tín dụng sau khi thông tin đã được cập nhật trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định pháp luật.	hiện phương thức kết nối tự động hoặc phát sinh yêu cầu đặc thù, cơ quan cấp đăng ký chuyên ngành gửi thông tin cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh để cập nhật thông tin vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin về việc đăng ký thành lập, thay đổi nội dung hoặc thu hồi, giải thể của doanh nghiệp thành lập theo luật chuyên ngành, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh cập nhật thông tin vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.	
Điều 79. Phạm vi, các loại thông tin được cung cấp, chia sẻ	2. Cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm phối hợp, chia sẻ thông tin về tình hình hoạt động doanh nghiệp thường xuyên, liên tục để nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước như sau: a) Bộ Tài chính chia sẻ thông tin về tình hình hoạt động và nộp thuế của doanh nghiệp từ báo cáo thuế; báo cáo tài chính; thông tin về số lượng lao động đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của doanh nghiệp tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm; chậm đóng, trốn đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp của doanh nghiệp; b) Bộ Nội vụ chia sẻ thông tin về tình hình thay đổi lao động trong các doanh nghiệp tại các địa phương tại cơ sở dữ liệu của cơ quan quản lý nhà nước về lao động;	- Cập nhật tên một số cơ quan quản lý nhà nước thuộc Chính phủ do tổ chức lại bộ máy; - Bỏ khoản 3 Điều 77 dự thảo 1 do quy định này trùng với quy định tại khoản 1 Điều này.

	c) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chia sẻ, cung cấp một số thông tin về tình hình dư nợ, nhóm nợ của doanh nghiệp.	
Điều 80. Chia sẻ thông tin đăng ký doanh nghiệp cho cơ quan bảo hiểm xã hội và cơ quan được giao thẩm quyền quản lý nhà nước về lao động	3. Việc chia sẻ thông tin giữa Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh và cơ quan được giao thẩm quyền quản lý nhà nước về lao động thực hiện như sau: Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh chia sẻ thông tin về tên, mã số, địa chỉ, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, ngành, nghề kinh doanh chính và tổng số lao động dự kiến của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện được thành lập trên địa bàn cho Sở Nội vụ và Bộ Nội vụ để phục vụ quản lý nhà nước về lao động.	- Cập nhật tên một số cơ quan quản lý nhà nước thuộc Chính phủ do tổ chức lại bộ máy; - Bỏ khoản 4 Điều 78 dự thảo 1 do quy định này trùng với quy định chung về kết nối, chia sẻ thông tin quy định tại khoản 1 Điều 77 dự thảo này.
	Điều 81. Khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp 1. Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức cung cấp dịch vụ công được yêu cầu khai thác và sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với mục tiêu phục vụ quản lý nhà nước, thực hiện thủ tục hành chính thông qua việc kết nối, chia sẻ thông tin với Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. 2. Tổ chức, cá nhân không thuộc khoản 1 Điều này được yêu cầu khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và trả phí khai thác và sử dụng thông tin trong cơ	Bổ sung quy định mới về khai thác thông tin theo Luật Dữ liệu

	sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. 3. Bộ Tài chính quy định về mức phí khai thác và sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp đối với các trường hợp thuộc khoản 2 Điều này.	
II. SO SÁNH VỚI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH VỀ HỘ KINH DOANH ĐÃ TRÌNH		
Điều 20. Tình trạng pháp lý của hộ kinh doanh, địa điểm kinh doanh Các tình trạng pháp lý của hộ kinh doanh, địa điểm kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh bao gồm: 1. “Tạm ngừng kinh doanh” là tình trạng pháp lý của hộ kinh doanh, địa điểm kinh doanh đang trong thời gian tạm ngừng kinh doanh theo quy định tại Nghị định này. 2. “Bị thu hồi do cưỡng chế về quản lý thuế” là tình trạng pháp lý của hộ kinh doanh đã bị Cơ quan đăng ký kinh doanh eấp-huyện ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo đề nghị của Cơ quan quản lý thuế về thực hiện biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế. 3. “Đã chấm dứt hoạt động” là tình trạng pháp lý của hộ kinh doanh, địa điểm kinh doanh đã được Cơ quan đăng ký kinh doanh eấp-huyện ra thông báo về việc chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh, địa điểm kinh doanh. 4. “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký” là tình trạng pháp lý của hộ kinh doanh mà qua	Điều 98. Tình trạng pháp lý của hộ kinh doanh Các tình trạng pháp lý của hộ kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh bao gồm: 1. “Đang hoạt động” là tình trạng pháp lý của hộ kinh doanh đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh mà không thuộc tình trạng pháp lý quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này. 2. “Tạm ngừng kinh doanh” là tình trạng pháp lý của hộ kinh doanh đang trong thời gian tạm ngừng kinh doanh theo quy định tại Nghị định này. 3. “Bị thu hồi do cưỡng chế về quản lý thuế” là tình trạng pháp lý của hộ kinh doanh đã bị Cơ quan đăng ký kinh doanh <i>cấp xã</i> ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo đề nghị của Cơ quan quản lý thuế về thực hiện biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế. 4. “Đã chấm dứt hoạt động” là tình trạng pháp lý của hộ kinh doanh đã được Cơ quan đăng ký kinh doanh <i>cấp xã</i> ra thông báo về việc chấm	Chuyển khoản 6 lên đầu (tiếp thu ý kiến ĐBQH trong quá trình xây dựng dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp).

công tác kiểm tra, xác minh của Cơ quan thuế và các đơn vị có liên quan không tìm thấy hộ kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký. Thông tin về hộ kinh doanh không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký do Cơ quan thuế cung cấp cho Cơ quan đăng ký kinh doanh ~~cấp huyện~~. Việc chuyển tình trạng pháp lý và kết thúc tình trạng pháp lý này do Cơ quan thuế quyết định, trừ trường hợp hộ kinh doanh đang thuộc tình trạng pháp lý quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 5 Điều này. Cơ quan thuế có trách nhiệm gửi thông tin về tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký” của hộ kinh doanh, địa điểm kinh doanh cho Cơ quan đăng ký kinh doanh ~~cấp huyện~~. Cơ quan đăng ký kinh doanh ~~cấp huyện~~ ghi nhận, cập nhật tình trạng pháp lý do Cơ quan thuế cung cấp vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh.

5. “Đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động” là tình trạng pháp lý của hộ kinh doanh, địa điểm kinh doanh đã được Cơ quan đăng ký kinh doanh ~~cấp huyện~~ ra thông báo đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động.

6. “Đang hoạt động” là tình trạng pháp lý của hộ kinh doanh đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh mà không thuộc tình trạng pháp lý quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này, ~~là tình trạng pháp lý của địa điểm kinh doanh đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh mà không thuộc tình trạng pháp lý quy định tại các khoản 1 và 5~~

dứt hoạt động hộ kinh doanh.

5. “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký” là tình trạng pháp lý của hộ kinh doanh được Cơ quan thuế lập biên bản xác minh về việc không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký. Thông tin về hộ kinh doanh không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký do Cơ quan thuế cung cấp cho Cơ quan đăng ký kinh doanh *cấp xã*. Việc chuyển tình trạng pháp lý và kết thúc tình trạng pháp lý này do Cơ quan thuế quyết định, trừ trường hợp hộ kinh doanh đang thuộc tình trạng pháp lý quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 6 Điều này. Cơ quan thuế có trách nhiệm gửi thông tin về tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký” của hộ kinh doanh, địa điểm kinh doanh cho Cơ quan đăng ký kinh doanh *cấp xã*. Cơ quan đăng ký kinh doanh *cấp xã* ghi nhận, cập nhật tình trạng pháp lý do Cơ quan thuế cung cấp vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh.

6. “Đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động” là tình trạng pháp lý của hộ kinh doanh đã được Cơ quan đăng ký kinh doanh *cấp xã* ra thông báo đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động.

Điều này:		
Điều 30. Xác định nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh là giả mạo 1. Trường hợp có căn cứ xác định nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh là giả mạo, tổ chức, cá nhân, hộ kinh doanh, thành viên hộ gia đình có quyền đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập hộ kinh doanh, địa điểm kinh doanh là giả mạo hoặc hủy bỏ Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh được cấp trên cơ sở các thông tin thay đổi giả mạo, đồng thời có trách nhiệm cung cấp cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện một trong các văn bản quy định tại khoản 2 Điều này. 2. Văn bản xác định nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh là giả mạo bao gồm: a) Bản sao văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp văn bản trả lời văn bản do cơ quan đó cấp bị giả mạo; b) Bản sao văn bản trả lời của cơ quan công an về việc nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh là giả mạo. 3. Trường hợp cần xác định nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh là giả mạo, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện gửi văn	Điều 107. Xác định nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh là giả mạo 1. Trường hợp có căn cứ xác định nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh là giả mạo, tổ chức, cá nhân, hộ kinh doanh, thành viên hộ gia đình có quyền đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập hộ kinh doanh là giả mạo hoặc hủy bỏ Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh được cấp trên cơ sở các thông tin thay đổi giả mạo, đồng thời có trách nhiệm cung cấp cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã một trong các văn bản quy định tại khoản 2 Điều này. 2. Văn bản xác định nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh là giả mạo bao gồm: a) Bản sao văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp văn bản trả lời văn bản do cơ quan đó cấp bị giả mạo; b) Bản sao văn bản trả lời của cơ quan công an về việc nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh là giả mạo. 3. Trường hợp cần xác định nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh là giả mạo, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã gửi văn bản kèm theo hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh đến cơ quan quy định tại khoản 2 Điều này và thanh toán kịp thời, đầy đủ chi phí giám định theo quy	Bỏ “Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh”

bản kèm theo hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh đến cơ quan quy định tại khoản 2 Điều này và thanh toán kịp thời, đầy đủ chi phí giám định theo quy định của pháp luật. Các cơ quan có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về kết quả xác định theo đề nghị của Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.	định của pháp luật. Các cơ quan có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về kết quả xác định theo đề nghị của Cơ quan đăng ký kinh doanh <i>cấp xã</i> trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.	
Điều 31. Trình tự, thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh 1. Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập hộ kinh doanh là giả mạo theo văn bản quy định tại khoản 2 Điều 30 Nghị định này, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra thông báo về hành vi vi phạm và ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh. 2. Trường hợp hộ kinh doanh được thành lập bởi những người không được quyền thành lập hộ kinh doanh: a) Nếu hộ kinh doanh do một cá nhân thành lập và cá nhân đó không được quyền thành lập hộ kinh doanh theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định này thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra thông báo về hành vi vi phạm và ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; b) Nếu hộ kinh doanh do các thành viên hộ gia đình thành lập và có thành viên không được quyền thành lập hộ kinh doanh theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định này thì Cơ quan đăng	Điều 108. Trình tự, thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh 1. Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh là giả mạo a) Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập hộ kinh doanh là giả mạo, Cơ quan đăng ký kinh doanh <i>cấp xã</i> ra thông báo về hành vi vi phạm và ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy tờ quy định tại <i>khoản 2 Điều 107 Nghị định</i> này. b) Trường hợp hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh là giả mạo, Cơ quan đăng ký kinh doanh <i>cấp xã</i> ra thông báo về hành vi vi phạm của hộ kinh doanh và quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh của các lần đăng ký thay đổi được cấp trên cơ sở nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi là giả mạo trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy tờ quy định tại <i>khoản 2 Điều 107 Nghị định</i> này. Cơ quan đăng ký kinh doanh <i>cấp xã</i> đăng tải thông báo vi phạm của hộ kinh doanh trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký	- Khoản 1 điều chỉnh lại cách viết cho giống với cách viết của việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại Điều 68. - Bổ sung việc xử lý nội dung kê khai giả mạo trong hồ sơ có liên quan đến nhiều xã, địa bàn quản lý tại khoản 1. - Quy định cụ thể hơn việc xử lý hộ kinh doanh ngừng hoạt động trên 6 tháng mà không thông báo tại khoản 4.

ký kinh doanh ~~ấp huyện~~ ra thông báo yêu cầu hộ kinh doanh đăng ký thay đổi cá nhân đó trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ra thông báo. Nếu quá thời hạn trên mà hộ kinh doanh không đăng ký thay đổi thì Cơ quan đăng ký kinh doanh ~~ấp huyện~~ ra thông báo về hành vi vi phạm và ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

3. Trường hợp hộ kinh doanh không gửi báo cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 44 Nghị định này thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn quy định tại khoản 3 Điều 29 Nghị định này, Cơ quan đăng ký kinh doanh ~~ấp huyện~~ thông báo bằng văn bản về hành vi vi phạm và yêu cầu chủ hộ kinh doanh đến Cơ quan đăng ký kinh doanh ~~ấp huyện~~ để giải trình. Kết thúc thời hạn giải trình ghi trong thông báo mà người được yêu cầu không đến hoặc nội dung giải trình không được chấp thuận thì Cơ quan đăng ký kinh doanh ~~ấp huyện~~ ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn giải trình.

4. Trường hợp hộ kinh doanh ngừng hoạt động kinh doanh tại địa chỉ đăng ký quá 06 tháng mà không thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh ~~ấp huyện~~, Cơ quan thuế quản lý trực tiếp thì Cơ quan đăng ký kinh doanh ~~ấp huyện~~ thông báo bằng văn bản về hành vi vi phạm và yêu cầu chủ hộ kinh doanh đến Cơ quan đăng ký kinh doanh ~~ấp huyện~~ để giải trình. Kết thúc thời hạn giải trình ghi trong thông báo mà người

doanh nghiệp, thông báo cho Cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hành vi vi phạm của hộ kinh doanh để phối hợp quản lý và xử lý theo quy định của pháp luật, đồng thời cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trên cơ sở hồ sơ hợp lệ gần nhất trước đó.

Hộ kinh doanh có thể nộp lại hồ sơ để được xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh. Hộ kinh doanh có thể gộp các nội dung thay đổi hợp pháp của các lần đăng ký sau đó trong một bộ hồ sơ để được cấp một lần đăng ký thay đổi mới.

Trường hợp việc xử lý nội dung kê khai giả mạo có liên quan đến nhiều Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã trong phạm vi địa bàn quản lý thực hiện xử lý theo thẩm quyền đối với những hồ sơ đăng ký thay đổi đã chấp thuận, đồng thời, thông báo kết quả đến cơ quan thuế và các Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã khác có liên quan để tiếp tục phối hợp xử lý, quản lý hộ kinh doanh theo quy định.

2. Trường hợp hộ kinh doanh được thành lập bởi những người không được quyền thành lập hộ kinh doanh:

a) Nếu hộ kinh doanh do một cá nhân thành lập và cá nhân đó không được quyền thành lập hộ kinh doanh theo quy định tại *khoản 2 Điều 82 Nghị định* này thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo về hành vi vi phạm và ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng

được yêu cầu không đến hoặc nội dung giải trình không được chấp thuận thì Cơ quan đăng ký kinh doanh ~~ấp-huyện~~ ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn giải trình. Cơ quan đăng ký kinh doanh ~~ấp-huyện~~ có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trong việc xem xét nội dung giải trình hành vi vi phạm của hộ kinh doanh.

5. Trường hợp Tòa án yêu cầu Cơ quan đăng ký kinh doanh ~~ấp-huyện~~ thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh ~~ấp-huyện~~ ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trên cơ sở yêu cầu của Tòa án trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu.

6. Trường hợp Cơ quan đăng ký kinh doanh ~~ấp-huyện~~ nhận được văn bản đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh ~~ấp-huyện~~ thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 1 Điều này.

7. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày Cơ quan đăng ký kinh doanh ~~ấp-huyện~~ ra thông báo vi phạm, quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Cơ quan

ký hộ kinh doanh;

b) Nếu hộ kinh doanh do các thành viên hộ gia đình thành lập và có thành viên không được quyền thành lập hộ kinh doanh theo quy định tại *khoản 2 Điều 82 Nghị định* này thì Cơ quan đăng ký kinh doanh *cấp xã* ra thông báo yêu cầu hộ kinh doanh đăng ký thay đổi cá nhân đó trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ra thông báo. Nếu quá thời hạn trên mà hộ kinh doanh không đăng ký thay đổi thì Cơ quan đăng ký kinh doanh *cấp xã* ra thông báo về hành vi vi phạm và ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

3. Trường hợp hộ kinh doanh không gửi báo cáo theo quy định tại *khoản 6 Điều 21 Nghị định* này thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn quy định tại *khoản 3 Điều 106 Nghị định* này, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo bằng văn bản về hành vi vi phạm và yêu cầu chủ hộ kinh doanh đến Cơ quan đăng ký kinh doanh *cấp xã* để giải trình. Kết thúc thời hạn giải trình ghi trong thông báo mà người được yêu cầu không đến hoặc nội dung giải trình không được chấp thuận thì Cơ quan đăng ký kinh doanh *cấp xã* ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn giải trình.

4. Trường hợp hộ kinh doanh ngừng hoạt động kinh doanh tại địa chỉ đăng ký quá 06 tháng mà không thông báo với Cơ quan đăng ký kinh

đăng ký kinh doanh cấp huyện gửi thông báo vi phạm, quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đến trụ sở của hộ kinh doanh, đồng thời gửi sang Cơ quan thuế để cập nhật và phối hợp quản lý.

8. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đồng thời ra thông báo về việc hộ kinh doanh, địa điểm kinh doanh đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động, cập nhật tình trạng pháp lý của hộ kinh doanh và địa điểm kinh doanh sang tình trạng đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động, trừ trường hợp hộ kinh doanh bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh để thực hiện biện pháp cưỡng chế nợ thuế theo đề nghị của Cơ quan quản lý thuế. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện đăng tải thông báo vi phạm, quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và thông báo về việc hộ kinh doanh, địa điểm kinh doanh đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

9. Sau khi Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh thì hộ kinh doanh, địa điểm kinh doanh không được tiếp tục hoạt động kinh doanh. Hộ kinh doanh phải thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh, địa điểm kinh doanh theo quy định tại Điều 28 Nghị định này.

doanh cấp xã, Cơ quan thuế quản lý trực tiếp thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo bằng văn bản về hành vi vi phạm và yêu cầu chủ hộ kinh doanh đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã để giải trình. Kết thúc thời hạn giải trình ghi trong thông báo mà người được yêu cầu không đến hoặc nội dung giải trình không được chấp thuận thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn giải trình. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trong việc xem xét nội dung giải trình hành vi vi phạm của hộ kinh doanh.

Trường hợp cần xác định rõ hành vi vi phạm của hộ kinh doanh thuộc trường hợp thu hồi tại khoản này, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 21 Nghị định này.

5. Trường hợp Tòa án yêu cầu Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trên cơ sở yêu cầu của Tòa án trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu.

6. Trường hợp Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nhận được văn bản đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật,

trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 1 Điều này.

7. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày Cơ quan đăng ký kinh doanh *cấp xã* ra thông báo vi phạm, quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh *cấp xã* gửi thông báo vi phạm, quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đến trụ sở của hộ kinh doanh, đồng thời gửi sang Cơ quan thuế để cập nhật và phối hợp quản lý.

8. Cơ quan đăng ký kinh doanh *cấp xã* ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đồng thời ra thông báo về việc hộ kinh doanh đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động, cập nhật tình trạng pháp lý của hộ kinh doanh sang tình trạng đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động, trừ trường hợp hộ kinh doanh bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh để thực hiện biện pháp cưỡng chế nợ thuế theo đề nghị của Cơ quan quản lý thuế. Cơ quan đăng ký kinh doanh *cấp xã* đăng tải thông báo vi phạm, quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và thông báo về việc hộ kinh doanh đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

	9. Sau khi Cơ quan đăng ký kinh doanh <i>cấp xã</i> ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh thì hộ kinh doanh không được tiếp tục hoạt động kinh doanh. Hộ kinh doanh phải thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh theo quy định tại <i>Điều 105 Nghị định</i> này.	
Điều 32. Khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh sau khi hộ kinh doanh bị ra quyết định thu hồi 1. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra quyết định hủy bỏ quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đồng thời khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh của hộ kinh doanh trên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh trong các trường hợp sau đây: a) Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện xác định hộ kinh doanh không thuộc trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; b) Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nhận được văn bản của Cơ quan quản lý thuế đề nghị khôi phục lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh sau khi hộ kinh doanh bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh do cưỡng chế nợ thuế trong trường hợp hộ kinh doanh chưa chuyển sang tình trạng pháp lý đã chấm dứt hoạt động trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh. 2. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra	Điều 109. Khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh sau khi hộ kinh doanh bị ra quyết định thu hồi 1. Cơ quan đăng ký kinh doanh <i>cấp xã</i> ra quyết định hủy bỏ quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đồng thời khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh của hộ kinh doanh trên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh trong các trường hợp sau đây: a) Cơ quan đăng ký kinh doanh <i>cấp xã</i> xác định hộ kinh doanh không thuộc trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; b) Cơ quan đăng ký kinh doanh <i>cấp xã</i> nhận được văn bản của Cơ quan quản lý thuế đề nghị khôi phục lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh sau khi hộ kinh doanh bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh do cưỡng chế nợ thuế trong trường hợp hộ kinh doanh chưa chuyển sang tình trạng pháp lý đã chấm dứt hoạt động trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh. 2. Cơ quan đăng ký kinh doanh <i>cấp xã</i> ra quyết định hủy bỏ quyết định thu hồi và khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh cho hộ	- Sửa “cấp huyện” thành “cấp xã”

quyết định hủy bỏ quyết định thu hồi và khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh cho hộ kinh doanh trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày xác định hộ kinh doanh không thuộc trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc nhận được văn bản đề nghị của Cơ quan quản lý thuế. 3. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định hủy bỏ quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện gửi quyết định nêu trên đến trụ sở của hộ kinh doanh, đồng thời gửi thông báo về việc hủy bỏ quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và khôi phục tình trạng pháp lý của hộ kinh doanh cho Cơ quan quản lý thuế, đăng tải thông báo, quyết định trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.	kinh doanh trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày xác định hộ kinh doanh không thuộc trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc nhận được văn bản đề nghị của Cơ quan quản lý thuế. 3. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định hủy bỏ quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã gửi quyết định nêu trên đến trụ sở của hộ kinh doanh, đồng thời gửi thông báo về việc hủy bỏ quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và khôi phục tình trạng pháp lý của hộ kinh doanh cho Cơ quan quản lý thuế, đăng tải thông báo, quyết định trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.	
Điều 33. Thu hồi, khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh 1. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh trong các trường hợp sau đây: a) Nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập địa điểm kinh doanh là giả mạo; b) Địa điểm kinh doanh ngừng hoạt động kinh doanh tại địa chỉ đăng ký quá 06 tháng mà không thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện; c) Theo yêu cầu của Tòa án;		Bỏ Điều này do bỏ các quy định về trình tự, thủ tục liên quan đến địa điểm kinh doanh của hộ kinh doanh (trừ thủ tục thông báo địa điểm kinh doanh)

- d) Theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của luật.
2. Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập địa điểm kinh doanh là giả mạo theo văn bản quy định khoản 2 Điều 30 Nghị định này, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra thông báo về hành vi vi phạm và ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh.
3. Trường hợp địa điểm kinh doanh ngừng hoạt động kinh doanh tại địa chỉ đăng ký quá 06 tháng mà không thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thông báo bằng văn bản về hành vi vi phạm và yêu cầu chủ hộ kinh doanh đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện để giải trình. Kết thúc thời hạn giải trình ghi trong thông báo mà người được yêu cầu không đến hoặc nội dung giải trình không được chấp thuận thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn giải trình. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trong việc xem xét nội dung giải trình của chủ hộ kinh doanh về hành vi vi phạm.
4. Trường hợp Tòa án yêu cầu Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh, Cơ quan đăng ký

kinh doanh cấp huyện ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh trên cơ sở yêu cầu của Tòa án trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu.

5. Trường hợp Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nhận được văn bản đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thu hồi, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh theo quy định tại khoản 2 Điều này.

6. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra thông báo vi phạm, quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện gửi thông báo vi phạm, quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh đến trụ sở của hộ kinh doanh, đồng thời gửi sang Cơ quan thuế để cập nhật và phối hợp quản lý.

7. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh đồng thời ra thông báo về việc địa điểm kinh doanh đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động, cập nhật tình trạng pháp lý của địa điểm kinh doanh sang tình trạng đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện đăng tải thông báo vi phạm, quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng

ký địa điểm kinh doanh và thông báo về việc địa điểm kinh doanh đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. 8. Sau khi Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh, hộ kinh doanh phải chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh theo quy định tại Điều 28 Nghị định này. 9. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra quyết định hủy bỏ quyết định thu hồi và khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh theo quy định tại Điều 32 Nghị định này.		
Điều 34. Xử lý các trường hợp thực hiện không đúng quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục hoặc thông tin trong hồ sơ đăng ký thay đổi là giả mạo hoặc thông tin trong hồ sơ là không trung thực, không chính xác 1. Trường hợp Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện xử lý hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh hoặc ra thông báo, quyết định không đúng quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục tại Nghị định này, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thông báo tới hộ kinh doanh để biết, đồng thời thực hiện lại theo đúng quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục tại Nghị định này. 2. Việc xử lý trường hợp hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh, địa điểm kinh doanh là giả mạo thực hiện như sau: Trường hợp hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung	Điều 110. Xử lý các trường hợp thực hiện không đúng quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục hoặc thông tin trong hồ sơ là không trung thực, không chính xác 1. Trường hợp Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã xử lý hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh hoặc ra thông báo, quyết định không đúng quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục tại Nghị định này, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo tới hộ kinh doanh để biết, đồng thời thực hiện lại theo đúng quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục tại Nghị định này. 2. Việc xử lý trường hợp hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh kê khai không trung thực, không chính xác được thực hiện như sau: a) Trường hợp thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập hộ kinh doanh là không trung	- Chuyển cấp huyện thành cấp xã. - Bỏ “Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh”. - Khoản 2, xử lý hồ sơ giả mạo chuyển lên khoản 1 Điều 108 để giống cách viết của doanh nghiệp. - Bỏ sung việc xử lý nội dung kê khai giả mạo trong hồ sơ có liên quan đến nhiều xã, địa bàn quản lý tại khoản 1.

đăng ký hộ kinh doanh, ~~địa điểm kinh doanh~~ là giả mạo theo văn bản kết luận của cơ quan nêu tại khoản 2 Điều 30 Nghị định này, Cơ quan đăng ký kinh doanh ~~cấp huyện~~ ra thông báo về hành vi vi phạm của hộ kinh doanh và quyết định hủy bỏ Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, ~~Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh~~ được cấp trên cơ sở các thông tin thay đổi giả mạo. Cơ quan đăng ký kinh doanh ~~cấp huyện~~ đăng tải thông báo vi phạm của hộ kinh doanh trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Cơ quan đăng ký kinh doanh ~~cấp huyện~~ thông báo cho Cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hành vi vi phạm của hộ kinh doanh để phối hợp quản lý và xử lý theo quy định của pháp luật, đồng thời cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, ~~Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh~~ trên cơ sở hồ sơ hợp lệ gần nhất trước đó.

Hộ kinh doanh có thể nộp lại hồ sơ để được xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, ~~Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh~~. Hộ kinh doanh có thể gộp các nội dung thay đổi hợp pháp của các lần đăng ký sau đó trong một bộ hồ sơ để được cấp một lần đăng ký thay đổi mới.

3. Việc xử lý trường hợp hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, địa điểm kinh doanh kê khai không trung thực, không chính xác được thực hiện như sau:

thực, không chính xác, Cơ quan đăng ký kinh doanh ~~cấp xã~~ thông báo cho Cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phối hợp quản lý và xử lý theo quy định của pháp luật, đồng thời thông báo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh được cấp trên cơ sở hồ sơ đăng ký có thông tin kê khai không trung thực, không chính xác là không có hiệu lực. Cơ quan đăng ký kinh doanh ~~cấp xã~~ đăng tải thông báo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh không có hiệu lực trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Cơ quan đăng ký kinh doanh ~~cấp xã~~ yêu cầu hộ kinh doanh nộp hồ sơ mới thay cho hồ sơ đăng ký thành lập kê khai không trung thực, không chính xác theo quy định trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ra thông báo để được xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh. Hộ kinh doanh có thể gộp các nội dung thay đổi hợp pháp của các lần đăng ký thay đổi trong một bộ hồ sơ để được cấp một lần đăng ký thay đổi mới. Trường hợp hộ kinh doanh không nộp hồ sơ, Cơ quan đăng ký kinh doanh ~~cấp xã~~ yêu cầu hộ kinh doanh báo cáo theo quy định tại *khoản 6 Điều 21 Nghị định này*;

b) Trường hợp thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh là không trung thực, không chính xác, Cơ quan đăng ký kinh doanh ~~cấp xã~~ thông báo cho Cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phối hợp quản lý và xử lý theo quy định của pháp luật, đồng thời thông báo

a) Trường hợp thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập hộ kinh doanh, địa điểm kinh doanh là không trung thực, không chính xác, Cơ quan đăng ký kinh doanh ~~cấp huyện~~ thông báo cho Cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phối hợp quản lý và xử lý theo quy định của pháp luật, đồng thời thông báo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, ~~Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh~~ được cấp trên cơ sở hồ sơ đăng ký có thông tin kê khai không trung thực, không chính xác là không có hiệu lực. Cơ quan đăng ký kinh doanh ~~cấp huyện~~ đăng tải thông báo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, ~~Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh~~ không có hiệu lực trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Cơ quan đăng ký kinh doanh ~~cấp huyện~~ yêu cầu hộ kinh doanh nộp hồ sơ mới thay cho hồ sơ đăng ký thành lập kê khai không trung thực, không chính xác theo quy định trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ra thông báo để được xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, ~~Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh~~. Hộ kinh doanh có thể gộp các nội dung thay đổi hợp pháp của các lần đăng ký thay đổi trong một bộ hồ sơ để được cấp một lần đăng ký thay đổi mới. Trường hợp hộ kinh doanh không nộp hồ sơ, Cơ quan đăng ký kinh doanh ~~cấp huyện~~ yêu cầu hộ kinh doanh báo cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 44 Nghị định này;

b) Trường hợp thông tin kê khai trong hồ sơ

Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh được cấp trên cơ sở hồ sơ đăng ký có thông tin kê khai không trung thực, không chính xác là không có hiệu lực và cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trên cơ sở hồ sơ hợp lệ liền kề trước hồ sơ kê khai không trung thực, không chính xác. Cơ quan đăng ký kinh doanh ~~cấp xã~~ đăng tải thông báo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh không có hiệu lực trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Hộ kinh doanh có thể nộp hồ sơ mới để được xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh. Hộ kinh doanh có thể gộp các nội dung thay đổi hợp pháp của các lần đăng ký thay đổi liền kề sau hồ sơ kê khai không trung thực, không chính xác trong một bộ hồ sơ để được cấp một lần đăng ký thay đổi mới.

Trường hợp việc xử lý nội dung kê khai không trung thực, không chính xác có liên quan đến nhiều Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã trong phạm vi địa bàn quản lý thực hiện xử lý theo thẩm quyền đối với những hồ sơ đăng ký thay đổi đã chấp thuận, đồng thời, thông báo kết quả đến cơ quan thuế và các Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã khác có liên quan để tiếp tục phối hợp xử lý, quản lý hộ kinh doanh theo quy định.

đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh, địa điểm kinh doanh là không trung thực, không chính xác, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thông báo cho Cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền đề phối hợp quản lý và xử lý theo quy định của pháp luật, đồng thời thông báo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, ~~Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh~~ được cấp trên cơ sở hồ sơ đăng ký có thông tin kê khai không trung thực, không chính xác là không có hiệu lực và cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, ~~Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh~~ trên cơ sở hồ sơ hợp lệ liền kề trước hồ sơ kê khai không trung thực, không chính xác. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện đăng tải thông báo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, ~~Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh~~ không có hiệu lực trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Hộ kinh doanh có thể nộp hồ sơ mới để được xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, ~~Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh~~. Hộ kinh doanh có thể gộp các nội dung thay đổi hợp pháp của các lần đăng ký thay đổi liền kề sau hồ sơ kê khai không trung thực, không chính xác trong một bộ hồ sơ để được cấp một lần đăng ký thay đổi mới.

Điều 43. Trách nhiệm quản lý nhà nước về đăng ký hộ kinh doanh

1. Bộ Tài chính

Bỏ Điều này và gộp trong Điều 22 dự thảo 2.

- | | | |
|--|--|--|
| <p>a) Trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về đăng ký hộ kinh doanh; ban hành theo thẩm quyền văn bản hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về công tác đăng ký hộ kinh doanh;</p> <p>b) Hướng dẫn, đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cơ quan đăng ký kinh doanh; hướng dẫn cơ quan đăng ký kinh doanh thực hiện việc số hóa hồ sơ, chuẩn hóa, chuyển đổi dữ liệu, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hộ kinh doanh tại địa phương vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh;</p> <p>c) Theo dõi, giám sát Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thực hiện nghiệp vụ về đăng ký hộ kinh doanh;</p> <p>d) Cung cấp thông tin đăng ký hộ kinh doanh, tình trạng pháp lý và các thông tin khác của hộ kinh doanh lưu trữ tại Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh cho các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan có liên quan khác theo quy định của pháp luật;</p> <p>d) Tổ chức xây dựng, quản lý, vận hành, phát triển Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh; hỗ trợ Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện, hộ kinh doanh, người thành lập hộ kinh doanh và tổ chức, cá nhân khác trong việc sử dụng Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh;</p> <p>e) Thực hiện liên thông thủ tục đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đối với hộ kinh doanh, kết nối giữa Hệ thống thông tin về đăng ký hộ</p> | | |
|--|--|--|

kinh doanh và Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế nhằm cung cấp mã số hộ kinh doanh; trao đổi thông tin về tình hình hoạt động và nộp thuế của hộ kinh doanh, địa điểm kinh doanh;

g) Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đăng ký hộ kinh doanh.

h) Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được phân công có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước đối với hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật; thực hiện kết nối, liên thông và chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh phục vụ công tác quản lý nhà nước đối với hộ kinh doanh; hướng dẫn thực hiện pháp luật về điều kiện đầu tư kinh doanh; kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm việc chấp hành các điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước.

3. Ủy ban nhân dân các cấp

a) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm quy định mức thu nhập thấp áp dụng trên phạm vi địa phương mình quản lý; bố trí đủ nhân lực, kinh phí và nguồn lực khác cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện để đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Nghị định

này;

b) Thực hiện quản lý nhà nước về đăng ký hộ kinh doanh theo thẩm quyền, thực hiện các giải pháp về phát triển hộ kinh doanh trong chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

c) Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm kết nối, liên thông và chia sẻ thông tin với Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh.

4. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp không được ban hành các quy định, văn bản về đăng ký hộ kinh doanh áp dụng riêng cho ngành hoặc địa phương mình.

5. Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính

a) Hướng dẫn Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký hộ kinh doanh;

b) Kiểm tra, giám sát Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn về đăng ký hộ kinh doanh;

c) Định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ Tài chính, các cơ quan liên quan về tình hình đăng ký hộ kinh doanh trên địa bàn theo quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước.

Điều 44. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện 1. Giải quyết việc đăng ký hộ kinh doanh; trực tiếp nhận hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh; xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và cấp hoặc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh theo quy định của pháp luật. 2. Hướng dẫn hộ kinh doanh và người thành lập hộ kinh doanh về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký hộ kinh doanh; xem xét ghi nhận ngành, nghề kinh doanh vào Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh và thông báo cho Bộ Tài chính theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 10 Nghị định này. 3. Phối hợp xây dựng, quản lý, vận hành Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh hoạt động trên phạm vi địa bàn; định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện, Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính và các cơ quan liên quan về tình hình đăng ký hộ kinh doanh trên địa bàn theo quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước. 4. Cung cấp thông tin về đăng ký hộ kinh doanh trên phạm vi địa bàn cho các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan có liên quan khác theo quy định của pháp luật. 5. Trực tiếp kiểm tra, giám sát hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, giám sát hộ kinh doanh theo nội dung trong hồ sơ	Điều 21. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan đăng ký kinh doanh <i>cấp xã</i> 1. Giải quyết việc đăng ký hộ kinh doanh; trực tiếp nhận hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh; xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và cấp hoặc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật. 2. Hướng dẫn hộ kinh doanh và người thành lập hộ kinh doanh về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký hộ kinh doanh; xem xét ghi nhận ngành, nghề kinh doanh vào Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh và thông báo cho Bộ Tài chính theo quy định tại <i>điểm d khoản 3 Điều 89 Nghị định</i> này. 3. Phối hợp xây dựng, quản lý, vận hành Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh hoạt động trên phạm vi địa bàn; định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân <i>cấp xã</i>, Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính và các cơ quan liên quan về tình hình đăng ký hộ kinh doanh trên địa bàn theo quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước. 4. Cung cấp thông tin về đăng ký hộ kinh doanh trên phạm vi địa bàn cho các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan có liên quan khác theo quy định của pháp luật. 5. Trực tiếp kiểm tra, giám sát hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, giám sát hộ kinh doanh theo nội dung trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh.	- Chuyển cấp huyện thành cấp xã. - Bỏ “Giấy chứng nhận địa điểm kinh doanh”.
--	--	--

đăng ký hộ kinh doanh. 6. Yêu cầu hộ kinh doanh báo cáo về việc tuân thủ các quy định về hộ kinh doanh tại Nghị định này để thực hiện công tác quản lý nhà nước. 7. Yêu cầu hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc hộ kinh doanh, địa điểm kinh doanh kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện nhưng không đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật. 8. Thu hồi, khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh theo quy định tại Nghị định này. 9. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan thực hiện việc số hóa, chuẩn hóa, chuyển đổi dữ liệu, cập nhật, bổ sung thông tin có liên quan đến đăng ký hộ kinh doanh theo quy định pháp luật tại địa phương vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh.	6. Yêu cầu hộ kinh doanh báo cáo về việc tuân thủ các quy định về hộ kinh doanh tại Nghị định này để thực hiện công tác quản lý nhà nước. 7. Yêu cầu hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc hộ kinh doanh kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện nhưng không đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật. 8. Thu hồi, khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định tại Nghị định này. 9. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan thực hiện việc số hóa, chuẩn hóa, chuyển đổi dữ liệu, cập nhật, bổ sung thông tin có liên quan đến đăng ký hộ kinh doanh theo quy định pháp luật tại địa phương vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh.	
Điều 13. Sử dụng thông tin cá nhân được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trong thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh 1. Chủ hộ kinh doanh có nghĩa vụ kê khai các thông tin về họ và tên, ngày, tháng, năm sinh, số định danh cá nhân của mình và thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh chính xác so với các	Điều 92. Sử dụng thông tin cá nhân được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trong thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh 1. Chủ hộ kinh doanh có nghĩa vụ kê khai các thông tin về họ và tên, ngày, tháng, năm sinh, số định danh cá nhân, <i>giới tính</i> của mình và thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh chính xác so với	Bổ sung thông tin phải kê khai: giới tính để đảm bảo thực hiện quy định về việc chủ hộ kinh doanh kê khai được thông tin của thành viên hộ gia đình trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh.

thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và đồng ý chia sẻ thông tin cá nhân được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện, Cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh để phục vụ công tác quản lý nhà nước về đăng ký hộ kinh doanh theo quy định. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai có sai khác so với thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, chủ hộ kinh doanh hoặc các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để hiệu chỉnh thông tin trước khi thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh.

các thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và đồng ý chia sẻ thông tin cá nhân được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã, Cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh để phục vụ công tác quản lý nhà nước về đăng ký hộ kinh doanh theo quy định. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai có sai khác so với thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, chủ hộ kinh doanh hoặc các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để hiệu chỉnh thông tin trước khi thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh.